

**LAI QUẢ THIỀN SƯ
THIỀN THẮT KHAI THỊ LỤC**

Thích Duy Lực

--o0o--

TIỂU SỬ THIỀN SƯ LAI QUẢ

Sư tên Diệu Thọ tự Lai Quả, hiệu là Tịnh Như, con nhà nông họ Lư, quê ở huyện Hoàng Cương, tỉnh Hồ Bắc.

Năm lên bảy, Sư nghe vị Tăng bên cạnh tụng câu "Vô trí diệc vô đắc" trong Tâm Kinh, Sư có tỉnh ngộ.

Năm 12 tuổi, Sư có chí thoát trần, trốn đi xuất gia, bị người anh tìm bắt trở về.

Năm 15 tuổi, Hòa thượng Đại Trí dạy lấy niệm Phật để liễu thoát sanh tử, Sư bèn niệm Phật thành phiến, cho đến ngủ chiêm bao cũng vẫn lớn tiếng niệm Phật. Hòa thượng nói: Đây là chân thật niệm Phật. Vậy niệm Phật là người nào? Ông biết không?

Sư không đáp được.

Hòa thượng nói: Đợi ông tìm ra người niệm Phật, ta sẽ nói chuyện với ông.

Năm 18 tuổi, Sư cắt gan trị bệnh cho cha.

Năm Ất Tị (1905 TL) Sư 25 tuổi đi hành hương ở núi Phổ Đà, gặp một vị Tăng khổ hạnh, Sư cảm kích bèn xuống tóc ở núi Bảo Hoa, Sư bị Chư Tăng trong Chùa hành hạ khổ sở chẳng xiết, trốn đến bờ sông, nhiều ngày bị nhện đói, cùng với chó hoang ở chung, muốn đâm đầu xuống sông tự vận, bỗng gặp vị Tăng ở Chùa Di Đà ở Kinh Khẩu cứu kịp. Sư theo vị Tăng ấy đến Chùa Kim Sơn, song vì chưa thông thuộc quy củ nên một hôm bị đánh hơn bốn trăm hương bản.

Ngày 26-9 năm Quang Tự thứ 34 (1908 TL), Sư nghe tiếng mõ khai tịnh sau thời khóa công phu buổi chiều tối, hoát nhiên thoát lạc như buông gánh nặng ngàn cân, đánh mất cái mũi mẹ sanh, khóc to chẳng nín, hư không trên trời, nước chảy dưới đất, tất cả trệ ngại hoàn toàn tiêu hết, cơ dụng hiện tiền có hỏi liền có đáp. Hòa thượng, Ban thủ đến tận nơi khen ngợi.

Một hôm Từ Bản lão nhân đưa cái khăn tay ra làm thế rửa mặt, hỏi Sư: Là cái gì?

Sư nói: Đã dư chiếc khăn tay rồi.

Từ lão nhân chẳng đáp mà lui.

Sư từ đây càng tận trọng. Sư từng được sung chức phạn đầu, hết sức phụng sự nhà Chùa một cách tiết kiệm. Thủ tọa khuyên Sư đảm nhiệm chức vụ Ban thủ. Sư tự thấy mình còn kém bèn trốn sang Chùa Cao Môn, cũng bị đảm nhiệm chức vụ Ban thủ. Sư bỗng có ý du phương đi ẩn tu ở núi Chung Nam, gặp Cư sĩ Cao Hạp Niên hỏi thúc trở về Nam.

Sư trở về Chùa Cao Môn, Tổ Nguyệt Lăng sai Minh Hiên lão nhân chọn ngày truyền pháp cho Sư. Lúc lâm chung, Tổ nắm tay buộc Sư phải phát nguyện "Sống làm người Cao Môn, chết làm quỷ Cao Môn".

Sau khi nhậm chức trụ trì, Sư khôi phục lại quy chế cũ, lấy việc kiến thiết sửa sang bảo tháp, đại điện, thiền đường, diên thọ đường, như ý liêu, năm công trình lớn này làm chí nguyện, song cho đến khi tịch mà chưa viên mãn. Sư mong ước thừa nguyện

lực tái lai để tiếp tục công trình cho hoàn tất. Chỉ có Cổ Lương Đình là làm xong, phong cảnh thanh-u, làm tăng thêm pháp hỷ cho người.

Sư thuận theo lời khẩn thiết thỉnh cầu của các nơi, y theo lệ trước của Triệt Tổ Thiên Tuệ soạn quyển Tự Hành Lục ghi lại đầy đủ hành trạng cả một cuộc đời khôi vĩ dị thường của Sư. Quyển sách này đã được ấn hành phục trong bộ Ngũ Lục.

Sư thân hình cao lớn trắng trẻo, mắt nhỏ, tiếng to. Từ 50 tuổi về sau, Sư hành hạnh đầu đà, và nếu chí mình chưa toại thì chẳng cạo bỏ râu tóc để đau đầu nhớ mãi chí nguyện của mình, nhưng nghi biểu lại càng oai nghiêm, tánh tình cứng cỏi chân thật, gặp việc thì cố gắng hết sức làm, khiến cho ý không tốt của người tự tiêu tan. Cả đời Sư chỉ lấy hoằng pháp, ngộ đạo làm nhiệm vụ, đánh hết đều dung, chuông trống xen nhau, chưa từng có chút lười mỏi. Đương thời, Hòa thượng Hư Vân là người được sự trọng vọng trong Tông Môn, tuy lớn tuổi hơn Sư mà cùng với Sư khế hợp không gián cách.

Có một lần, nhà Chùa cần muốn hóa duyên để sửa tháp, Sư nhóm họp đồ chúng lại luận bàn, trong số chúng có mấy người phát nguyện lãnh trách nhiệm đi các nơi hóa duyên. Có một vị Tăng đến Vũ Hán cảm động sự phát tâm của thí chủ bèn tự chặt cánh tay để đền đáp, mọi người xa gần đều kinh ngạc ngợi khen.

Sư tịch ở Thượng Hải, linh cữu đưa về Chùa Cao Môn, làng lân cận có một bà lão phật tử tự chặt một ngón tay sai con mang đến trước linh cữu cúng dường. Chánh pháp cảm người vừa sâu rộng vừa lâu dài nên người nhờ sự giáo hóa của Sư mà làm được như vậy.

Sư sanh vào giờ dần, ngày 2-7 năm Tân Ty (1881 TL) nhằm năm Quang Tự thứ bảy, diệt độ vào giờ dần, ngày 17-10 năm Quý Tị (1953 TL). Sư thọ 75 tuổi, tăng lạp 49 xuân, giới lạp 49 hạ, pháp lạp 39 thu, trụ trì 35 đông.

Ngày mùng một tháng 11, linh cữu từ tinh thất ở Thượng Hải được đưa về Chùa, mùng 8 tháng chạp trà tỳ, bốn chúng vân tập đau buồn thương tiếc như đưa đám ma cha mẹ. Xả-lợi rất nhiều, sáng như lưu ly năm màu chói lợi. Giờ Thìn ngày 4-4 năm sau nhập tháp rồi cất đỉnh ở bốn tự (Cao Môn) để thờ tháp Xả Lợi.

THIÊN THẤT KHAI THỊ LỤC PHÁP NGŨ KHỞI THẤT

Phật lịch 2486, tức năm Dân Quốc thứ 31 (1942) âm lịch năm Nhâm Ngọ. Khai thị thiên thất trong thời kỳ tháng mùa đông kiết chế, khởi đầu từ ngày 15 tháng 10 đến ngày 27 tháng chạp tại Chùa Cao Môn, sông Tam Xoa, đất Dương Châu, tỉnh Giang Tô.

Sư cầm hương bản nói rằng:

Lư khai đại dã chính tư thời,
Vạn thánh thiên hiền tổng tận tri.
Thiết ngạch đồng đầu tề hạ luyện,
Hư không ngỗ lịch mạc nghi trì.
Trùng thiên thám, mãnh gia truy,
Thái không phá hậu mạc đình chùy.
Trục đãi sinh tiền thoát lạc tận,

Khoái tương tự kỷ tróc sinh hồi.

Khởi!

Tạm dịch:

Mở lò đai luyện vàng chính là lúc này,

Muôn Thánh ngàn Hiền đều biết cả.

Những kẻ cứng đầu, cứng cổ đều phải bỏ vào lò luyện,

Không phân biệt hư không hay ngói bể đều không được chậm trễ.

Hãy thêm than, thổi cho mạnh nữa,

Mặc dù đập bể hư không rồi cũng không ngưng chùy.

Cho đến sinh tiền đầu rơi thoát sạch hết,

Mau mau tìm bắt cái bản lai của mình về.

Khởi Thất:

Hôm nay nhà Chùa vì các ông khởi thất cho nên một số người phải bận rộn: Thiên đường, ngoại liêu, thủ lĩnh, hành đơn cho đến những người ở ngoài Chùa đều rất bận rộn. Vì các ông đã thất, chẳng những người trong ngoài Chùa bận rộn mà có lẽ thập phương Chư Phật, Chư Đại Bồ Tát, Hộ Pháp Long Thiên cũng bận rộn không xiết. Nói chung ấy là vì các ông đã thất.

Ta hỏi các ông: Đã thất là làm việc gì sao lại làm bao nhiêu người bận rộn như vậy? Cái đó còn chẳng kể làm gì, ngay cả thập phương Chư Phật, Chư Đại Bồ Tát, Hộ Pháp Long Thiên so với chúng ta lại còn bận rộn hơn nữa, bận rộn việc gì vậy, các ông có người nào biết được không? Đã thất là làm cái việc gì? Có lẽ có người còn chẳng hiểu được. Trong lòng các ông nói rằng “Những cực khổ lúc bình thường đã quá lắm rồi, nay lại còn phải đã thất. Thầy nói nghe thì hay đấy, vì chúng tôi đã thất, lại nói thập phương Chư Phật, Chư Đại Bồ Tát, Lịch Đại Tổ Sư, Hộ Pháp Long Thiên đều vì chúng tôi mà bận rộn. Bận rộn là bận rộn việc gì, chẳng qua chỉ đem đến thêm chút khổ nữa cho chúng tôi phải chịu đựng chứ có việc gì khác nữa đâu!”

Đúng thật đáng thương xót! thương xót không thể nói được. Các ông tuy ngu mê như thế nhưng ta vẫn chiếu theo quy củ của nhà Chùa để làm việc. Các ông phải hiểu được là: Quy củ đã thất rất nghiêm khắc, khác với lúc bình thường. Vậy khác ở chỗ nào? Ấy là ngày nay các ông xin phép sanh tử ở các vị Tổ quá khứ và cũng xin phép sanh tử với ta, ta hứa cho phép sanh tử, vậy sanh tử các ông nằm trong hai tay ta, muốn cho các ông sống thì sống, muốn cho chết thì chết. Đứng ngay chỗ này chết. Lúc bình thường sắc thân các ông giao nhà Chùa còn tính mệnh phó cho Long Thiên, trong thời kỳ đã thất thì không như vậy, sắc thân, tính mệnh đều giao trọn trong tay ta. Quy củ nghiêm khắc là như thế nào? Ta đại khái đem ra nói cho các ông nghe. Từ nay về sau trong thời kỳ đã thất, Tăng chúng và các vị hành đơn đều không chấp tay chào các vị Dục na, không hỏi thăm Ban thủ, cũng không chấp tay hỏi thăm ta. Trong thời kỳ đã thất, Phật cũng chẳng lay, hương cũng chẳng đốt, thì các ông chấp tay hỏi thăm để làm gì? Ta vì các ông nói trước thế này: Việc lớn hơn hết là bệnh nặng, việc lớn nhất đã không có rồi, nói gọn lại là bệnh. Một khi có bệnh thì chẳng phải là chấp tay xin Dục na cho nghỉ sao? Vị Dục na không dám cho nghỉ có phải chấp tay xin Ban thủ chăng? Không được, vị Ban thủ lại dám cho các ông nghỉ bệnh ư? Chẳng những là phép nghỉ bệnh, nghỉ chày hương, nghỉ kinh hành cho đến hết thấy các việc nghỉ

phép, Ban thủ, Duy na đại khái đều không dám to gan như thế đâu. Vì sao vậy? Các ông xin phép sanh tử, không phải xin Ban thủ, Duy na mà phải xin ta, các vị kia dám thay ta cho phép ư? Vậy khi nào có bệnh thì làm cách nào? Chẳng có cách nào hết, sống cũng đã thất, chết cũng đã thất, mạnh cũng đã thất, đau cũng đã thất, chung quy là đã thất. Ngay khi bệnh nặng, đứng cũng chẳng nổi thì làm sao chạy được? Nếu các ông thực đã đến lúc chẳng còn có thể chạy được đi nữa thì phải đem thân thể các ông quăng xuống đáy quảng đơn (giường ngủ chung của đại chúng). Các ông bệnh cũng được, sống cũng được, chết cũng được, đợi sau khi giải thất thì mới đưa đi chôn, dù năm người hay ba người cũng quăng xuống đáy quảng đơn. Đây là cách giải quyết kẻ có bệnh. Lại nữa, các ông trong thời kỳ đã thất, đi hương, ngồi hương, quả đường cho đến đại tiện tiện mà quày đầu một cái, hoặc cười đùa, như thế thì ta bảo các ông biết: Các ông phải mất mạng đó. Thế là sao? Một khi các ông đã đến thiên đường thì hương bản của các vị Ban thủ, Duy na đều quay về các ông mà đập xuống. Một, hai chục hương bản chẳng kể đâu, mắt, tai cứ đánh hết, đánh rồi mà không chết vẫn phải đã thất. Nếu như đánh các ông bị thương thì làm cách nào? Thì cũng phải liệng các ông xuống đáy quảng đơn. Sau khi giải thất rồi thì đem đi chôn một lượt. Chẳng phải như lúc bình thường đánh chết rồi đem đi chôn, đánh bị thương rồi thì đưa vào liêu như ý (nhà y tế ở tông lâm).

Thời kỳ đã thất thì không như thế. Vậy thì Chùa Cao Môn đánh chết người chẳng coi việc đó ra gì sao? Những năm qua trong thời kỳ đã thất cũng có mấy người bị đánh chết, đây là việc bình thường chẳng có gì là lạ. Ta đã cáo các ông nhiều rồi: những quy củ nào ta đã giao rõ cho thì các ông phải làm đúng như thế, chẳng vì tình riêng tư, không được sai chạy một chút. Ta nói gọn lại một câu: Có bệnh gần chết không được xin nghỉ bệnh, chết rồi liền đem quăng xuống đáy quảng đơn. Phạm quy củ đánh chết rồi cũng quăng xuống đáy quảng đơn. Ta đã dặn dò các ông rõ ràng, may may không được sai chạy. Lại nữa, lúc bình thường, các ông trong khi tịnh muốn đi ngoài thì xin phép với Duy na, Duy na đánh sáu hương bản thì có thể mở cửa đi ra được. Trong thời kỳ thiên thất chẳng cho như vậy, vì rằng một ngày 12 nén hương thì có thể 24 lần đi ra ngoài. Dù cho các ông có đau bụng muốn đi ngoài thì có ít nhiều thì giờ để đi chẳng? Bất cứ cây hương nào cũng không cho phép mở cửa. Các ông dù có ia ngay ra quần hay ia trên nệm ngồi thì cũng không quái lạ gì các ông cả, ia ra trên nệm thì có thể được chứ mở cửa thì không thể được. Các ông phải lưu tâm. Đã thất là làm việc gì? Các ông phải hiểu cho rõ ràng, không có gì hơn ngoài việc tham thiền, ngộ đạo, liễu sanh thoát tử. Muốn tham thiền mà chẳng tham câu thoại đầu thì không được. Muốn liễu thoát sanh tử thì cũng tham câu thoại đầu thì mới liễu được. Các ông phải phát tâm đi. Hãy tham.

Khai thị: Ngày 16 tháng 10 (thất đầu ngày đầu).

"Lương y chi môn bệnh giả đa" (Thầy thuốc giỏi nhiều bệnh nhân đến). Người đời khi có bệnh đều phải đến thầy thuốc, ông bệnh nào thì lương y cho ông uống thuốc nấy, ông ta theo chứng bệnh mà cấp thuốc đến khi bệnh dứt được, đó là lý lẽ nhất định của pháp thế gian, pháp xuất thế gian cũng như vậy. Chúng ta từ vô lượng kiếp cứ mắc bệnh mãi cho đến ngày nay, hết thầy người đời chỉ biết sự đau đớn trên xác thân mình, còn một thứ đại bệnh mà chẳng biết tí nào cả. Người thế tục chẳng biết có cái đại bệnh này thì còn nói được đi vì họ từ mê này vào mê khác, thiện căn ít nên không thể lạ gì họ, các ông là người dụng công tu đạo, liễu thoát sanh tử mà tại sao lại cũng giống họ vậy? Các ông cứ cho mình tốt hơn người thế tục. Ta hỏi các ông "Có bệnh không?" Các ông nghe hỏi vậy trong lòng không vui, nghĩ "Người khỏe mạnh tại sao hỏi có bệnh hay không? Từ sáng đến tối ăn mấy tô cơm, trà cũng uống, nước cũng

uống thì có bệnh gì; có bệnh thì có chỗ nào tốt đâu?" Đúng đấy, thực là khổ sở lắm! Cái bệnh lớn như thế thì cũng loàng xoàng mà qua đi thôi. Ta thấy các ông như thế trong lòng thật bất nhẫn tỳ như: một nhà thương lớn có giám đốc, có y sĩ, người đến, người đi đều là để khám bệnh. Bác sĩ hỏi ông "Có bệnh không?" Ông nói "Có bệnh" Ông ta hỏi "Bệnh gì?" Ông nhất định nói "Nhức đầu, ăn cơm không được" cho đến những thứ bệnh khác. Bác sĩ liền theo lời ông và sự bắt mạch của ông ta mà cấp thuốc cho ông. Ông cầm lấy thuốc uống luôn không kể là cái gì chỉ mong khỏi bệnh, thầy thuốc nhất định muốn ông phải uống, uống rồi thì chung quy muốn khỏe mạnh.

Thiền đường của chúng ta đây cũng như bệnh viện, các ông đến là để chữa bệnh cho nên hỏi các ông bệnh gì, các ông còn nói là không có bệnh chẳng? Các ông đương nhiên nói "Có bệnh". Ta lại hỏi các ông "Mắc bệnh gì?" E rằng các ông không có người trả lời cho xuôi được, có bệnh gì các ông chẳng nói ra nguyên do căn bệnh thì ta làm sao ra toa được? Ông không nói thì ta có biện pháp gì? Một số các ông biết được chút ít thì cứ nói chút ít thì ta cũng có thể cấp thuốc cho các ông uống. Nhưng mà một chút các ông cũng chẳng biết thì ta có biện pháp nào? Nay các sư, mắc cái đại bệnh này mà chẳng biết, lại quay lưng với đạo, càng chạy càng xa. Trong lúc các ông lại còn có vài người cứ cho là "nói bệnh lớn với bệnh nhỏ gì, chúng tôi lại đây là để xem nề nếp nhà Chùa, đến là để tham học, xem qua cách thức gia hương đã thất, biết được chút ít là được rồi". Có khá nhiều vị nghĩ như thế đó. Bởi vì các ông không triệt để biết được mình vốn có cái đại bệnh ghê gớm, cái đại bệnh không trị không được. Chỉ sau khi các ông biết được triệt để cái đại bệnh này thì các ông mới có thể biết được cái lợi hại của bệnh không trị không được, phải uống thuốc. Giả sử các ông không biết cái bệnh này thì còn nói gì chuyện uống thuốc. Bệnh viện này cũng chẳng cần ở. Bởi vì các ông không biết mình có bệnh nên chẳng quan tâm gì đến việc đau đớn, không uống thuốc hình như cũng chẳng có việc gì, thế còn phải ở lại bệnh viện để làm chi?

Nay ta cho các ông biết: đại bệnh này là "sinh tử đại bệnh". Đại bệnh này nhất định phải trị, nhất định phải uống thuốc. Các ông phải hiểu được: hôm nay đến được chỗ này quả không phải là dễ đâu, ấy là do sự bồi đắp từ kiếp trước. Cái thân người này không dễ gì có được, phải trải qua bao đại kiếp ở trong các loài khác đến nay mới có được cái thân người này! Ta lại để thân này trôi qua, há chẳng phải là để phí phạm đi mất sự vun trồng của đời trước sao? Phải biết rằng: thân này không phải là trường cửu, cho là 100 năm mà nay chúng ta đã trải qua mấy chục năm rồi, thời gian còn lại có được bao nhiêu ngày? Huống nữa đời người chỉ trong hơi thở, cứ khi miệng không hít không thở ra nữa là khổ rồi! Nay chúng ta lại gặp cơ duyên tốt này, nên lo sao cho thiết thực làm một phen thì mới không phí phạm kiếp làm người, mới biết được sinh tử là đại bệnh của chúng ta. Cái sinh tử đại bệnh này không giống với đại bệnh ở thế gian, không uống thuốc câu thoại đầu thì không được. Các ông hãy đề lên câu thoại đầu mà tham đi!

Khai thị: Ngày 17 tháng 10 (thất đầu ngày thứ nhì).

Đã thất làm cái gì? Chẳng có gì khác hơn là tinh tiến. Ta nói ngay ra là "chân" tinh tiến. Tại sao đã thất lại là "chân" tinh tiến? Bình thường cũng cho là các ông cũng có thể tinh tiến được nhưng chung quy lại không lâu dài mãi được; ấy là do lúc bình thường có nhiều công việc phiền nhiễu nên không thể trách các ông được. Bởi vì vừa đang dụng công tinh tiến thì bâng gờ hỏi phải đi lên chánh điện, mới cảm thấy công phu hơi đặc lực lại phải đi quả đường, cho đến việc tuần hương, đổi phiên trực thiền đường đều là những việc quấy rối sự dụng công. Nhưng hiện tại đã thất thì không như

vậy, không thượng điện, không quả đường cho đến đi tiêu giấy xúc cũng không cần các ông động tay, có thể cho là chu đáo lắm rồi, bình thường tất cả việc quấy rối làm cho trong lòng bận hết sức! nhưng hôm nay thì mọi việc quấy rối đều đã có người quét sạch cả rồi, chẳng còn tí nào nữa, như vậy có thể hoàn toàn tinh tiến được. Nhưng ta muốn hỏi các ông: tuy mọi việc quấy rối đã quét sạch rồi, chỉ lo rằng trong lòng các ông lại quét không sạch thôi!

Các ông quét sạch chưa? Mọi người đều đứng ở đây, ta hỏi các ông: sạch hay chưa? Các ông hãy xét kỹ thử xem: nếu muốn nhà Chùa giúp các ông thành tựu như vậy thì phải buông bỏ tất cả, chỉ lo dụng công thôi; các ông còn có được cơ hội tốt này, tất cả chẳng cần chúng ta phải làm gì hết, trống rỗng cả rồi. Để thời gian trôi qua như thế lại là đã thất sao? Để thời gian đi qua trống rỗng như thế thì thực là phụ ơn nhà Chùa mà cũng phụ ơn bản thân các ông. Nhưng hôm nay ta còn để các ông tự phụ ơn mình sao? Các ông phải biết cái loại nhân cho thời gian bỏ trống qua (Hư tiêu tín thí) này như đã gieo xuống, đến khi cảm quả (quả địa ngục) thì không biết ra làm sao nữa! Ta nói như vậy nhưng có lẽ trong lòng các ông lại không như vậy. Vậy thì như thế nào? "Quả thật tôi từ lúc vào thiền đường đến nay, việc thượng điện, quả đường, quy củ lớn nhỏ bận rộn hết sức chẳng có tí rỗi rảnh. Trước kia đã chịu nhiều khổ sở để học được kinh Lăng Nghiêm, Pháp Hoa cho đến những điều thấy được, lãnh hội được còn chưa sờ mó (suy nghĩ) tới được. Ngày nay đã thất tốt rồi; chẳng có việc gì làm, tôi ngồi xuống ôn lại những việc tôi đã trao đổi từ lâu không muốn để quên mất".

Đúng đấy! Các ông ngồi xuống trong lòng có như thế không? Ta thấy trong bụng các ông đầy ắp những Lăng Nghiêm, Pháp Hoa tuôn ra như nước chảy. Nhưng hôm nay lo việc căn bản đại sự thì những Kinh giáo các ông chứa đầy trong bụng một chữ cũng chẳng dùng được; không những một chữ cũng chẳng dùng xong mà ngay cả một mảy lông cũng chẳng dùng được; các ông có tin không? Ta thiết nghĩ: sợ rằng không dễ gì tin được. Tại sao vậy? Các ông cho là: trong Thiên tông vì lẽ gì một chữ cũng dùng không xong? Vậy thì lấy bảy chỗ trung tâm, mười phen hiển kiến trong kinh Lăng Nghiêm chẳng là công phu sao? Nhất chân pháp giới trong kinh Hoa Nghiêm vì sao Thiên tông một chữ càng dùng không được? Thế chẳng phải là làm các ông khó tin sao? Đúng đấy! Vậy thì ta muốn hỏi các ông: Có tham câu thoại đầu là pháp lớn hay pháp nhỏ, cứ cho nó là cây củi mục vô dụng đi. Các ông hãy nhai nó xem có mùi vị gì không? Bảo các ông nhai thì cứ nhai thử xem! Chúng ta mất thì thấy giống nhau, thí dụ câu thoại đầu viết lên tờ giấy đỏ dán trên cột, các ông thấy, ta cũng thấy, có thể cho cùng một nhãn kiến đi. Ta nói các ông thấy đỏ, ta thấy xanh, các ông có tin không? Ta không những thấy được không phải là đỏ mà lại là xanh, mà ngay cả xanh cũng bất khả đắc, các ông lại càng khó tin. Ta muốn hỏi các ông cái câu thoại đầu như củi mục này các ông nhai có được tí mùi vị nào không? Giả sử đã nhai ra được tí mùi vị thì tự nhiên sẽ thấy không phải là đỏ mà là xanh. Lại thêm cái tinh tiến này trong thời kỳ đã thất thì chẳng phải là ngay cả đến cái xanh này cũng bất khả đắc sao?

Đến lúc đó ta sẽ hỏi ông: Lăng Nghiêm có còn không? Pháp Hoa có dùng được không? Cho đến tất cả kiến, văn, giác, tri có còn không? Các ông thử nghiên cứu xem? Có phải như thế hay không? Cho nên ta bảo các ông đem tất cả cái học, cái thấy, cái nghe, cái hiểu chứa đầy trong bụng quăng hết đi, quăng bỏ cho thật sạch hết, một chút cũng không cho còn, có lẽ các ông còn chưa chịu quăng bỏ, dù cho có bỏ cũng chưa chịu quăng bỏ cho sạch trơn. Mặc dầu đã quăng bỏ cho sạch trơn rồi thì trong Thiên tông cũng chưa cho là xong việc đâu. Vậy các ông lại phải đem cả cái da bụng mà quăng tuốt đi luôn thì có thể cho là xong việc chưa? Chưa xong đâu! Việc trong Thiên tông còn phải đem quăng luôn cả cái bụng đi thì mới kể là xong việc. Nếu chẳng quăng bỏ luôn cái bụng thì lâu về sau nó vẫn còn chứa đựng cái khác. Các

người hãy phát tâm tham đi!

Khai thị: Ngày 18 tháng 10 (thất đầu ngày thứ ba).

Dụng công thiên nhật, ngộ tại nhất thì (dụng công ngàn ngày chỉ ngộ trong nhất thời). Giả sử công phu các ông được không tí nào gián đoạn, dụng công được ngàn ngày thì đối với sự khai ngộ ta dám bảo đảm. Giả sử công phu chưa đến được chỗ đó thì ta không dám bảo đảm. Trong các ông có người đã ở đây được năm ba năm, cũng có người ở Chùa Kim Sơn được năm ba năm, tính chung là ở Chùa Kim Sơn được năm ba năm, tính chung là ở Chùa Kim Sơn Cao Môn mười năm, hai mươi năm khổ hạnh tại làm sao không có được công phu ngàn ngày? Đã có công phu ngàn ngày thì không phải nhất định ở trong thời kỳ đả thất này sẽ khai ngộ sao? Trong thời kỳ đả thất là chuyên môn để nắm chắc công phu khai ngộ. Vì sao mà không khai ngộ được? Bởi vì đáng tiếc cho các ông quá, tuy nói không có năm năm, mười năm hai mươi năm công phu mà ngàn ngày công phu cũng đã có rồi, nếu các ông không có được công phu ngàn ngày thì đối với sự khai ngộ hãy còn chưa làm đến được. Ta nói như vậy trong lòng các ông cho rằng "Mùa hè khí trời nóng bức quá lại còn lên chánh điện, quả đường, làm công phu thì chưa được xứng đáng, đợi đến thời kỳ thay đổi chức sự cần phải phép tắc lớn nhỏ làm cho hết sức bận rộn, cho đến "gia hương" đều không phải là lúc dụng công phu. Đả thất mới là chân thật dụng công phu, không được lại bỏ qua nữa". Đại khái các ông đều như thế cả. Ta thấy cái tư tưởng này của các ông cứ cho là một năm chỉ có đả thất mới mới dụng công phu, mùa hạ thì kiết hạ, lúc thay đổi chức sự thì cũng là thay đổi chức sự, gia hương còn phải lên chánh điện, quả đường, đả thất thì mới cần dụng công, loại người như vậy là tệ hại nhất. Tại sao vậy? Đả thất là phải định kỳ thủ chứng, là cái lúc nhất văn thiên ngộ chứ đâu phải là thời kỳ để dụng công phu. Dụng công phu phải ở ngay trong lúc bình thường, ngày thường không chịu dụng công phu đợi đến đả thất mới dụng công, thì đến lúc nào mới có thể khai ngộ được?

Ta nói đến chữ ngộ thì còn có phần của các ông không? Ta cho các ông một thí dụ: Trước đời Mãn Thanh, người đi học được mười năm rồi hễ gặp kỳ thi thì đi phải không? Nếu đến trường thi mà còn chưa biết viết chữ, nhìn mặt chữ không ra, trong khi thi mới tập viết, như vậy phỏng có được không? Ra làm quan có phần các ông không? Trong thời kỳ mười năm học hành các ông không đi học, chỉ mang cái tên là người đi học, đến trường thi thì chỉ muốn được đậu làm quan, sợ là không xong rồi. Chúng ta hôm nay đả thất cũng giống như ở trường thi, khổ công ba năm đã đủ tư cách rồi, khi nhà Chùa mở Thiên thất thì phải khai ngộ liền mới đúng. Các ông bình thường mang tiếng dụng công mà thực ra chẳng có dụng công gì cả, đến lúc đả thất thì làm sao khai ngộ được? Cũng như không đi học mà đi thi, các ông sai lầm như vậy đã lâu lắm rồi không phải mới hôm nay. Xem như thế thì còn phải đả thất không? Có phải là không đả thất cũng được chẳng? Bởi vì các ông không có một người có tư cách đả thất, các ông như vậy là rất phụ ơn nhà Chùa, nhà Chùa chỗ nào cũng vì các ông mà lo lắng, có một tí trái ngược với đạo thì mau mau sửa đổi cho tốt, như thế ta dám nói nhà Chùa đã hết bổn phận đối với thiên hạ, chỉ có thể nói các ông phụ ơn nhà Chùa chứ nhà Chùa quyết không hề cô phụ các ông. Nếu có người dụng công phu được năm ba năm, mặc quần áo, ăn cơm, lên chánh điện quả đường, đi cầu ngủ nghỉ đã dụng công đến cực điểm, hôm nay đến Chùa Cao Môn dự tính tham gia đả thất lại muốn được thủ chứng ngay, không ngờ nhà Chùa không cho các ông đả thất, vậy thì nhà Chùa cô phụ các ông rồi. Ta hỏi các ông còn có một người như vậy không? Ta lại hỏi các ông nữa: đừng nói quá khứ ba năm, năm năm không dụng công phu cũng đã bỏ luống qua rồi, cả mùa hè cũng chưa đề lên một câu thoại đầu, cho đến vào thiên

đường gia hương cũng không biết đề lên câu thoại đầu, bây giờ đang thời kỳ đả thất từng cây hương một, từng thất một, ngồi hương đi hương đề được mấy câu thoại đầu. Các ông xét lòng tự hỏi xem có làm đủ bốn phần đối với người đời không? Đối với bất cứ việc học nào cũng vậy đều cần phải nói đến tiến bộ. Cái tiến bộ ở trong Thiền tông các ông có biết ở chỗ nào không? Lên chánh điện có tiến bộ, quả đường có tiến bộ, đi cầu có tiến bộ cho đến nơi nơi đều có tiến bộ cả. Các ông có biết lên chánh điện tiến bộ ở chỗ nào không? Đứng trên chánh điện đầu không có chút nghiêng, thân cũng không tí nhúc nhích, như thế là tiến bộ. Tại sao vậy? Công phu dụng đến chỗ đặc lực, đầu làm sao nghiêng được, thân làm sao nhúc nhích được? Đầu hể nghiêng, không thấy sắc thì nghe tiếng, thân cử động không nhúc thì ngứa, đầu còn công phu nữa. Trong lúc quả đường, lên chánh điện, cho đến mọi nơi, ngay cả đi vào nhà tiêu đây nắp cầu không ra tiếng, thậm chí nhướng mày nháy mắt, đi đứng nằm ngồi đều dụng công phu. Các ông cần nhận thức chỗ quý trọng lúc bình thường của Thiền tông, cái chỗ tốt của thiền thất. Các ông hãy phát tâm. Tham đi!

Khai thị: Ngày 19 tháng 10 (thất đầu ngày thứ tư).

Pháp của Thiền tông vốn là bất lập văn tự, không mượn ngôn ngữ. Bất lập văn tự thì không có lời để nói, không mượn ngôn ngữ thì không có gì để mở miệng. Cứ theo như thế mà nói thì không cần phải nói chuyện sao? Tại sao mà mỗi ngày có vài lần khai thị? Phải hiểu là: trong Thiền tông nói chuyện vốn là bất đắc dĩ vì tâm các ông mỗi mỗi đều khác nhau, cái bất lập văn tự, không mượn ngôn ngữ của Thiền tông là cần phải đạt đến chỗ hành đồng nhất; mười phương Chư Phật, lịch đại Tổ sư hành như vậy, hiện nay các ông cũng có thể hành như vậy mới có thể nói không mượn ngôn ngữ. Nay vì các ông tâm hạnh khác nhau, trăm người trăm hạnh. Muốn cả trăm người các ông đều quy về một tâm hạnh thôi, cho nên phải nói là vậy. Nhưng lời nói là lời nói của Thiền tông, trong Thiền tông bất cứ là người nào cũng không cho giảng kinh điển, ngữ lục, công án. Các ông nghe vậy đương nhiên có mỗi hoài nghi “Kinh điển Chư Phật thuyết không được giảng, tại sao ngữ lục, công án của Tổ sư lại cũng không được giảng?” Bởi vì giảng rồi đối với các ông cũng vô ích, lại thêm cho các ông tâm của trăm người lại phân thành mấy ngàn cái tâm.

Đây là lẽ gì vậy? Cái hạnh của các ông đều phải đi con đường hướng thượng, lấy câu thoại đầu làm miếng ngói gõ cửa, bia chỉ đường. Người xưa tuy có (những công án) "Lúc cha mẹ chưa sanh ra", "con chó không có Phật tánh" cho đến một ngàn tám trăm công án, nhưng bất cứ chư Tổ nào cũng đều phải ở một công án mà thâm nhập, cho nên ở Thiền đường, Hòa thượng, vị Ban thủ cứ mở miệng là thoại đầu, ngâm miệng lại cũng thoại đầu, nói chuyện cũng thoại đầu, chẳng nói chuyện cũng thoại đầu. Cái này là rất cần yếu trong Thiền tông. Trong bụng các ông cứ cho là tham thiền cũng như đi chơi ở Thượng Hải, hôm nay Tân Thế Giới, ngày mai Đại Vũ Đài, ngày kia Tiên Thi Công Ty mới tương ứng tâm của các ông. "Nhưng hôm nay đến Thiền đường tại sao từ sáng đến tối, từ đầu năm đến cuối năm đều chỉ có một câu thoại đầu? Một tí mùi vị cũng chẳng có, làm cho người ta buồn muốn chết đi". Đứng đấy! lại nữa, lời khai thị không có trình tự gì hết, không có hình ảnh văn chương gì hết, thực là làm cho người ta chẳng muốn nghe, chẳng lạ gì khi người ta nói “Thông thiền mà không thông giáo cứ mở miệng thì nói bậy”. Đứng! Thật đáng thương cho các ông. Ta nói: ấy là các ông không hiểu đạo, giả sử như các ông thật biết nói bậy, thế thì tốt đấy. Tại sao vậy? Ông không hợp cơ thì ông không chịu nghe, người khác nghe thì thấy hứng thú lắm, ông nghe thấy tốt người khác lại nghe không tốt, bởi vì tâm hạnh mọi người đều khác nhau, thì nói chuyện làm sao nhất trí được? Cho đến việc làm văn

chương cũng không có luôn, các ông lại hiểu sai rồi; ở đây không cho các ông làm văn chương cũng không phải Giáo môn giảng kinh, y văn thích nghĩa, phân khoa phán giáo. Trong Thiên tông cũng như hôm nay ta nói chuyện này chuyện kia, cũng có người nghe rồi nói tốt, lại lúc sư Ban thủ giảng huyền giảng diệu cũng có người nghe rồi thấy tốt; cái này tức là "thô ngôn cập tế ngữ, khái quy đệ nhất nghĩa (Lời nói thô và tế đều quy vào đệ nhất nghĩa) cốt là ở nơi các ông biết nghe. Các ông phải hiểu được cái khổ tâm của người nói chuyện, vì các ông có tâm hạnh khác nhau, cái bất đồng ấy đều là "vọng tưởng chấp trước" của các ông cho nên các ông có trăm cái tâm, người nói chuyện nói ra trăm cái pháp, muốn dạy cho các ông trăm cái tâm này quy thành một tâm, quả là chẳng dễ gì. Hôm nay ta giảng cái đường lối công phu, người các ông biết nghe giảng, nghe rồi trong bụng cảm thấy tốt lắm tựa hồ còn cái nghi tình thì chưa giảng đến, vậy ngày mai ta sẽ giảng làm sao để khởi nghi tình lên. Các ông nghe rõ nghi tình biết khởi lên rồi nhưng lại không kéo dài được, hôm sau sẽ giảng đến nguyên do gì làm cho nghi tình không phát khởi được. Từng bước từng bước một giảng tới, cho đến từng thất từng thất một nói chuyện khác nhau. Thất thứ nhất giảng về việc không hiểu dụng công phu, thất thứ hai giảng về con đường dụng công phu, thất thứ ba giảng về tiến bộ của công phu, thất thứ tư giảng về tin tức của công phu, thất thứ năm thì giảng về chỗ thấy của công phu, cho đến thất thứ mười từ cạn vào sâu, từ xa đến gần. Hôm nay nói chuyện trình tự cho các ông biết rồi, các ông trong lòng có cái nắm được rồi. Hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 20 tháng 10 (thất đầu ngày thứ năm).

Các ông đều là mộ đạo mà đến đây vì Chùa Cao Mân có đạo để tu, các ông người nào cũng đều như vậy cả. Nhưng nói câu mộ đạo nghe ra thì thấy dễ nghe lắm, mà nói đến sự thực hành: đạo tại sao cần phải mộ? Các ông từ ngàn muôn dặm muốn ngộ cái đạo của Chùa Cao Mân, vậy không phải là hướng ngoại mộ đạo sao? Mộ đạo như vậy không phải là hướng ngoại tìm cầu sao? Đâu cứ đều nhất định phải đến Chùa Cao Mân mới có đạo? Đạo vốn không có đông, tây, nam, bắc, cũng không có ông có tôi, cứ trực hạ thừa đương (ngộ ngay lúc đó) thì được rồi. Hai chữ "thừa đương" cũng là lời thừa, vốn không thiếu không thừa sẵn sàng đầy đủ. Tiếc thay chúng ta vô lượng kiếp trước với Chư Phật cũng đã đồng diện mục, không những đồng diện mục mà sợ còn có chỗ siêu việt hơn cả thập phương Chư Phật, bỗng đâu được cái thân huyễn hóa này, rồi không chịu cái này bèn đổi lấy cái khác, không chịu nữa thì đổi lấy cái khác nữa. Từ cái này thay đổi qua cái kia mà thay đổi mãi cho tới ngày nay. Cứ mỗi lần thay đổi thì lại thêm một dấu vết làm cho bản lai diện mục của chúng ta bị che lấp kín mít, một tí hơi cũng không thấu được. Mặc dầu bị che lấp kín mít nhưng nói chung không thiếu sót tí nào. Mười phương Chư Phật cũng như vậy, Bồ Tát, Tổ Sư cho đến côn trùng nhỏ xíu cũng như vậy, sơn hà đại địa cũng như vậy, thảo mộc tông lâm, cho đến trong hư không, ngoài hư không cũng như vậy, trong một hư không cho đến vô lượng vô số hư không đều như vậy cả. Ông không thiếu sót, ta cũng không thiếu sót, chỉ tiếc một cái là không dám "thừa đương". Giả sử chúng ta thừa đương được thì e rằng không phải là người giống như thế này đâu. May mắn cho chúng ta ngày nay được cái thân xác làm người này, trong thời kỳ "làm người" này phải nghĩ ra cách thế nào có thể "thừa đương" được! Đối với cách thừa đương được của mình, cần các ông phải có "lòng tin". Nhưng lòng tin trước hết phải tin rằng cái xác thân này chẳng bao lâu sẽ tan hoại, hoại rồi thì đường đi nhiều lắm, không hiểu kiếp nào mới được thành người nữa, đường trước mắt thì mệnh mông không biết ra thế nào. Phải triệt để tin cái mặt mũi bản lai của mình, phải hết sức tin tưởng mình như thế, không thừa đương thì không được, không hiểu cái ta của chúng ta thì không được. Tự tin được mình thì tiếp

tục phải tin phương pháp của câu thoại đầu, câu thoại đầu là thừa đương mình, câu thoại đầu là phương tiện để hiểu mình, không phải chỉ nói câu thoại đầu có bao nhiêu cái tốt mà còn muốn các ông tự mình thấy đến được là câu thoại đầu xác thực không sai. Nhưng dạy các ông dụng công phu các ông lại cho rằng “Câu thoại đầu này dùng được gì đâu? Niệm Phật là ai? Niệm Phật là tôi, còn có người khác niệm Phật cho tôi sao?” Không những các ông sơ tham mới có tình hình như vậy thôi đâu. Lúc ta còn tham học, đến các Chùa thầy dán câu Niệm Phật là ai? Thấy qua rồi thì cảm thấy hình như không giống với tất cả học vấn thế gian. Học vấn thế gian hề học thì thông liền, còn câu thoại đầu thì không dễ gì thông, nghiên cứu như vậy niệm Phật là ai? Là tôi chăng? Suy nghĩ một hồi thì cảm thấy không phải là tôi. Vậy lấy gì làm tôi? Hơn nữa, tôi nói niệm Phật là tôi, tôi hôm nay sửa tấm giấy đó lại, niệm Phật là tôi, thế có thể được không? Nếu không sửa được tức là không phải tôi. Vậy không phải tôi thì là Phật sao? Không phải, tất cả đều là không phải, như vậy suy nghĩ phân biệt một lúc, quày đầu lại mới biết mình đã sai lầm rồi, ai dạy ông ở trong phân biệt suy nghĩ mà dụng công phu? Ông phải biết đề lên câu thoại đầu cảm thấy không hiểu thì ở chỗ không hiểu không rõ mà đi tìm cứu cánh, ấy tức là nghi tình. Ở trong nghi tình này dụng công phu lâu đi rồi, dụng đến quày đầu trở lại lúc ấy ông mới triệt để nhận thức được chính mình. Hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 21 tháng 10 (thất đầu ngày thứ sáu).

Lúc Phật còn tại thế, có một người ngoại đạo đem hoa cúng Phật, lạy xong, Phật nói “Bỏ hoa xuống”. Người ngoại đạo bèn bỏ hoa xuống, Phật lại nói “Buông tay xuống”. Người ngoại đạo buông tay xuống. Phật lại nói nữa “Buông thân người xuống”, người đạo đứng ngơ ngác cả nửa ngày, thân làm sao buông xuống được? Bèn hỏi “Thưa Thế Tôn, thân làm sao buông xuống được? Phật nói “Không buông xuống được thì gánh lên đi”, Người ngoại đạo liền ngộ. Các ông thử nghĩ xem: hai chữ "buông xuống" còn có cái gì quý hơn đâu? Cho nên ta thường dạy các ông buông xuống, thân cũng buông xuống, thế giới cũng buông xuống, hai chữ "buông xuống" cũng buông xuống luôn. Các ông không những không chịu buông xuống mà hình như còn muốn nhiều thêm chút nữa mới vừa lòng. Bởi vì trước kia đã có cái thói quen lấy được sự nhiều cho là tiến bộ được ít là không tiến bộ, cho nên hôm nay học kinh Lăng Nghiêm, ngày mai học kinh Pháp Hoa, ngày một học kinh Hoa Nghiêm càng nhiều càng tốt, các ông nghe nói hôm nay giảng câu thoại đầu này, ngày mai giảng “Trước khi cha mẹ chưa sanh ra”, ngày một giảng "con chó không có Phật tánh", mỗi ngày đổi một câu thoại đầu như thế thì mới vừa lòng các ông, nghe cho nhiều cho lắm thì mới thấy phải. Hôm nay ta bảo các ông buông xuống thì phải buông xuống cho đến không còn chỗ nào để buông nữa. Cái chỗ không có cái gì để buông ấy cũng còn phải buông luôn nữa. Nếu không lãnh hội được đích chỉ Thiên tông ở chỗ này, không chịu tin cái từ tâm tha thiết của Thiên tông thì các ông sanh ra sự hiểu lầm, đã có sự hiểu lầm này rồi thì gieo cái nhân phi báng, tương lai sẽ chiêu cảm cái quả phi báng, lúc ấy thì khổ chết thôi. Cái hiểu lầm của các ông là ở chỗ nào? Thứ nhất là bảo các ông buông xuống thì buông xuống, buông xuống rồi thì trong tư tưởng mình suy nghĩ này nọ như ở trong cái động đen tối. Thứ hai bảo người lấy cái nghe được, học được, lãnh hội được tất cả đều buông xuống, các người không chịu buông xuống mà trái lại còn nổi tâm sân lên nói rằng “Thiên tông mở miệng không nói cái không đúng của Giáo môn thì nói cái không đúng của Tịnh Độ, đó không phải là chuyên môn phi báng Giáo môn, phi báng Tịnh Độ sao?” Các ông hiểu lầm như vậy ấy là "sai một mảy may mất đi một ngàn dặm" rồi. Bởi vì các ông không hiểu của Thiên tông là cái cửa gì, ấy là cái cửa tuyệt tướng, siêu tông, ly danh, ly tướng, cũng không phải bảo ông hủy bỏ kinh điển, vứt bỏ

Tịnh Độ, không có sự như vậy đâu! chỉ bảo các ông trong thời kỳ tham thiền này phải buông bỏ tất cả, tức là bảo các ông nghỉ ngơi các tâm, cho nên nói “nghỉ ngơi tức là bỏ đề”, muốn bảo các ông nghỉ ngơi cho đến một mảy lông cũng không có mới được, nếu còn một mảy lông nào thì sẽ che khuất cả hư không. Ta lại cho một ví dụ: như người đi học nghề thợ mộc, học được năm ba năm cho là học thành nghề rồi, cưa cũng biết cưa, bào cũng biết bào; vì kiếm tiền không được nhiều liền đổi nghề may vá, học may thì phải học cầm kéo phải không? Ông đến tiệm may mà còn đem búa đem cưa sao? Búa với cưa còn có chỗ dùng chẳng? Không những búa, cưa đều không dùng được mà cũng không cho cả cái tâm làm thợ mộc tồn tại, bởi vì tay ông cầm kim mà trong tâm lại là thợ mộc thì cái việc may vá của ông làm sao học thành được! Hôm nay các ông tham thiền đương nhiên phải lo việc tham thiền, tham thiền thì cần phải buông xuống, cần phải nghỉ ngơi, các ông đem sự học được, nghe được, lãnh hội được đựng trong bụng, thế còn có chỗ dùng gì được đâu? Thiền còn tham được chẳng? Cũng như học thợ may đem búa đem đục đựng trong túi đeo trong người vậy. Các ông suy nghĩ cẩn thận xem có phải không? Không phải cứ nghe ta nói là xong việc đâu, cần phải trong tâm các ông lãnh hội triệt để mà nói “đúng thế” mới được. Tham thiền cần phải buông bỏ muôn niệm, nếu có một tí không buông bỏ thì cái một tí này sẽ che khuất cả hư không. Các ông lãnh hội được chưa? Chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay chỉ vì cái không buông bỏ, lớn là thế giới, nhỏ là thân tâm, một đời, một kiếp đến nay tương lai lại chẳng sẽ là nối tiếp một đời một đời sao? Chúng ta muốn làm người phải bản quy nguyên mà không đem thân tâm, thế giới vứt bỏ hết thì bản quy nguyên chỉ là nói suông thôi, thực sự thì làm không đến được. Nếu muốn danh và thực phù hợp nhau, thì trước hết cần phải biết: thế giới từ đâu mà đến, thân từ đâu mà có? Tâm lấy gì mà có? Nếu biết được thân tâm, thế giới từ đâu mà có thì mới có thể từ căn bản mà cắt đứt được, một hết thì tất cả đều hết, mới là rút củi dưới đáy nồi ra (để nước ngưng sôi). Nếu không giải quyết từ căn bản thì chỉ là múc canh để nước ngưng sôi thôi. Thế giới lấy gì mà có? Phải hiểu: thế giới lấy thân mà có, thân lấy tâm mà có, tâm lấy mê hoặc mà có. Muốn quét sạch thân tâm, thế giới thì trước tiên trên căn bản phải quét sạch cái mê hoặc, mê hoặc quét sạch được rồi thì tâm sẽ sạch, tâm sạch rồi thì thân phải sạch, thân sạch rồi thì thế giới đương nhiên sẽ sạch luôn. Như vậy phương pháp quét mê là đề lên câu thoại đầu, phương pháp này quét mê rất triệt để, mê nếu không có câu thoại đầu thì không thể quét sạch từ căn bản được. Các ông sau khi có thể lấy câu thoại đầu mà khổ công tham cho thông rồi thì hành cái hạnh đại bi cứu thế. Cái hạnh nào lại không được đâu! Sợ cái học cả đời các ông không đủ dùng. Muốn các ông đều đầy đủ chánh tri, chánh kiến để tránh cái hão tâm vì đạo mà lại chịu lấy cái quả ác. Phải nhanh chóng lên, hãy phát tâm. Tham đi!

Khai thị: Ngày 22 tháng 10 (Thất đầu ngày thứ bảy).

Thật tội nghiệp cho người đời nay, người nào mở miệng cũng biết nói liễu sinh, ngậm miệng nói thoát tử, nhưng còn sợ chưa biết cái gì gọi là sinh, làm sao gọi là tử. Không những người thế gian như vậy mà ngay cả người tu hành chúng ta cũng như vậy luôn. Lấy chuyện người xuất gia ngày nay của chúng ta mà nói, tối ngày dụng công phu sợ còn chưa biết dụng công phu làm gì, hiện tại tu nhân gì, tương lai cảm quả gì, chắc các ông chưa có một người hiểu được. Tối ngày chỉ là trống rỗng trôi qua thôi, cũng chẳng hiểu trời bao cao, đất bao dày, thế nào là tứ thánh, thế nào là lục phạm, chúng ta hôm nay ở thiền đường tu là tu nhân gì, tương lai cảm được quả gì, chắc không có người hiểu được. Các ông nếu có người hiểu được thì e rằng ta không bảo các ông dụng công phu các ông còn chịu không dụng chẳng? Các ông phải biết: hôm nay ở thiền đường gieo cái nhân thành Phật, tương lai nhất định cảm được cái quả thành

Phật. Người xưa nói “nhân nào quả nấy”, trồng dưa được dưa trồng đậu được đậu. Chúng ta người dụng công phu chỉ cần quyết tâm triệt để mà dụng đi bất kể ba, năm, tám, mười năm cũng được, ba mươi năm, năm mươi năm cũng được; nói tóm lại, lấy đại ngộ làm cứu cánh triệt để. Cổ nhân đã nói “treo cao túi bát, lấy ngộ làm kỳ hạn”. Cứ ngay thẳng mà dụng công đi, quyết định lấy câu thoại đầu làm chính hạnh của ta, dù kiếp này không ngộ thì phát nguyện kiếp sau, không hỏi 3 kiếp, 5 kiếp hay 30 kiếp, quyết định không tu pháp môn nào khác. Các ông muốn được cái chí nguyện kiên cố như vậy mà hành thì ta dám bảo đảm nhất định sẽ được khai ngộ. Hành như vậy mà không khai ngộ thì Chư Phật Tổ Sư há lại chẳng rơi vào vọng ngữ sao? Tổ Triệu Châu nói “Các người hành như vậy mà không khai ngộ thì chặt cái đầu của lão tăng đi”. Cái phương pháp tham thoại đầu này là phương pháp chân thật bất hư, là cái pháp căn bản của tất cả loài hữu tình, vô tình, chỉ cần dụng công phu không hỏi khai ngộ hay không khai ngộ: công phu dụng đến nơi tự nhiên sẽ ngộ, không cần ông lo nghĩ đến ngộ, nếu chỉ muốn khai ngộ mà không chịu dụng công phu thì làm sao ngộ được? Cổ nhân nói “Không cần cầu ngộ, chỉ cần đề lên câu thoại đầu thẳng tay mà tham, tham đến sơn cùng thủy tận. “Ồ” lên một tiếng, được đến chỗ này rồi đó ”như người uống nước nóng lạnh tự biết”, trong quá khứ có một vị tham thiền ở thiên đường ba năm chệ trong thiên đường người đông làm lộn xộn, tự thấy công phu không được thâm nhập bèn bỏ đi vào núi ở. Ở trên núi cất một cái nhà tranh, trồng một ít cải, ban ngày trồng chừng không cho chim rừng ăn cải, ban đêm hổ sói tranh giành ngày đêm chẳng yên, đối với công phu mình cũng bị lộn xộn, ở núi ba năm rồi công phu mình cũng không thâm nhập được bèn không muốn ở nữa, muốn tìm một căn nhà để nhập thất, như thế mới tương ứng với công phu. Đi khát thực được hai, ba năm gặp một cụ già tại gia đã kiến tánh. Bà ấy thấy người tham thiền này rất có đạo đức hạnh trì bèn thỉnh đến nhà mời dùng cơm chay và nói chuyện về tâm rất là tương đắc. Bà ấy nói: Thừa đại sư, tôi muốn thành tựu cho sự nhập thất của người. Người tham thiền nghe rồi nói “rất tốt! Tôi đang muốn nhập thất đây”. Bà ấy bèn đưa sư nhập thất. Bà cụ trong nhà không có ai ngoài cô con gái mới 16 tuổi cũng đã khai ngộ, bà sai cô gái mỗi ngày đem cơm xuống cho sư ăn, được ba năm sau bà bảo cô gái “Con đã đưa cơm được ba năm rồi, hôm nay lúc đưa cơm đợi thầy ấy ăn xong thì con đến ôm cứng lại bảo ông nói”. Người con gái nghe rồi nhớ kỹ và cũng làm theo lời dặn, lên ôm thật rồi bảo rằng “Nói đi”. Người tham thiền nói: Khô mộc ý hàn nham, tam đông vô noãn khí (cây khô dựa trên núi tuyết, mùa đông không chút hơi ấm), người con gái buông tay về nhà kể cho mẹ nghe, bà ấy nghe xong rồi mắng người tham thiền đuổi đi, đốt luôn cái am tranh và nói rằng “Tôi cúng dường ba năm mà chỉ cúng dường một thẳng chết”. Người tham thiền nghe cảm thấy mắc cỡ bèn cầm bó đoàn lên mà đi khát thực nữa, tự trách mình được người ta cúng dường ba năm mà chưa khai ngộ được, bị họ chưởi mắng rất là tủi hổ, bèn ra sức dụng công phu. Khát thực ba năm lại đến chỗ bà họ, cùng nói chuyện công phu yêu cầu bà cho nhập thất một lần nữa. Lại nhập thất thêm ba năm và bà ấy cũng bảo con gái đưa cơm như trước. Tròn ba năm, cô gái cũng y theo lời mẹ dặn trước lại lên ôm chặt lấy người tham thiền bảo “Nói đi, nói đi”, kỳ này người tham thiền mở miệng đáp lại “Trời biết, đất biết, người biết, ta biết, đừng cho bà già nguoi biết”. Cô gái về nhà kể lại cho mẹ nghe, bà mẹ nghe rồi trong lòng hoan hỷ nói với người tham thiền “Tốt lắm! Tốt lắm! Mừng người đã khai ngộ rồi”. Các ông đến nghe chuyện này rồi thì hãy tưởng tượng xem nguoi biết, ta biết, đừng cho bà già nguoi biết, nếu là người thế gian nói vậy thì có còn là chuyện tốt không? Đại khái các ông cũng có một cách lãnh hội như vậy, nếu lãnh hội như vậy là sai lầm rồi. Bảo các ông ở trên bốn phạm mà lãnh hội, các ông tưởng tượng xem có lãnh hội được hay không? Nếu không lãnh hội được thì cứ tham đi!

Khai thị: Ngày 23 tháng 10 (thất thứ nhì ngày đầu).

Liễu sanh, thoát tử, minh tâm, kiến tánh, pháp tham thiền rất là đương cơ, cũng có thể nói là trùm khắp tam căn. Ta thật tin tưởng pháp này, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn không pháp nào sánh cùng pháp này. Nhưng mà trong các ông còn nhiều người không cho như vậy, cứ nghĩ rằng tham câu thoại đầu làm sao có thể vượt hẳn lên tám vạn bốn ngàn pháp môn được! Dù ông không tin thế cũng được, chúng ta hãy bỏ qua câu thoại đầu, các ông nói pháp nào được liễu sanh thoát tử trực tiếp nhất, triệt để nhất? Có cái nào khỏi cần tham, cũng khỏi cần dụng công phu mà có thể minh tâm, kiến tánh được không? Các ông nghĩ thử xem, nếu thực có một pháp nào so với tham thiền còn mau hơn thì ta cũng muốn theo các ông mà học.

Bởi vì ngã kiến các ông quá sâu, thiện căn quá cạn, muốn trừ cái chấp kiến của các ông quy về một con đường lớn này nên cần phải chỉ ra cho các ông biết, các ông suy nghĩ cẩn thận xem: xem Kinh có thể liễu sanh thoát tử không? Niệm Phật trì chú có thể liễu sanh thoát tử không? Các ông đến nơi đây là vì sanh tử mà đến, đương nhiên cần phải nghiên cứu, không phải là việc nhỏ đâu, các ông thảo luận thử xem; coi Kinh chỉ có thể gieo trồng một chút thiện căn, biết được chút ít ý nghĩa, muốn nói liễu sanh thoát tử thì làm không xong. Niệm Phật, niệm A Di Đà Phật cũng có thể liễu sanh thoát tử, mà muốn bảo đạt đến đỉnh núi Niết Bàn thì làm không được, trì chú thì thân tâm được thanh tịnh, có thể được một tí thần thông, liễu sanh thoát tử thì không thể được, bởi vì xem Kinh, niệm Phật, trì chú đều là hướng ngoại tìm cầu, sanh tử của các ông không phải từ ngoài mà được, không dựa vào cái khác mà có, đều từ trong nhà mình mà ra, ông chạy ra ngoài càng chạy càng xa.

Ông cần phải biết: tham câu thoại đầu tức là hướng vào trong nhà mà chạy. Tại sao vậy? Ta nói một ví dụ: như con cháu đi học, đọc quyển Bá Gia Tính Từ Triệu, Tiền, Tôn, Lý, Châu, Ngô, Trịnh, Vương cứ đọc thẳng một mạch bất quá mấy ngày thì thuộc lòng rồi, giả sử đọc câu Triệu, Tiền, Tôn, Lý rồi hỏi đó là lý lẽ gì thì làm sao giải thích, cứ hỏi như vậy không phải là ngớ ngẩn sao? Chỉ trong câu Triệu, Tiền, Tôn, Lý mà nghiên cứu thì câu Châu, Ngô, Trịnh, Vương không phải mất rồi sao? Đạt đến chỗ thâm nhập của việc nghiên cứu thì Triệu, Tiền, Tôn, Lý, cũng mất tiêu luôn. Các ông hãy nghĩ: hai chữ niệm Phật, không phải A Di Đà Phật, A Di Đà Phật từng câu mà thẳng tay niệm. Hôm nay hỏi ông: niệm Phật là người nào? Đứng ngay chỗ này không phải quày đầu lại sao? Cũng giống như đọc câu Triệu, Tiền, Tôn, Lý, các ông suy xét cẩn thận thử một chút xem có đúng không? Niệm Phật là ai không phải là quày đầu vào trong nhà mà chạy sao?

Hướng vào trong nhà là gì? Không có sanh cũng không có tử, nói minh tâm, kiến tánh cũng là lời nói dư, đến nhà tâm không đợi nói minh, bản lai đã minh, tánh không cần kiến, đã sẵn sàng hiện tiền. Cái câu thoại đầu này bước một chân thì đưa ông đến nhà, chỉ cần có một câu mà có thể về nhà ngơi nghỉ yên ổn. Tại các ông không biết câu thoại đầu có chỗ tốt như vậy. Các ông tưởng rằng “tối ngày cứ đề câu thoại đầu lên thì vọng tưởng cũng nổi lên nhưng lại không kéo dài được, vậy thì làm sao lại nói tham câu thoại đầu thì đến nhà được? Thực là làm cho tôi khó hiểu”. Đúng thế! Các ông phải hiểu được: biết có vọng tưởng đó là công phu đã tiến bộ, đề khởi lên được mà kéo không dài, lại càng tiến bộ thêm. Các ông phải hiểu: bất cứ một pháp môn nào cũng ở trong vọng tưởng mà sinh hoạt.

Làm sao biết được có vọng tưởng? Sở dĩ biết được có vọng tưởng cảm thấy không kéo dài được đều là tin tức tốt. Thực tại các ông tu đạo là đáng thương. Chúng ta đứng ở đây là người mấy chục tuổi cả, nói đến sanh tử thì không kể xiết, nên muốn tu đạo, truy cứu câu niệm Phật là ai không được thông, ba năm, năm năm cũng còn chưa

thông, tình huống như vậy thì nói làm sao tu đạo? Nói sanh tử làm sao cho xiết? Chỉ để cho ngày tháng trôi qua thôi. Câu thoại đầu này tham không được thông còn kể được là người tu hành sao? Chỗ nào cũng cần thể diện, câu thoại đầu không thông thì không cần thể diện gì cả. Người có chút tri thức thì phải biết làm sao cho đúng bốn phận. Các ông còn có người nào chảy nước mắt không? Thật là tội nghiệp. Tất cả đều ở trong chỗ đen tối.

Ngày nay bảo các ông nhắm mắt lại, các ông đều nhắm mắt lại. Ta lại hỏi các ông: Mắt mở ra rồi có thấy được ta chẳng? Mắt nhắm lại rồi ông còn tự mình thấy được mình không? Các ông nhắm mắt lại thì thấy tối um, một tí gì cũng chẳng thấy. Ta hỏi các ông nữa: đang lúc nhắm mắt lại rồi, bước thêm bước nữa thì đến chỗ nào? Các ông còn có ai nắm chắc được không? Các ông có hiểu được bước một bước này thì đi đến chỗ nào không? Hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 24 tháng 10 (thất nhị ngày thứ hai).

Người mới phát tâm tham thiền dụng công sợ vọng tưởng, ngồi lâu sợ hôn trầm. Ta nói loại người như các ông thì dụng công không được, liễu thoát sanh tử không có phần của các ông. Tại sao vậy? Bởi vì các ông không biết phạm vi của vọng tưởng cũng như hôn trầm từ đâu ra? Các ông cần phải hiểu: Từ vô lượng kiếp đến nay lên thiên đường cũng nó, xuống địa ngục cũng nó, biến thành trâu ngựa cũng nó, hôm nay tu hành cũng là nó, muốn liễu thoát sanh tử cũng là nó, muốn thành Phật, làm Tổ cũng là nó. Cần phải hiểu rằng: trên từ thành Phật dưới đến địa ngục tất cả mọi cái đều do nó làm chủ. Lực lượng của nó lớn lắm, ông muốn sợ nó thì phải lia xa nó, ông muốn lia xa nó phỏng ông có lực lượng bao nhiêu? Lực lượng của vọng tưởng có tưới bao nhiêu nước cũng không vào được, còn lực lượng của ông chỉ cần một giọt trong số đó cũng đã thấm vào rồi.

Các ông tưởng tượng xem sức lực các ông nhỏ bé như vậy thì làm sao mà lia nổi cái sức của vọng tưởng lớn dường ấy được? Ông nhất định là sợ nó rồi, xa lia nó không được, mà lia không được lại càng sợ, còn một ngày lia không được thì chỉ có sợ nó thôi, càng sợ lại càng lia không được, ba năm, năm năm muốn lia muốn sợ như vậy cho đến suốt đời cũng chỉ muốn lia nó, sợ nó thôi. Các ông tưởng tượng xem còn dụng công phu được không? Nếu đã dụng công phu không được thì còn làm sao liễu thoát sanh tử được? Cho nên các ông sợ vọng tưởng, sợ hôn trầm là việc không đúng rồi.

Lại nữa, vọng tưởng là làm sao mà lia? Cả thân tâm các ông vốn là ở trong vọng tưởng. Bởi vì tâm các ông là tâm vọng tưởng, thân các ông cũng là thân vọng tưởng, thế giới cũng là vọng tưởng, trong hư không là vọng tưởng, ngoài hư không cũng là vọng tưởng, cử tâm, động niệm, đi đứng nằm ngồi, làm việc đều ở trong vọng tưởng. Ta hỏi các ông: lia vọng tưởng rồi ông ở chỗ nào? Lia vọng tưởng rồi ông là người gì? Các ông hãy nghiên cứu cẩn thận xem còn có thể lãnh hội một tí nào không? Vậy thì làm thế nào mới có thể dụng công phu được? Vọng tưởng có nhiều chường nào đi nữa cũng đừng sợ nó, vậy không sợ nó thì phải yêu nó sao? Cũng không được yêu nó. Không sợ nó, không lấy nó làm bạn ác, không yêu nó, không lấy nó làm bạn tốt. Giả sử ông yêu nó vậy thì đến phải xuống địa ngục rồi. Vì ông yêu nó thì phải tùy thuận nó, thuận nó thì phá giới, phá giới thì không phải xuống địa ngục sao?

Cho nên, sợ cũng sợ không được, yêu cũng yêu không được, chỉ cần đề lên câu thoại đầu là cái gì? Khởi lên nghi tình để tham vấn truy cứu, nhưng mà hai chữ truy cứu chỉ cho ông truy cứu câu thoại đầu niệm Phật là ai? Rốt ráo là ai? Cứu kính là ai? Nếu mà

cứ truy cứu cái đề khởi câu thoại đầu "Niệm Phật là ai?" là ai? Người biết truy cứu lại là ai? làm như thế thì không những không phải là truy cứu mà trái lại chỉ là ngược trở lại thôi, đây là việc bên thức thần không gọi là tham thiền, không thể liễu sanh thoát tử được! Vậy thì tham làm sao đây? Hôm nay ta cho các ông rõ: cái đường lối trực tiếp là ở niệm Phật là ai, là người nào, không hiểu được, cứu kính là ai cũng không rõ ràng. Ngoài ra một tí suy nghĩ, đoán này đoán nọ cũng không có. Các ông ở chỗ này thâm định sâu sắc một tí xem có vọng tưởng không? Còn hôn trầm không? Hãy nghiên cứu cẩn thận, không phải chuyện nhỏ nhặt đâu.

Các ông lúc tham thiền đi tiêu đi tiểu xong ngồi xuống, ngồi xuống rồi chưa nghe đánh bản chỉ tịnh còn phải đợi thêm một chút xíu nữa, đánh ba lần bản, một lần chuông chỉ tịnh rồi mới suy nghĩ đề lên câu thoại đầu thì vọng tưởng cũng đến luôn, chán quá! Muốn lia bỏ vọng tưởng; một lia, lia không được, lại lia nữa thì hôn trầm đến luôn. Đuổi vọng tưởng hôn trầm không được thì mặc kệ nó. Đến giờ khai tịnh thì cũng hết chuyện rồi, chạy hương thì chạy, đại khái đều như thế. Tiếc thay! Cứ như thế mãi thì cho đến tận vị lai cũng không có khi nào dứt được. Các ông muốn thấy rõ cái khổ của việc sanh tử, cái khổ của tam ác đạo, trong nháy mắt đã bị lôi kéo đi, thực đáng sợ, đáng sợ lắm! Chỉ mong các ông triệt để nhận thức mau chóng đề lên câu thoại đầu tham cho thông rồi thì sanh tử sẽ không có phần của các ông, lục đạo luân hồi còn ở đâu lại được nữa! Các ông hãy phát tâm. Tham đi!

Khai thị: Ngày 25 tháng 10 (thất nhị ngày thứ ba).

Mở mắt thì không chiêm bao, tâm không khởi ý thì không có đối đãi. Ý nghĩa hai câu này ta giảng sơ qua: mắt mở thì cứ mở cho lớn thì không chiêm bao, mắt nhắm lại thì nằm chiêm bao, đại khái là như vậy. Nhưng ta nói: mắt nhắm nằm chiêm bao, mắt mở rộng lại còn nằm chiêm bao hơn, các ông tin hay không? Các ông nghĩ rằng mắt nhắm thì ngủ nằm chiêm bao, tại sao mắt mở rộng cũng còn nằm chiêm bao. Tôi có chỗ không tin. Đúng đấy! Nhưng ta nói các ông đứng ngay đây đang nằm chiêm bao, suốt ngày suốt đêm chiêm bao, mắt nhắm lại nằm chiêm bao còn có thể mau chóng tỉnh lại được, các ông mở mắt mà chiêm bao thì chẳng có lúc nào tỉnh, còn biết cái chiêm bao này sẽ kéo dài tới thời gian nào mới có thể tỉnh được?

Tội nghiệp quá! Người chưa liễu ngộ đều là mở mắt nằm chiêm bao mà không hiểu được đang nằm chiêm bao. Muốn biết cái chiêm bao này lúc nào mới tỉnh lại được thì nhất thiết phải khai ngộ, khai ngộ rồi cũng như ngủ nằm chiêm bao thành linh tỉnh dậy. Ta hỏi các ông cái chiêm bao này còn có kỳ hạn tỉnh dậy không? Còn nói về cái tâm không khởi ý, ý tức là niệm, tâm có thể khởi thiện niệm, khởi ác niệm, nếu tất cả niệm đều không khởi ấy tức là không có đối đãi, đại khái ý nghĩa là như vậy đó. Kỳ thực không phải thế, cần phải thánh bất khả đắc, phàm bất khả đắc, niệm bất khả đắc, tâm cũng bất khả đắc, nói không rơi vào hai (có đối đãi) thì đã rơi vào ba, luôn cái nhất cũng bất khả đắc mới cho là có một tí tương ưng trong Thiền tông.

Trong Thiền tông chính yếu là phá cái mở mắt chiêm bao, quét sạch mọi tà niệm. Chiêm bao không tỉnh được thì sanh tử không liễu được, tà niệm không trừ thì vọng sinh ra chi tiết, chi tiết vọng rồi thì thiện nhân chiêu ác quả. Ông tưởng là không sai: kỳ thật là báng Phật, phi Tổ, phi báng thiền đường, phi báng đại pháp luân, cái nhân này đã gieo xuống rồi thì khởi nói nữa, phải đọa địa ngục A Tỳ. Mỗi khi có người nói "Trong Thiền tông nói nghe thì tốt lắm, có huyền có diệu, nhưng làm thì có chỗ như không đúng. Mỗi khi ngồi xuống lại buồn ngủ mà còn ngáy nữa", thế thì tâm ông sanh hột giống khinh mạn, ông làm như vậy thì cái nhân phi báng đã gieo xuống rồi. Tại

sao vậy? Người xưa có câu chuyện tương tự nay ta kể ra một câu chuyện xưa cho nghe:

Ngày trước Tứ Tổ đến núi Ngưu Đầu ở Nam Kinh thấy có tử khí (hơi màu đỏ). Tổ nói: Trong núi nhất định có người tu đạo.

Tổ bèn trèo lên, thì gặp Thiên Sư Pháp Dung, có con cọp ở một bên, Tứ Tổ làm ra vẻ hoảng sợ, Dung nói: Ông còn có cái này tồn tại sao?

Tứ Tổ nói thầm trong bụng "Đây là bậc Đạo nhân" rồi chạy đến chỗ ngồi bằng gỗ của Pháp Dung và vẽ một chữ Phật lên trên đó. Dung thấy có chữ Phật thì không dám ngồi, Tứ Tổ bèn hỏi: Ông còn cái này tồn tại sao?

Biết được đồng là có đạo. Đêm đó Dung nhường chỗ cho Tổ ngủ, trên giường suốt đêm Tổ cứ ngáy. Sáng ngày hôm sau, Dung nói: Ông thực không biết mắc cỡ, ngáy suốt đêm làm tôi ngồi không yên.

Tứ Tổ nói: ông còn làm phiền tôi, ông làm con rệp rớt xuống đất té gãy chân vừa kêu vừa nháy không thôi suốt đêm làm tôi ngủ không yên.

Người đời sau có hai câu nói "Pháp Dung khi chưa gặp Tứ Tổ thì như thế nào? Sau khi gặp rồi thì thế nào? Khi chưa gặp thì Trời, người đều cúng dường, vượn khi dâng trái cây, sau khi gặp Tổ chẳng còn ai cúng dường, quả chẳng ai dâng". Các ông tham xem tại sao như vậy? Lúc ta ở Chùa Kim Sơn khi dụng công phu đặc lực nằm trên quảng đơn nghe tiếng ồn ào, ta đi xuống xem thì không thấy ai, tất cả đại chúng đều ngủ không một người nào nói chuyện, ta nhìn dưới đáy quảng đơn mới thấy hai con rệp cắn lộn nhau, ta mới đưa chúng tới liêu như ý, cho ít đồ ăn để chúng nó ăn. Các ông thử tưởng tượng xem, còn có thể lấy cái vọng tưởng của mình mà phân biệt được không? Điều ta nói chính là bản thân ta làm đến. Hôm nay ta nói cái chỗ hành của ta, sợ các ông còn có điềm hoài nghi, đợi khi công phu của các ông đến chỗ này rồi thì các ông sẽ được biết. Nhưng đợi đến các ông biết để ăn năn cái nhân phi báng đã tạo lúc trước thì đã trễ rồi, cho nên ta hôm nay đặc biệt chỉ ra cho các ông, ấy là việc rất cần cần lắm. Các ông hãy phát tâm, tham đi!

Khai thị: Ngày 26 tháng 10 (thất nhị ngày thứ tư).

Tham thiền dụng công quý ở chỗ hành. Hành được mới gọi là tham thiền, không hành, miệng nói tham thiền cũng như không. Chữ hành trong Thiên tông rất quan trọng. Không những đời nay hiểu sai lầm cái chữ hành này mà ngày xưa người hiểu sai lầm cũng không ít; tất cả đều cho thấy được là xong, hoặc lãnh hội được sự kiện này người xưa nay đều vốn có, không cần tu chứng, hoàn toàn là vậy rồi, vậy còn hành cái gì? Cứ cho hành là dư thừa, kỳ thực Thiên tông rất quý chữ hành, ấy là sự thực hành, chớ nên làm tướng.

Phải biết cửa Thiên tông là cửa vô thượng, cái hành của Thiên tông là hành vô thượng. Muốn đạt đến mục đích trước tiên phải biết: chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay là do hành mà đến, tuyệt không phải khi không mà có được, cũng không phải người ta đưa ông đến; lên thiên đường cũng do ông đi, xuống địa ngục cũng do ông đến, thai trâu bụng ngựa cũng do ông đi đến, nay làm người như thế này cũng do ông hành tới, đại khái đều như vậy cả. Chẳng thấy người ta lôi ông xuống địa ngục. Từ đó suy ra phạm chúng sanh có sinh tử thì cũng từ lý này. Chúng ta dĩ nhiên đều biết tất cả đều do tự ta hành đến, vậy ngày nay muốn phản bổn quy nguyên đâu phải cứ nói ra là đến nhà được đâu, là lãnh hội được đâu? Thời gian tới phải trải qua biết bao niên đại

mới đến nơi xa như thế này, nay muốn phản bản quy nguyên tất phải theo lối cũ mà về thôi.

Hơn nữa, trên tâm hạnh các ông đều biết phiền não không tốt, vọng tưởng xấu xa, nghiệp chướng không được nổi lên, nhưng mà tuy biết phiền não là không tốt, phải vứt đi, vọng tưởng là cái xấu phải bỏ đi, sự thật thì có thể bỏ được chăng? Giả sử vứt được thì vứt ngay bây giờ xem nào, dù ông bản lĩnh to bằng trời sợ không làm được như lời đâu, đã không làm được thì không được như thế, theo thế mà nghiên cứu thì chữ hành tất nhiên không được thiếu sót, nhưng đối với người trung hạ căn mà nói thì cái hành này cũng giống như đi đường từ bao xa đến, khi trở về cũng phải đi từng ấy xa thì mới trở về được nguyên xứ. Ví dụ từ ngoài nghìn dặm đến hôm nay trở về cũng phải trải qua nghìn dặm, mỗi ngày đi trăm dặm thì phải đi mất mười ngày mới đi hết. Giả sử thiếu một ngày hay thiếu một dặm cũng không đến nhà được, lý do này thì nhất định. Nhưng đối với các ông người có chút căn cơ lại thêm vào đích chỉ trong Thiền tông của chúng ta thì không cần phải đi như vậy.

Chỗ hành của Thiền tông thì như thế nào? Ông từ ngàn dặm đến đây, hôm nay không những không cần ông đi ngàn dặm mới đến được quê nhà mà luôn cả danh từ ngàn dặm đường cũng bất khả đắc, danh từ đã bất khả đắc mà còn muốn ông đi sao? Quay đầu lại là đúng rồi, gót chân không cần nhúc nhích hề cử động là phải rồi. Các ông thử nghĩ xem: cái pháp tham thiền này có trực tiếp không? Người căn cơ thượng đẳng phải hiểu được rằng không phải sinh ra là đã được thượng căn rồi mà cũng là do ở chúng ta từ làm người hạ căn đạt đến trung căn, rồi từ trung căn thành thượng căn, đến thượng căn rồi thì nhất văn thiên ngộ (một nghe ngàn ngộ). Tham đi!

Khai thị: Ngày 26 tháng 10 (thất nhị ngày thứ năm).

Pháp tham thiền là một chính pháp cứu thế, cứu thân và diệu pháp cứu tâm. Chữ thiền này là cái cửa ngõ tất yếu mà làm người cần phải đi qua, người tham thiền không phải đã tham được thiền là xong đâu, thực ra phải có một tí mùi vị gì của tham thiền; vậy thì ông phải bận rộn hết sức, có bảo các ông đừng nghỉ một chút các ông cũng không chịu. Nếu chân thực đạt được mục đích của thiền thì việc thành Phật sẵn sàng trước mắt. Phật đây không có quốc độ này quốc độ nọ, không có chúng sanh chư Phật. Muốn thành Phật trải qua a-tăng-kỳ kiếp, cần phải xả đầu mắt, xả óc tủy tim gan, ngũ tạng, kết duyên cho với chúng sanh cõi đại địa, kết duyên cho đầy đủ rồi, nhân duyên thành thực thị hiện giáng sanh, khổ hạnh thành Phật tọa đạo tràng, một đời hoằng dương thánh giáo. Nhưng quả địa Phật này lại do nhân địa Phật tạo ra quả địa Phật, khi thành thì làm giáo chủ cả đại thiên thế giới.

Mỗi người tham thiền các ông cần đạt đến mục đích của thiền, không những các ông ở tại thiền đường này mà cả tăng lẫn tục ở khắp nơi, nam hoặc nữ đều cần phải đạt đến mục đích của thiền, muốn đạt đến mục đích đương nhiên phải có một phen sự việc, còn mong các ông dư ra được mấy người không chỗ làm việc, ở đó mà ngủ gục, tại sao vậy? Mỗi thế giới có một giáo chủ, vậy vô lượng thế giới cho đến vi trần trong hư không đều có giáo chủ. Người thành Phật quá đông còn dư ra mấy người không có thế giới để làm giáo chủ giáo hóa chúng sanh, đây là điều tôi hy vọng đối với các ông, không những ta hy vọng các ông như vậy, cả đến thập phương Chư Phật thấy các ông có cái tri thức tham thiền được như vậy cũng phải vui vẻ cười to, chư Đại Bồ Tát cho đến hộ pháp long thiên đều phải chấp tay hoan hỷ hộ trì các ông, không những hộ trì mà lễ bái cũng còn được nữa. Vì vậy ở trong đạo tràng này, thêm vào thời kỳ thiền thất được định kỳ thủ chứng, nên cần phải thiết tha nỗ lực, mọi cái đều phải buông bỏ

hết, buông đến sạch sành sanh. Tham đi!

Khai thị: Ngày 28 tháng 10 (thất nhì ngày thứ sáu).

Người trong Thiên tông phải làm việc trong Thiên tông. Các ông cần phải hiểu cái hành trong Thiên tông là cái gì? Nếu không hiểu rõ thì cho ông có suốt đời ở thiên đường thì vẫn còn đứng ở ngoài cửa thôi. Hôm nay ta nói cho các ông biết qua, ấy là việc ở Thiên tông không có gì khác ngoài việc tham thiên ngộ đạo, liễu sanh thoát tử nhưng tham thiên là tham ở nơi mình, liễu sanh thoát tử là liễu thoát sanh tử của mình chứ không phải là thay cho người khác, dù cho ông có bản lĩnh lớn bằng trời cũng không thể làm thay cho người khác được. Còn có người ở thiên đường tưởng rằng là ở thay cho người khác, cho đến làm mọi việc là làm thay cho người khác. Các ông phải biết rằng tất cả mọi việc, việc nào không phải việc của mình đâu? Các ông nếu là người có chút tri thức không đợi ta nói ra mà đã biết quay về với chính mình rồi.

Lại có một số người tưởng ở thiên đường Chùa Cao Mân, dụng công là dụng cho Chùa Cao Mân. Trong các ông nếu có người như vậy thì còn xứng đáng là người làm cái việc trong Thiên tông không? Tham thiên ngộ đạo, liễu sanh thoát tử còn có phần của các ông không? Vì vậy muốn các ông mở mắt thấy cho rõ. Nhưng tham thiên ngộ đạo liễu sanh thoát tử, hai câu nói đó gom lại chỉ là hai chữ tham thiên. Do tham thiên mà ngộ được đạo, ngộ đạo rồi sanh tử lý nào không liễu? Tóm lại là tham thiên. Đối với việc tham thiên thì thế nào là thiên? Thế nào là tham? Các ông cần phải biết rõ ý nghĩa tham thiên rất rộng.

Ta sơ lược chỉ cho các ông một chỗ hạ thủ rất xác thực, mong các ông cứ nghe thì lãnh hội ngay và một mạch mà hành thì sẽ đến nhà. Trước nhất phải biết: từ vô lượng kiếp do một niệm bất giác nên đều hướng ngoại mà chạy cho đến nay vẫn còn bất tri bất giác, thậm chí đều không biết có nhà, vì thế nên gọi là chúng sanh. Phải biết hướng ngoại là gì? Hướng nội là gì? Hướng ngoại là lục đạo luân hồi sanh tử bất định; hướng nội là bốn lai diện mục cùng đồng một thể với chư Phật. Dạy các ông tham thoại đầu là dạy các ông hướng nội, tham thoại đầu tức là tham thiên, là hướng nội.

Tóm lại, muốn thấy bốn lai diện mục mà không hướng nội là không được; không hướng nội ấy là sanh tử. Vì sao tham thoại đầu là hướng nội? Có lẽ các ông không rõ ràng, ta giảng một thí dụ cho các ông nghe: các ông đang ngồi đây ta hỏi các ông "Có thấy bàn thờ Phật không?" Các ông đương nhiên trả lời là thấy, ta hỏi thêm "Trên bàn thờ có gì?" Nhất định các ông sẽ trả lời là "Bên trong có Phật Tỳ-Lô và những thứ khác". Ta lại hỏi "Người thấy bàn thờ Phật là ai?" Các ông hãy quay đầu hướng vào chính mình xem! Trong lúc đó không thấy có Phật, ngay cả bàn thờ Phật cũng không có luôn, các đồ vật khác còn có không? Không những không còn mà còn phải quay đầu lại tham vấn trên cái niệm của chính mình đi.

Các ông thử nghĩ xem thấy bàn thờ là hướng ngoại, không thấy là hướng nội; không thấy bàn thờ Phật trên niệm này mà "truy" ấy là hướng nội. Theo như thí dụ này mà thấy thì tham thoại đầu cũng vậy. Niệm Phật, có Phật để niệm được là hướng ngoại; tham "niệm Phật là ai" thì cứ trên niệm ấy mà tham vấn, ấy là hướng nội, hướng nội tức là tham thiên. Hôm nay ta đem ví dụ về sự tham thiên giảng cho các ông nghe qua rồi các ông không được nói là không biết tham thiên, không hiểu được tham câu thoại đầu nữa. Ta hôm nay giao hẹn rõ ràng cho các ông rồi, hãy phát tâm. Tham đi!

Khai thị: Ngày 29 tháng 10 (thất thứ nhì ngày thứ bảy).

Người có một tí lợi căn thì dụng công không lấy gì làm khó. Không nhờ ở tu chứng, đương thể bỏn lai chân tánh không dư, không thiếu, thanh tịnh quang minh không do người khác mà được, đều tự mình sẵn có, chỉ vì các ông không thể hành như vậy thôi. Bệnh ở đâu? Bệnh ở nơi chữ "chương". Chúng ta vốn không có mê, vì chương mà có mê, chương lìa thì ngộ, sanh tử vì chương mà có, nếu không có chương thì sanh tử cũng không. Nếu bỏ chương đi thì bỏn lai diện mục chúng ta đương nhiên hiện ra. Như vậy phải biết chương là cái cửa ngõ trọng yếu của người dụng công phu, các ông có biết không? Nếu biết được cái chương này thì các ông sẽ có biện pháp để trừ nó.

Nếu không biết chương là cái gì, lấy cái gì làm chương thì còn nói làm sao trừ chương được? Làm sao lo cho xong? Đối với người thông thường thì cho là "sanh tử là chương, sanh tử bên bờ này là chương, bên bờ kia là Niết Bàn, Niết Bàn không phải là chương, mê là chương, ngộ tức không phải là chương, trần lao là chương, thanh tịnh là cứu cánh, chúng sanh là chương, Phật là rất tốt". Đại khái là thế. Thiền tông thì không vậy, sanh tử là chương, Niết Bàn cũng là chương, mê là chương, ngộ cũng là chương, chúng sanh là chương, Phật cũng là chương, thân là chương, tâm cũng là chương, sơn hà đại địa là chương, hư không cũng là chương. Các ông còn tin chẳng? Có người cho rằng: sanh tử là khổ đương nhiên là chương rồi, Niết Bàn là lạc làm sao lại là chương được? Chúng sanh là chương, sao Phật cũng là chương? Sơn hà là chương, hư không tại sao cũng là chương?

Nói như vậy thì tôi cần dụng công làm cái gì? Việc trong Thiền tông thật là khó tu quá! Đúng đấy! Các ông hồ nghi như vậy nên ta muốn chỉ ra cho các ông, muốn dẫn các ông đi trên đường đi của Thiền tông. Nhưng ta chỉ vẽ cho các ông, dẫn đường cho các ông là muốn các ông tự đi, chứ nếu các ông không tự mình đi thì ta không đi thay cho được đâu. Tại sao trong Thiền tông muốn nói sanh tử Niết Bàn, chúng sanh Chư Phật, bờ này bờ kia, thanh tịnh phiền não, mê ngộ, thân tâm, hư không đại địa đều là chương? Phải biết rằng tất cả chương không rời tâm, sanh tử là tâm, chúng Niết Bàn cũng là tâm, cho đến hết thấy hư không đại địa cũng đều là tâm cả. Cái tâm này là cái chương căn bản, căn bản đã chương thì còn chỗ nào không phải là chương nữa? Các ông muốn lìa cái chương này thì phải có cách nào?

Nếu nói: sanh tử khổ là chương thì lìa bỏ nó, lạc của Niết Bàn cũng là chương thì cũng bỏ luôn lạc đi; bờ này không trụ, bờ kia không trụ, phiền não không trụ, thanh tịnh không trụ, cho đến hư không cũng không trụ. Tóm lại, tất cả trần lao thế giới bên ngoài thân đều bỏ sạch, nhứt ngửa trên thân cũng bỏ, vọng tưởng nhiều như cát trong tâm cũng bỏ. Phương pháp trừ bỏ như vậy sai hay không sai? Nhưng trong Thiền tông không như vậy. Tại sao như thế? Nếu bỏ từng món một thì chẳng lúc nào hết được; bên này dứt thì bên kia sanh, chôn hồ lô trên nước thì không dễ gì được đâu. Đến nhà rồi thì mới có thể đem gốc của nó mà bỏ đi hết được. Thí dụ như mặt trời mặt trăng sơn hà đại địa v.v... tuy là sắc tướng nhiều lắm nhưng đều ở trong một cái hư không, nếu ta muốn bỏ mặt trời mặt trăng, sơn hà đại địa không phải là nhiều lắm sao? Nếu muốn bỏ lần lượt từng món vật cho hết thì e rằng không có bản lĩnh to như thế!

Nếu ta có sức lực một tay đập bể hư không thì còn cái gì nữa? Liễu chương cũng như vậy thôi. Mặt trăng mặt trời và mọi cái khác cũng giống như những cái chương này nó của chúng ta, hư không thì cũng như tâm của chúng ta, nếu có thể đem tâm mà liễu bỏ được, thế không phải là trừ bỏ hết tất cả chương hay sao? Pháp liễu tâm tức là tham thoại đầu; pháp này đề trên niệm mình mà truy cứu, lâu ngày rồi thì tâm sẽ hết, vọng tưởng cũng sẽ hết, nhân, pháp, đều mất. Lúc bấy giờ thì các ông mới nhận thức Chư Cao Môn, mới hiểu được lợi ích của câu thoại đầu ở thiền đường! Nhưng sự dụng công ngay bây giờ của các ông cần phải đề lên câu thoại đầu từng giây, từng phút mà

truy cứu, chẳng hỏi động tịnh nằm ngồi đi đứng, niệm niệm không gián đoạn, có ngày các ông sẽ đập bể được hư không. Hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 30 tháng 10 (thất thứ ba ngày đầu).

Pháp luân chưa chuyển thực luân phải chuyển trước. Trong sự khó khăn vô vàn của nhà chùa, dù cho khó khăn đến đâu cũng phải ra sức duy trì cho nên phát khởi thiền thất cho các sư được chuyên tâm tu hành. Cũng vì đạo tâm của các sư thành khẩn cảm động đến hộ pháp long thiên và được nhiều vị trưởng lão ở các nơi phát đại từ bi, thấy nhà chùa đời sống thanh bần mà quan tâm đến đạo niệm của các ông vì thế đặc biệt cung cấp dầu, muối, gạo, củi để nhà chùa khỏi phải lo lắng, các sư được an tâm tu đạo. Các vị trưởng lão này trước kia hoặc là thủ tọa Hòa thượng. Tây đường sư phụ, hoặc đường chủ sư phụ, lâu nay vẫn thường quan tâm đến sự thanh bần của đạo tràng. Nhưng các sư đó không thể so sánh với người đại phú được, điều tiện tặn, ăn xài bòn xẻn, tích tụ tiền bạc do y bát khát thực không dễ gì có được. Không thể nói là cứ ngồi ngồi, đi đi mà trai thực tiêu đi được đâu. Nếu các ông cứ cho như thế mà không có công việc gì khác thì làm sao có thể trang trải được nợ cơm! Người xưa đã nói “Thôn hương năng tiêu đầu kim (một tác hương có thể tiêu được đầu vàng)”. Tại sao suốt ngày tọa hương mà không đủ trả được nợ cơm? Thật đúng lắm!

Ta muốn hỏi các ông: Từ sáng đến tối, tác hương nào tiêu được đầu vàng? và tác hương nào không tiêu được đầu vàng? Các ông hãy nghiên cứu thử xem? Không phải là việc nhỏ đâu! Ta thấy các ông đối với "tác hương tiêu đầu vàng" đại khái còn chưa làm được. Đối với việc trang trải nợ cơm, ta không những có thể hứa với các ông mà còn có thể bảo đảm nữa. Ta bảo đảm ở chỗ nào? Là ở chỗ muốn cho các ông đối với câu thoại đầu không biết là ai, cứu cánh là ai, điều đó không hiểu được, rốt ráo là ai cũng còn không hiểu được; suốt ngày tiền niệm là câu thoại đầu, mà hậu niệm cũng là câu thoại đầu. Các ông tự mình đi như vậy thì ta bảo đảm các ông tiêu được cái nợ cơm. Ta muốn hỏi các ông có tham thiền hay không?

Các ông đương nhiên trả lời “Suốt ngày tôi tham câu thoại đầu không mảy may gián đoạn”, ta hỏi thêm các ông: câu thoại đầu không gián đoạn thì trên thân các ông có áo mặc không, quả đường còn ăn cơm không? Các ông trả lời ta cách nào? Nếu biết sự mặc là áo quần, sự ăn là cơm gạo thì không đúng rồi, tôi không dám bảo đảm đâu! Ngoài ra các ông còn trả lời ra sao nữa, hãy nghiên cứu thử xem? Mặc áo không phải mặc áo, ăn cơm không phải ăn cơm; cũng như người xưa nói mặc áo suốt ngày không dính một sợi chỉ, suốt ngày ăn cơm không cắn một hạt gạo. Nếu các ông tham thiền được như thế thì đây là bằng chứng ta có thể bảo đảm. Trái lại, ta không những không dám bảo đảm mà ngay cả Phật Thích Ca cũng chẳng dám. Các ông phát tâm, hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 1 tháng 11 (thất thứ ba ngày thứ hai).

Tham thiền không phải là việc hưởng nhàn. Hôm nay là trong thời kỳ đả thất không cần phải nói lại con đường công phu làm chi nữa, nếu cần phải nói thì không còn đả thất nữa. Vì sao vậy? Vì lúc bình thường cần phải dụng công cho tốt, kịp đến lúc đả thất cần thêm tinh tiến thời ngộ ngay thôi. Nếu muốn nói đường đi trong thời kỳ thất, vậy thì đường đã nhiều lại thêm lắm: vọng tưởng, hôn trầm, chẳng biết đến tham thiền. Không biết đến việc phát khởi nghi tình, phiền não, vô minh v.v... lại càng thêm lắm. Cứ theo như thế mà vẫn còn được gọi là đả thất hay sao?

Đã thất cần ở sự khai ngộ cũng như theo đuổi việc thi cử vậy. Kỳ thi không phải là lúc đi học, lúc bình thường cần phải học hành cho tốt. Một khi đã đến nơi trường thi rồi thì chỉ còn lo việc công danh. Giả sử vô trường thi chữ không biết lại còn đi tìm lấy người đề hỏi, điều này có được không? Đã thất cũng như thế. Trong thời kỳ đã thất còn không hiểu được sự dụng công, lại cũng chẳng hiểu vọng tưởng và tham thiền có như nhau hay không, đầu mỗi sự phát nghi tình là như thế nào, như thế mà đã thất hay sao? Thật tiếc cho các ông không thể không nói được. Nếu mà không nói thì không những chỗ sâu xa không thấy đến mà chỗ nông cạn cũng chẳng nhìn ra, cho nên ta nay vì các ông mà nói, tham thiền khởi nghi tình là như thế nào? Phải biết câu thoại đầu là như thế nào? Không rõ cứu cánh là ai? Chẳng hiểu được là ai, rốt ráo là ai? Cũng chẳng biết là ai, không rõ không biết, mơ mơ hồ hồ tức là nghi tình vậy.

Vọng tưởng với tham thiền đều là một vọng tưởng, cùng một con đường. Ta nói như thế các ông nghe lại cho là “tham thiền cũng là vọng tưởng, vậy còn phải tham thiền làm gì? Vọng tưởng hóa ra là lục đạo luân hồi, tham thiền cũng là vọng tưởng vậy tham thiền không phải là luân hồi sao?” Cần phải hiểu được là chỗ khác nhau giữa vọng tưởng của sự tham thiền với vọng tưởng của vọng tưởng là thế nào? Vọng tưởng thì tùy nghiệp chuyên, tham thiền thì tùy tâm chuyên, tùy nghiệp chuyên thì tâm đi trước, các ông đi theo sau tâm. Nghiệp thì chuyên hướng về nẻo luân hồi mà đi, cho nên vọng tưởng là theo nghiệp chuyên, tùy nghiệp thì tất cả là sanh tử. Tham thiền thì tùy tâm chuyên. Tâm là cái gì vậy? Có phải quả tim bằng thịt của các ông không? Thế lấy gì làm tâm của các ông? Tâm, vậy thì ở đâu? Ở trong chăng? Ở ngoài chăng? Hay là ở khoảng giữa hay nơi nào nữa? Thật đáng tiếc! Các ông thật chẳng biết gì? Ta nói đưa chân lên, để chân xuống, đi đứng nằm ngồi, ra vào tới lui, tất cả chỗ nào cũng chẳng mảy may rời tâm cả, vậy có chỗ nào không phải tâm đâu? Ấy chỉ là mình thừa nhận không được thôi.

Hôm nay ta hai tay mang đến trước mặt các ông sợ rằng các ông cũng chẳng biết ra được. Thế còn người nào có thể thừa nhận được chăng? Ta dám nói với các ông một người cũng chẳng có. Vậy thì câu thoại đầu đợi các ông tham cứu cho đến chỗ đắc lực, muốn các ông tự mình nhận thức một tí. Ta nói cái gì các ông cũng có thể tin lấy được, nếu công phu không đến được nơi này thì dù ta có nói tốt nữa cũng không dễ gì tin được đâu. Nhưng câu thoại đầu này nói là chân như cũng được, nói là Phật tính cũng được, nói là Pháp thân cũng được, nói là tâm cũng xong, phạm vi của nó rất rộng lớn vậy.

Thật đáng tiếc cho các ông! Đối với tâm thì tuyệt không biết gì. Hôm nay ta dạy cho các ông hãy lấy câu thoại đầu làm tâm đây. Câu thoại đầu đến nơi đâu các ông đến nơi đó, câu thoại đầu đi trước các ông đi theo sau. Nói tóm lại, lấy câu thoại đầu để xét tâm ta, hỏi tâm ta, truy cứu tâm ta, lâu ngày đi rồi cũng có thể làm sáng được tâm ta. Đây tất cả sẽ là: vọng tưởng tùy nghiệp chuyên tức là sanh tử, vọng tưởng tùy tâm chuyên tức là minh tâm. Các ông phải thấu đáo thấy được là lời ta có đúng không, việc ta nói là việc của ta, không liên can gì đến các ông, muốn cho các ông dụng công phu đến nơi ấy thì các ông tự mình sẽ thấy thôi, và các ông mới có được sự thụ dụng. Giả sử như lời của ta nói mà các ông đối với bốn phận mình lại không nghe không hỏi, thế thực là đáng tiếc! Đáng buồn! Phải hiểu được là: cái xác thân này, thời giờ thì hữu hạn, một khi đã ngã xuống rồi thì không còn gì để truy xét nữa. Tiền đồ thật không kham nghĩ đến. Cần phải nhanh chóng lên. Hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 2 tháng 11 (thất thứ ba ngày thứ ba).

Về người dụng công có câu rằng “một người địch với muôn người”, câu nói này đối với người xưa thì thật là đúng, nhưng đối với người nay thì không hợp. Tại sao vậy? Vì đạo tâm người xưa sung mãn, trăm lần gãy đổ chẳng trở lui, một lần bạo gan nhảy tới có thể vượt qua được ngay, người nay đạo tâm không vững, cứ một lần gãy đổ thì phải lùi lại ngay, nhiều lần bạo gan nhảy tới cũng chẳng vượt qua được. Mà không bạo gan đối địch thì còn tốt chứ bạo gan đối địch thì trái lại phải đầu hàng. Như vậy là lẽ làm sao? Đó là vì một người chúng ta sức lực thì hữu hạn, muôn người khác mỗi mỗi đều có sức lực rất lớn. Muôn người là ai? Là tham, sân, si, mạn, nghi và các thứ phiền não vô minh. Muôn niệm này thì đã quen thuộc từ lâu không cần các ông đến gần nó, nó cũng tự nhiên tùy thuận các ông. Cái niệm tùy thuận tự nhiên này có sức lực vô lượng, muôn niệm thì sức lực lại càng lớn không kể được.

Hôm nay một niệm dụng công tham thoại đầu từ lâu chẳng thấy qua cũng như chưa từng làm qua, như vậy làm sao nó tùy thuận các ông mà lại còn muốn các ông đi tìm nó, thuận nó nữa. Rõ ràng cái niệm tìm nó cực nhỏ mà cực lạ, sức lực rất nhỏ. Thí dụ như một gia đình trai gái cháu con cùng với quyền thuộc đều tự nhiên đoàn kết nhất trí, bỗng nhiên có người lạ mặt ở đâu bên ngoài đến nói rằng “các người hãy đi ra, nhà này là của ta”. Các ông xem đấy, thế gia đình đó có chịu nhường người ấy không? Hay là muốn địch lại người ấy? Một mình ông có muốn đuổi họ như thế thì cả gia đình họ sẽ địch lại ông, thế liệu ông có địch lại họ không? Chúng ta một niệm địch muôn niệm cũng như vậy. Muôn niệm vọng tưởng đã quen thuộc là trong nhà sẵn sàng. Một niệm dụng công phu này là còn lạ còn mới, với muôn niệm thì nó không đồng lõa. Các ông nghĩ xem, như một người cùng với cả gia đình đấu tranh thì làm sao một người địch được cả gia đình người ta? Đó cũng là một lý cả.

Vậy nếu địch không nổi thì phải có cách nào lo liệu? Không tùy thuận nó được thì bỏ sao? Biện pháp thì có, trước hết cần các ông thấy rõ được nguyên nhân không địch lại họ được là nguyên nhân ở đâu? Rõ được nơi đó thì đương nhiên mới có biện pháp. Nhân vì một người các ông muốn địch lại muôn người. Các ông có niệm địch lại thì ở ngoài mặt tự nhiên sẽ có trạng thái muốn địch lại. Các ông đã có trạng thái muốn địch lại biểu thị ra đương nhiên đó là vì có địch nhân mới có. Kẻ địch thấy ông muốn địch lại họ thì đương nhiên họ muốn địch lại các ông. Tỷ như một người dự bị cùng người khác đánh nhau, nhất định trên tay phải mang dao, đầu đội nón sắt, mình mặc giáp, đứng chỗ đất rộng. Các ông đã có dự định này thì đối phương cả vạn người cũng muốn đến để đánh nhau. Bọn họ cũng cần phải cầm dao, cầm súng xúm lại, các ông một khi đã thấy vậy thì còn có dám đánh nữa không? Có phải khi thấy đã muốn đầu hàng rồi không?

Thứ nữa, các ông có dự bị cầm dao cầm súng đánh người, không những muôn người muốn đến đánh các ông mà một người hai người thấy được cũng muốn đánh ông nữa. Tại sao vậy? Ông đương đầu với họ thì đương nhiên họ cũng xem ông là đối phương, há có lý nào lại không đánh nhau? Đúng không? Tất cả lời nói trên đều là ví dụ, chúng ta hãy học các ví dụ. Các ông nghĩ rằng: vọng tưởng đến rồi thì mau chóng lấy câu thoại đầu đánh lui nó. Như vậy đánh với nó ba lần, hai lần, bất tri bất giác tùy vọng tưởng mà đi mất đến nửa ngày, biết ra rồi lại cho là “lạ lùng thay, ta tham thoại đầu muốn hàng phục vọng tưởng ai dè vọng tưởng nổi lên cả nửa ngày mà cũng còn chưa biết”, lại tham thoại đầu nữa, một khắc sau nghiệp chướng nổi dậy, ông vẫn theo như trước mà địch lại, ba lần địch, hai lần địch, bất tri, bất giác lại tùy nghiệp chướng mà đi mất, nổi nghiệp chướng lên cả nửa ngày mới biết. Các ông suốt ngày như thế mà địch với nó, bất tri, bất giác tùy thuận nó, tức là các ông dụng công “một người địch muôn người”, thực ra người đời nay không thể dụng công được. Cần phải làm sao cho muôn người bỏ ác làm lành, tất cả đều đầu hàng, chúng ta chỉ cần chuyên chú

giữ lấy câu thoại đầu không rõ ràng cứu cánh là ai? Cũng chẳng biết rốt ráo là thế nào? Vọng tưởng đến ta không hỏi, nghiệp chướng đến ta không hỏi.

Nói tóm lại, không rời câu thoại đầu. Phật là người nào niệm? Dầu cho nổi tình yêu, nổi vọng tưởng, nổi nghiệp chướng đủ thứ nhiều đến đâu ta cũng không hỏi. Ta vẫn còn giữ lấy câu thoại đầu để khởi nghi tình. Nghi tình phải rõ ràng, mạch lạc, cứ ung dung, ngay thẳng mà tham đi. Vậy thì vọng tưởng nổi lên mặc kệ nó, ta cứ tham câu thoại đầu của ta, mỗi người làm lấy việc của mình, các ông nổi vọng tưởng cũng được, không nổi vọng tưởng cũng được, ta cứ tham thoại đầu mà thôi, cứ giữ cái nghi tình không hiểu mà thôi. Đề vọng tưởng nổi cho đã đi, nổi đến hết rồi thì không nổi nữa. Ta vẫn còn tham như thế lâu ngày rồi nó phải đầu hàng ta. Làm cho nó chỉ tâm quay về, thế không phải là phản vọng quy chân sao? Tỷ như ta mặc chiếc áo vá, đắp chiếc y, đầu đội mũ ngồi xếp bằng một bên đường, cho dù thiên quân vạn mã cầm đao súng đi ngang qua chỗ ta, ta có quan hệ gì đâu? Phải chăng nó đi đường nó, ta không phải là kẻ địch của nó thì làm sao nó lại đánh ta? Lâu ngày nó đi tới, đi lui, đi quen mãi rồi nó còn đến thỉnh giáo, thỉnh ta nói về tâm rất là thân thiện, có phải là quy thuận ta chẳng? Các ông tất cả hãy nghĩ xem có đúng không? Ta với nó làm địch tất nó sẽ liều mạng với ta, ta không cùng nó làm địch nó sẽ thân cận ta, tùy thuận ta thôi.

Các ông thử nghĩ ta chỉ với câu thoại đầu mà không minh bạch gặp vọng tưởng nào cũng chẳng hỏi, không lấy nó làm bạn xấu, cũng chẳng lấy nó làm bạn tốt, không đến gần nó cũng chẳng xa nó, dụng công tham thiền như thế thì còn gì tốt hơn. Rõ ràng câu thoại đầu này mà nhận chân tham cứu không cùng với tất cả vọng tưởng, nghiệp chướng làm bạn, không cùng với thiên, nhơn, A-tu-la làm bạn, cũng không cùng với Chư Phật, Bồ Tát, lịch đại Tổ sư làm bạn. Các ông e sợ mà còn mỗi hoài nghi mới hỏi "Nói câu thoại đầu không cùng vọng tưởng, nghiệp chướng làm bạn còn có thể được không cùng Chư Phật, Bồ Tát làm bạn tôi có chỗ không tin". Đúng đây! Không tin thì không lạ gì ông, ta muốn hỏi ông: Có tham câu thoại đầu hay không? Giả sử không có tham thì hãy tin lời ta. Hãy tham câu thoại đầu đến rốt ráo xem là ai, cứu cánh là ai? Các ông từ sáng đến tối cứ như thế không gián đoạn, liền không có kẽ hở, chính vào lúc nghi tình đặc lực, các ông hãy mở mắt ra mà xem, Phật có còn không? Tổ có còn không? Đây, ấy phải là tự các ông đi đến nơi đó thì mới thấy được. Tham đi!

Khai thị: Ngày 3 tháng 11 (thất ba ngày thứ ba).

Trình tự của việc tham thiền, đại khái từ đa tâm đến thiếu tâm, do thiếu tâm mà đến nhất tâm, về sau từ từ đạt đến vô tâm, liễu tâm. Đa tâm của các ông bây giờ nhất định chẳng có đâu. Đa tâm là sao? là tất cả cảnh giới bên ngoài, hoặc Thượng Hải, Bắc Bình, hoặc Tô Châu, Nam Kinh cho đến tất cả mọi nơi đều là đa tâm cả. Đa tâm chẳng có thì còn có thiếu tâm, thiếu tâm lại là cái hình sắc thấy được, âm thanh nghe được ở chốn thiền đường, cho đến chỗ thiếu tâm này, đại khái là có vậy. Hôm nay nói câu thoại đầu này, ngày mai cũng nói câu thoại đầu này, lâu ngày rồi sẽ tự biết do thiếu tâm đến nhất tâm, nhất tâm lại là cái tâm tham thoại đầu, còn cái gì khác nữa cũng chẳng có: đi, đứng, nằm, ngồi cũng là cái tâm này; mặc áo ăn cơm cũng là cái tâm này. Với cái tâm này đã quen thuộc rồi thì đối với vô tâm, liễu tâm đều có thể tiếp tục đạt đến được. Đây cũng là trình tự dụng công tham thiền trong Thiền tông cũng không phải là Giáo môn nói theo lục thức, nhất thức, bát thức, trần sa vô minh. Thiền tông chỉ là: từ nhiều đến ít, từ ít đến không. Nhiều nhất chỉ là nói thô hay tế, đó là phương tiện cùng cực.

Lại nữa, câu thoại đầu này, các ông thực không ưa nghe "ngày nào cũng nói, nhiều quá đi rồi, chán nản quá! Mà có cái gì nói đâu, câu thoại đầu ấy một chút mùi vị cũng

chẳng có". Các ông đã không thích nghe mà tại sao ta còn cứ muốn nói câu nhạt nhẽo này? Vậy thì ta muốn hỏi các ông: muốn hay không muốn tham thiền? Các ông là người làm việc gì? Nếu là người tham thiền muốn liễu sanh thoát tử, vậy thì sanh tử muốn liễu thoát đó, thiền thì nhất định phải tham. Đa tâm thì người nào cũng có, các ông dùng phương pháp nào mà có thể làm cho đa tâm thành thiếu tâm, làm cho thiếu tâm thành nhất tâm cho đến vô tâm, liễu tâm? Trình tự tham thiền không trải qua con đường này tất không thể nào được liễu tâm. Cái pháp tham thoại đầu này thì rất xứng đáng, thâm đa tâm thành thiếu tâm, từ thiếu tâm mà đến nhất tâm, vô tâm, liễu tâm.

Các ông không tin vào cái pháp này, thế các ông có thể tin vào cái pháp nào nữa? Nếu các ông thực không tin, chẳng thèm nghe, ta cũng chẳng cần nói. Câu thoại đầu cũng không có gì là phạm vi lớn cả, chỗ của nó rất nhỏ, một tấc, một phân cũng chẳng có. Nói cho gọn thì có thể nói thật là nhỏ, bỏ nó vào tay cũng được, bỏ xuống chân mà đạp lên cũng được, đặt lên đầu lông mày cũng được. Các ông xem đó mà cho là một việc không đáng kể. Tiếc thay! Tất cả chúng ta đều ở trong căn phòng nhỏ bé này, các ông ở trong đó ta cũng ở trong đó, thập phương Chư Phật, lịch đại Tổ sư cũng đều ở trong đó. Các ông còn có một người nào không ở trong đó không? Còn có thể ra khỏi phạm vi bé tí ti này không? Ta hỏi các ông: có ra được hay không ra được? Không ra được, đầu thai thành trâu cũng từ nơi này ra, ngựa cũng từ nơi này ra. Các ông còn có người đứng ra nói "Tôi không ở trong, tôi đã ra ngoài rồi". Các ông còn có người nào đứng ra nói như thế không? Đại khái các ông không có người nào như vậy.

Giả sử các ông có một người nói "Ta đã ở bên ngoài rồi" cũng còn chưa đúng, ông ở bên ngoài, ta ở bên trong, đem bên trong bên ngoài quăng bỏ đi hết thì mới đúng. Nếu trong ngoài đều không vứt bỏ thì chưa được kể là liễu sự. Câu thoại đầu mà các ông không chịu nghe nó không có mùi vị thì kết quả vẫn còn ở trong bụng nó, không ra khỏi phạm vi của nó được một bước. Có bản lĩnh lớn nhất cũng không làm gì nổi nó. Các ông còn phải tin nó không? Nếu không tin nó thì các ông có bản lĩnh gì ra khỏi phạm vi của nó không? Tại sao muốn nói câu thoại đầu làm cho ta tất cả đều ở trong phạm vi của nó? Bởi vì một câu thoại đầu này là ai, rốt ráo không rõ được vì bị nó nhốt lại đến chặt cứng. Cái cửa này phá không được tất nhiên thiên đường, địa ngục, thai trâu bụng ngựa cũng không phá được. Chung qui bị nó nhốt lại, nếu muốn phá cửa này thì cần phải tham câu thoại đầu. Hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 4 tháng 11 (thất ba ngày thứ năm).

"Chỗ lạ chuyển thành quen, chỗ quen chuyển thành lạ" nói chung là pháp thế gian và xuất thế gian đều như thế cả. Tỷ như có người ở Chùa Kim Sơn các ông thì sự việc trong Chùa đều biết, không những là nhà cửa, cột kèo, ngói gạch các ông cũng đều đếm qua từng cái, cũng có thể nói là thông thuộc lắm vậy. Ngày nay đến Chùa Cao Môn một chỗ cũng chẳng thông, cái gì cũng không hiểu được, đây hoàn toàn là lạ vậy; đây cũng là cái lý thông thường thôi và mọi người đều thấy được cả. Tuy nhiên Chùa Cao Môn là lạ, Chùa Kim Sơn là quen, các ông được ở Chùa Cao Môn một ngày thì đương nhiên sẽ quen được một ngày. Người mới bắt đầu tuy ở Chùa Cao Môn, nhưng tâm vẫn ở Chùa Kim Sơn, đợi đến khi ở được một năm thì mới quen được một năm, ở cho đến hai mươi năm, ba mươi năm thì đương nhiên Chùa Cao Môn cũng quen thuộc cùng cực. Cao Môn quen được một ngày thì Kim Sơn lạ đi một ngày, Cao Môn quen được một năm thì Kim Sơn lạ đi một năm, ba mươi năm cực quen thuộc Cao Môn rồi thì Kim Sơn cũng cực lạ rồi, đây cũng là lẽ thường.

Đối với chúng ta thì dụng công cũng như vậy. Câu thoại đầu từ vô lượng kiếp đến nay chưa thấy qua, lại cũng chưa làm qua, nổi vọng tưởng, nổi nghiệp chướng quen thuộc

lắm rồi từ vô lượng kiếp đến hôm nay, chẳng may may có giây phút nào lìa khỏi nó. Sống trong vọng tưởng đã rồi nổi nghiệp chướng, nghiệp chướng nổi đã rồi lại khởi tình ái, tình ái khởi đã rồi đi đến chỗ nổi giận, như thế suốt ngày, suốt năm, đời này đến đời kia, kiếp này đến kiếp kia, không phút nào ngừng nghỉ, tất cả những điều này đều quen thuộc cả rồi. Hôm nay muốn các ông tham câu thoại đầu, một chút hình ảnh đều không thấy, một câu thoại đầu mới đề lên vọng tưởng đã nhanh chóng lôi nó đi, gắng sức đề lên một lần nữa, hai lần nữa nhưng tâm vẫn còn ở trong vọng tưởng. Các ông muốn suốt ngày không rời câu thoại đầu, rốt cuộc lại bị vọng tưởng nghiệp chướng dắt đi. Tại sao vậy? Đó tất là vọng tưởng nghiệp chướng thì hoàn toàn quen thuộc còn câu thoại đầu thì xa lạ hoàn toàn, cũng giống như Chùa Kim Sơn thì quen mà Chùa Cao Mân thì lạ vậy.

Giả sử như nếu có vọng tưởng thì cũng còn là câu thoại đầu, không có vọng tưởng cũng là câu thoại đầu, nổi nghiệp chướng cũng là câu thoại đầu, chẳng nổi nghiệp chướng cũng là câu thoại đầu, lạ cũng là câu thoại đầu, quen cũng là câu thoại đầu, đề lên được cũng là câu thoại đầu, không đề lên được cũng là câu thoại đầu. Chung qui có thể không ăn cơm, không ngủ nghỉ, nhưng không có câu thoại đầu thì không được. Hôm nay thì lạ, ngày mai cũng lạ, lâu ngày đương nhiên sẽ thành quen, cho đến mỗi năm lại càng thêm quen, hai mươi năm, ba mươi năm chắc chắn sẽ quen thuộc hoàn toàn thôi. Câu thoại đầu từ lạ mà dần dần chuyển thành quen, vọng tưởng nghiệp chướng từ quen mà dần dần chuyển ra lạ. Câu thoại đầu đã quen thuộc rồi thì vọng tưởng nghiệp chướng, thế sự đều sẽ thành xa lạ thôi. Như quen thuộc Chùa Cao Mân xa lạ Chùa Kim Sơn vậy, các ông có một chút tri thức ta nói như thế thì các ông sẽ hiểu được sự quan hệ giữa lạ và quen, thì có phải là cần khổ công tham cứu không? Cần tham cứu lâu dài không?

Tham không được, không có bệnh nào khác, bởi vì quá lạ nên vọng tưởng nghiệp chướng không đánh lui được, không dẫn xuống được, muốn được lạ chuyển thành quen, quen chuyển thành lạ đương nhiên cần phải khổ công tham cứu câu thoại đầu, lâu rồi cũng đến một ngày phải thành công thôi. Công phu không dụng được đó là vì ông không triệt để tin vào pháp tham thoại đầu này. Tại sao vậy? Bởi vì câu thoại đầu đề lên cũng như núi bạc, vách sắt, kêu ông đi thì ông phải bước chân vào chỗ nào? Chẳng những không có được đường đi mà ngay cả nơi nghỉ chân cũng chẳng có, mở mắt xem thì không thấy đồ vật, lắng tai nghe cũng không nghe được âm thanh, mắt thấy không được, tai nghe không được, chỗ để chân cũng không có, bảo ông đi thì làm sao ông đi được? Ông không đi được ông còn tin được sao. Nhất định là không tin rồi, vì từ vô lượng kiếp đến nay nơi đi đều có hình sắc thấy được, có âm thanh nghe được, có đường đi được.

Ngày nay dạy các ông tham câu thoại đầu, cái chỗ này không giống như nó đâu: xem không được, nghe không xong, chân không có chỗ đặt xuống thì hình như khổ muốn chết đi. Các ông cho là "Từ trước nơi nào cũng đến qua rồi, cái chỗ tham câu thoại đầu không đầu không đuôi, chẳng có đông tây, nam bắc, chẳng tư duy trên dưới này, không những chẳng có người nào mà ngay cả ta cũng không có được. Chỗ này chưa có đến qua làm sao có thể dạy ta tin được, tin cái gì? Có cái gì hãy đưa ta xem, có âm thanh gì hãy cho ta nghe mới được chứ, thì bây giờ tôi mới có thể tin được, thí dụ có một cô gái mặc áo đồ xanh, mặt mày thật đẹp đẽ, mở miệng nói tiếng nghe rất hay, ông bảo tôi tin thì tôi nhất định tin, bởi vì nhìn thấy sắc đồ xanh, nghe được tiếng êm dịu, tự mình mắt thấy tai nghe thì phải tin thôi.

Hôm nay tham câu thoại đầu rỗng không, cái gì đâu cũng chẳng thấy, lại còn bảo người tin làm sao được, thực là làm cho người ta thấy khó chết đi thôi!" Cũng giống

nư dạy các ông đi trên hư không vậy, chẳng đi thì không qua được, muốn đi lại đi không đến, không đi cũng buộc phải đi, hôm nay cũng buộc, ngày mai cũng buộc, buộc cho tới không có cách nào thì phải đề câu thoại đầu mà tham. Không có chỗ để chân cũng phải bỏ một chân, không thấy được vật gì, nghe chẳng được âm thanh nào thì chẳng quản gì nó lại cũng từ nơi này hướng tới trước mà đi xem, đợi đến khi ông bước một bước hình như có một chỗ để chân xuống, chẳng quản gì nó lại đi thêm một bước nữa, à! có thể đi được rồi, lâu dần đi, từng chút từng chút một bước về phía trước, cứ như thế thì có thể bước ra đến một con đường sáng sủa, cũng như bảo ông đi trên hư không không nơi đặt chân. Cần phải buộc ông đi, hôm nay cũng buộc, ngày mai cũng buộc, cứ buộc tới không có cách nào cũng phải hướng tới trước mà đi từng tí từng tí một. Lâu dần đi thì đi trên hư không cũng có thể đi được, đi quen rồi cũng không thấy quái lạ gì, muốn lặn người, muốn nhào lộn cũng có thể cho ông tự do. Đó là lẽ làm sao? Chẳng có gì khác cả, chỉ là quan hệ giữa lạ và quen. Lạ là không động, nếu quen rồi thì cái gì cũng làm được hết. Tham câu thoại đầu cho quen thuộc rồi lại còn lý gì mà không dụng công phu được nữa đâu. Hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 5 tháng 11 (thất ba ngày thứ sáu).

Người muốn liễu thoát sanh tử thì phải siêng dụng công phu, người không biết sự sanh tử thì tối ngày sống trong sự khổ cực. Đối với người ở chốn tông lâm thường tình đều như thế cả, người có chút đạo tâm biết hai chữ sanh tử là lợi hại đương nhiên không liễu thoát nó không được. Việc thế gian có thể ngưng lại một bước nhưng việc sanh tử thì gấp lắm, không cho chậm trễ được. Người muốn hành đạo thấy được đả thiên thất họ sẽ mừng lắm, phần khởi tinh thần tham gia, bởi vì lúc thường thì có nhiều sự phá rối việc công phu, mặc dù phục vụ nhà Chùa là vun trồng cội phúc đối với bốn phần của mọi người thì nói vun trồng cội phúc cũng được, nói là việc quấy rối công phu cũng có thể được. Trong thời kỳ đả thiên thất này việc gì cũng khởi làm thì công phu mới xứng đáng. Một nén hương rồi một nén hương tự mình xem xét mình, nén hương này công phu còn đặc lực, nén hương kia nửa nén đặc lực, nửa nén thì không, tự mình xét mình tất cả, tự mình buộc lấy mình, nén hương trước không đến nơi đến chốn nén hương sau có được hơn nửa đặc lực, thì một nén hương nữa có thể đặc lực hoàn toàn. Từng bước từng bước tiến lên.

Người muốn liễu thoát sanh tử cứ mãi lo sự tham cứu này, và người không có chút đạo tâm sẽ nghĩ rằng “Ngày thường còn có chút việc để tiêu khiển, còn có thể mượn sự làm việc để giải buồn mà hôm nay đả thiên thất thì hỏng rồi, một chút việc cũng chẳng có, thật làm ta buồn muốn chết đi. Từ sáng đến tối chỉ đi đi, ngồi ngồi trong thiên đường, không thì đi cầu tiêu đại và tiểu tiện trong lúc khai tịnh, ngoài việc quả đường ra thì cũng chẳng thấy được cảnh giới bên ngoài, thực làm cho người ta thấy khổ muốn chết đi, một khắc thời gian cũng không có”. Thế là lý lẽ làm sao? Bởi vì tâm của các ông không có giờ phút nào ngừng được. Ngày thường ngoài việc nổi vọng tưởng, làm công việc, làm rồi lại nổi nghiệp chướng nghiệp chướng nổi đã rồi thì đi ngủ. Mở mắt tỉnh dậy lại nổi vọng tưởng nữa.

Hôm nay đả thiên thất không có việc gì để làm, muốn ngủ thì không cho nhưng ông nổi vọng tưởng thì không ai làm gì nổi cho ông được, không những ta mà ngay cả Phật Thích Ca cũng không làm gì được cho ông. Cho ông nổi vọng tưởng nhưng chỉ nổi vọng tưởng thôi thì còn thấy không vui. Ngoài nổi vọng tưởng tâm không còn vật gì để dựa vào. Lo cái tâm cực khổ, lo nén hương dài quá, lo lúc đánh bản thì không hiểu sẽ được ăn món gì hoặc là vị giám hương đánh bản quá mạnh. Tối ngày cứ lo việc này không còn việc gì khác. Các ông những người như vậy thì không ít. Nếu

không sửa đổi thì ta nói thật, ta không khách sáo với các ông, các ông làm người như vậy tức là tội nhân. Các ông tưởng rằng không có phạm pháp chi thì làm sao gọi là tội nhân?

Đúng đấy! Các ông cần phải hiểu tất cả hộ pháp trong ngoài nhà Chùa đều vì các ông dụng công hành đạo để liễu sanh thoát tử. Ai bảo ông là làm cho qua ngày? Ông làm như vậy, không dụng công, không hành đạo thì không phải là tội nhân hay sao? Ta nói đại đa số các ông không dụng công là tội nhân là ta còn ưu đãi các ông đó, các ông có tin không? Các ông cả ngày ba tuần trà, bốn bữa cơm, hai lần nước người ta làm sẵn sàng để thọ dụng, không dụng công đương nhiên là tội nhân. "Vậy đã nói là tội nhân sao còn ưu đãi chúng tôi?" Ta nói ưu đãi các ông là sao? Các ông cần phải biết "Hào ly hệ niệm, tam đồ nghiệp nhân" (hễ mảy may niệm nổi lên thì tạo nhân ba ác đạo). Các ông thử nghĩ xem, các ông suốt ngày muôn ngàn niệm cũng có đâu phải mảy may thôi đâu? Một mảy may niệm thì tạo các nghiệp nhân đọa vào ba ác đạo, tương lai sẽ thọ quả ba ác đạo. Một niệm mà có nhiều quả báo như vậy mà các ông niệm này qua niệm kia muôn ngàn ngàn không ngưng nghỉ thì chịu quả báo biết bao nhiêu.

Vậy ta chỉ nói tội nhân là ưu đãi các ông rồi đó nhưng ta cũng hy vọng mọi người cần tham câu thoại đầu, tham cho đến thông suốt hết mới được. Chỗ nào là chỗ dụng công phu cho được, ta muốn hỏi: các ông có tham câu thoại đầu không? Các ông trả lời: có. Ta lại hỏi: Nghi tình có đặc lực không? Các ông nói đặc lực. Ta lại hỏi thêm: trong khi đặc lực còn có thiện niệm, ác niệm không? Còn có cái niệm thành Phật không, còn có cái niệm độ chúng sanh hay không? Nếu nói đều không có thì luôn cả hai chữ B không có, D cũng không biết. Nói như thế thì được sự thực hành rồi. Muốn các ông tự mình hành đến chỗ này thì mới có sự thụ dụng. Các ông nếu thật có công phu như thế, quày đầu lại (ngộ) với câu "niệm Phật là ai?" lẽ nào không mở miệng được! Hôm nay ta hỏi ông: Niệm Phật là ai? các ông không mở miệng được. Ta hỏi nữa thì mặt các ông đỏ hết, không được hỏi nữa, hỏi nữa thì không đúng rồi. Như vậy tức là công phu à! Một người bị người ta hỏi một câu không mở miệng được, hỏi nữa cũng không trả lời được.

Các ông làm người như vậy, nếu người có một tí ti học thức đương nhiên cần phải buông bỏ tất cả học vấn cùng tội của mình, chỉ chuyên giữ lấy câu thoại đầu thà chết chứ không buông. Muốn cái đầu của ta thì được, chứ muốn bỏ câu thoại đầu thì không được. Người chức sự bảo trải nệm ngồi, ta cũng không biết trải hay không? Cần nhất là chiếu có đến câu thoại đầu, quá lắm chỉ là bị đánh hương bản thôi, chung qui bảo ta bỏ câu thoại đầu để đi trải nệm ngồi thì ta không làm, thà chịu hương bản, chúng tôi trước kia dụng công là vậy đó. Thà rằng phạm quy củ bị đánh hương bản chứ bảo ta bỏ câu thoại đầu thì không được. Trong các ông chưa có ai nói công phu là cần thiết hơn cả.

Phạm quy củ bị đánh hương bản là việc không đáng kể, chỉ cần có công phu để dụng là được rồi, có được một người như thế chẳng? Ta dám nói không có, vậy các ông là người như thế nào? Các ông muốn giữ cái mặt bề ngoài cho tốt, rất sợ mất mặt. Bị đánh hương bản là sự mất mặt rất khó chịu. Cái thứ mặt thối như cứt chó này mà giữ nó làm gì. Nhưng các ông muốn giữ cái mặt thúí đó không giám ruộng bỏ nó. Với các bồn lai diện mục rất quý lại không nghe không hỏi, cho là không cần vì người ta không thấy mà chỉ muốn giữ lấy cái mặt thúí cho tốt là đủ rồi. Như vậy há chẳng đáng tiếc, đáng buồn sao? Các ông cam tâm làm thứ người vô dụng như vậy sao? Các ông còn biết các ông khổ não không? Hôm nay có duyên ta giảng cho các ông nghe, các

ông còn không để gì nghe nhiều được. Các ông hãy gắng sức tham đi!

Khai thị: Ngày 6 tháng 11 (thất ba ngày thứ bảy).

Người dụng công phu thường ngày dụng còn khá. Dù có nổi vọng tưởng, đề lên câu thoại đầu thì vọng tưởng mất tiêu, công phu cũng còn dụng được, lúc tịnh dụng được, lúc động cũng dụng được, hình như niệm niệm cũng không bỏ trống. Hôm nay đã thiền thất thì trái ngược lại, thoại đầu đề không lên, vọng tưởng cũng nổi không được, thanh thanh tịnh tịnh, muốn đề lên không câu thoại đầu để dụng công phu. Đề lên một lần không được, hai lần không được, ba lần không được, đề đến tức ngực cũng đề không lên. Hình như đã thất đã hỏng rồi. Ngày thường tham rất tốt, tại sao đã thất lại dụng công không được? Thôi buông nó cho xong!

Còn một thứ người thì đến chỗ này lại tưởng rằng “Tốt lắm, thanh thanh tịnh tịnh, công phu mặc dù đề lên không được, vọng tưởng thì không có, vậy không có vọng tưởng thì đại khái như thế là đúng rồi, không cần dụng công phu nữa, nếu dụng công phu nữa há có phải là nhiều chuyện không?” Cho nên ở chỗ thanh thanh tịnh tịnh này hãy nghỉ ngơi đi thôi. "Thiếu số người có chút ít đạo tâm lần mò trên sự công phu nhất định phải có một thiên sự thực này. Tại sao vậy? Chỗ này thì dụng công tất phải trải qua, ông muốn dụng công thì phải y theo đường lối này mà đi; con đường này là người dụng công tất phải đi qua, cũng không có việc lạ gì đáng kể.

Mặc dù tất phải có, nhưng tri thức của hai loại người này đều không đúng: một loại là đề thoại đầu không lên, đề một lần nữa cũng không lên, đề năm lần, ba lần rồi bỏ luôn, một loại thì không muốn đề lên tưởng rằng đã đến nhà, nhưng sự thực này đối với bốn phận các ông thì còn xa lắm, cách xa như trời với đất. Hai loại này đều là sai lầm! Tại sao vậy? Lý do đề không lên và không muốn đề đều là do các ông đối với công phu này chưa thấy được thấu đáo. Nếu mà thấy được thấu đáo, tự nhiên không có sự đề không lên và không muốn đề rồi bỏ luôn nó. Người dụng công tại sao có con đường này? Cần phải hiểu rằng: lúc bình thường đều ở trên thanh sắc mà dụng công, không phải mất thấy sắc thì tai nghe tiếng; và lúc ấy mặc dù đề câu thoại đầu lên được nhưng vẫn còn trên thô tâm để thấy sắc, nghe tiếng. Cái thô tâm này, vọng tưởng cũng có, hôn trầm cũng có, nghiệp chướng cũng có; những cái này thường hiện ra, bởi vì thô tâm tất phải như thế.

Hôm nay đã thiền thất, thanh sắc bên ngoài đều không được đến trước mắt ông, nghĩa là không cần các ông trừ bỏ thanh sắc, thanh sắc tự nhiên không có. Vì không có thanh sắc bên ngoài nên bên trong cũng không có tư tưởng phân biệt. Có thể gọi là ngoại vô thanh sắc, nội vô phan duyên, vì thanh sắc khởi lên phan duyên, vì phan duyên phân biệt mà nói thanh sắc, vì thanh sắc phan duyên thấy nhau mà nói một thô tâm. Hôm nay thanh sắc đã không thì phan duyên làm sao có được; phan duyên, thanh sắc đều không, thô tâm đương nhiên cũng không có; thô tâm đã không thì tất cả đương nhiên sẽ ngưng lại. Đề cũng đề không lên, dụng công dụng không được, vọng tưởng cũng nổi lên không được. Thanh thanh tịnh tịnh đường đường chánh chánh tức là cái chỗ này và cũng là cái thô tâm đã ngưng nghỉ.

Thiền tông nói như vậy, không phải như Giáo môn nói cái gì là kiến tư hoặc, cái gì là tiền ngũ thức. Thiền tông chỉ nói thanh sắc, thô tâm; thô tâm ngưng nghỉ rồi không phải là hết chuyện mà còn phải tiến tới trước mới đúng. Đã là thoại đầu đề không lên thì làm sao đi? Có cách nào không? Có! Cách này đối với hai thứ tri kiến của loại người trên đều có thể hợp dụng. Người mà đề không lên rồi bỏ luôn cũng cần cách này. Người không muốn đề tưởng rằng đến nhà, cũng cần cách này. Cách này là thế

nào? Tức là chỗ các ông đề không được, nghĩ ra một phương pháp đó là “hãy tham câu thoại đầu”. Ông chưa nói tôi đã nói rồi “đề không lên thì làm sao tham?” Vậy thì đề, buông xuống, lại niệm câu thoại đầu. Mọi người đều có thể niệm được một câu thì cứ ở chỗ niệm mà tham!

Chiếu theo như vậy, ở nơi đề không lên nữa, hoặc không muốn đề, là niệm một câu thoại đầu nữa. Từ chỗ năng niệm hạ thủ tham, chỗ hạ thủ này nổi lên nghi tình. Ta cho các ông biết; ông không muốn tham nó cũng không nghe ông, nghi tình dâng lên thì tốt lắm! Nhưng mà ta nói tốt xấu là của ta, muốn cho các ông đi được tới chỗ này thì các ông mới hiểu được sự chân thật bất hư. Lúc ta ở Chùa Kim Sơn công phu dụng đến chỗ này cũng như các ông bây giờ vậy. Đề thì đề không lên, vọng tưởng chẳng cần nói, đương nhiên cũng không nổi được, bởi vì công phu của ta và các ông không giống nhau ở chỗ đó. Ta lúc mới dụng công ta tự mình từng nén hương một mà khảo cứu, mỗi khi gặp nén hương nào khai tịnh trước hết phải tự mình thăm vấn mình: công phu nén hương này ra sao? Còn hôn trầm không? Còn vọng tưởng không?

Nếu còn một tí hôn trầm hoặc một tác hương vọng tưởng thì ngay lúc đó tự mình đánh mình một bạt tai; nén hương sau tự trách mình, phải làm sao hôn trầm vọng tưởng không còn một tí nào nữa mới được, câu thoại đầu thật ngay thẳng, thật rõ ràng thì ta mới chịu bỏ qua không tự trách mình nữa. Dụng công cho đến chỗ này, cho dù đề không lên ta cũng không giống với người, đối với chỗ này thì ta không trụ, biết là không phải cảnh giới tốt, cho là cảnh giới tốt ta cũng không trụ. Chỉ muốn tham cứu mới đúng, không có phương pháp thì kiếm một vọng tưởng quen thuộc để suy nghĩ, vừa mới kiếm được chưa nổi lên thì đã mất rồi... Nói Thượng Hải đại vũ đài tốt lắm, lấy nó làm vọng tưởng suy nghĩ thì không được. Vọng tưởng này nổi không lên sau đó lại thông thả niệm ra một câu thoại đầu, thử nghĩ xem cái câu thoại đầu này từ chỗ nào đến đây? Đã là năng niệm thì tại sao tham không được? Từ chỗ này mà hạ thủ, ngưng cho đến hai ngày sau đó lại từ chỗ này tham nữa; giống như ba ngày không ăn cơm, thấy được cơm thì có bỏ mạng cũng muốn ăn, thì mới cảm thấy công phu dụng được tốt, lại cứ thế tiến tới. Tình hình đó thì nhiều lắm, đợi các ông dụng công đến chỗ này, ta sẽ thương lượng với các ông nữa. Hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 7 tháng 11 (thất thứ tư ngày đầu).

Ngày trước Phù Thượng Tọa đã thất được 6 ngày thì khai ngộ. Ngài Triệu Châu đã được một thất thì khai ngộ. Quốc Sư Trung Phong đã được hai thất thì khai ngộ. Triệt Tổ Thiên Tuệ chùa ta đã được bốn thất thì khai ngộ. Các ông hôm nay đã được mấy thất rồi có biết không? Ta tuy hỏi thế thì các ông cũng có người nói “Tôi từ lúc bắt đầu khởi thất đến giờ, sớm tối đều không rõ, ngày nay, ngày mai, mừng một, ngày rằm càng không biết; chỉ mong hiểu được câu thoại đầu thì còn biết đâu là bao nhiêu thất?” Có được loại người này thì ta tán thương lắm đó! Ta cho các ông biết: hôm nay thất thứ ba đã qua rồi. Người xưa một hai thất đã khai ngộ. Các ông đã được ba thất nhưng đối với việc khai ngộ thì vẫn chưa có tí tin tức gì.

Các ông hãy tự hỏi mình, dầu cho không có tin tức nào, chỉ cần không biết đến có ngày giải thất; đại chúng ngủ, ông cũng nằm xuống, chẳng biết được là ngủ hay không ngủ, câu thoại đầu rõ ràng minh bạch. Người ta ngồi, tôi cũng ngồi, người ta đi, tôi cũng đi, nhưng ngồi hay đi đều không biết đến. Mọi người đi về phía trái đường, tôi cũng đi, đi là đi vậy, chứ làm việc gì ta cũng không biết. Mọi người ăn cơm, bát đĩa ông cũng không biết cầm. Các ông có sức dụng công phu như thế ba thất không ngộ thì năm sáu thất ta có thể bảo đảm ông quyết sẽ ngộ thôi. Ta muốn các ông có

công phu như thế, bằng không thì cái câu khai ngộ ấy không xong rồi. Nhưng mà cái tâm khai ngộ liễu thoát sanh tử thì đương nhiên người nào cũng có, người nào cũng mong.

Đối với việc công phu cho đến tùy duyên đứng lên nằm xuống mà không biết có đứng lên nằm xuống, cũng người ta đi đến trai đường mà không biết cầm bát đũa. E rằng các ông chưa tin mà cho rằng “Nhất định là gạt người ta rồi chứ làm gì có lẽ đó!” Đúng đấy! Chỗ đi của người khác các ông không tin vì chưa thấy đến; hôm nay ta đem chỗ hành của ta bảo cho các ông nghe thì không thể lại không tin nữa, ấy là tự ta đã đi qua, các ông nhất định phải tin. Không phải khi không ta bảo các ông tin, trong đó có một sự thực như thế này, ở trai đường không cho bạt tai, việc ấy có liên hệ đến sự dụng công chịu khổ của ta đã qua.

Khi ta ở Chùa Kim Sơn dụng công đến chỗ thực khẩn trương, nghi tình đang cuộn cuộn, ông muốn không tham nó cũng không cho, cứ liên tiếp mãi như thế. Khi đã thất khai bản quả đường ngồi xuống rồi nghi tình thật đặc lực, người ta ăn cơm ta không biết cầm lấy bát đũa; người ta ăn gần xong, ta hé mắt nhìn thấy cơm rau trước mặt ta bèn cầm bát đũa lên, sau lại nghĩ: không thể quăng bỏ công phu được, ăn cơm vẫn phải đề công phu cho tốt, lại đẩy mạnh câu thoại đầu; rau cơm không biết lỏ đi vào miệng cứ ngơ ngơ ngác ngác ngồi ngay ra đây. Bỗng nhiên buông tay đập bễ chén cơm. Sư tăng trực bước đến bạt mạnh một bạt tai làm cho ta đánh rơi luôn bát cơm xuống đất vỡ toang. Sư tăng trực bạt luôn năm ba bạt tai nữa, bạt đến đầu óc ta quay cuồng. Ta bèn nghĩ; đánh, tuy là đáng rồi, công phu cũng phải chiếu cố cho tốt, không thể vì bị đánh đập mà quăng bỏ công phu.

Vì thế, phạm nơi nào ta đã ở qua thì ở trai đường không cho bạt tai. Hơn nữa, người ở trong Chùa đều là người hành đạo cho nên chỉ cho quát tiếng lớn chứ không cho đánh bạt tai. E rằng các ông không phải như ta vậy, hề bị đánh đập thì lập tức rút lui ngay. Việc này vốn không phải dễ mà lo liệu đâu: lo đầu này thì mất đầu kia, lo đến qui củ thì nhất định lo không tròn công phu rồi, và do vậy mà thoái bộ. Cho nên dù cho bên ngoài ra thế nào, việc sanh tử của ta chưa liễu thoát được thì chung quy không chịu bỏ công phu. Các ông muốn khai ngộ tất phải cần ra sức dụng công phu, dụng cho đến lúc đi không biết là đi, ngủ không biết là ngủ, tiểu tiện không biết kéo quần; công phu như vậy không phải là dọa các ông mà đó là cái ta đã đi qua rồi.

Ta có một lần lúc đánh hiệu báo đi cầu mà không biết đi hướng nào, đây là công phu đã đến lúc khẩn trương, mọi người ra thiền đường ta cũng đi ra, người ta đi cầu mà ta đi đến điện Vi Đà rồi nhưng cũng không biết là làm việc gì. Vị Ban thủ nhìn thấy liền quát lên một tiếng, ta cũng không biết tại sao. Sau lại có vị Tây đường nọ thấy ta liền chỉ tay vào ta mà nói rằng “đại khái là công phu của ông đứng đấy, tức là quên hẳn tất cả rồi đó! Bây giờ là lúc đi cầu à, ông hãy hướng về phía tây đi!” Nhờ câu nói của người, ta mới biết được. Ta lúc công phu đặc lực có rất nhiều lần nhờ vị sư Tây đường này chiếu cố đến, cho đến hôm nay ta còn cảm tạ người. Đây là những điều ta đã từng kinh nghiệm qua cả cho nên ta mong các ông cũng hành cho đến được công phu như vậy, quả không phải là gạt các ông đâu. Các ông đều ở cùng một thiền đường, cùng tham một pháp nhưng cảm quả thì vô vàn sai khác. Trên trời, nhân gian, thai trâu, bụng ngựa, mỗi mỗi đều khác nhau. Hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 8 tháng 11 (thất tư ngày thứ hai).

Có người hỏi Triệu Châu “Thế nào là đại đạo?” Châu đáp “Tâm bình thường là đại đạo”. Lại nói “Tôi không phải hỏi cái đạo này, cái tôi hỏi là đại đạo”. Châu nói “Đại

đạo thông trường an". Vị hỏi câu này ngộ ngay lúc đó. Người xưa ngộ đạo trực tiếp như thế, ngày nay các ông cũng hỏi như vậy, ta cũng đáp như thế các ông có nhanh chóng ngộ đạo được chăng? E rằng các ông làm không được! Nếu nói người xưa là Bồ Tát chuyển thế, La Hán tái lai ấy là gạt người vậy. Cần hiểu được là: sự thực hành của người xưa và các ông không giống nhau, cách xa nhau như trời với đất; người xưa dụng công không kể nóng lạnh, không có đêm ngày, bất luận là nơi nào thì còn nói gì đến đả thất với không đả thất? Người xưa suốt ngày đêm không để một sát na xa rời công phu cho nên hề có cơ duyên, một lời, nửa câu lúc đó thì ngộ đạo ngay.

Các ông không ngộ được là tại sao vậy? Là vì sự sai lầm lớn "Lúc khát mới đào giếng". Ngày thường không mấy may dụng công, cứ cho là lúc thường không cần dụng công, lúc gia hương đả thất mới là lúc dụng công. Lại cho là vào mùa hạ khí trời nóng bức, ngày thường lại phải thượng điện cúng Phật; ngày thường tuân theo quy củ thì cần thiết hơn, những lúc như thế này cũng tùy theo đại chúng mà thôi, lúc gia hương đả thất mới là lúc dụng công. Đại khái các ông bị cái tri kiến sai lầm này mà bỏ mất thời gian không ít mà người sai lầm cũng không ít. Các ông nghĩ xem lúc khát nước mới đào giếng, người khát chết rồi giếng chưa đào xong phỏng có ích gì? Bách công kỹ nghệ trên thế giới đều phải cần đến 3 năm 5 năm mới có thể học xong để đòi lấy một bát cơm; huống chi cái diệu pháp xuất thế gian này của chúng ta thì đâu dễ dàng như thế?

Các ông là người có tri thức thì đường nhiên cần phải đừng phân biệt mùa đông trời lạnh cũng như mùa hè trời nóng chỉ cần đề lên câu thoại đầu, ở chỗ không minh bạch mà khổ công tham cứu thường xuyên không dứt, dầu cho nó có nóng nực lắm ta có câu thoại đầu thì đương nhiên sẽ mát mẻ tự tại; dù có lạnh đến đâu ta cũng có câu thoại đầu thì cũng chẳng biết đến lạnh rét là gì. Cứ khổ công tham cứu như thế 3 năm 5 năm muốn khai ngộ đương nhiên sẽ được dễ dàng. Nếu muốn lấy việc gia hương đả thất để dụng công, mà ngày thường lại không thì trong một năm kể ra cũng lãng phí hết chín tháng, chỉ còn dụng công có ba tháng. Các ông thử nghĩ xem có đúng không, còn kể là người dụng công sao? Ta ngày nay đối với các việc trước đả thất và sau khi giải thất mà đem giải bày ra hết, nếu người có tâm liễu thoát sanh tử sẽ tự nhiên biết theo đây mà làm, cũng không phải ta đơn độc muốn các ông làm như vậy. Ta vốn đã làm như thế rồi; việc ta đã làm qua, nói để các ông nghe. Ở trong các ông có người tri thức hơn ta thì phải vượt trên ta, hoặc có người không bằng ta thì phải theo học.

Trước kia ta ở Chùa Kim Sơn lúc dụng công thì ta chẳng bận tâm vấn đề giao thiệp với người chung quanh, ta chỉ chiếu cố đến câu thoại đầu rõ ràng minh bạch chẳng mấy may gián đoạn. Hễ lầm lỗi với người nào cho dù là chức sự, ta cũng chẳng để ý đến. Khi đi đường chỉ chiếu cố đến công phu, gặp vị tri khách ta cũng không biết chấp tay nhường lối. Đi đường có đụng nhau giữa đường làm vị tri khách phải lùi lại quá xa, ông ta bèn quát lên một tiếng. Bấy giờ ta mới nghĩ: không đúng rồi! Va chạm như thế là xúc phạm đến cảm tình, vậy nên tạm bỏ công phu để xin lỗi đi! Lại nghĩ: Không, không thể được! Vì sao ta xuất gia? Ta đã vì sanh tử mà xuất gia, hôm nay việc sanh tử còn chưa liễu thoát ta không thể bỏ công phu để tính chuyện xin lỗi phải với người được. Nếu muốn làm như vậy thì tốt hơn đừng xuất gia, giữ công phu mới cần nhất, dù cho bị dọa nạt, bị đánh đập ta cũng vui lòng chấp nhận. Xong! Vị ấy không đánh ta mà ta còn phải yêu cầu đánh mấy cái để thử xem công phu của ta như thế nào? Giả sử đập cho vài cái bạt tai, công phu của ta vẫn còn chiếu cố như thường vậy! Như thế là rất tốt, nếu là đánh một bạt tai, câu thoại đầu theo bạt tai mà đi mất, thế thì con người của ta đây còn được xem là người dụng công nữa không?

Cho nên phải giữ lấy lập trường nhất định, dù cho bất cứ người nào nạt ta, mắng ta, đánh ta thì chung qui câu thoại đầu vẫn không được bỏ. Đây là chỗ làm người tham thiền của ta. Cứ đi như thế đụng nhau một lần, hai lần thì đương nhiên người ta sẽ không vui. Đến kỳ thay đổi chức sự trong chùa mọi người đều ra thiền đường cả, vị tri khách hỏi vị Ban thủ “Ồ trong thiền đường có lão người Hồ Bắc, đi hay chưa?” Vị Ban thủ nói “chưa đi”. Vị tri khách lắc đầu nói “Cái lão Hồ Bắc này xấu lắm, không biết quan chức gì xuất gia mà lúc đi đường cứ kên kên kiệu kiệu không xô người này cũng đẩy người nọ. Thực là con chim chín đầu trên trời, lão Hồ Bắc dưới đất! Thằng này còn không đi thực là đáng ghét”. Những câu nói này chính ta đã nghe được, nói chung thì việc sanh tử của ta chưa liễu thoát, mấy việc nhỏ nhặt này thì chấp nhưt ông ta làm gì?

Lại có một hôm sau khi điếm tâm đi ngoài xong trở lại thiền đường, đang đi giữa đường có vị sư nọ chặn ta lại hỏi “Bồ Tát ở trên chính điện là nam hay nữ?” Bị hỏi như thế ta hoang mang không trả lời được, ta nói “không biết” ông ta lại hỏi “Vị Bồ Tát chính giữa có râu không?” Ta lại không mở miệng được, chỉ trả lời là “không biết”. Trên thực tế, ta ở Chùa Kim Sơn đã hai ba năm, khi thượng điện không hề ngẩng đầu lên nhìn thì đâu biết được là Bồ Tát nam hay nữ, có râu hay không râu. Các ông ngày nay còn có người nào như thế không? Ta có được chỗ hành như thế mà ngày nay vẫn còn là người nghiệp chướng. Còn chỗ hành của các ông đâu nếu không được khai ngộ thì còn được liễu thoát sanh tử chăng? Các người thử phát tâm tự hỏi mình xem! Hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 9 tháng 11 (thất tư ngày thứ ba).

Mỗi khi có người nói “Dụng công kéo không dài, đối với câu thoại đầu thì cũng biết đề lên, nghi tình cũng biết khởi lên, đặc lực với không đặc lực cũng rõ ràng, tất cả chỉ là kéo không được dài!” Câu này có rất nhiều người nói; muốn biết nguyên nhân của nó thì e không dễ dàng gì biết được. Lại nữa, thứ người kéo không dài nếu có chút tri thức thì sẽ kéo được dài, nghĩ đến một cách: lấy cái kéo không dài được quyết định làm cho kéo được dài. Các ông còn có tri thức này hay chăng? Phải hiểu được dụng công kéo không dài, không phải ngày hôm nay kéo không dài mà các ông đã từ kiếp vô thủy đến nay đều lặn hụp trong sự kéo không dài! Các ông còn biết đấy: các ông từ kiếp trước đến nay cái vốn đa tu là nhân của sự kéo không dài thì hôm nay làm sao có thể kéo dài được? Nhưng về quá khứ đã gieo nhân kéo không dài thì đương nhiên sẽ cảm lấy quả kéo không dài, đó là lý tất nhiên. Cứ để mặc kệ nó chăng? Mặc kệ thì đâu thai thành trâu, thành ngựa cũng mặc kệ nó, hết thấy đều mặc kệ nó, mặc kệ nó thì đâu còn việc gì nữa? Không gì ngoài việc luân chuyển trong lục đạo!

Các ông là người có chút đạo tâm muốn còn chạy luân chuyển trong chốn này chăng? Nếu không muốn thì đương nhiên nghĩ đến một biện pháp, phải làm sao cho kéo dài thì mới được! Các ông còn có người nào như thế không? Mỗi người hãy tự hỏi lòng mình xem! Muốn nói đến phương pháp làm sao cho công phu kéo dài được, người xưa chỉ ra con đường này bảo chúng ta đi. Sự thực là vì người trung hạ căn trong chúng ta bất đắc dĩ mới nói: Ở trên bốn phận thì đâu cần phải đi đường (ý nói đối với người thượng căn, trong bốn phận của tự tánh thì đâu cần phải đi, vì suốt ngày đêm đã ở trong đó rồi). Ngoảnh đầu là xong, chân quay bước là về đến nhà ngồi an ổn. Nói có một con đường để đi là nói sai lạc ra ngoài rồi! Bởi vì các ông không nhận ra được ngay lúc đó, trước mắt đường đi lại nhiều cho nên bày ra một phương tiện, chỉ ra con đường này bảo các ông đi để có thể bỏ hết mọi con đường khác.

Tỷ như một nắm tóc trên đầu thì không ít, đường các ông đi so với nắm tóc còn nhiều hơn, ta đương nhiên vì các ông mà đem những con đường nhiều hơn nắm tóc này mà bỏ ra ngoài chín tầng mây, các ông ngay lúc đó thấy được cái bản lai diện mục thì ta mới mãn nguyện. Tuy nhiên, nếu làm không xong được thì thập phương Chư Phật cũng không thể làm giùm được, hết thầy Bồ Tát, lịch đại Tổ Sư lại càng không thể làm giùm được. Nếu thập phương Chư Phật có thể làm thay cho ông được thì các ông khỏi cần dụng công, Phật nếu thay chúng ta làm thì đâu còn chúng sanh? Được hay không được? Thập phương Chư Phật chỉ có thể chỉ dẫn một con đường, các ông có thể y theo con đường này mà đi, có thể bỏ tất cả con đường khác, con đường này đi đến đầu mút thì cũng được về nhà.

Cho nên thập phương Chư Phật chỉ có thể chỉ ra một con đường bảo các ông đi, các ông đi được thì đương nhiên những con đường khác sẽ bỏ được hết. Thập phương Chư Phật không thể đi thay ông được. Nếu các ông không đi thì thập phương Chư Phật cũng không thể gánh vác cho các ông được! Con đường này chính là câu thoại đầu. Con đường ta hôm nay chỉ cho các ông, Phật cùng Bồ Tát, Tổ Sư cũng chỉ con đường này. Những con đường các ông đã đi là những con đường nào? Đây là con đường kéo không dài, từ vô thủy kiếp đến nay đều đi trên con đường kéo không dài này. Hôm nay đứng ở chỗ này mà muốn kéo được dài thì đương nhiên sẽ không làm được. Đường kéo không dài tuy nhiều nhưng cũng không ra khỏi thân, tâm và thế giới; vì có thân tâm thế giới gom lại một chỗ nên mới biến hóa ra vô số con đường.

Các ông đi được con đường câu thoại đầu này thì có thể bỏ hết thân, tâm, thế giới, những con đường kéo không dài. Thế sao lại phải nói thân, tâm, và thế giới là kéo không dài? Các ông muốn rõ cái kéo không dài này, vì những người trong Giáo môn đối với danh từ thì đại khái dễ hiểu, trong Thiền tông chỉ nói là kéo không dài mà không nói gì khác cả. Trong Giáo môn giảng kéo không dài là gì? Đây là: sinh, trụ, dị, diệt; sinh cũng là kéo không dài, trụ cũng là kéo không dài, dị cũng là kéo không dài, diệt cũng là kéo không dài. Ta muốn hỏi các ông "Có tâm không?" Các ông đương nhiên sẽ nói "Có tâm", ta lại hỏi các ông "Lấy gì làm tâm?" Các ông đương nhiên nói "Lấy cái năng tri năng giác làm tâm". Vậy thì năng tri năng giác làm tâm các ông, vậy cái tri giác này dài bao nhiêu? Cái tri giác này có phải là sinh, trụ, dị, diệt không?

Các người suy nghĩ xem: Sinh thì tức khắc sinh ra; một khi đã sinh ra thì phải trụ, trụ thì đâu được bao lâu lại lập tức đổi thành dị, đã dị thì một khi niệm khởi thì phải diệt. Sự sau khi diệt ra thế nào? Các ông thử nghiên cứu đi và trả lời ta một câu. Thật đáng tiếc! Chúng ta sau khi diệt thì lại sinh, trụ, dị, diệt. Vì có tri giác nên mới nói đến tâm, tri giác đương nhiên là sinh, trụ, dị, diệt; sinh, trụ, dị, diệt tức là kéo không dài. Các ông nghĩ xem! Cái tâm kéo không dài này có phải hôm nay mới có hay quá khứ đã có? Cội nguồn còn tìm ra được chăng? Trong tương lai lấy cái tâm để suy tính được không? Hiện nay thân chúng ta cao được hơn bốn thước, tương lai sẽ giảm đến còn một hoặc hai thước; cao nhất được bốn mươi trượng. Hiện nay sống được sáu bảy mươi tuổi, trong tương lai sẽ giảm xuống mười tuổi; dài nhất là 8 vạn 4 ngàn tuổi.

Các ông nghĩ xem: thân cao có mấy mươi trượng, thọ được 8 vạn 4 ngàn tuổi mà trong đó lại không được rời sanh, già, bệnh, chết. Thân thể từ sinh mà có, bất luận mười tuổi trong tương lai, sáu, bảy chục tuổi ở hiện tại, cho đến 8 vạn 4 ngàn tuổi đều có một ngày phải già. Già rồi thì phải bệnh, bệnh rồi đương nhiên sẽ chết; sau khi chết thì thế nào? Đương nhiên lại sinh, già, bệnh, chết nữa. Cái kéo không dài của sanh già bệnh chết này chuyển mãi không dứt, vậy có kỳ hạn chăng? Thân, tâm, thế giới đều như vậy. Thân, tâm, thế giới kéo không dài là còn nói gọn đấy, bằng nói rộng ra thì nhiều lắm, các ông là người có tâm dụng công đương nhiên sẽ nghĩ đến một biện pháp

làm sao cho tất cả cái kéo không dài có thể kéo dài được. Chỉ có thể dùng câu thoại đầu, đây là phương pháp trực đạt tâm nguyên. Tâm tuy kéo không dài nhưng tâm nguyên thì còn mãi mãi. Tỷ như giòng nước, nước thì lưu chuyển, nguồn (thủy nguyên) thì không; nếu nguồn mà di chuyển thì đương nhiên cái "chảy đi" không có; vì nguồn không chảy cho nên chảy mãi không thôi.

Chúng ta tất cần đạt đến tâm nguyên thì mới có thể kéo dài được. Nhưng cái tâm nguyên này đã cách chúng ta bao xa rồi? Ta nói sơ lược các ông nghe, tỷ như ngày nọ đánh bản trong tịnh các ông nghe được, hôm nay đánh bản lại nghe được cho đến ngày mai ngày kia đánh bản cũng nghe được. Ta hỏi các ông: cái nghe của ngày hôm qua, cái nghe của ngày hôm nay cho đến cái nghe của ngày mai ngày kia là một hay là hai cái. Nếu là một thì dài hay không dài? Mọi người hãy nghiên cứu kỹ một chút xem. Phải lĩnh hội một chút ít thì mới được! Giáo môn gọi cái này là chân tâm thường trụ, suốt ngày chẳng rời một bước. Chúng ta muốn triệt lưu quy nguyên (dứt giòng về nguồn) thì phải lấy câu thoại đầu mà khổ công tham cứu, không sợ nó kéo không dài thì mới có thể từ cái kéo không dài này mà đạt tới cái chân thường được! Hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 10 tháng 11 (thất tư ngày thứ tư).

"Tam học kiêm tu, một tham đủ cả", tam học là giới, định, huệ: Giáo môn đối với tam học thì tu trì hết sức khẩn mật. Tại sao phải nói là kiêm tu? Ấy là trước hết phải trì giới, do giới mà định, định rồi có thể phát huệ. Giới có đại tiểu, định có chính thiên; tuệ phải từ trí mà có tuệ, chỉ nói đến tuệ thôi thì cái tuệ đó chưa rộng rãi, trí tuệ đầy đủ thì mới được gọi là viên tuệ. Trong Giáo môn cần phải trải qua bao nhiêu thời kỳ thì mới có thể đạt đến được. Còn Thiên tông thì không vậy: một câu thoại đầu thì tam học đủ cả. Tại sao cứ có người nói "Trong Thiên tông chữ giới chẳng nghe nói đến".

Ấy là vì họ không thấy được sự trì giới của Thiên tông. Giới của Thiên tông thì không phải là đại thừa, tiểu thừa, của người phổ thông mà là trì cái "vô trước thánh giới". Ấy là lẽ gì? Các ông hãy đem câu thoại đầu mà đề lên xem, không rõ thì cứ ở chỗ không rõ mà truy cứu, tham vấn. Ta hỏi các ông: còn có thân đi giết người đốt nhà không? Một câu thoại đầu còn chẳng minh bạch ông còn có tâm nói hai chiều, vọng ngữ được chăng? Cũng như tham câu "niệm Phật là ai", thân bất khả đắc, cứu kính là ai, tâm cũng bất khả đắc; đáo đê là ai, bất khả đắc cũng không. Thân bất khả đắc rồi thì đâu còn phạm việc giết người, đốt nhà? Tâm bất khả đắc rồi làm sao còn có tâm trì giới? Cái bất khả đắc cũng không tức là thánh giới của thập phương Chư Phật đều trì hết.

Thứ "vô trước thánh giới" này trì phạm đều bất khả đắc thì còn nói gì đại thừa, tiểu thừa. Cái câu nói không trì của Thiên tông còn đề ở chỗ nào được? Còn chữ định của Giáo môn thì thân ngồi ở một nơi, trong tâm muôn duyên chẳng động, ngưng nghỉ cả thân tâm đều không động; tâm không động để gì làm được, thì cần phải quán, quán không xong thì phải dùng chiếu, chiếu không xong thì phải nghĩ đến một phương pháp để kiềm chế nó, lần lần kiềm chế cho lâu mới được định, định đến một bước công phu nào thì phát được bước ấy huệ: đại khái là như vậy. Thiên tông thì triệt đề trái ngược, không phải cái định đó, mà định trong động; tại sao vậy? Đi hương là động, trải bồ đoàn ngồi xếp bằng cũng là động, dọn nệm cũng là động, từ sáng tới tối đều động. Tuy là động như vậy mà ở trong cái động đó câu thoại đầu thật rõ ràng minh bạch không mảy may gián đoạn. Cái định trong động này dù cho hết thủy động cũng không làm động được cái định này; vì nó do động làm thành, toàn định là động, toàn động cũng là định.

Tại sao tất cả động không làm động được cái định này? Các ông hãy cứ đề câu thoại đầu lên, ngay chỗ không minh bạch được đặc lực, cái đẹp nhất Thượng Hải cũng không có, đáo đề là ai, cho dù người con gái đẹp nhất đến trước mắt ông, ông cũng không có tâm nào nghĩ đến cô ta. Thượng Hải đã không có thì cái động của Thượng Hải không làm động được nó! Không có tâm để nghĩ đến người nữ, cái động của người nữ cũng không động được nó. Hai thứ động dễ động nhất này đều đã không làm động được nó thì còn cái gì làm động nó được nữa? Đạt đến cái định này thì được trí huệ như trở bàn tay, ngay lúc đó sẽ đều đầy đủ. Đến được chỗ này thì thực sự là "một tham đủ cả" (phần cảnh sách lược bỏ). Hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 11 tháng 11 (thất tư ngày thứ năm).

Cái sự tham cứu này cần niệm phân minh, tâm tâm trong sạch. Niệm niệm phân minh thì không có vọng tưởng, tâm tâm trong sạch thì không có hôn trầm. Chỉ cần phân minh, vọng tưởng chẳng trừ mà tự trừ; chỉ cần trong sạch, hôn trầm không bỏ mà tự bỏ. Như thế nào là phân minh? Hãy đề lên câu thoại đầu làm cho rõ rệt từng chữ một, niệm Phật là người nào? Cái nghi tình này hãy cứ đi thẳng, đi rõ ràng mạch lạc chẳng có một tí mơ hồ thì vọng tưởng làm sao mà có được.

Thế nào là trong sạch? Hãy đề lên bốn chữ "niệm Phật là ai" thành khấn mà tham đi, hai chữ niệm Phật một khi ra khỏi miệng thì cái niệm danh hiệu Phật đã ở trong đó rồi; hai chữ "là ai" tức là người nào? Câu hỏi này cũng giống như muốn các ông trả lời ta vậy: dù không có người đáp cũng bằng như ta lớn tiếng hỏi người khác. Niệm Phật là người nào? Mỗi chữ đều rõ ràng, tưởng niệm đều trong sạch, lại cũng chẳng phải là bốn chữ "niệm Phật là ai" mơ hồ không rõ, tựa có mà tựa không có, đi qua miệng mà thôi. Ban đầu thì nghĩ muốn dụng công, hễ thoại đầu đề lên thì vọng tưởng đã nổi lên rồi, hoặc là không có tinh thần cảm thấy mệt mỏi, câu thoại đầu đề lên mà không nghi tình gì, chẳng có nghi tình thì một câu là hết. Câu này đã mất, nhắm mắt lại như ngủ mà không ngủ, lại đề lên một câu thoại đầu nữa thì ngủ quên đi rồi, đó chính là chẳng phân minh, chẳng trong sạch.

Các ông phần khởi tinh thần cũng như gánh một gánh nặng 120 cân, lại cũng như thực phẩm rất ngon, niệm Phật là người nào vậy? Rất rõ ràng, nghi tình thì thật rõ ràng, không biết là ai, hết sức thành khấn mà hỏi lại một câu: cứu cánh là ai? Cũng còn chưa rõ được, đáo đề là người nào? Các ông có được niệm niệm phân minh như thế, tâm tâm trong sạch như thế, không cho nó được sơ hở chút nào. Ta hỏi ông: vọng tưởng từ nơi nào đến? Hôn trầm từ đâu mà ra? Bởi vì không phân minh, hễ mơ hồ thì vọng tưởng xâm nhập, có chút mơ hồ thì hôn trầm đã lên trên mình, công phu niệm niệm phân minh thì không có vọng tưởng, nổi vọng tưởng lên thì đương nhiên công phu không có.

Lại chẳng phải ông muốn dụng công nó liền mình muốn nổi vọng tưởng, ông không dụng công nó còn nghi ngại một tí. Ông đã dụng công mà nó còn nổi vọng tưởng, đó không phải là hai sao? Đâu có lý lẽ như vậy được. Như con khi ở trên cây chuyên sang phía đông, nhảy sang phía tây, lúc cây đào khi cây lý, làm như có đèn tám, mười con, chỉ cần định tĩnh để xem lại thì thực tại chỉ là một con, có trên cây đào thì không có trên cây lý. Vọng tưởng cũng vậy, suốt ngày như nổi ngàn muôn cái nhưng kỳ thực chỉ có một cái thôi. "Một cái" này vì người trung hạ căn như chúng ta bất đắc dĩ mà nói; nếu không phương tiện mà nói một cái này thì các ông lại không có chỗ hạ thủ. Muôn ngàn vọng tưởng đã nói trên thực ra chỉ có một; nổi một vọng tưởng này thì đánh mất công phu.

Nếu dụng tâm ở trên công phu thì vọng tưởng nổi không lên, cũng như con khi ở trên cây này thì không ở trên cây kia vậy. Nếu chỗ này dụng công, chỗ kia nổi vọng tưởng thế không phải là hai sao? Không có lẽ như vậy! Các ông phải tự mình thấy đến nơi, không phải cứ ta nói rồi thì xong được đâu. Nếu chỉ muốn ta nói với các ông lại không quan hệ gì hết, như thế thì khổ chết đi! Các ông cũng có người nghe ta nói niệm niệm phân minh, tâm tâm trong sạch bèn đem câu thoại đầu mà niệm liên tiếp, ấy cũng lại là không đúng đâu! Niệm như thế thì không bao lâu tâm khí sẽ đau; cần từng câu từng câu một, không chậm không gấp, rõ ràng trong sáng. Nếu gấp thì bị thương thân, chậm thì dễ nổi vọng tưởng, niệm không rõ ràng trong sáng thì dễ buồn ngủ. Mỗi người các ông có thể cứ liên tục rõ ràng mà tham ngay đi.

Hãy tự mình đề lên câu thoại đầu xem còn một tí kẽ hở nào không? Nếu qua loa một tí câu thoại đầu dường có dường không thì cái kẽ hở lớn lắm! Văn Thù, Phổ Hiền cũng theo cái chỗ này mà đi ra đi vô; heo, dê, trâu, ngựa cũng từ chỗ này mà đi vô đi ra. Mỗi người các ông hãy nghĩ xem có còn là việc nhỏ không? Nếu được câu thoại đầu phân minh thì cái kẽ hở này phải được bít cho chặt lại rồi Văn Thù, Phổ Hiền cũng chẳng được vô ra; trâu, ngựa, heo, dê cũng dứt hẳn luôn. Vậy không phải là rất tốt sao? Cái kẽ hở này tuy bít được song chung quy phải tham câu thoại đầu cho thông, nhất định phải lấy câu "niệm Phật là ai" để tìm cho được mới đúng. Rõ ràng có người niệm Phật dùng có mơ hồ bỏ qua cho đó là xong. Các ông cần phải hiểu: từ vô thủy đến nay bị cái thân, tâm, thế giới này trói buộc chặt chẽ, các ông muốn được rời bỏ chốc lát, tơ hào cũng chẳng được đâu! Vì thế mà cứ quanh quẩn trong chốn lục đạo luân hồi, chẳng rời xa được một tấc.

Hôm nay muốn tham niệm Phật là người nào, đáo để là người gì, cứu cánh là ai, các ông tham cứu như thế, ta hỏi ông: thân có còn không? Thân nhất định là không có, thân đã không có thì tâm nhất định là không có nơi để. Thân tâm đều đã không có thì thế giới còn để được ở chỗ nào? Các ông ở nơi thân tâm và thế giới đều không có này, ta hỏi ông thế nào là câu thoại đầu? Các ông hãy tại chỗ này mà trả lời ta một câu. Nếu trả lời, không được thì phải ở chỗ trả lời không được này đề lên câu thoại đầu mà gấp rút truy cứu, gấp rút tỉnh ngộ. Tương lai thế nào cũng có được một tin tức. Ta nói như thế không ngoài hai câu "thô và tế", như thế các ông cũng lấy thô tâm mà nghe, muốn nghĩ đến chỗ vi tế thì cần phải từ câu nói về thô này mà làm đến chỗ vi tế mới được. Hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 12 tháng 11 (thất tư ngày thứ sáu).

Người đã thất đại khái đều biết nói "dụng công hành đạo". Nói thì cho các ông biết nói; nếu hỏi kỹ lại các ông: vì sao cần phải dụng công hành đạo, sợ rằng đại đa số các ông không hiểu rõ triệt để được. Bởi vì đều là nghe người ta nói "Ồ chôn tòng lâm cần phải dụng công hành đạo!" Bản thân mình thì chưa từng có một kế hoạch đầy đủ nào. Các ông cần biết: việc sanh tử chưa dứt, chỉ cần một hơi thở không trở lại là chết thì con đường đi trước mặt thật vô cùng hiểm trở! Cần có kế hoạch đầy đủ như thế thì tất phải biết: từ vô lượng kiếp về trước lúc ban đầu một niệm chưa động, với thập phương Chư Phật, hết thầy Bồ Tát, Tổ Sư đều đồng nhau không hai không khác.

Chúng ta ở trong biển giác này, hễ động thì sanh ra niệm, do một niệm này sanh ra thì biển giác biến thành biển khổ, tuy nói là biển khổ, nhưng chỉ vì một niệm bất giác vô minh mà có thôi, kỳ thực xưa nay chưa hề rời biển giác mãi cho đến ngày nay tuy kim cổ đã trải qua bao đời, trăm ngàn vạn đời mà một niệm hiện tiền này cũng chẳng mấy may phân cách. Vì sao làm chúng sanh? Cần phải hiểu: tuy làm chúng sanh nhưng

vốn có Phật tính, với Phật tính của Chư Phật thì không có gì sai khác; cái sai khác đó là do một niệm không giác tạo thành biết bao sanh tử, mãi cho đến giờ vẫn còn tâm tạo sanh tử, niệm niệm tạo sanh tử. Sanh tử là cái gì? Mọi người các ông hãy nghe cho rõ: hư không đại địa là sanh tử, thân của ta đây là sanh tử, tâm cũng là sanh tử; nói chung lại thì có ba thứ:

Ấy là sanh tử của thân, tâm và thế giới. Đã có thân ta, tâm ta, đã có hư không đại địa chúng ta ở: ấy là căn bản của sự sanh tử luân chuyển không dứt của chúng ta. Nhưng thế giới này với thân, tâm cũng là bởi một niệm không giác tạo thành; giả sử như các ông phẫn vọng quy chân, thoát biển khổ mà chứng biển giác thì hư không, thế giới, thân, tâm đều ở trong một niệm này của ta; niệm này nếu giác thì thân, tâm, thế giới đều bất khả đắc. Chúng ta hiện nay không những không được giác ngộ mà còn tiếp tục tạo vô lượng sanh tử, sự tạo thành ấy như thế nào? Vì có cái thế giới, hư không đại địa này cho nên mới có thân thể chúng ta ở trên thế giới; đã có thân rồi thì hẳn phải có tâm, cái tâm này lại là cái công cụ tạo nên sanh tử. Trong khoảng một niệm tạo nên sanh tử của mười pháp giới, hiện tiền mỗi một sát na niệm niệm không dừng ấy tức là cái nhân niệm niệm tạo sanh tử của mười pháp giới.

Nhân đã tạo thành thì tương lai sẽ cảm quả tợ hào không sai khác, trông dưa được dưa, trông đậu được đậu. Nếu các ông gieo nhân Phật thì đương nhiên cảm lấy quả thành Phật. Nếu gieo nhân a-tu-la, địa ngục thì nhất định sẽ nhận lấy quả báo a-tu-la, địa ngục. Như vậy niệm cái gì gieo nhân ấy. Hiện tiền người có niệm, niệm chúng sanh khổ, phát tâm Bồ Đề tức là hướng thượng tu nhân Phật; cái niệm sát, đạo, dâm tức là hướng hạ gieo nhân địa ngục ngạ quỷ súc sanh. Như thế là có mười thứ nhân cảm quả là mười loại pháp giới, ấy là bốn giới thượng: Phật giới, Bồ Tát giới, Duyên Giác giới, Thanh Văn giới gọi là bốn thánh giới. Sáu giới hạ là: thiên giới, nhân giới, a-tu-la giới, địa ngục giới, ngạ quỷ giới, súc sanh giới gọi là sáu giới phàm. Bốn thánh, sáu phàm nói chung là mười pháp giới.

Nhân của mười pháp giới này đều do một niệm hiện tiền của chúng ta tạo thành. Hãy lấy lời ta nói làm thí dụ: ta nói ở đây, các ông đứng ở đây nghe; ta một người nói các ông trăm người nghe, chỗ hiểu của mỗi người đều không giống nhau. Có người nghe ta nói thì trong lòng vô cùng thanh tịnh tin theo mà thực hành chẳng mấy may nghi hoặc, lúc ấy lại muốn lập định chí hướng không làm đến không được, đây là nhân thành Phật. Có người trong lòng hoan hỷ phấn chấn "tương lai ta sẽ liễu thoát sanh tử, còn muốn độ tất cả chúng sanh nữa", đây là nhân Bồ Tát. Còn có người nghe trong lòng muốn dụng công phu, ở chốn núi non, hang động chịu khổ nhất trên đời, đây là nhân Duyên Giác, Thanh Văn. Lại có người nghe trong lòng cho rằng "Thầy nói nghe đến hay đấy, nhưng làm có nên đâu? Chúng tôi còn phải trì giới, cầu phúc kia!", đây là nhân trời, người. Lại có người nghe rồi trong lòng hậm hực nói "Chán nản quá! Ngày nào cũng một câu nói này, nghe đến chán luôn; hãy nói cho chúng tôi nghe ít chuyện đời mới còn hay hơn!", đã là chán ghét thì là nhân sân, nhân sân là nhân a-tu-la. Ngoài ra những việc phá giới bỏn xẻn, tham lam, tà dâm, những điều ác đều là nhân tam đồ.

Như thế hợp thành nhân của mười loại pháp giới. Cùng trong một câu nói của ta, trăm người các ông nghe rồi đều có sự suy nghĩ bất đồng, ấy là do cái nhân mọi người đã gieo không giống nhau. Nhân của mười pháp giới là sự sanh tử của mười pháp giới. Các ông thử nghĩ: suốt ngày nổi một vọng tưởng bên này, nổi một vọng tưởng bên kia, vui vẻ, giận hờn, tất cả phiền não vô minh, gieo một thứ nhân như vậy thì sanh tử còn có lúc dứt không? Còn có ngày nhô đầu ra không? Luôn cả hơi thở cũng không ra được. Các ông nghiên cứu thử xem có phải như thế không? Nhưng sanh tử có nhiều

như vậy thì phải cần thế nào mới có thể dứt được? Niệm Phật có thể dứt được không? Ta nói có thể được nhưng niệm Phật chỉ có thể thu tất cả niệm, câu thoại đầu có thể rời tất cả niệm.

Tỷ như: các ông nổi vọng tưởng ngay nơi ấy, tạo sanh tử, bận lăm, một câu thoại đầu sẽ nhanh chóng thay ông mà xa rời niệm tạo sanh tử. Mọi người các ông hãy nghĩ: lực lượng câu thoại đầu có mạnh không? Ta nói lực lượng của câu thoại đầu lớn; nói lớn hơn nữa, muốn các ông tin hình như là không phải dễ. Các ông hãy thí nghiệm qua xem là biết thôi. Các ông hãy nổi một vọng tưởng thử xem; ngay trong lúc nổi vọng tưởng ấy hãy đề câu thoại đầu lên cho rõ ràng minh bạch. Đáo đê là ai? Cứu cánh là ai? Tham như thế thì bóng dáng vọng tưởng có còn không? Các ông xem đây, lực lượng câu thoại đầu lớn đến dường nào? Các ông có thể tâm tâm tham như thế, niệm niệm tham như thế được, chuyện về sau ta sẽ cùng các ông thương lượng. Tham đi!

Khai thị: Ngày 13 tháng 11 (thất tư ngày thứ bảy).

Đã được bốn thất rồi, công phu của các ông đương nhiên đã có chỗ thâm nhập. Thất đầu không biết dụng công, thất hai biết dụng công, thất ba thì dụng công phu được, thất tư đương nhiên có thâm nhập. Lúc khởi thất này có vài vị phải bận: Sư Ban thủ của thiền đường mỗi giờ mỗi khắc chiếu cố các ông, nói nhiều rồi sợ các ông động niệm; giảm rồi lại giảm nữa, rất sợ nói thêm một câu lại làm động niệm các ông. Giảng khai thị, công án, điển chương, không mang một câu kinh điển, ngữ lục, cho đến bất cứ cảnh huống nào bên ngoài đều chẳng nói lấy một câu với các ông. Tại sao vậy? Bởi vì cái các ông tham là câu thoại đầu, thành thử tất cả các câu nói khác đều không hợp với pháp này, đó chính là điều khổ tâm của họ. Cho đến thấy các ông chỗ này cũng không đúng, chỗ kia cũng không đúng, cưỡng trong lòng không được, muốn nói, muốn tỏ bày, nói ra lại e các ông động niệm nên chỉ cho tự mình buông bỏ đi thôi. Điều này cũng là thành tựu đạo niệm của các ông.

Vị Duy na chiếu cố trong và ngoài thiền đường cho đến đi nhiều hương dài càng sợ các ông ảnh hưởng đến sức khỏe, nhiều hương ngăn lại sợ tinh thần các ông bất túc, lúc tọa hương thì dễ buồn ngủ, thôi thúc chạy hương thì sợ đánh nhằm lỗ tai các ông, hoặc đánh bị thương làm cho đạo tâm của các ông lui sụt. Suốt ngày cứ để hết tinh thần mà lo cho các ông. Tất cả sư giám hương, hương đăng, tự thủy duyệt chúng, hộ thất trong ngoài, nhà kho, khách đường (tư pháp của nhà chùa) đều là lo cho các ông dụng công hành đạo thành tựu cho các ông đả thất. Hôm nay đã đã được bốn thất rồi mà còn nói chuyện công phu chưa thâm nhập! Quy củ của việc khảo công phu cũng giống như trên, một khi hỏi thì cần phải trả lời, nhưng khi đáp ra thì sẽ làm trời lay, đất động mới được; đã giao hẹn lúc trước rồi: nếu không thì không hòa táng tức phải thủy táng! (Lược bỏ phần khảo công phu và giải thất)

Khai thị: Ngày 15 tháng 11 (thất năm ngày thứ hai).

Những điều ta nói trong bốn thất trước đều là dạy các ông dụng công. Ban đầu không biết dụng công để làm gì, lại cũng chẳng biết cái gì gọi là dụng công, dần dần biết cần dụng công, lại chẳng biết được pháp dụng công như thế nào, hạ thủ nơi nào? Lại nữa, lúc mới biết câu thoại đầu cũng chẳng tin lăm, đây đều là trình tự đã qua của các ông. Cho nên từ trước tới nay cứ nói vì sao mà phải dụng công. Nhưng con đường hạ thủ công phu, đường lối nhiều lăm cho nên cần phải dẫn dắt các ông đi con đường chính này, vì các ông mà quét dọn sạch sẽ các chông gai trên đường đi, bảo các ông đi con

đường này, không cho có tí chướng ngại nào, nói ra từng lớp lang một cho các ông nghe.

Hôm nay thì đã đã được bốn thất, các ông không biết cũng biết rồi, không dụng công cũng muốn dụng công, người không chịu đi trên con đường này thì cũng theo con đường này mà đi đến; mọi người đều đã lên đường không thể có chuyện nói là chưa lên đường được. Muốn vì các ông mà nói chuyện công phu. Nhưng trong lúc các ông còn có một số đông người ngay cả câu thoại đầu cũng không tin tưởng thì làm sao tham, làm sao nổi nghi tình được, một lần cũng chẳng làm lấy một tí gì, người ta bước ông cũng theo đó mà bước, người ta ngồi ông cũng theo đó mà ngồi, căn bản chẳng động đến gót chân thì đâu nói được là đã lên đường và đi con đường chính được? Nếu các ông như vậy thì cái chuyện của công phu có còn muốn nói không?

Nếu nói thì cũng chẳng được tác dụng gì. Đáng lẽ thì không mở miệng, nhưng không nói không được; đại khái có một vị lại cần ta nói trình tự công phu, đầu cho một người cũng không có, ta cũng chẳng vì không có mà không nói. Các ông cho rằng ta chẳng mở miệng được ấy là các ông đã dụng công phu đến chỗ không mở miệng được rồi; các ông thực đã dụng công phu đến chỗ không mở miệng được. Ta đi ba vòng, ta nói cái chẳng nói, các ông nghe cái không nghe: nói cái chẳng nói ấy là chân ngôn, nghe cái không nghe ấy là chân thánh, thế thì tốt lắm! Chỉ sợ chẳng phải cái không mở miệng được đó thôi! Bởi vì trình độ công phu của các ông không có tí nào cả. Có thể lời của ta nói ở phía trước, các ông lại theo lời ta nói mà đi ở phía sau, tỷ như đi đường, ta ở trước một dặm, ông ở sau một dặm; các ông thấy được ta, ta cũng thấy được các ông, như thế mới đúng.

Hôm nay chỉ có mình ta nói ở phía trước, các ông ở phía sau theo không kịp, ta giảng được mười dặm, tám dặm rồi các ông một dặm cũng chưa đi được; các ông không thấy được ta, ta cũng không thấy được các ông. Ta giảng về hướng nam, các ông lại đi về phía bắc, như thế còn đúng được chẳng? Lời ta nói ra có còn được gọi là ngôn hành tương ứng chẳng? Đã không tương ứng được thì không cần mở miệng sao? Vì công phu các ông không theo kịp ta nên ta không cần mở miệng. Hoặc giả có người nói “Thầy nói công phu như thế e là nói oan cho người ta”, cũng cho là nói oan người đi, nhưng dù ta nói oan ông thì cũng là chuyện rất tốt, chỉ sợ là không nói oan đó thôi.

Các ông có cho là “Thầy đâu biết được trong lòng người ta”. Tuy tâm ông nằm ở trong bụng ông, người các ông đứng ở nơi này, ta nhìn qua một cái thì thấy rõ ràng hết, như cái bình pha lê vậy; thấy rõ tim gan ngũ tạng bên trong chẳng sai tí nào, việc ở trong tâm người, thế ta còn không thấy được chẳng? Ta còn nói oan các ông chẳng? Việc chôn Thiên tông không phải nói qua là xong, cũng chẳng phải phó thác cho ngày sau được. Giáo môn khi khai tòa giảng kinh, khi xuống tòa giảng có thể ngủ nghỉ, bước ra ngoài đi tản bộ, bởi vì ngày hôm nay giảng qua rồi thì sự hành để đến ngày sau cũng được. Thiên tông không như vậy, hôm nay phải nói cái hành của ngày hôm nay, ngày mai nói cái hành của ngày mai, điều ta nói lại là điều các ông hành; điều các ông hành lại là điều ta nói, ngôn hành cần tương ứng với nhau; nếu ngôn hành không tương ứng thì đây không phải là việc trong Thiên tông.

Trong các ông còn nhiều người từ trước khi chưa vào thiền đường tưởng rằng thiền đường rất là cao quý, là nơi xuất thân của pháp của thập phương Chư Phật, Bồ Tát, Chư Tổ Sư, phương pháp của Thiên tông rất huyền diệu rất đáng tin tưởng. Hôm nay ở thiền đường thì trái ngược lại, cảm thấy “Không tốt, bên ngoài nói thiền đường hay tốt thế nào mà từ lúc vào thiền đường đến nay, thất cũng đã được ba, bốn kỳ mà cũng chẳng có gì là đáng kể, thì ra chẳng qua chỉ có thế mà thôi! Ở bên ngoài nghe chuyện người ta nói e là người ta gạt mình! Nay phải tính đến cái việc gì khác để cho mình

làm mới được." Loại người các ông như thế thì thật đáng tiếc, đáng buồn! Đúng là không thể nói được. Ta cũng muốn chỉ cho các ông cái nguyên nhân của loại bệnh này, làm cho các ông biết là bệnh để có thể tiến tới trước được; loại người này thì hình bóng câu thoại đầu cũng không có. Ta hỏi ông: Thế câu thoại đầu các ông còn hình bóng nào của nó không? Không những không còn mà còn cho là "không tốt đâu! những việc tôi học được, điều tôi lãnh hội được v.v... trước kia hễ đề lên một vấn đề gì thì dường như các câu nói đều có thể cuộn cuộn tuôn ra.

Hôm nay, ở nơi thiền đường đã thất, thì trái lại vẫn chương nghĩ không ra như trống trong bụng tựa hồ chẳng tương ứng. Vậy không thể đã thất được nữa! Đã nữa thì sợ biết bao nhiêu điều tôi đã phí công học được ở các kinh Lăng Nghiêm, Pháp Hoa đều quên đi mất hết! E rằng phải uống phí biết bao kinh tế, bao nhiêu khôn khéo, như vậy thì thất chẳng mong đã rồi! Chỉ đã làm cho bụng trống không thôi! Ông còn có loại tâm lý này; ta nói các ông không được làm sai! Đây là việc tốt không phải việc hỏng, các ông có tin không? Ta nói sự học được các ông hãy quên hết, sự lãnh hội các ông hãy quên hết, còn là việc không đáng kể, còn muốn các ông quên luôn cả người học là người gì, ngay cả người lãnh hội được là người gì cũng quên hết luôn. Mọi người các ông hãy lãnh hội ý của ta một chút, cần phải thâm nhập ý của ta thêm một lớp, quên luôn cả câu hỏi của ta về cái các ông học được, có quên người học được chưa?

Tiếc thay! Điều học được hãy còn đầy bụng thì nào chịu quên đi được! Ngày ngày ngồi xuống còn muốn dò đi dò lại cứ sợ quên mất, quên cả người học thì làm sao nói cho xong! Trong Thiền tông việc đầu tiên là cần các ông quét cho trống rỗng, cần các ông quên hết. Hãy quét cho trống đi, hãy quên hết đi! lúc bấy giờ ta sẽ cùng các ông thương lượng. Vì sao các ông chẳng quét cho trống rỗng? Không chịu quên? Trên thế giới việc gì cũng muốn nói câu tiên bộ, cho là các ông học theo Giáo môn thì cũng muốn tiên bộ. Hôm nay các ông ở thiền đường vì sanh tử đại sự, cầu thành Phật, làm Tổ thì làm sao không nói tiên bộ được? Điều đã học đã lãnh hội quên đi chút ít còn không muốn; các ông tự mình hãy nghĩ xem có đáng tiếc không? Vì thế cho nên muốn tất cả các ông nhận thức được, có thể quên đi cái năng học sở học của mình đó là việc tốt, chẳng quên thì còn phải mạnh dạn quên đi mới đúng.

Vậy là người các ông không dụng công, chỉ biết đã thất thấy rất tốt, ngồi ngồi, đi đi, ngủ ngủ một chút cũng không sợ, rất là thọ dụng. Người dụng công trái lại nội tâm phiền toái thân tâm chẳng yên. Vì sao vậy? Bởi vì người dụng công ấy biết rằng việc sanh tử chưa liễu thoát thì không được; sanh tử của ta là khổ, sanh tử của chúng sanh ở chốn đại địa lại càng khổ hơn. Nếu muốn làm cho họ lìa khổ ta tất cần lìa khổ trước đã, rồi sau mới độ cái khổ của họ. Ta muốn lìa khổ mà không dụng công thì không được, ta muốn độ chúng sanh thoát khổ mà không dụng công cũng không được. Cho nên từ sáng tới tối khắc khắc công phu, thời thời thực hiện công phu, rất sợ đánh mất công phu. Nói chung, muốn công phu thành phiền, vì không được thành phiền thì phải cứ tự mình trách mình, vì việc đại sự chưa rõ thì như thế chẳng yên.

Nhưng mà, mọi người các ông ở đây có còn được nửa số người như thế không? hay là một phần ba! E rằng cũng chẳng có: Giả sử có được một hai thì cũng tốt! Còn kể được là đạo tràng. Nếu một người cũng không có thì câu này làm sao nói ra được? Bảo ta mở miệng nói thì có ý vị gì chẳng? Các ông hãy nghĩ xem, ta thấy các ông đều có ý nói "Nhà chùa thật làm khó chúng tôi lắm! Đã được tám thất thì thôi, vì sao phải thêm hai thất nữa! Đây không phải là làm khó chúng tôi sao? Còn nói cho dễ nghe là thành tựu cho chúng tôi! Thành thực chẳng cần nhà chùa thành tựu, giải thoát sớm được chút ít để cho chúng tôi được nghỉ ngơi còn sướng hơn". Đâu còn đòi chuyện tinh tấn, dũng mãnh nữa! Muốn cho sung sướng, thích ý mới đúng. Đúng không? Các ông nghĩ

xem như thế còn là người hành đạo chăng? Các ông còn phải thành thực chịu thêm một phen khổ sở, sự ham sung sướng, thích ý, tuyệt đối là không được. Hãy đề lên câu thoại đầu mà tham đi thì mới được sự thọ dụng. Hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 16 tháng 11 (thất năm ngày thứ ba).

"Một niệm bất giác sanh tam tế, cảnh duyên mới động thành lục thô!" Chuyện trong Thiền tông chẳng cần hỏi đến, căn trần, ngũ thức, lục thức, thất thức, bát thức, mà chỉ cần nói đến thô và tế. Đối với câu thoại đầu thì đương nhiên phải nói rồi, vì đây là phương pháp phát minh cái bản hữu của chúng ta. Mặc dù nó có thể phát minh được cái bản hữu không; không nói cũng không làm cho chúng ta hành theo cách này được. Hoặc giả có người nói "Đã có nói, có giảng không phải là Giáo môn sao?" Các ông nghĩ thế là sai rồi! Điều mà trong Thiền tông có nói, có giảng không giống như của giáo môn, cũng không giống với Thiền tông; trái lại thì cũng giống với giáo môn, cũng giống với Thiền tông, giống như Phật, như Tổ, giống thì hết thảy đều giống, đồng thì hết thảy đều đồng.

Hôm nay giảng về sự "thô" với các ông: trong Thiền tông vốn cái "tế" cũng còn bất khả đắc thì còn nói gì đến "thô"? Kỳ thực là phương tiện của phương tiện, vì các ông là người trung hạ căn cho nên không giảng không được; người thượng căn lợi trí thì mau chóng nhập thẳng vào chẳng nhờ nói "thô" với "tế". Thế nào là người trung hạ căn? Bởi vì so với người thượng căn thì kém một tí cho nên gọi là người trung hạ căn. E rằng gọi là người trung hạ căn là còn khách sáo với các ông. Tại sao vậy? Cái thô này các ông có biết chăng? Nó là cái gì? Lớn hay nhỏ? Tròn hay vuông! Các ông có hiểu được chăng? Các ông hiểu được thì nói cho ta biết! Các ông có được người như thế ta cho ông là người trung hạ căn; sợ các ông không có một người nào biết, luôn cả cái hình bóng "thô" này cũng không hiểu được thì đâu còn nói được là người trung hạ căn? Nói là người hạ hạ căn còn là miễn cưỡng, nói là trung hạ căn là khách sáo đây! Nhưng mà cứu cánh cái "thô" này là cái thế nào? Được bao to? Sợ còn không dễ gì biết được.

Ta cho các ông biết, sợ không dễ gì biết được rõ. Nói sơ lược để các ông nghe: Hôm nay các ông dụng công mà dụng không xong ấy là thô, không tin dụng công ấy là thô, không tin câu thoại đầu là thô, nghi tình không nổi lên được cũng là thô, sợ chịu khổ là thô, muốn sung sướng cũng là thô, ông nói có được bao lớn? Loài hữu tình lớn nhất là Kim-Xí-Điêu cũng chẳng to được như nó. Nó đã có cái to như vậy thì làm sao không thấy? Bởi vì tất cả chúng ta đều ở trong cái thô. Tỷ như mặt trời trên không tuy có mây trắng che lấp, nhưng cũng có ít nhiều ánh sáng; giả sử có một đám mây đen che khuất cả, đưa bàn tay ra cũng nhìn không thấy gì; giả sử có một người suốt đời ở trong chốn tối tăm này sống qua ngày, một chân bùn, một chân cứt chó, hỏi đến anh ta "dưới chân là bùn lầy chăng?". Anh ta đáp "phải". Lại hỏi "còn có cứt chó hay không?" Anh ta đáp "Không có, đây là bùn". Chân đạp cứt chó mà cho là đất bùn cũng không biết rốt cuộc hỏi anh ta đất bùn là cái gì thì anh ta lại không mở miệng được. Tại sao vậy? Vì từ trước đến giờ chưa thấy được qua thì làm sao biết được là cái gì?

Cũng bằng sự tham thiền trong chúng ta, như mặt trời trên hư không, vì bị nghiệp chướng che khuất mới tựa như một đám mây mù. Ngày nay đã tạo nghiệp, ngày mai cũng tạo nghiệp, lâu dần đi rồi thì cũng như mây đen thôi, giống như mây đen làm cho ánh sáng bản lai của chúng ta bị che khuất hết. Hôm nay hỏi đến ông "thô là cái gì?", không mở miệng được vì không thấy qua thì đâu có biết được? Cũng như thấy bùn ở chỗ đen tối vậy. Các ông nghĩ xem: bị cái thô chướng này làm cho ánh sáng

bồn lai của các ông bị chướng ngại hết. Hôm nay ở tại nơi này còn cứ cho là “tốt lắm”. Từ trước đến nay ông đều ở trong cái chướng này, ngay cả cái chướng này cũng không hiểu được, còn đâu mà nói thô với chẳng thô! câu nói trong thô ngoài thô này còn ôn được chẳng? Hôm nay bảo các ông việc thiên hạ không cần tin, cần tin cái tự nơi mình, các ông tại sao không tin chính mình? Ấy là bị thô chướng nó làm chướng ngại rồi!

Bất cứ pháp môn nào cũng không cần ông tin, chỉ cần các ông tin cái phương pháp của câu thoại đầu này. Các ông còn không chịu tin, tại sao vậy? Cũng là bị thô chướng làm cho chướng ngại rồi! Nếu các ông là người có chút ít tri thức hướng thượng, có lòng kiên quyết thoát sanh tử, nói rằng “thiên hạ bị nó làm chướng ngại thì có thể được chứ ta thì không thể nào bị nó làm cho chướng ngại; nếu ta bị nó làm cho chướng ngại thì ta còn được kể là người tham thiên sao?” Cứ tự mình thương lượng kế hoạch với mình, cũng không phải là việc kỳ lạ, cũng chẳng phải là việc khó, ấy là không tin vào mình, không tin vào câu thoại đầu. Hôm nay ta không tin không được, cho ông có bị rất nhiều chướng ngại đi nữa, ta vẫn muốn đả phá ông; không có việc khác, chỉ cần tin câu thoại đầu thì có thể đả phá được sự chướng ngại. Bị nó làm cho chướng ngại rồi thì chẳng tin, không bị chướng ngại thì tin liền, điều này thật rõ ràng.

Ta nói như vậy các ông người có đạo tâm đương nhiên có chỗ lãnh hội. Ta nói các ông không tin câu thoại đầu, xin các ông hãy tin lấy câu thoại đầu chốc lát, đề lên mà tham, đợi đến khi các ông biết được ít mùi vị thì biết là khác rồi! Tại sao vậy? Nếu ông tham câu thoại đầu chốc lát, chẳng minh bạch thì cứ truy cứu chỗ này: là người nào? Đáo đê là ai? À! Dường như có món đồ vậy, đại khái tức là chính ta vậy! Lại tham cứu nữa, không sai! Chính là ta! Tuy không hoàn toàn tin song chung quy bị ta thấy một tí cũng như mặt trời bị mây đen che trên không, bỗng đâu mây đen tan đi chỉ còn mây trắng vậy. Như thế thì mặt trời bị mây trắng che còn có thể thấy được thì cái bản lai diện mục của ta đã bị cái chướng che khuất cả; ngày hôm nay có dẹp được chút ít chướng ngại đương nhiên sẽ thấy được chút ít, không được hoàn toàn rõ ràng cũng như có một chút mây trắng vậy.

Từ sau khi tự mình thấy được, ấy mới là thực tế, từ vô lượng kiếp đến nay chưa từng thấy qua lần nào, các ông hôm nay đã thấy được "mình" rồi. Ta hỏi ông lần nữa “Có tin câu thoại đầu chẳng?” Các ông lại sai rồi! Các ông thấy được mình, tại sao mà thấy được? Các ông phải hiểu: tham câu thoại đầu một phen chịu khổ sở, hôm nay cũng mài, ngày mai cũng giũa; bản thân các ông là do cái khổ của tham câu thoại đầu mới thấy được. Nếu các ông không tin nó thì chẳng phải là vong bản sao? Các ông hãy nghĩ: đúng hay không đúng? Chúng tỏ câu thoại đầu là phương pháp trừ bỏ cái thô chướng của chúng ta. Ấy là phương pháp làm rõ bản lai diện mục của chúng ta. Nếu muốn phát minh cái bản hữu liễu thoát sanh tử mà không nhờ tham thoại đầu thì không được. Các ông hãy phát tâm! Tham đi!

Khai thị: Ngày 17 tháng 11 (thất năm ngày thứ tư).

Việc lúc sống mọi người đều biết, đều tin; việc sau khi chết, ai cũng chẳng biết, chẳng tin. Vì việc lúc sống đều tự mình mắt thấy thì không thể không tin. Việc sau khi chết vì chưa thấy đến cho nên không tin. Các ông cho là “Cái xác thân này của ta là rất tốt, không thể không yêu quý nó. Tương lai có được sự thọ dụng bảy, tám chục năm”. Đây là điều các ông tin tưởng như “Việc sau khi chết tôi chưa thấy thì thầy bảo tôi tin cái gì?” Đại khái người người đều có cái tri kiến ấy. Các ông cho bảy, tám chục năm là dài lắm; các ông phải hiểu được là: quả báo sau khi chết so với bảy, tám chục năm trường của các ông thì chỉ bằng thời gian một tích tắc sau khi chết dù cho ông sống

được bảy, tám chục năm. Khảo cứu đến điểm này ta thử so sánh một chút: có thể kể cái thời gian bảy, tám chục năm này như chớp mắt còn thời gian sau khi chết mới là trường kỳ. Nhưng sự sinh hoạt trường kỳ là do ta ở trong thời gian chớp mắt này tạo thành, tạo ra cái sinh hoạt gì thì phải hỏi một niệm hiện tiền của chúng ta là niệm gì. Niệm cố nhiên rất nhiều chúng ta không cần nói nhiều nữa, chỉ nói đến một niệm thôi! Cái niệm này cảm được quả gì? Người xưa nói “Tơ hào hệ niệm, tam đồ nghiệp nhân” tam đồ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Các ông nghĩ xem: nổi lên một chút xíu hệ niệm thì phải chịu lấy cái quả to lớn như vậy, còn nói suốt ngày nổi vọng tưởng, nổi nghiệp thức thì sao? Cái cảm quả như vậy ta thực không muốn nói.

Hơn nữa, các ông hãy nghĩ qua bảy, tám chục năm suốt ngày cứ nổi nghiệp chướng, Diêm vương đâu còn tha ông nữa. Diêm vương gọi các ông đi, các ông phải đi liền, trễ một phút vào mũi các ông, đầu kia thì ở tay Diêm vương. Diêm vương nắm lấy dây lôi thì các ông phải bước, lúc ấy thì không còn khách sáo nữa, sợ khi so với chúng ta lôi trâu còn lợi hại gấp mấy chục lần! Diêm vương lôi các ông đi, bảo các ông biến thành trâu thì phải thành trâu, bảo biến thành ngựa các ông phải nhanh chóng biến ngựa; các ông có bản lĩnh bao nhiêu đi nữa cũng không được tự do. Kêu ông đi ông phải đi, tạm dừng một chút không được, muốn không đi càng không được nữa. Tiếc thay! Lúc bấy giờ chúng ta chịu khổ chẳng phải do mình nữa. Nhưng biến thành trâu một lần thì cũng chịu được, sợ rằng biến rồi lại biến nữa cho đến xương chất thành núi, sau khi thoát khỏi hình trâu thì mới biến ra cái khác được; Kỳ hạn dài vô cùng, không phải ta nói ra để dọa các ông!

Ngày xưa có một vị tỳ kheo già tụng kinh Kim Cang, tiếng tụng nghe không hay, vị này đã chứng được bốn quả, tiếng người lớn tuổi đương nhiên là nghe không hay. Một vị Tỳ kheo trẻ đứng bên nói “Tiếng thầy tụng Kinh nghe như tiếng chó sủa vậy!” Vị Tỳ kheo già ngay lúc ấy nói “Thầy nói câu này, tương lai sẽ dọa địa ngục rồi, còn phải biến thành chó nữa”. Vị Tỳ kheo trẻ nghe nói kinh sợ quá bèn nhanh chóng cầu sám hối, khóc than khôn xiết. Vị Tỳ kheo già nói “Thầy sám hối như vậy thì có thể thoát được địa ngục, nhưng không thoát thân làm chó được”. Qua bảy ngày sau vị Tỳ kheo trẻ chết. Diêm vương bắt ông ta làm chó, ông ta còn hỏi Diêm vương “Tại sao tôi phải biến thành chó?” Câu nói chưa dứt thì ông đã biến thành chó rồi; về sau xương của các kiếp làm chó chất thành đồng cao lớn bằng núi Tu Di.

Các ông hãy nghĩ xem “Quả báo của câu nói như thế đấy! Đây không phải là chuyện ta đặt, đó là sách vở người xưa chứng minh các ông không thể không tin được. Mọi người các ông hãy nghĩ: cái sợi dây của Diêm vương buộc vào mũi chúng ta có lợi hại không? Cho các ông có bản lĩnh to bằng trời phỏng có thể đào thoát được không? Các ông quả có muốn tránh khỏi, quyết không muốn đến chỗ của Diêm vương cũng không phải là việc khó, muốn không đi thì không đi, việc thật dễ dàng; sợ các ông còn có điểm không tin “Diêm vương lợi hại như thế, bản lĩnh ngất trời cũng không thoát được tay ông ta, thầy còn bảo dễ thì tôi còn tin vào đâu được?” Ta muốn nói một bằng chứng xác thật cho các ông nghe thì biết: Về trước có Kim Bích Phong bản lĩnh thật lớn, mùa hè đến nghỉ ở núi Thanh Lương mùa đông đến nghỉ ở phương nam, sung sướng lắm. Ngày nọ Diêm vương gọi tiểu quỷ đến bắt, phải mất nhiều thời gian mới bắt được, ông ta là người có bản lĩnh, bèn hỏi tiểu quỷ: người bắt ta để làm gì?

Tiểu quỷ nói: Diêm vương bảo ta đến bắt người.

Kim Bích Phong nói: Người có thể từ bi cho ta được bảy ngày không? Khi người trở lại thì ta sẽ đi cùng.

Tiểu quỷ nói: Không được!

-Khẩn cầu ba lần.

Tiểu quý cũng có lòng từ bi, nói: Được, có thể tha cho người được bảy ngày, hãy đi đi, bảy ngày sau ta sẽ trở lại.

Thấy tiểu quý đi rồi, sau ông ta liền đề câu thoại đầu lên, ra sức tham cứu "Cứu cánh là ai? Đáo để là ai?" cho có bỏ mạng cũng không buông. Đến ngày thứ bảy, tiểu quý trở lại, chỗ nào cũng tìm, trên trời, dưới đất, trong ngoài hư không đều tìm khắp mà tìm không ra. Ông ta ở trên hư không nói "Diêm vương bắt Kim Bích Phong như lấy xích sắt xích hư không, xích sắt xích được hư không rồi thì mới bắt được Kim Bích Phong".

Hay thực, các ông thử nghĩ: bản lĩnh các ông có lớn hơn nữa thì trên trời tránh không được, dưới đất thì khỏi nói; không tránh được trong hư không, ngoài hư không cũng tránh không được, duy có câu thoại đầu mới có thể tránh được. Tránh trong câu thoại đầu mặc cho bản lĩnh của Diêm vương có to lớn hơn nữa cũng chẳng làm gì được. Phật Thích Ca cũng chẳng làm gì được! Như thế câu thoại đầu có phải là cần thiết chăng? Hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 18 tháng 11 (thất năm ngày thứ năm).

Mới phát tâm dụng công thì sợ vọng tưởng dụng công lâu rồi thì sợ hôn trầm, đó là lý lẽ gì vậy? Bởi vì các ông hoàn toàn sống trong hôn trầm và vọng tưởng, nói sợ hôn trầm vọng tưởng thì cái "sợ" ấy cũng do hôn trầm vọng tưởng tạo ra. Sợ vọng tưởng mà không nổi vọng tưởng thì vọng tưởng hãy còn! Sợ hôn trầm mà không rơi vào hôn trầm thì hôn trầm vẫn còn là hôn trầm! Các ông có hiểu không? Đại khái không phải là chuyện dễ! Dầu có thể nói các ông hiện tại dụng công đã thất một cái thất đã hơn lúc bình thường ba năm, nhưng cái câu nói dụng công thì đủ thứ sai khác. Có bốn thứ sai khác: thân tinh tấn, tâm chẳng tinh tấn, tâm tinh tấn, thân chẳng tinh tấn, thân tâm đều tinh tấn, thân tâm đều chẳng tinh tấn.

Thế nào là thân tinh tấn? Ấy là đi nhiều hương và tọa hương không giống nhau: nhiều hương thì chạy như bay, tọa hương thì bên ngoài tốt lắm nhưng trong tâm lại hôn trầm, vọng tưởng.

Tâm tinh tấn thì trên tâm suốt ngày câu thoại đầu sáng sủa rõ ràng, bề ngoài thì cứ nhiều hương, tọa hương rất bình thường. Cái loại người thân tâm đều chẳng tinh tấn này không cần nói nhiều, lục đạo luân hồi là hang ổ của họ.

Thế nào thân tâm đều tinh tấn? Loại người này đi hương tọa hương thì có tinh thần, trong tâm thì trong sáng, chẳng giờ khắc nào chẳng rời câu thoại đầu. Nếu dụng công phu suốt ngày như vậy thì đã một thất hơn cả ba năm lúc bình thường.

Nói như vậy không vượt qua loại người tâm tinh tấn, thân không tinh tấn chăng? Giả sử chỉ nói với người ấy thì còn phải vượt qua nhiều hơn ba mươi năm nữa! Còn người thân tâm đều không tinh tấn thì khỏi nói!

Ta tuy nói thế là muốn các ông theo cái hành của tâm mình mà thảo luận qua, trong kỳ thất là loại tinh tấn nào, chẳng phải là việc nhỏ đâu! Phạm là người có tâm dụng công thì phải kiểm thảo. Đối với người một năm 360 ngày, ngày ngày thân tâm đều tinh tấn, thì các ông chẳng phải nói đến một thất, mười thất, dù có nhiều hơn nữa cũng không thể vượt qua họ được. Mọi người cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng, không phải qua loa cho xong chuyện đâu, đừng nói chuyện bình thường mà ngay cả đã thất cũng vậy.

Nhưng các ông đã đả được năm thất rồi, cái tinh tấn trên thân mình đã buông bỏ lâu rồi, đến lúc nhiều hương hai gót chân không lê được, lúc ngồi hương cứ vịn lưng thì phải bỏ mất công phu, suốt ngày cứ buộc mình lê chân vịn lưng như thế.

Hỏi đến các ông câu thoại đầu thì lại nói “Tham đủ rồi! Chẳng làm ra được cái gì cả. Nổi nghi tình đã rồi, nổi một lần không được, nổi nữa lại không xong. Đã rồi, với thân tâm, với câu thoại đầu, với nghi tình nói chung là đã rồi, công phu hoàn toàn quăng bỏ hết!”

Đây cũng là việc tốt nhưng phải hết sạch mới tốt, e rằng các ông quăng bỏ được hết ở đầu này thì đầu kia lại chất đầy lên, thế thì chỗ nào hết sạch được? Chung quy có một đầu: Không ở đầu này thì ở đầu kia.

Rốt cục đầu kia lại chất đầy cả ra thì là đồ gì? Không ngoài nổi vọng tưởng, nổi nghiệp chướng. Đã đả được năm thất rồi, các ông lại đem câu thoại đầu quăng bỏ đi không lo việc dụng công, vọng tưởng này nghiệp chướng kia nhiều lắm! Mười năm, hai mươi năm về trước cho đến việc khi còn nhỏ đều nhớ hết mà nổi lên, nổi mãi như thế cũng thấy rất có mùi vị. Cần phải nổi cho gấp!

Các ông đứng nơi này nghe thấy lời ta nói có đúng không? Các ông là người như thế, hai chữ tinh tấn còn xứng đáng không? Dụng công phu không xong thì còn có việc gì, đương nhiên chỉ là nổi vọng tưởng, nổi nghiệp chướng mà thôi. Các ông nổi vọng tưởng cùng nghiệp chướng này lên, ngay cả hình hài của các ông cũng quên luôn đi. Thượng Hải, Nam Kinh, đồ xanh, nam nữ tận sức mình mà cứ nổi ra mãi.

Trước khi chưa đả thất tựa hồ như có chỗ nắm lấy; khi dụng công trong lòng nổi vọng tưởng lên còn có chỗ dứt. Đừng hỏi đến chuyện khai ngộ, đối với sự công phu một tí cũng chẳng có thì cái vọng tưởng này còn có dứt được chăng? Nếu các ông cứ mãi như thế thì ta thật tiếc cho các ông! Tiếc đến tràn nước mắt! Trước khi chưa dụng công, nghiệp chướng cao như núi Tu Di, dày như đại địa, hiện tại lấy câu thoại đầu hôm nay cũng dùi, ngày mai cũng mài tựa như bớt đi một tí; hôm nay bỗng nổi mạnh lên một cái được như thế so với trước còn cao, còn dày hơn.

Thí dụ như một người mắc nợ lâu, hôm nay nghĩ cách trả, ngày mai cũng nghĩ cách trả, trả nhiều lần rồi chỉ còn chút ít, thỉnh linh đi cờ bạc thua hết một số lớn thì nợ này so với nợ trước còn lớn hơn, có đúng không? Vọng tưởng nghiệp chướng còn được cho nó nổi lên không? Dụng công phu không xong còn được mặc kệ nó không?

Nhưng hiện tại các ông nổi nghiệp chướng lên mà quên cả bản phận tham thiền, một ngày kia cũng có thể quày đều trở lại; đã lâu đi rồi, nổi lâu đi rồi thì một ngày kia nổi đã thôi; quày đầu lại mới biết ra ta là một người xuất gia, là ở thiền đường Chùa Cao Môn! Người đến lúc ấy mới hiểu được thì đã trễ quá rồi, cho nên muốn các ông giác ngộ sớm một chút thì mới tốt, nợ kéo dài thì phải trả nhiều, nghiệp chướng nổi nhiều thì phải thêm nhiều sanh tử. Còn có chuyện gì khác để nói nữa!

Lại nữa, vọng tưởng, nghiệp chướng lúc này không cho nổi thì đến trong tương lai sẽ có một thời kỳ còn muốn cho các ông nổi, không nổi không được, bây giờ nổi thì có tội, lúc bây giờ nổi thì không có tội, lại còn có công. Tại sao vậy? Đây là trình tự công phu của các ông, hành đến chỗ ấy là việc của chỗ ấy.

Lúc nào thì có thể nổi vọng tưởng được? Là lúc các ông cần công phu đến chỗ "Lạc đường tự tại" (công phu thành khối), lúc ấy các ông không nổi còn muốn các ông nổi, không nổi không được.

Giả như không nổi cũng không đúng, không phải là việc của Thiền tông rồi. Tại sao vậy? Công phu của các ông dụng đến lúc ấy nếu chẳng nổi thì bị công phu làm

chương ngại đi. Các ông có hiểu được chăng? Cái công phu gọi là "lạc đường tự tại" ấy là cảnh giới gì? Ấy là đem câu thoại đầu đề lên giống như nổi vọng tưởng trong hiện tại vậy.

Hiện tại suốt ngày cứ ở trong vọng tưởng, không nổi vọng tưởng cũng ở trong vọng tưởng. Lúc ông công phu đến chỗ lạc đường tự tại, nhô đầu ra cũng là thoại đầu, cử nhấc chân cũng là thoại đầu, cử tâm là thoại đầu, động niệm cũng là thoại đầu v.v... Nói chung, muốn khởi lên một niệm khác cũng làm không được; công phu đến chỗ này, vọng tưởng muốn nổi, nổi không được, nghiệp chướng muốn nổi, nổi không được, cho dù trời xoay đất sụp muốn rời thoại đầu cũng rời không được.

Nhưng trụ ở chỗ này cũng không đúng mà cần phải hướng về phía trước mà tiến lên. "Tại sao hướng về phía trước, trời xoay đất sụp muốn động cái niệm thoại đầu cũng không được thì sao tiến về phía trước được?"

Nếu không có chỗ đi không cần các ông đi, lúc bấy giờ mới cho các ông nổi vọng tưởng, nổi nghiệp chướng; nổi cho gấp cho nhanh lên, càng nhiều càng tốt. Tại sao vậy? Lúc này nổi một vọng tưởng thì bớt một vọng tưởng, nổi một nghiệp chướng thì bớt một nghiệp chướng. Vọng tưởng nghiệp chướng nếu không nổi thì bị công phu che lấp, như thế là không được, cần phải nổi cho hết rồi mới được vô sự.

Tỷ như một ổ trộm lớn có năm, sáu tên suốt năm ăn trộm đồ của người ta; hôm nay ăn cắp một bình trà bỏ trong nhà, ngày mai ăn cắp một hũ rượu bỏ trong nhà, kẻ ăn cắp dù, kẻ ăn cắp nón; tất cả đều chất đầy trong ổ. Ăn cắp lâu rồi có một ngày bị người ta hàng phục; đầu hàng xong thì rất tốt, rất thái bình. Dầu cho tốt nhưng tang vật vẫn còn, hang ổ cũng còn. Nếu không lôi ra tất cả tang vật, đập bể hang ổ thì không lâu bọn kẻ cắp sẽ muốn trở về nữa.

Các ông đem tang vật quăng đi hết rồi đốt rụi cả hang ổ, bọn kẻ cắp có trở lại cũng không có chỗ nào để ở cả, đó chẳng phải là được vĩnh viễn thái bình sao?

Công phu cũng như việc tiêu trừ bọn kẻ cắp. Bọn kẻ cắp là gì? Là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý của các ông, đồ ăn cắp là vọng tưởng, nghiệp chướng, người tiêu trừ kẻ cắp là câu thoại đầu. Hôm nay cũng tham, ngày mai cũng tham; đầu tiên, lực lượng của cảnh giới bên ngoài và vọng tưởng bên trong rất lớn, mắt hể động thì đánh mất câu thoại đầu, lỗ tai hể động cũng đánh mất câu thoại đầu cho đến tỷ, thiệt, thân, ý hể động thì cũng như vậy. Dụng công lâu rồi con mắt dầu cho động thế nào câu thoại đầu cũng còn, lỗ tai động câu thoại đầu cũng còn, cho đến thân ý động, câu thoại đầu cũng còn, cũng như bọn cướp hàng rồi thì công phu "lạc đường tự tại".

Mặc dù công phu "lạc đường tự tại" kẻ trộm đã hàng nhưng tang vật còn đó, hang ổ cũng còn đó, cho nên muốn các ông nổi vọng tưởng, nổi nghiệp chướng nữa, nổi một cái bớt một cái cũng như đem tang vật từng món từng món một bỏ ra ngoài. Đem bỏ hết rồi thì có thể đập phá ổ hang, lúc phá xong rồi thì mới là thật sự thái bình.

Nhưng ta muốn hỏi các ông: sau khi thái bình còn có việc làm chăng? Sợ các ông lại không hiểu được nữa! Thế thì cái công phu "lạc đường tự tại" các ông còn chưa dùng đến thì việc phá hang ổ hết tang vật lại càng chưa dùng đến được thì cho có nói thêm việc gì về sau cũng vô dụng. Đợi khi công phu các ông dụng đến chỗ đó rồi thì ta mới nói cho các ông biết.

Bây giờ trở lại nói về công phu hiện tại của các ông, ấy là công phu dụng không được, vọng tưởng không nổi không được, nghiệp chướng nổi rồi còn nổi nữa, lấy câu thoại đầu hàng phục nó mà hàng phục không xong; một lần, hai lần không xong, kết cuộc không có biện pháp.

Các ông muốn hàng nó; một khi cái tâm muốn hàng phục nó nổi lên thì lại là vọng càng thêm vọng, nghiệp càng thêm nghiệp thì làm sao hàng phục nó được? Nay chỉ cần các ông không nghĩ tới nó, không hỏi nó, không hàng phục nó, không đè ép nó, chung qui cứ lấy câu thoại đầu của ta mà tham, cứ tham mãi tự nhiên sẽ được lên đường. Đây là việc rất cần! Rất cần! Các ông hãy phát tâm tham đi!

Khai thị: Ngày 19 tháng 11 (thất năm ngày thứ sáu).

Theo quá trình công phu đại khái có ba thứ: thứ nhất là cực lạ, thứ nhì là cực quen, thứ ba là phi phạm phi thánh. Ba cái này bao gồm tất cả quá trình dụng công của các ông. Dù công phu dụng đến thế nào cũng không ngoài ba thứ này.

Công phu cực lạ các ông đều rõ thấy được rồi. Thoại đầu tham không vô, muốn tham thoại đầu thì các ông bị vọng tưởng ngăn chặn, đề một câu nữa thì vọng tưởng nổi mạnh lên, bị sức mạnh của vọng tưởng nổi lên cướp đoạt một hai cây hương, cho đến liên tiếp cả một ngày cũng không chấm dứt. Bất chợt nhớ lại câu thoại đầu, đề lên được một hai lần thì hôn trầm lại nổi lên, ngủ quên cả nửa ngày mới biết, khi sự tỉnh đề lại câu thoại đầu thì nghiệp chướng, âm thanh, sắc tướng và nhức ngứa trên người v.v... đều là nghịch cảnh làm cho câu thoại đầu bị đánh mất. Đó là lý gì? Bởi vì chúng nó quá quen thuộc còn công phu thì xa lạ quá; kỳ thực tham thiền không có gì kỳ lạ, chỉ cần lấy câu thoại đầu đề lên thường xuyên và khởi nghi tình liên tục.

Hiện nay đã đã được năm thất rồi, không được bảo là cực lạ, nhất định phải có chút tiến bộ, dù chưa đạt đến chỗ cực quen, nhưng công phu đã dụng như vậy dẫu cho là lạ cũng cứ đề lên thoại đầu, đừng buông thả, lâu dần trong một ngày thì có nửa ngày công phu, trong nửa ngày còn lại dù cho màu sắc, âm thanh, vọng tưởng làm đổi nghịch, nhưng nửa ngày kia đã được nắm chặt lại trên công phu xét kỹ xem đặc lực hay chẳng đặc lực, cũng như "Niệm Phật là ai", không hiểu rõ phải hỏi nữa. Đáo để là ai? Truy cứu không xong không thể bỏ qua, phải tự hỏi cho đến minh bạch mới buông tay.

Cứ như vậy mà hỏi thẳng, không minh bạch nhất định không ngừng nghỉ. Hỏi mãi như thế, khi quay đầu nhìn lại sẽ thấy công phu có phần đặc lực, lại tiếp tục kiểm điểm cái thân này còn có hay không?

Tựa như chuyện trong thân mình và ngoài thân mình đều không có liên hệ. Xét kỹ thêm một tí sẽ thấy hình như thân thể không có, vậy thân thể tôi không có thì âm thanh, sắc tướng, nhức ngứa làm sao có được.

Công phu hành trì thỉnh thoảng có lúc dẫu thấy trên thân thể không có nhưng hình như còn có một hai cái vọng tưởng nghiệp chướng thành linh xảy ra, vậy thì thế nào? Vì tâm chưa bỏ được, cần ôm câu thoại đầu, không được buông. Cứ tham mãi mãi vọng tưởng nổi lên không được thì hình ảnh của nghiệp chướng cũng mất tiêu luôn.

Chỉ có cái chỗ không minh bạch của câu thoại đầu, đến được chỗ này rồi thì tâm cũng bất khả đắc, thân quên hẳn, tâm cũng quên hẳn; thân tâm đều quên dù cho sắc tướng đẹp thế nào, âm thanh hay thế nào, nếu không có thân thể thì nó dung thân ở đâu? Tình ái sâu thế nào, nhiều đến đâu mà không có tâm thì nó nương vào đâu để an thân? Thân tâm đều bất khả đắc có thể gọi là công phu hiện tiền còn gọi là công phu cực quen.

Cực lạ là phạm phu, nhưng cực quen không phải là hiền thánh, cũng không phải đến chỗ phi phạm phi thánh. Công phu hiện tiền là cảnh giới gì các ông tự mình đều cần

đạt đến chỗ đó thì mới thấy được, ta nói mà các ông không đi đến thì cũng bằng không.

Thật tội nghiệp cho các ông, đối với việc dụng công mà không nắm chắc tí gì; nếu ta không nói sơ cho các ông biết một chút cũng không được. Sự công phu hiện tiền, tức câu thoại đầu hiện tiền, dù đi đứng nằm ngồi, nổi vọng tưởng nổi nghiệp chướng đều là câu thoại đầu, cũng như lúc cực lạ của các ông suốt ngày chỉ có nổi vọng tưởng, đi đứng nằm ngồi đều trong vọng tưởng, cử tâm động niệm ở trong vọng tưởng, mặc áo ăn cơm ở trong vọng tưởng, đề câu thoại đầu cũng là vọng tưởng, sợ vọng tưởng, trừ vọng tưởng lại là thêm vọng tưởng.

Hôm nay, công phu hiện tiền tất cả chỗ nào cũng đều là công phu, dù nổi vọng tưởng nổi nghiệp chướng cũng đều là công phu, cái này tức là công phu hiện tiền cũng là cực quen, chưa được kể là xong việc, còn phải là lạ bất khả đắc, quen cũng bất khả đắc, lạ quen đều bất khả đắc mới được gọi là đến chỗ phi phạm phi thánh.

Vậy thì trong khi công phu hiện tiền chỉ có câu thoại đầu; các ông đừng tưởng sai lầm đi đến chỗ này rồi chỉ có chỗ không hiểu câu thoại đầu, chỉ có cái không minh bạch, không cho có chỗ suy nghĩ, cũng không phải cái không minh bạch mơ mơ hồ hồ, cũng không phải cái không minh bạch cho qua loa; như thế mới thực là công phu hiện tiền. Đó là lý gì?

Triệu Châu Thiền Sư nói “Lão tăng ba mươi năm chẳng tạp dụng tâm. Hễ biết mặc áo ăn cơm là chỗ tạp dụng tâm. Người trong thiên hạ ở chỗ minh bạch, chỉ có lão tăng một mình không ở trong chỗ minh bạch”, đây là một bằng chứng xác thực. Vậy đến đây gọi là đến đích chưa? Chưa, chỉ có thể nói là cái bánh xe sanh tử ngưng lại rồi, không xoay chuyển chứ chưa đạt được đến cuối cùng, cần phải tiến thêm một bước, đến lúc ấy ta mới nói được chuyện bình thường trong gia đình, kể được việc trong nhà, nhưng việc đáng nói bây giờ không phải là việc trong mà coi là việc đang đi đường.

Các ông vẫn chưa hiểu được sự việc dưới cửa Thiền tông, chuyện phàm phu thành thánh nhơn; đó không phải là việc cứu cánh, không phải là chỗ đặc biệt của Thiền tông. Sao vậy? Địa vị thánh nhơn là việc ở giữa đường, việc đến nhà vẫn còn cách xa một khoảng đường, các ông có hiểu tí nào không? Nếu đi được đến chỗ này mới cho là đúng việc của Thiền tông, là chỗ đặc sắc của Thiền tông. Lời này chỉ có Thiền tông được nói, ngoài ra không pháp môn nào được nói.

Vậy sau khi cực quen rồi dẹp từng lớp từng lớp mãi, dù nói các ông nghe đại khái không dễ gì lãnh hội được, chỉ là từ lạ chuyển thành quen, người ít thiện căn sẽ còn chút ít ngại khi nghe như vậy.

Ta nói thêm một thí dụ: chúng ta ở trong thiền đường lâu ngày, nhiều hương, tọa hương không còn lạ gì, bỗng có người ngoại quốc lỗ mũi cao, mắt sâu, đầu tóc đỏ, thân to lớn, tất cả đều khác với chúng ta; ta nhìn nó, nó lại nhìn ta, ta thấy nó quái lạ, nó thấy ta cũng quái lạ. Mình đi vào, nó cũng đi theo vào; ra, nó cũng theo ra, mình không nói chuyện được với nó, nó cũng không nói chuyện được với mình. Một mình nó, nó không dám ngồi, không dám ăn cơm. Thời gian lâu mình nhìn nó mỉm cười, nó cũng nhìn mình cười; lâu hơn nữa trao đổi được một vài câu qua lại, dần dần quen rồi không còn quái lạ, lâu ngày cùng nhau tham thiền. Lâu nữa, không xong! Nó lại sanh khi dễ chúng ta, rồi mỗi cử động đều phải nghe nó chỉ huy. Lâu ngày ngược lại mình phải lễ lạy nó, các ông tưởng tượng xem trên thế gian có chuyện như vậy chăng?

Tình trạng thông thường hiện nay cũng đều như vậy, sự công phu hạ thủ cũng giống vậy. Người ở trong thiền đường cũng như vọng tưởng, nghiệp chướng từ lâu đã quen

thuộc, câu thoại đầu như người ngoại quốc xa lạ, khi hạ thủ dụng công đề lên câu thoại đầu thì vọng tưởng xông lên cũng như các ông nhìn nhau với người ngoại quốc, lâu ngày quen thuộc đương nhiên cũng có thể tham được, lâu thêm nữa tham cũng được, không tham cũng được, nổi vọng tưởng cũng được, không nổi vọng tưởng cũng được, đó là cùng tham với nhau rồi, lâu nữa vọng tưởng đứng không yên vì câu thoại đầu đã làm chủ, làm vua. Trên đời phải có cái lý như vậy, dụng công phu cũng là như vậy.

Các ông thật đáng thương! Chỉ có một câu thoại đầu đến nay vẫn có người không tin, có phải khổ không? Chúng ta đều là người sáng suốt, ta khuyên các ông ở trên câu thoại đầu dụng khổ công thêm một phen, chịu thêm nhiều oan ức, đối với sự hành đạo mới có thể có chút ít tương ứng nào đó, hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 20 tháng 11 (thất năm ngày thứ bảy).

"Một niệm sai rồi trăm việc đều sai", ta nói một niệm sai không những trăm việc đều sai mà ngàn việc, muôn việc, tất cả đều sai. Tại sao vậy? Cái căn bản sai thì cái chi nhánh làm sao không sai được! căn bản tức là hiện tiền một niệm của chúng ta nếu một niệm này đúng thì ngàn muôn việc đều đúng, nếu một niệm sai thì ngàn muôn việc đều sai.

Lục Tổ dạy "Tự tâm bất ly giả, vô chân hà xứ chân?" (tự tâm không rời cái giả, không chân thì còn chỗ nào chân) đủ có thể chứng minh cái niệm hiện tiền của chúng ta có thể đúng có thể sai, nếu cái niệm này của chúng ta đã sai đi rồi thì sẽ tiếp tục mãi không ngừng.

Phải biết từ vô lượng kiếp đã sai đến ngày nay, hôm nay được cái sắc thân này thì thực là khó lắm! Trong kiếp xưa không biết đã chịu bao nhiêu khổ, nếu mở mắt ra xem thì phải khóc than biết bao nhiêu? Cái sắc thân ở trong lục đạo, tứ sanh, cái sắc thân nào mình chẳng có làm qua? Cái đó đều do một niệm sai mới có.

Này các thầy! Nếu hôm nay không giải quyết chữ sai này đi thì cái khổ ở tương lai còn dài lắm, con mắt nhắm lại, một chân cao, một chân thấp, con đường đi này không phải dễ đi, thực là xa xôi khó đến! E rằng cái câu xa xôi khó đến này cũng chẳng xong nữa! Tại sao vậy? Nếu các ông biết con đường này là xa xôi khó đến mới có thể nói là xa xôi khó đến. Căn bản con đường này không biết thì câu xa xôi khó đến ấy để vào đâu?

Vậy thì chữ "sai" này là không tốt, thì các ông sẽ quay đầu lại nói chữ "đúng", bởi vì cái sai đã không tốt rồi, nhứt định dứt nó đi; không có mùi vị gì thì hãy tìm lấy cái đúng mà làm đại khái là tốt rồi. Đúng đấy! Bởi vì đúng là tốt. Đại khái đối với chữ "đúng" này các ông không dễ gì hiểu được, nên mới có sự so lường như vậy. Ta hỏi các ông: Tại sao nói rằng đúng là sự tốt? Trong Thiên tông thì không phải vậy, dù không phải vậy nhưng cũng là một con đường phải đi ngang qua.

Tại sao Thiên tông nói không phải vậy? Sai tuy không phải là việc tốt, đúng đối với sai mà nói cho là tốt. Nhưng Thiên tông không cho lấy sai làm đúng cũng không cho lấy đúng làm đúng, đúng với sai đều không trụ mới là sự việc trong Thiên tông. Đã là đúng sai đều không trụ thì về sau còn có việc gì không? Có hay không, cần các ông phải tự mình lãnh hội, ta nói không được, tại sao vậy? Nếu ta nói hữu sự thì các ông sẽ hướng về cái hữu mà dụng công, hề ta nói vô sự thì các ông sẽ hướng trên vô sự mà dụng công.

Cũng như người xưa nói “như người uống nước lạnh ấm tự biết”. Vậy thì làm một người như vậy cứu kính là người nào, cái người này ta có thể chỉ ra cho các ông: các ông công phu đến chỗ này là rất thanh cao, có thể nói là “không cùng với vạn pháp làm bạn”. Một người không làm bạn với hữu tình, cũng không làm bạn với vô tình, thực hành được như vậy là từ chỗ nào làm đến được? Là một niệm hiện tiền; cái một niệm này đúng thì toàn thể đều đúng, cái một niệm này sai thì toàn thể đều sai.

Cái này các ông sợ còn chưa được rõ, vậy ta cần phải nói qua cho các ông biết; việc thiên hạ đều không đúng! Chỉ có câu thoại đầu mới là “thiệt đúng”. Tại sao nói câu thoại đầu là “thiệt đúng?” Không nhưng ta dám nói mà ta còn dám bảo đảm, các ông sợ còn có điểm không tin. Ta dám nói bảo đảm không phải chỉ là nói suông thôi đâu, đương nhiên là cần phải có chứng minh. Nay không kể người đời, thí dụ tôi hỏi Phật Thích Ca “Tham câu thoại đầu có đúng chăng?” Nếu Phật Thích Ca nói “Không đúng” thì tôi xin hỏi nữa “Tôi nói tham câu thoại đầu là đúng, ấy là nói người đúng hay là nói với người sai, hay là nói với người lia đúng lia sai?” Cái câu hỏi e rằng Phật Thích Ca trả lời không được. Tại sao vậy? Tùy theo trình độ căn cơ của chúng sanh mà giáo hóa, không như vậy không được. Nếu nói người trong nhà (ý nói người đã kiến tánh) ta hỏi Phật Thích Ca thì đương nhiên Phật trả lời được. Nếu Phật Thích Ca hỏi ta, ta cũng trả lời được. Vậy nếu Phật Thích Ca không trả lời được thì còn ai có thể trả lời được nữa?

Mặc dù biết tham thoại đầu là đúng, vẫn cần phải các ông niệm niệm đều có nghi tình, tâm tâm đều có nghi tình mới kể là đúng được, cái chữ “đúng” này, chúng ta nói đến đây là kết thúc.

Chúng ta dù nói niệm niệm có được tham, tâm tâm có được tham, muốn tham đến trạng thái nào mới nói được là niệm niệm có, tâm tâm có? Nếu có thể lấy câu thoại đầu để trên tâm mình thì chỉ là một cái không minh bạch mãi, không minh bạch thì không buông tay; thỉnh linh người ta tọa hương, ông thì không biết ngồi, khi đánh dấu hiệu đi cầu mọi người đi cầu tiêu thì ông lại không biết hướng về chỗ nào đi, đây gọi là đi mà không biết đi, ngồi mà không biết ngồi. Cái không biết này của ông không phải là cái không biết mơ hồ, không minh bạch, mà trong tâm lại minh minh bạch bạch. Người niệm Phật không biết là người nào cứ một mạch mà tham đi; cũng như tham niệm Phật là ai, niệm Phật là người nào niệm? Đáo để là ai? Cứu cánh là người nào? Điều qui tự vào chỗ không minh bạch, lấy đại ngộ làm kỳ hạn, không ngộ thì cứ tham. Các ông hãy phát tâm. Hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 21 tháng 11 (Thất 6 ngày thứ nhất).

Người dụng công phu tưởng rằng công phu của mình tốt lắm, có thể nắm vững được rồi; lúc thân ngồi xuống, tâm cảm thấy nhẹ nhàng, công phu thì thanh tịnh tịnh. Trong lòng cứ cho là “Tốt lắm rồi! Công phu của ta đã nắm được rồi”. Nhưng theo ta nói thì còn khổ não lắm! Trong chiêm bao cũng còn chưa thể mộng thấy! Đối với người có công phu để dụng thì còn có thể nói là “đắc thiếu vi túc” nhưng ông phải hành đến chỗ đắc thiếu mới có thể nói như vậy được; chỗ thiếu còn chưa đến thì làm sao gọi được là túc? Cái hành này của ông chẳng được gọi là người dụng công phu thì nói gì đến túc? Vậy thì phải làm sao mới là người dụng công phu? Cần phải trong tịnh có công phu, lúc động cũng có công phu, động tịnh đều có công phu. Cái hành này phải thực hành ra làm sao vậy? Nếu mà muốn công phu ở trong tịnh cho tốt xong rồi mới bắt đầu dụng công phu ở trong lúc động thì như thế ba mươi năm, năm mươi năm cũng làm không tốt.

Tại sao vậy? Tại ông lấy động, tịnh chia làm hai phần riêng biệt thì làm sao cho tốt được? Lúc động, lúc tịnh, ở giữa động và tịnh công phu đều phải được nắm vững mới có thể nói là động tịnh không chướng ngại cho ông, ông cũng không bị động tịnh chướng ngại. Nếu không nắm vững được chỗ này thì khi tịnh dụng thì bị tịnh chuyển, khi động dụng thì bị động chuyển; làm sao ở giữa hai cửa động tịnh mà công phu không đánh mất thì mới có thể nói: động cũng không động được ông, tịnh cũng không tịnh được ông; dù cho là đỏ, là xanh, là nam, là nữ đều không bị nó chuyển thì mới cho ông là động tịnh nhất như.

Mặc dù có công phu như vậy vẫn còn phải khảo sát một tí; một ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ còn có thể dụng công hoàn toàn như vậy được không? Giả sử không hoàn toàn dụng công được như vậy, xin hỏi “Có mấy tiếng đồng hồ dụng công như vậy?” Nếu muốn có trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ có hai, ba tiếng không ở trong công phu thì ta không dám bảo đảm cho ông được liễu thoát sinh tử, cũng không nói được ông có hy vọng khai ngộ. Không những ta không dám bảo đảm mà Phật Thích Ca cũng không dám bảo đảm; dù cho Phật Thích Ca đứng ngay chỗ này mà các ông có hỏi Phật “Công phu cần phải một ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ dụng công không gián đoạn chăng?” Giả sử Phật Thích Ca nói “Không cần! Một ngày có mười tiếng để nghỉ ngơi, để nói chuyện”. Đứng lắm! Ta muốn hỏi Phật “Hai mươi tiếng dụng công là trông cái nhân gì? Năm, sáu tiếng nghỉ ngơi là trông cái nhân gì?” thì Phật Thích Ca có còn gì để mở miệng? Cho nên ta nói công phu cần phải dụng như vậy! Phật Thích Ca nhất định cũng nói phải dụng như vậy!

Vậy thì trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ công phu không gián đoạn, cái công phu này có thể kê được là đã đến nhà chưa? Chưa được đâu, còn sớm lắm! Mười phần công phu mới có được một phần. Ta nói như thế các ông lại tưởng rằng: Công phu dụng đến chỗ này còn nói chỉ có một phần, việc trong Thiền tông thực khó quá! Đúng thế! Bởi vì ông không có tri thức dụng công cho nên nói khó, nếu là người có ít tri thức đương nhiên không nói khó, cần phải dụng công như thế. Tại sao cần phải dụng công như thế? Tại sao nói mười phần chỉ có một? Bởi vì suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ dù công phu của ông được thật đứng đắn, nhưng hễ có bệnh thì hỏng việc rồi! Các ông nghĩ xem! Lúc có bệnh đã dụng qua công phu chưa? Công phu còn được đứng đắn không? Bệnh thì chúng ta đều đã có bị qua rồi, đang lúc bệnh thì có dụng công hay không? Sợ ngay cả cái hình bóng cũng không có!

Chúng ta nghiên cứu thử xem: trong khi bệnh có cần dụng công hay không? Nếu nói lúc bệnh không cần dụng công, các ông nói thì được chứ ta thì không dám nói. Theo ta, các ông muốn dụng công phu thì lúc bệnh cần phải dụng công phu đứng đắn hơn ngày thường chút ít mới được. Tại sao cần phải đứng đắn hơn? Đau nhức không biết đau nhức, khổ không biết khổ, chết ta không hiểu được, công phu rõ ràng minh bạch, dù cho trời có nóng hay là lạnh, ta một tí cũng không biết đến, chỉ biết sao công phu còn phải tốt hơn ngày thường, công phu ngày thường tuy là tốt nhưng không có thống khổ thì công phu vẫn chưa được cho là đắc lực. Vậy thì có thể nói: Động không đến ông, tịnh không đến ông, bệnh nặng cũng không đến ông mới gọi là tốt!

Công phu này được đến chỗ cực điểm chưa? Cũng còn chưa đâu, chỉ mới có hai phần thôi. Nói như thế thì ra làm sao? Thực làm cho người ta không biết làm sao mà rờ! Thực khó thay! Ta muốn nói cho các ông biết, muốn các ông được thấy đến nơi đến chốn mới đúng: dù cho động tịnh nhất như, bệnh cũng không động đến ông, ông còn ngủ hay không? Ngủ quên rồi lúc nằm chiêm bao thì công phu ra như thế nào? Các ông tưởng tượng xem: công phu có được đứng đắn không? Ta tuyệt đối không phải nói để làm khó cho các ông! Chiêm bao mọi người đều có trải qua, nếu trong khi ngủ

quên mà nằm chiêm bao thì không còn dụng công. Ta cho các ông biết, người xưa có nói “Nghệp thức mang mang, vô bản khả cứ” (Nghệp thức mênh mông, không chỗ căn cứ vào được). Hai câu này thế nào? Cứ theo lời nói như vậy thì lúc nằm chiêm bao nhất định cần phải dụng công. Nếu được trong khi ngủ mà không biết có sự ngủ thì làm sao nằm chiêm bao được? Chiêm bao cũng là câu thoại đầu, không kể ngủ hay không ngủ, tất cả đều không rời công phu mới cho là nắm vững được phần nào, nhưng vẫn chưa thể nói là được mười phần. Tại sao vậy?

Người xưa có nói “Lúc tịnh công phu được mười phần thì lúc tịnh chỉ còn một phần, lúc động công phu được mười phần thì lúc ngủ quên nằm chiêm bao ngủ quên chỉ còn một phần, lúc chiêm bao có được mười phần thì lúc đủ thứ khổ đều tụ lại, sinh tử đến ngay trước mắt thì lại chỉ còn một phần”. Đây chẳng phải là lời ta nói ra đâu. Công phu tất cần phải dụng đến sự lâm nguy cuối cùng có nắm được mực mười phần, liễu sinh thoát tử mới có phần của ông. Công phu dụng lúc sống không thể dụng thẳng đến sau khi chết, cho nên trước khi chết phải giải quyết cho xong sự sanh tử của chính mình. Ta nói như thế các ông cảm thấy sự việc trong Thiền tông thực khó, thực khó muốn đến lắc đầu, hình như thực hành không được, thực khó lắm rồi! Ta nói không phải vậy, các ông thấy có sự thâm sâu như thế nhưng chúng ta chỉ cần một câu thoại đầu thì xong thôi! Câu thoại đầu ra sao mà lại có lực lượng to lớn như thế?

Chúng ta thí nghiệm thử một tí xem: Đề lên câu thoại đầu rồi thì nghi tình còn, buông thoại đầu xuống thì nghi tình không còn nữa. Các ông làm như thế này thử xem: Đề câu thoại đầu lên đừng buông nó; trong lúc ấy các ông nghiên cứu thử xem, xem xét thử xem, động còn chướng ngại được nó không? Tịnh còn chướng ngại được nó không? Bệnh còn chướng ngại được nó không? Chiêm bao còn chướng ngại được nó không? Dù cho đủ thứ khổ tụ lại cũng đâu còn sợ gì? Chỉ cần một câu thoại đầu thì đưa ông đến được nhà. Ấy tức là “Nhất siêu trực nhập”. Mặc dù dễ như thế, trực tiếp như thế, rốt cuộc muốn các ông làm đến nơi: đề khởi lên có nghi tình, buông xuống cũng có nghi tình. Công phu dụng đến chỗ này mới đúng. Hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 22 tháng 11 (Thất 6 ngày thứ hai).

Trong lúc vận chuyển làm việc, công phu phải nắm cho vững, suốt cả ngày đêm công phu phải nắm cho vững. Nếu có được công phu như vậy thì mới có được một tí tương ứng với bốn phần của các ông. Tại sao phải dụng công như thế? Cần phải hiểu: Khi đang công phu có buông bỏ một tí tức là có một tí trống rỗng, cái trống rỗng này tức là kẽ hở thì sinh tử của chúng ta sẽ từ kẽ hở mà trỗi dậy, cái kẽ hở này tức là căn cứ địa phát sinh lực đạo luân hồi.

Các ông tưởng tượng xem: Trong khi công phu có một tí trống rỗng như vậy ấy là chỗ sanh ra sinh tử luân hồi; vậy thì há có lý nào ban ngày dụng công phu còn ban đêm thì khỏi dụng công? Tọa hương thì dụng công, còn đi kinh hành thì khỏi dụng công? Lại nói đến ngủ quên khỏi dụng công thì lại càng không xong rồi; người có cái tri kiến như vậy cũng không phải là ít: ấy là chỗ hiểu lầm lớn của các ông. Cái hiểu lầm này người lầm cũng không ít! Thời gian lầm lẫn cũng không ít! Ta thấy các ông cứ sai lầm mãi như vậy đến ngày nào mới dứt?

Theo sự đả thiền thất thì cần phải dụng công tinh tấn, nên sư Ban thủ, sư Duy na đều là những người giúp cho các ông nỗ lực tinh tấn, các ông lại không thêm để ý đến việc đi kinh hành, cứ chạy như bay, mà không có nghi tình, vậy gọi là sự tinh tấn của các ông sao? Vậy còn muốn đả thiền thất làm chi nữa? Nếu lúc đi kinh hành mà không thêm để ý đi như thế nào, chạy như thế nào, vậy thì Hòa thượng, Ban thủ, Duy na

chẳng phải là vô dụng sao? Như thế thì ta còn cho phép các ông làm như vậy được sao? Theo quy củ: Kêu đi thì phải đi, kêu chạy thì phải chạy như bay, không được nhảm lẫn một chữ! Ta chỉ dạy các ông dụng công phu, các ông dụng hay không dụng ta còn có thể tha thứ một tí chứ còn quy củ của ta các ông không được sai chạy một chữ nào cả. Cứ theo như các ông: Kêu đi ông không đi, ông còn muốn sống không? Cái thân xác của các ông còn muốn ở thiên đường thêm mấy ngày?

Hôm nay ta cho các ông biết: Từ nay về sau người chấp sự kêu các ông đi thì các ông đi, kêu chạy thì phải chạy như bay. Sai suyền một chút mà ta thấy được thì phải đánh ba hương bãng, đánh cho ông gãy xương, có mất mạng hay không ta không cần biết. Các ông cần phải lưu ý cho kỹ! Ta không nói trước cho các ông nghe thì khi hương bãng đánh xuống, các ông sẽ lấy làm lạ mà nói rằng “Thực vô lý quá, phạm cái quy củ nhỏ này làm sao đến phải bị đánh hương bãng nặng như thế? Thật lợi hại quá! Quy củ Thầy chưa nói cho tôi nghe, nếu Thầy đã nói cho chúng tôi nghe rồi, biết sự lợi hại của quy củ rồi, đương nhiên sẽ nghe lời gọi, bảo chạy thì chạy như bay, ấy cũng có gì đáng kể.” Đúng thế! Các ông phải lưu ý cho kỹ.

Tại sao lại phải như thế? Cần phải hiểu: các ông từ đầu năm đến cuối năm chỉ hy vọng thời trong kỳ đả thiên thất được liễu sinh tử. Trong thời kỳ thiên thất dụng công hoàn toàn nhớ cái tinh tiến. Tinh tiến dũng mãnh sợ còn không thể liễu được sinh tử, lười biếng thì làm sao hữu dụng được? Ngày thường chỉ hy vọng trong thời kỳ đả thất, nay trong thời kỳ thiên thất mà không như vậy thì còn hy vọng thời kỳ nào nữa? Vậy ta đem ông đem ông đánh chết thì còn có tội không? Nhưng mà bảo ông chạy như bay, không phải chạy để chơi, phải làm sao bước chân nào cũng rời công phu, niệm niệm không rời công phu, nếu mà chạy không thì chẳng bằng không chạy! Các ông phải lưu tâm ghi nhớ cho kỹ!

Hiện tại người dụng công phu đều phải nghiên cứu cho thuần thực, cũng như trâu rừng trên núi, muốn trâu rừng làm việc, trước hết phải dạy cho nó thuần thực rồi sau mới có thể dùng được. Các ông xem: Lúc ban đầu mới buộc, nó chạy bên Đông nhảy bên Tây không chịu theo khuôn phép tí nào. Hôm nay dạy nó, ngày mai cũng dạy thì dần dần có thể cùng ông lên đường được rồi; lâu nữa thì có thể theo ông mà chạy. Sau khi đã thuần thực thì khỏi cần buộc dây, nó còn có thể đi trước ông nữa dụng công phu như thế, ban đầu câu thoại đầu giống như trâu rừng, ông muốn dụng công nó không theo ông dụng, không chỗ này hỏng thì chỗ kia hỏng. Lâu đi rồi thì dụng được tốt thôi, thêm lâu nữa thì sẽ thuần thực, chỉ có một câu thoại đầu cứ dụng thẳng đến. Trước kia thoại đầu đề không được, tất cả là chỉ nổi vọng tưởng; hiện nay vọng tưởng nổi không lên, tất cả chỉ là câu thoại đầu: ban ngày ban đêm đều là công phu, muốn nổi một cái vọng tưởng cũng không được, nếu dụng công được như thế thì có thể gọi là thuần thực rồi.

Tại sao phải dụng như thế? Công phu của chúng ta muốn được thành khối tất nhiên cần phải lên con đường này, theo con đường này mà chạy thẳng đi thì mới có thể đến được công phu thành khối; nếu không theo con đường này chạy đi thì công phu không được thành khối.

Thế nào là công phu không thành khối? Thế nào là công phu thành khối? Hai thứ công phu trên đường đi này, các ông phải thấy cho triệt để thì lúc dụng công phu mới được đúng. Hai chữ thành khối tuyệt không phải là có đồ vật gì, không phải là cục đất hay khúc cây gì, nếu hiểu như vậy thì là sai rồi! Đừng có tưởng lầm. Cái khối này, là khi tham thoại đầu được đắc lực, tâm là thoại đầu, nổi vọng tưởng cũng là thoại đầu, nổi nghiệp chướng đều là thoại đầu, trên thân thể đều là thoại đầu, ở dưới chân là thoại đầu, trong tay đều là thoại đầu, nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân v.v... đều là thoại đầu,

ngay chỗ này, chỗ đứng cũng là thoái đầu, ngược lên nhìn trời, trời cũng là thoái đầu; tâm như vậy, thân như vậy, hư không cũng như vậy, tất cả cộng chung thành một thoái đầu, tức là thành một khối, không phải khúc cây, cục đất là khối.

Cái khối của câu thoái đầu này lan tới chỗ nào cũng là cái khối này, ông muốn đập nó, lấy miếng gỗ đánh nó một cái, miếng gỗ đó cũng thành thoái đầu, lấy cục đá đập nó một cái, cục đá cũng thành thoái đầu luôn. Ta nói như thế là một thí dụ, trong tâm của ông cần phải có một tí linh hội mới được! Công phu như thế tức là công phu thành khối.

Đối với công phu thành khối: câu thoái đầu đề lên, nghi tình đặc lực, nghi tình cũng là thoái đầu, thoái đầu cũng là nghi tình; sơn hà đại địa là tự thân ta, tự thân lại là tâm, tâm cũng là thân, thân cũng là sơn hà đại địa; giả sử cho cục gạch, miếng gỗ đánh đập một cái, một tí động tịnh cũng không có. Nếu dụng công phu được như vậy là công phu thành khối và dễ đến được quê nhà.

Ta nói như thế, vậy công phu của các ông đã đến chỗ này chưa? Không cần các ông nói ta cũng biết các ông còn chưa dụng công phu được như vậy, các ông chưa dụng đến nơi thì không cần giảng mới phải; nếu không giảng thì các ông khổ não quá? Một tí tri thức dụng công cũng không có; dù cho các ông chưa dụng đến nơi, ta ở phía trước từ từ dẫn các ông đi, các ông cũng có thể theo đến, dù cho ông dụng công chưa đến được thì cũng gieo được một hạt giống đạo.

Các ông người có chí hướng công phu này muốn làm cho đến cũng không có gì, chỉ cần nhận thức là suốt ngày chẳng kể kinh hành, tọa hương, đi ngủ đều phải chiều cổ đến công phu cho tốt, không cho nó bỏ trống chút nào, lúc đi phải nhận chân mà đi, bước nào cũng không rời câu thoái đầu, đang lúc ngồi, nghi tình rõ ràng trong sáng thì tương lai có thể đạt đến công phu thành khối, thành phiến. Hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 23 tháng 11 (Thất 6 ngày thứ ba).

Người dụng công phu hình như trong tịnh thì dụng được, khi ngồi xuống mà dụng thì công phu trước mắt, muốn nói trong khi động mà dụng công phu thì không dễ đâu! Lúc công phu đứng đắn thì hình như không động được, hễ động một cái thì công phu mất tiêu; còn muốn nói trong động trong tịnh nghi tình thành khối, đập thành phiến lại càng không dễ gì làm được. Đúng thế! Vậy thì nói thực một câu: trong khi động, công phu không dễ gì mà dụng. Tại sao vậy? “Một động, hai động” cái động này chưa hết thì cái động kia đã đến rồi, về sau cứ tiếp tục xông lên mãi mãi như vậy “Một động, hai động, ba động”, cũng như các ông tọa hương, công phu thấy được lắm, gặp khi khai tịnh thì không phải là động rồi sao? Sau khi khai tịnh thì phải buông chân ra; đã khởi hương rồi thì phải đi tiểu tiện; những chuyện này có thể nói: Khai tịnh buông chân ra là một động hai động, khởi hương tiểu tiện là ba động. Các ông nghĩ xem: Niệm niệm không ngừng động như vậy, cho đến chưa từng ở trong động dụng tâm qua, vì vậy hôm nay muốn trong động dụng công thì sao mà các ông làm được.

Hiện tại chúng ta đã đã được năm, sáu thất, công phu trong khi tịnh các ông đương nhiên đã dụng được rồi. Nay muốn các ông dụng công phu trong khi động thì không dễ gì mà dụng được, tại sao vậy? Bởi vì các ông từ lâu chưa có lưu tâm. Các ông phải hiểu: công phu trong khi tịnh mặc dù đặc lực, hễ có một tí động tác thì lập tức mất liền; giả sử các ông trong khi động mà dụng công phu được thì dù cho tất cả động cũng không động được đến chỗ công phu của các ông, bởi vì công phu của các ông là từ trong khi động mà được thì đâu có sợ gì động nữa?

Các ông cho rằng lúc động thì khó, ta nói không khó! Thứ nhất là muốn các ông có tri thức này, muốn liễu sinh thoát tử tất cần phải dụng công phu trong lúc động, khi trong động mà dụng công được tốt rồi thì mới có thể động tịnh nhất như được. Cái trường kỳ của sinh tử, lợi hại của sinh tử, sinh tử khổ não, nếu không dụng công phu đến động tịnh nhất như thì không thể liễu được: đây là tri thức thứ nhất. Thứ hai là phải biết muốn dụng công phu thì bất luận trong động trong tịnh, không được rời khỏi công phu: muốn liễu sinh tử thì tất phải dụng công phu cho đến thành khối thành phiến: đây tức là tri thức thứ hai của các ông. Có được hai tri thức, lập định chí hướng không làm đến thì không được; nếu không công phu cho tốt thì ta không thể là người tham thiền được! Nào là đi, đứng, nằm, ngồi, không rời động tịnh, chung qui cứ ôm chặt lấy câu thoại đầu đến chết cũng không buông. Ông có được quyết chí như vậy mà còn sợ làm không tốt sao?

Nhưng mà có quyết chí rồi còn phải biết phương tiện, không hiểu phương tiện thì sẽ làm hỏng việc. Thế nào là hiểu phương tiện? Trước tiên phải biết: Sinh tử không phải một ngày là làm xong, hôm nay muốn liễu sinh tử cũng không phải là việc gấp được. Vậy phải làm thế nào? Ba năm, năm năm công phu dụng không đến được nhà thì ta cũng dụng, ba mươi năm, năm mươi năm cho đến kiếp này không xong, kiếp sau làm nữa, kiếp sau làm không xong ta cũng không sửa đổi chí hướng ban đầu; chung qui lấy việc làm cho xong làm kỳ hạn. Lâu cũng được, mau cũng được, lâu hay mau ta không quan tâm, cái tâm rộng lớn tuyệt đối không có tí do dự; làm như vậy mới gọi là biết các phương tiện. Người không hiểu phương tiện, dụng công phu ba ngày không thấy mùi vị gì hoặc là khi tịnh thì dụng, khi động thì không thể dụng; cảm thấy không có mùi vị, thì dụng hay không dụng đâu cần gì nữa? Ấy là không hiểu phương tiện. Đại đa số các ông có còn cái tri thức này không?

Công phu hiện nay, ta thử hỏi các ông “Công phu trong khi động, tịnh ra như thế nào?” Các ông nhất định trả lời rằng “Tiếng bảng buổi sáng lúc tịnh còn có thể được, tiếng bảng buổi trưa có hôn trầm, đến nén hương dưỡng tức, nửa nén hương trên còn khá”. E rằng các ông đều trả lời giống nhau (chúng khẩu đồng âm). Nói như thế thì trong khi tịnh còn chưa hoàn toàn làm cho tốt được còn nói gì đến trong khi động? Không có được một người nào nói “Tôi mỗi nén hương đều nắm được chắc, chỉ trừ lúc động là không đắc lực thôi”, còn có được người như vậy không? Lại nữa “Tôi lúc tịnh cũng có công phu dụng, chỉ khi tiếng mõ đánh cho đi câu mới làm cho công phu của tôi bị đánh mất thôi”. Các ông còn có người nào như vậy không? Có được người như vậy cũng gọi là tốt rồi.

Công phu các ông không làm đến nơi, bịnh tại chỗ nào? Ấy là ở chỗ sợ bị mất mặt, từ sáng đến chiều sợ chạm mặt người, sợ chướng ngại người, chỉ lo sao cho đối với việc này việc nọ không để sai phạm, nếu có sai phạm một chút thì lập tức bị đánh hương bảng, bộ mặt sẽ coi không được, thấy khó chịu! Các ông tưởng tượng xem có phải không, có phải suốt ngày cứ ở trong nhân và ngã mà lưu tâm không? Bởi vì “ngã” sợ bị mất mặt, không được phạm quy củ của người ta, cái cửa này lại nhốt kín ông ở trong. Còn có người nào nói “Tôi không thể quy củ hay không quy củ! Quy củ là cái thứ hai, câu thoại đầu là thứ nhất, nếu câu thoại đầu của tôi có may may bị mất thì cái mạng của tôi cũng mất luôn rồi; tôi có chỗ nào sai lạc thì cứ đánh đi, la rầy cho một trận đi, nhưng cái công phu của tôi thì không thể bị đánh mất được!” Các ông thực có công phu này thì khi hương bảng có đánh xuống thân ông sẽ không biết đau đớn, la lối ông cũng không cảm thấy khó chịu; đánh chửi đều không hiểu được thì làm sao còn biết đến sợ bị mất mặt? Không phải là an nhiên đi qua cái cửa ngõ khó khăn này hay sao? Nhưng nói không cần quy củ cũng không phải, nếu không cần quy củ thì ông

đến thành phóng túng thôi. Kỳ thực người có công phu chân thật, công phu đứng đắn chừng nào thì quy củ giữ tốt chừng đó.

Các ông cho rằng “Cái chỗ rất khó khăn của công phu là câu thoại đầu dụng đến chỗ thật khó, vậy làm sao đi qua được chỗ cực khó đó?” Các ông thực dụng đến chỗ khó, muốn qua khỏi chỗ khó đó vốn không phải là việc dễ dàng đâu. Thí dụ câu thoại đầu dụng lên bước tới không được, bước lui cũng không được, bên trái bên phải đều không đi được, đứng ngay chỗ đó cũng không yên ổn. Như trước mặt có người cầm dao, nếu ông bước tới thì họ sẽ cho ông một dao, sau lưng có người cầm súng, hễ lui thì họ bắn ông một phát, bên trái là lửa lớn, bên phải là nước mênh mông, bốn bên đều là hiểm địa, hễ nhúc nhích một cái là mất mạng! Hễ đứng ngay đó bất động thì bốn phía đều gom sát lại cũng phải bị mất mạng. Ta hỏi các ông phải chạy đi đâu? Cái cửa này làm sao qua được? Các ông tịnh tâm để lĩnh hội thử xem.

Đây là thí dụ: Các ông lấy cái ý nghĩa thí dụ này để trong tâm mà xem xét thử, lấy câu thoại đầu để chứng minh thử xem phải làm sao mới qua được? Đây không phải là việc nhỏ đâu! Trong tâm các ông hãy trả lời ta một câu. Nếu trả lời được, nghĩa là trước có dao, sau có súng, bên trái lửa, bên phải nước mà qua được, thì dù cho kiếm thụ đao sơn (rừng kiếm núi đao) cũng qua được, chảo dầu sôi, lò lửa than cũng qua được. Nếu không qua được chỗ này thì chỗ nào cũng không qua khỏi được! Ta lại muốn thảo luận với các ông thêm nữa, người cầm dao trước mặt thật hung dữ chạy đến, dao chỉ cách đầu có hai tấc, súng sau lưng cũng muốn chạm tới thân mình, bên trái lửa cháy âm âm, bên phải thì nước như muôn ngựa tràn tới, đến lúc ấy thì cái thân mạng của ông còn muốn giữ được không? Nếu muốn thì phải qua khỏi chỗ đó mới được. Các ông có cách nào qua khỏi được chỗ đó không? Hãy nghĩ trong bụng thử xem. Các ông nếu không có biện pháp nào thì còn có thể gọi là một người dụng công để liễu sinh thoát tử sao? Đáng tiếc thay! Các ông sợ không có biện pháp nào có can đảm mà nói là qua được?

Cái cửa này ta muốn đi giùm cho các ông, không thôi các ông đều qua không được; cái cửa ngõ này không qua được thì dụng công để liễu sinh tử không có phần của ông. Các ông hãy để công phu lên đi! Ta hỏi các ông: Các ông đang lúc qua không được, lúc đang sợ hãi quá sức, ông lại hỏi: Niệm Phật là ai? Cứu cánh là ai? Đáo đế là người nào? Các ông hỏi như thế rồi, ta lại hỏi các ông nữa: Thân của ông ở chỗ nào? Tâm ở chỗ nào? Các ông nghiên cứu thử xem: hỏi như thế đương nhiên thân tâm đều không còn, thân tâm đã không còn thì các ông còn sợ dao súng chỗ nào nữa? Cái tướng nước tướng lửa còn hay không? Dù cho hoàn cảnh khó hơn nữa, ta cứ lấy công phu truy cứu thì không phải ngay khi ấy mọi cái đều tan rã, tiêu diệt hết rồi sao?

Vậy cái cửa này qua được rồi thì tất cả hoàn cảnh nào cũng qua được. Cái cửa này ta đã đi qua giùm cho các ông rồi, nhưng việc về sau thì các ông phải tự mình đi. Thí dụ như: Từ Nam Kinh đến Bắc Kinh có xa, Trung Quốc với nước ngoài không sợ ngăn sông cách núi, ta hôm nay đi máy bay một lát thì qua khỏi, có phải là hết sức dễ dàng không! Các ông hãy phát tâm tham đi!

Kha thị: Ngày 24 tháng 11 (Thất 6 ngày thứ 4).

“Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền, nói năng, im lặng, động tịnh thể an nhiên”. Mấy lời này là nói việc trên tâm hạnh từ sáng đến tối của người dụng công phu, tức là muốn các ông động tịnh nhất như, không phân biệt đêm ngày, dụng công đều cần phải như thế. Tại sao cần phải như thế? Không được nghỉ ngơi chảnh? Cần phải hiểu: Các ông có công phu chân thật như thế tương lai mới được chỗ ngộ chân thật, nếu các ông có

một chỗ nào chưa làm tới nơi thì tương lai chỗ ngộ cũng có một chỗ chưa tới. Chân ngộ là nhất ngộ nhất thiết ngộ, nếu có một tí chưa ngộ thì không được gọi là chân ngộ, cho nên cần cái chân hạnh hiện tại của các ông, cái ngộ tương lai nhất định sẽ được chân.

Nhưng mà ngộ này tuyệt không phải là cầu ngộ, cũng không phải là suy nghĩ ngộ, cũng không phải tùy cái miệng nói ngộ. Muốn chân ngộ cần phải chân hạnh, hành đến nơi thì tự mình sẽ được ngộ. Nhưng các ông cần phải ôm chặt lấy câu thoại đầu, đi cũng tham, ngồi cũng tham, công phu đứng đắn cũng tham, không đứng đắn cũng tham, có vọng tưởng cũng tham, có hôn trầm cũng tham; các ông có tha thiết chịu khổ chịu tham như thế, công phu chân thật bất hư thì còn muốn khai ngộ làm chi nữa? Ta nói không ngộ cũng còn được. Tại sao vậy? Các ông có thiết tha chịu khổ mà tham như thế, chân thật bất hư mà làm thì còn sợ gì tam tai bát nạn? Sợ gì tứ sanh lục đạo? Sanh tử luân hồi? Tất cả đều không sợ!

Vậy không phải là không khai ngộ cũng được chăng? Công phu các ông dụng đến nhà rồi, đâu có lý nào không khai ngộ? Thí dụ: đường đi đến Trần Giang, Qua Châu, ra cửa chùa đi thẳng về hướng Nam, nhắm mắt phóng chân mà chạy, trên đường có người, ta cũng không hỏi, đến hay không đến cũng không hỏi, chạy suốt một ngày thì đến nơi rồi. Đã đến Qua Châu thì có được nói là chưa đến Qua Châu chăng? Hay là bảo ông chạy về hướng Nam, ông chạy thì phải rồi, nhưng ông mới lên đường, nhìn bên Đông một cái, ngó bên Tây một cái, kiếm người ngồi xuống nói chuyện, uống chén trà rồi hỏi “Còn được bao xa?” Các ông như thế thì có còn được đến chăng? Dụng công phu cũng như đi đường, bảo ông đề câu thoại đầu cứ thẳng mà tham đi, đắc lực cũng tham, không đắc lực cũng tham, khai ngộ ta cũng không hỏi, không khai ngộ ta cũng không hỏi, chung quy khi ta đến nơi rồi không khai ngộ cũng không được, công phu của các ông chưa đi đến chỗ, muốn khai ngộ cũng không được. Cũng như đi đường đến Qua Châu rồi, ông nói không phải Qua Châu thì không được! Chưa đến Qua Châu ông nói là Qua Châu cũng không được!

Trong các ông có một số đông người bảo cứ thẳng tay mà dụng công, các ông chịu dụng thì cũng như người đi đường đó vậy, nhìn bên Đông, ngó bên Tây như thế tức là vọng tưởng, hôn trầm, hỏi thăm chỗ này có phải là Qua Châu không, sự thật giống y như thế! Các ông dụng công cũng như vậy. “Tôi đã ngộ rồi chứ?” Thấy thần, thấy quỷ, tự mình xuyên tạc bậy bạ, tự mình bày đặt này nọ, suy nghĩ phân biệt, tự mình làm hỏng mình, còn đổ thừa ai? Các ông còn tưởng gạt người ta là xong, gạt người ta thì được chứ tự gạt mình thì đến lúc chịu quả báo có kêu khổ cũng vô ích! Bởi vì các ông làm nhân không thật, đương nhiên phải chịu quả báo.

Cho nên bảo các ông đừng có cầu ngộ, thay vì cầu ngộ thì lấy tâm đó để dụng công phu thì tốt hơn biết bao! Đề câu thoại đầu này, các ông không dụng đến chỗ đi không biết đi, ngồi không biết ngồi mà muốn được một tí thọ dụng thì không thể được, không phải ba ngày, năm ngày, ba tháng, năm tháng thì được đến nhà đâu! Muốn các ông không hỏi đến ngày tháng, cứ đề một câu thoại đầu mà tham thẳng đi, hai ba chục năm mà còn chưa ngộ cũng đừng có nghi ngại. Ta hỏi ông: Niệm Phật là ai? Niệm Phật là người nào? Các ông không ai mở miệng trả lời được. Người thiên hạ đều bị nhốt trong cửa này, các ông có người nào nói “Người thiên hạ bị nhốt ở trong thì được chứ tôi thì không!” còn có người nào được như vậy không? Nếu được như vậy thì công phu dụng công trong ba mươi năm của ông, ta hỏi đến niệm Phật là ai, ông hẳn có lời nói rồi. Ta mới hỏi thì ông lập tức trả lời được.

Các ông tưởng xem: Người thiên hạ đều bị nó nhốt hết, không mở miệng ra được, chỉ vì “Niệm Phật là người nào?” không thể trả lời được. Khi công phu dụng đến nơi rồi

ta hỏi thì ông đáp được, còn công phu của các ông chưa dụng được, thiên cũng không biết tham, mở miệng lại muốn giữ bộ mặt giả “Ta ngộ rồi, ta biết rồi, ta lĩnh hội rồi!” Các ông như thế này thì chỉ là kẻ đứng ngoài, chỉ là kẻ nói suông! Có chỗ nào tốt đâu? Ông gạt người ta thì được chứ tự gạt mình thì phải chịu khổ não lắm!

Từ hôm nay trở đi có thỉnh khai thị, bất cứ đến phòng của ta hoặc liêu phòng của sư Ban thủ, không cho nói chuyện gì khác, hễ cứ đến thì nói “Niệm Phật là ai?” Trước kia thỉnh khai thị là các ông hỏi ta, hôm nay ta muốn sửa đổi lại quy củ, không cho các ông mở miệng, hễ ông đến ta hỏi các ông liền: Niệm Phật là người nào? Ông phải nói ngay, ông nói không ra thì ta cho ông một trận hương bãng. Hoặc giả ông không dám mở miệng, trong bụng ông không muốn đi, hễ ta tra xét đến người nào không đi ta sẽ đến thiên đường hối thúc chạy hương, ít nhất cũng phải đánh năm, ba cái hương bãng.

Bởi vì công phu không ép buộc không được, không ép thì không tiến bộ được. Nhưng ta hỏi các ông, nếu như các ông nhất định muốn đáp, giả sử đáp sai, không đúng, ta nói cho các ông biết: hương bãng của ta đánh xuống sẽ làm cho các ông chịu không nổi đâu! Nếu thấy mình chưa nắm vững được thì đừng mở miệng, ăn hai cái hương bãng là xong; Nếu mở miệng nói bậy thì ta sẽ chẳng khứng đâu! Các ông hãy phát tâm tham đi!

Khai thị: Ngày 25 tháng 11 (Thất 6 ngày thứ năm).

Người trong Thiên tông không được mở miệng nói bậy, giả sử nói sai một câu thì phải bị hư thân mất mạng. Thân ông hư rồi, mạng mất rồi còn kể là việc nhỏ. Vậy thế nào là việc lớn? Trả lời bậy một chữ là đọa xuống địa ngục A tỳ. Ông thấy việc này có còn nhỏ chẳng? Tại sao lợi hại như thế? Không phải là ta nói mà lời vàng Phật đã nói “Chưa chứng nói là chứng, chưa được nói là được, chưa minh nói là minh, chưa ngộ nói là ngộ, là đại vọng ngữ phải đọa địa ngục A tỳ”. Đây là Phật không thể nói sai được. Nói chứng là chứng cái gì? Chưa chứng được Sơ quả, Nhị quả, Tam quả, Tứ quả mà nói đã chứng được rồi. Nói đắc là chưa đắc được Tam minh, Lục thông, Bát giải thoát mà tự mình đã đắc được. Nói minh là chưa có Thiên nhĩ minh, Thiên nhãn minh mà tự nói đã minh, cũng như nói niệm Phật là người nào mà không biết tức là chưa minh, đáp lại được một câu tức là đã minh; vốn đáp không được mà mở miệng đáp một câu tức là tự nói mình đã minh. Nói ngộ là đối với bách thiên tam muội của thập phương chư Phật, vô lượng diệu nghĩa của hết thầy Tổ Sư, một tí chưa ngộ mà tự nói là đã ngộ.

Nếu tham câu thoại đầu được ngộ rồi, thì nói trần nói sát vô cùng vô tận, câu thoại đầu này chưa ngộ thì mở miệng không được, như trả lời một câu thì tức là đã nói. Cứ theo như thế thì có phải chẳng cứ đáp sai một câu thì phải đọa xuống địa ngục A tỳ? Đại khiếu hoán địa ngục, tiểu khiếu hoán địa ngục đều có phần của ông, cũng như trái cân rót xuống nước chìm thẳng tận đáy.

Hôm nay các ông có vị tùy tiện đáp bậy một câu, bởi vì ông không hiểu cái thứ nhân này rất lợi hại, ta thấy ông rất đáng thương! Cái câu nói này không phải nói rồi là xong việc! Người xưa đáp sai một câu đọa thân làm cáo chồn năm trăm kiếp. Công án trước Bách Trượng với sau Bách trượng. Nếu các ông thực lấy câu thoại đầu mà tham cho thông suốt rồi thì tự nhiên được miệng chứ không phải không được mở miệng mãi. Khi ông đã đi đến nơi, không những miệng có thể nói chuyện được, mà tai cũng có thể nói chuyện được, mũi cũng nói chuyện được, người xưa đã chẳng nói “Tận cùng đại địa là miệng của ta”. Vậy so với hư không còn lớn hơn! Ta hỏi ông nữa: Hư

không ông có thể nuốt được chăng? Ông đương nhiên đáp “Tôi đã nuốt xuống rồi!” Ta lại hỏi nữa: Hư không nuốt xuống rồi thì thân để tại chỗ nào? Phải rặn cho ra, ông phải trả lời ta một câu, không mở miệng không được! Hãy tham!

Khai thị: Ngày 26 tháng 11 (Thất 6 ngày thứ sáu).

Người tham thiền công phu đến lúc thâm nhập thì tự nhiên thân tâm đều mất, động tịnh quên cả, cho nên bảo các ông lúc động dụng như thế, lúc tịnh cũng dụng như thế.

Công phu lúc tịnh dụng cách nào, công phu lúc động dụng cách nào. Sở dĩ chia ra động tịnh là vì thực tại đối với các ông là người sơ dụng công, nên bắt đắ dĩ mới nói như vậy. Chỉ cần đề câu thoại đầu lên, không minh bạch, nhận chân mà nắm chắc lấy, không cho có một tí ti gián đoạn; ông quả được chân thật bất hư mà dụng công như thế thì ông thử mở mắt ra xem, tâm để chỗ nào? Đương nhiên tâm bất khả đắc. Tâm đã bất khả đắc thì thân cũng đương nhiên bất khả đắc. Tại sao vậy? Vì tâm trụ nơi thân, thân do nơi tâm mà có, có thân thì có tâm, thân với tâm không thể rời nhau. Hôm nay công phu đứng đắn, tâm bất khả đắc, thân cũng bất khả đắc, cái này chẳng phải là làm công phu đến chỗ thân tâm đều mất ư? Động phải do thân động, tịnh cũng phải do tâm tịnh. Trên thân tâm có động, có tịnh tất cần phải phân biệt mới biết. Công phu của ông đến thân tâm bất khả đắc, lấy cái gì mà phân biệt? Đã có phân biệt thì không phải là đã có tâm rồi sao? Tâm đã có thì tất cả đều có, thế còn nói công phu gì nữa? Có công phu thì không có tâm như thế. Đã không có tâm thì quyết định không có phân biệt, đã không phân biệt thì cái tướng động tịnh lại càng bất khả đắc, cho nên nói động tịnh đều quên cả.

Nay các ông đã đả năm, sáu thất rồi mà công phu chưa đến chỗ này, nếu công phu không dụng được đến chỗ này mà trong kỳ thiền thất này muốn được một ít tin tức, muốn được hiểu biết một chút xíu thì cũng không có phần của ông rồi! Nếu liễu sinh thoát tử lại không có phần của ông nữa! Theo như thế thì không phải là đã chịu một phen cực khổ mà cũng như không sao? Hoặc có người từ thiên sơn vạn thủy đến đây, suốt năm chỉ hy vọng trong kỳ đả thất được liễu thoát sinh tử, được khai ngộ cuối cùng (đáy thùng rơi ra). Ta thấy các ông chẳng có người nào làm được cả, cho nên muốn giúp các ông, bắt các ông ở trong thiền đường, muốn các ông chân thật dụng công không có một tí phóng túng, nếu có một tí lười biếng thì lập tức phải thúc hối chạy hương, cách chạy hương này thì sẽ làm cho các ông mất mạng! Bảo các ông đi đến liêu phòng, muốn các ông nói, nói không ra thì đánh cho một trận loạn hương bãng! Thế nào là loạn hương bãng? Quy củ hương bãng là: hai, năm, tám, ba, sáu, chín cái này là theo quy củ; loạn hương bãng là lấy hết sức ra mà đánh không hỏi mười cái hay tám cái, đó là loạn hương bãng. Cần phải hiểu cái loạn hương bãng này thật làm cho người ta mất mặt, bị đánh loạn hương bãng rồi mặt mày trông khó coi lắm! Các ông còn có người nào thấy sự đánh loạn hương bãng bị mất mặt là việc không đáng kể chăng?

Trong bụng các ông lại nói “Cái đánh hương bãng của thúc chạy hương thật nặng quá! Không bằng đến liêu phòng một chút, có bị đánh một trận hương bãng cũng chẳng ăn thua gì, chỉ trôi qua rồi là xong, ngoài ra còn có gì khác đâu?” Dụng tâm của các ông đều ở những chỗ này. Hoặc là “Còn có phòng của sư Ban thủ nào chưa đến thì phải đi cho có lễ phép một chút! Nếu không đi thì sợ Sư sẽ không vui”. Các ông đều ở những nơi này dụng công phu. Còn có người nào nói “Không đúng! Đến liêu phòng mà bị một trận loạn hương bãng thì thật còn ý nghĩa gì cả? Người chân tu thì chẳng chịu như vậy. Người thiên hạ bị đánh thì được, chứ tôi không chịu như vậy.

Tôi muốn đi chẳng những không bị đánh mà còn muốn nói chuyện ung dung thông thả, người ta còn phải cung kính tôi, đó không phải người nào cũng làm được đâu!” Ta nói với các ông như thế chẳng phải là gạt các ông mà nói cho dễ nghe đâu! Các ông không mở miệng được là tại công phu các ông chưa đến chỗ này; nếu công phu các ông dụng đến nơi rồi thì tự nhiên sẽ nói được.

Lúc ta ở chùa Kim Sơn chưa được bao lâu, chỉ mới hơn một năm, nhưng “Niệm Phật là ai?” đã sớm tin rồi. Lúc tại gia đã dùng cách này để tham nhưng chưa được thâm nhập, cho đến khi ở Kim Sơn được một năm thô vọng đều hết, rồi hai mươi ngày nữa tế vọng cũng hết luôn, cảm thấy thanh thanh tịnh tịnh (cảnh giới vô thủy vô minh), rồi bảy tám ngày sau cảnh giới ấy vẫn y như cũ. Tại sao vậy? Đó là cái cảnh giới trên công phu ắt phải có; công phu của các ông dụng đến chỗ đó cũng sẽ có như thế; thập phương chư Phật, lịch đại Tổ sư cũng đều đã đi qua giai đoạn này. Thô vọng ngưng rồi thì thế nào? Tế vọng ngưng rồi là cảnh giới chi? Ta đã tự mình thấy được, có nói ra cho các ông nghe cũng như không! Vì các ông không biết chỉ làm cho các ông tăng thêm vọng tưởng. Các ông chỉ cần chân thực khẩn thiết lấy câu thoại đầu mà tham, thà chết cũng không buông, các ông hành đến chỗ này thì sẽ tự mình thấy được thôi. Khi ta thô vọng tế vọng đều dứt hết thì khoảng một tháng sau, ngày ấy chính là ngày 26 tháng 9 năm Quang Tự thứ 34 (1900 T. L), trong khi đã thiền thất, vào nén hương thứ sáu buổi tối chợt nghe một tiếng mõ đánh, ta đột nhiên “ò” lên một tiếng, lúc đó ta cảm thấy giống như nhào lộn trong hư không, từ dưới đất lộn lên trời, từ trên trời lộn xuống đất, rồi ta buột miệng than rằng: Cái tự tánh vốn sẵn sàng này, không ngăn cách với ta một chút nào mà sao lại để bị chôn vùi đến nỗi ta phải chịu đau khổ mãi từ xưa cho đến ngày nay? Thực là oan uổng! Còn cảm thấy buồn cười nữa! Cái tốt khác thì ta không dám nói, nhưng sự tự do tự tại thì đã đạt được rồi. Tương lai nói sanh lên cõi trời, ta thích sanh thì đi, không thích thì không đi; giả sử xuống địa ngục, ta chịu đi thì đi, không chịu đi thì thôi, tất cả ta đều có thể tự chủ được. Đối với ngộ thì không có ngộ.

Từ đây về sau có một vị Thủ Tọa Hòa thượng, vị này tu hành rất tốt, ông ấy thấy ta cứ chỉ khác thường bèn gọi ta đến hỏi “Niệm Phật là ai?”, rồi bảo ta nói. Ta biết ông ấy muốn thử thách ta rồi đó! Ví như có người hỏi ta việc trong thiền đường liệu ta còn không hiểu chăng? Giả sử ông chưa ở qua thiền đường, nếu có người hỏi ông việc ở trong thiền đường thì ông làm sao biết được? Cứ thế ông ấy với ta một hỏi một trả lời. Ông ta nói “Ông ngộ rồi!”, ta nói “Chưa có ngộ”, ông ta nói “Không phải ngộ thì là do học mà biết được chăng?”, ta nói “Học cũng không có học”. Lúc ấy do sự vấn đáp như thế làm kinh động cả đại chúng, nên tất cả đều tán thán không thôi. Lúc bấy giờ ta cảm thấy không đúng bèn đắp y mặc áo đi thỉnh họ đừng làm ồn như thế. Ta nói “Sự tu hành của tôi chưa có thâm nhập đến chỗ cuối cùng, xin các vị thứ lỗi cho tôi mới phải”.

Về sau có một vị sư Tây đường là Từ Bản lão nhân, vị lão nhân này việc tu hành của ông cũng rất tốt, ông rất thích lấy “hoạt cú” tiếp người hậu học. Hoạt tức là cơ phong chuyên ngữ của Thiên tông; ta thì xưa nay không muốn dùng hoạt cú, bởi vì người thời nay căn tính không bằng người xưa, bảo họ ôm chặt câu thoại đầu tử tham đầu có chết cũng không rời mà còn không tử được cái tâm, mà dùng hoạt cú thì lại càng tử không được cái tâm nữa, cho nên ta không muốn là vậy. Nhưng trái lại vị sư Tây Đường này lại muốn nói chuyện với ta. Một ngày nọ bấy giờ ông ta đang rửa mặt, đưa cái khăn tay lên, hỏi ta “đây là cái gì?”, ta nói “Buông xuống đi”, ông ta nói “Tôi muốn rửa mặt”, ta nói “Cũng phải buông xuống!” Làm cho ông ta không mở miệng được.

Những lời nói này các ông nghe rồi chẳng phải bảo các ông học lấy đầu, đừng có tưởng lầm! Chỉ nói cho các ông nghe thôi, muốn các ông biết được việc này là có thể mở miệng được, chứ chẳng phải không mở miệng được mãi mãi. Các ông phải nghe cho rõ, lúc ấy ta chẳng phải giành hơn thua với ông ta, chỉ vì muốn ông ta bỏ cái thói quen ham dùng “hoạt cú” mà thôi, vì căn tánh người đời nay không thích hợp dùng hoạt cú. Nhưng ông ta vẫn không chịu sửa đổi, lại một ngày kia ta đến liêu phòng ông ta uống nước trà, ông ta lấy một quả nhãn lột ra, cái thì đưa ta ăn còn vỏ thì cầm trong tay mà nói “Cả mùi hương hư không đều ở trong cái vỏ này, nói một câu đi!” Ta nói “Mùi hương hư không đều ở trong cái vỏ này, thế còn thân ông ở chỗ nào? Xin nói một câu đi!” Một lần nữa lại làm cho ông ta không trả lời được. Các ông nghĩ xem: người đã ngộ thì làm sao không mở miệng được?

Nay ta sợ dĩ ép buộc các ông: Ở trong thiền phải đến liêu phòng để cho ta hỏi, nếu không đi thì không được, nếu đi mà nói không ra cũng không được, ép buộc các ông trước hết tuy cảm thấy cái thân này không có chỗ buông nhưng vẫn phải buông, buông mãi cho đến lúc sự buông cũng không còn, tâm cũng không còn có chỗ để, cứ thẳng tay ép buộc cho đến lúc thân tâm các ông buông đến chỗ không còn gì để buông, còn phải ép buộc các ông đến chỗ sơn cùng thủy tận. Đến lúc ấy nếu các ông mở miệng không được ta đương nhiên còn phải lấy luôn mạng của các ông nữa! Các hãy lưu tâm nhớ cho kỹ! Hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 27 tháng 11 (Thất 6 ngày thứ bảy).

Có đạo hay không có đạo tự mình biết mà người ta cũng biết. Hiện nay muốn các ông mỗi ngày đều đi đến liêu phòng, để trả lời câu niệm Phật là người nào, công phu của mình dụng đến chỗ nào. Nói được hay không nói được, nói ra đúng hay không đúng, tự mình đâu có lý nào lại không biết? Nếu quả thực là không biết, ấy là tại công phu của các ông chưa dụng đến.

Giả sử công phu của các ông chưa dụng đến mà muốn làm bộ mặt giả dối đoán này đoán nọ, kiếm một hai câu nói của người xưa đem ra cho là lời của mình; hễ người ta nghe ông mở miệng ra, đúng hay không đúng, phỏng người ta còn không biết được chăng? Tại sao người ta biết? Dù cho ông ta nói thế nào đi nữa cũng không ra ngoài bốn thứ này, ấy là: Ý đến cú (lời nói) không đến, cú đến ý không đến, ý cú đều đến, ý cú đều không đến. Dù cho các ông có đoán rất hay cũng đều vô dụng, chung quy không ra khỏi bốn thứ này. Cần phải cơ phong ăn khớp, vừa vặn khít khao. Dù cho lời nói của ông là đúng mà đối với chỗ hỏi của ta không ăn khớp, hoặc là chân chừ suy nghĩ một chút thì đều là không đúng rồi. Thế là lý lẽ gì vậy? Người xưa có như thế không? Triệt Tổ Thiên Tuệ là đời thứ nhất chùa Cao Môn gặp vua Ung Chính, cũng là một lời nói mà cái đúng, có cái không đúng. Cái công án này ta kể cho các ông nghe:

Đời Thanh Hoàng đế Ung Chính sau mười năm cầm quyền, chuyên xem kinh điển, nghĩ đến việc đức Thế Tổ (vua Khang Hi) có lấy Ngọc Lâm quốc sư làm thầy, thắc mắc sư này có sở trường gì đặc biệt mà được làm sư phụ của vua? Nên Ngài bèn tìm Ngũ Lục của Ngọc Lâm Quốc sư để xem; xem rồi mới biết Ngọc Lâm Quốc sư quả đáng làm thầy của cả nước. Vậy thì đã có thầy tất phải có trò nên Ngài bèn phái quan Khâm Sai đại thần tìm kiếm khắp nơi, về sau tìm được Triệt Tổ Thiên Tuệ ở núi Khánh Sơn, lúc ấy Tổ đang làm thư ký ở đó. Mặc dù công phu đã đắc dụng, khẩu đầu thiền cũng học được một tí nhưng gót chân còn chưa chắm đất, lúc ấy Tổ không dám đi nhưng sau trải qua nhiều sự khuyến khích của chư sơn Hòa thượng nên mới cùng vị Khâm Sai tiến kinh.

Đương thời bấy giờ Hoàng đế Ung Chính muốn hội kiến người xuất gia nên đặc biệt xây dựng một vườn hoa gọi là Viên Minh viên. Cái ý nghĩa vẫn đáp sau khi gặp vua, các ông hãy nghe kỹ! Vua hỏi “Khi cha mẹ chưa sinh ra, mặt mũi bỗng lai của ông ra sao?” Thiên Tổ lúc ấy hình như suy nghĩ chút ít liền đưa nắm tay lên. Các ông còn lĩnh hội chăng? Hôm nay ta ý theo đó mà hỏi các ông, các ông còn có người nào đáp lại ta chăng? Cũng đưa nắm tay lên, đưa lên như thế, không đúng! Các ông còn biết được chăng? Sợ các ông không biết rồi. Hoàng đế thấy Tổ có chút suy nghĩ thì không chịu khứng cho, biết Thiên Tổ gót chân chưa chấm đất cho nên không khứng. Tại sao vậy? “Thiếu thất đình trì, bạch vân vạn lý” (chậm trễ một chút, muôn dặm mây trắng), tức là muốn nói chậm trễ một chút thì mây trắng đã che khuất hết muôn dặm trời. Vậy muốn làm thế nào mới đúng? Lời hỏi gằn dứ thì ông đưa nắm tay lên liền mới là đúng, ngừng lại một tí thì không đúng đâu.

Vua Ung Chính thấy Thiên Tổ cũng là bậc pháp khí, có tâm muốn thành cho người bèn nói: Ông hỏi lại tôi để tôi đáp.

Thiên Tổ lại hỏi: Muôn tâu bệ hạ, khi cha mẹ chưa sinh ra, mặt mũi bỗng lai của Ngài ra sao?

Vua Ung Chính đưa nắm tay lên thì Thiên Tổ ngộ ngay. Vua Ung Chính quay đầu lại hỏi Thiên Tổ nữa: Khi cha mẹ chưa sinh ra, mặt mũi bỗng lai của ông ra sao?

Thiên Tổ đáp lại bằng bốn câu kệ:

Quyền đầu bất hoàn tác quyền đầu,
Hoán tác quyền đầu nhân nội mâu.
Nhất thiết Thánh hiền như điện phát,
Đại thiên sa giới hải trung âu.

Nghĩa là:

Nắm tay không gọi là nắm tay,
Gọi là nắm tay mắt kéo mây.
Hết thấy Thánh hiền như điện chớp,
Thế giới chỉ như bọt biển thôi.

Vua Ung Chính lúc ấy nói liền “Kỳ này như ý, kỳ này như ý”, nói xong liền ban cho hai cây như ý, xuống chiếu cho Tổ phụng chỉ về núi, ban cho y, bát, tích trượng v.v...

Các ông tưởng tượng xem: đáp ra một câu nói, trễ một tí thì chưa ngộ; cũng là một lời nói, không trễ tức là ngộ. Các ông hôm nay có thể đáp ra được một câu, dù không được phụng chỉ vua nhưng thanh danh cũng là có. Một câu nói này nói ra rồi thì biết được công phu ông đúng hay không, có thể nói là “Ngôn tiền kiến đạo”. Một câu nói vừa ra khỏi miệng thì ông ngộ liền, ấy tức là “Cú hạ thừa đương”.

Cho nên muốn các ông đề câu thoại đầu chân thật tham cứu, đi, đứng, nằm, ngồi, ăn cơm, ngủ nghỉ, đều không rời câu thoại đầu này (nghỉ tình). Có nghỉ tình tức là có công phu, không có nghỉ tình tức là không có công phu. Hiện tại các ông muốn khởi nghỉ tình phải đề câu thoại đầu này, tương lai minh tâm là minh câu này, ngộ là ngộ câu này, liễu cũng là liễu câu này. Chung quy nếu câu này chưa liễu thì sanh tử chưa liễu, câu này chưa minh thì tâm địa chưa minh. Muốn minh, muốn ngộ, muốn liễu cần phải lấy câu thoại đầu này mà tham cứu đi. Hãy tham!

Khai thị: Ngày 1 tháng 12 (Thất thứ 7 ngày thứ ba).

Chỗ ngộ của Thiên tông có hai thứ: Đại nghi đại ngộ, tiểu nghi tiểu ngộ, không nghi thì không thể nói đến ngộ.

Hai chỗ đại và tiểu ngộ này trước hết phải tạm mượn thí dụ để nói qua thì các ông sẽ rõ đại ngộ ra làm sao, tiểu ngộ ra làm sao, trình tự của đại ngộ và tiểu ngộ cần phải rõ ràng một chút. Tiểu ngộ ví như chuột chui vào sừng trâu, đại ngộ ví như chó bò qua vách tường. Các ông có biết không?

Lại nói thêm một thí dụ nữa: như lúc người xưa đi học, tiểu ngộ là kẻ học được ba năm thì đổ vào đại học, đại ngộ như người học được ba mươi năm mới vào trường đại học. Lý như thế này: học ba năm thi vào được đại học ấy là do sức tinh tiến, nhưng thực tế chưa đọc được hết sách vở, vì vậy tuy ở đại học mà vẫn còn có sách chưa hiểu. Trái lại người học được ba mươi năm rồi thì Ngũ Kinh, Tứ Thư, Chu Tử Bách Gia, quyển nào cũng đều hiểu được hết. Cả hai người này tuy cùng là tú tài nhưng trình độ học vẫn đương nhiên khác nhau. Người học được ba mươi năm thì trong bụng cái gì cũng biết, dù không vào đại học cũng hơn người học được ba năm. Nếu so như vậy lại càng hiểu rõ quá trình của đại và tiểu ngộ.

Ta so sánh tiểu ngộ như chuột khoét sừng trâu, kể cho ông biết cách chui như thế nào? Các ông xem, cái sừng ấy hết sức lớn, trong sừng còn có từng lớp, từng lớp thịt, chuột cắn từng lớp, từng lớp cảm thấy rất có mùi vị, chỗ lớn nhỏ gì cũng cắn tới từng lớp, từng lớp một, tuy có mùi vị nhưng nơi càng vào càng nhỏ lại, nhỏ thì nhỏ nhưng càng cắn càng có mùi vị, mặc dù vào trong càng chật hẹp mà lại rất có mùi vị, không chịu bỏ đi được. Thêm nữa, lớn nhỏ gì chuột càng muốn ăn không thể không cắn được. Nơi cắn vào nhỏ lại càng muốn cắn, cắn cho đến lúc cùng muốn xoay người cũng xoay không được; cắn nữa lại càng cắn không được, lớn nhỏ gì cũng muốn ăn, tâm gấp như lửa cháy tràn, cứ liều mạng mà cắn. Các ông thấy đó vỏ sừng vừa dày, vừa cứng, cắn thì cắn không nổi, cắn nữa thì lại cắn không nổi mà không cắn thì không qua được. Trước thì miệng cắn, chân trước bò, sau nữa thì chân sau bò; bỗng nhiên cắn được một chỗ hơi lớn, quay mình lại tưởng là cắn thông rồi có lối rộng tốt để đi. Tốt! Thông rồi! Khai tiểu ngộ là như vậy tức là chưa thông tưởng là thông. Câu thoại đầu không hiểu được, lại truy cứu nữa; đáo đê là ai, còn không mình bạch, cứu cánh là ai? Hình như có chút ít mùi vị. Truy cứu nữa lại thấy có ít mùi vị, đã nếm được ít mùi vị đương nhiên sẽ không quăng bỏ. Lại truy cứu nữa: đáo đê là ai, phần khởi tinh thần không truy cho thông thì không thôi. Cứ dụng công phu như vậy ba ngày, năm ngày, ba tháng, nửa năm đương nhiên có chỗ quay đầu lại.

Người xưa có nói “Dụng đáo sơn cùng thủy tận thời, tự nhiên hữu cá chuyên thân xú” (dụng công đến chỗ sơn cùng thủy tận, đương nhiên sẽ có chỗ chuyên thân). Khi chuyên được thân này thì sẽ khác rồi; mặc dù lúc đi cũng đi còn đường này, về cũng về con đường này, đường tuy có một nhưng cách đi có khác. Có thể nói là tìm được bồn lai diện mục rồi đấy. Tiểu ngộ này đã khai rồi, có loại người tưởng là vô sự “Chỗ này là rất tốt lắm, xong cả rồi, hãy ở lại đây thôi!” Đó là trình tự của tiểu ngộ. Họ tưởng là đường đi mình đã trải qua rồi, dù là đường núi hay đường sông đều đã đi hết, đâu còn đường nào đi nữa! Có phải họ đương nhiên muốn nghỉ không? Cứ tưởng rằng “Bồn lai diện mục cũng tìm được rồi, còn có việc gì đâu!”

Đúng đấy, nhưng ngộ này là do thân tâm họ dùng sức phấn dũng mà được ngộ; cũng như người mới học được ba năm, không phải nhờ đã học được nhiều mà vào trường đại học, mà là nhờ sức tinh tiến của họ vậy. Công phu này của họ thô và tế đều có. Tại sao? Do sự dũng mãnh của thân thể và công phu tinh vi trong tâm; công phu trên tâm là tế, dũng mãnh trên thân là thô, họ nhờ dụng cả thô và tế nên được ngộ. Cái ngộ này đã đúng chưa? Không đúng! Chưa tới nhà! Tại sao lại không đúng? Giáo môn nói

“Đắc thiểu vi túc” (được ít cho là đủ), Thiên tông lại nói “Nhận tặc tác tử” (nhận giặc làm con), hai câu này so sánh rất đúng. Tại sao vậy? Vì ngộ này của họ chưa đến nhà, họ cứ tưởng cái diện mục này là đúng. Cái tiểu ngộ này chỉ là phương tiện quyền, nói cho triệt để là “được ít cho là đủ”. Tại sao Thiên tông nói “nhận giặc giặc làm con”?

Dù tiểu ngộ không nên cho là giặc, mà cũng không nên cho là con; vì họ có được có chút thọ dụng thì đã ngưng nghỉ, chút ít thọ dụng này tuy cũng đúng đấy, nhưng cứ ngỡ mình đã hết khổ nên dừng lại ở chỗ này, lấy đó làm thỏa mãn. Cho nên Phật đã trách rằng “Tiêu nha bại chủng” (Hạt lúa đã cháy thì không còn làm giống được nữa). Vậy nếu lấy hạt lúa này để gieo thì tương lai sẽ thu hoạch được gì? Nếu các ông muốn lấy tiểu ngộ này cho là đủ, một mình lo việc giải thoát, trên không cầu thành Phật đạo, dưới không nghĩ độ chúng sanh, cho là đủ, thế không phải nhận giặc làm con sao?

Tiểu ngộ đã không tốt thì còn muốn hay không muốn ngộ nữa? Đương nhiên phải muốn! Tại sao vậy? Vì đại tiểu đồng một lý nhưng sự thì khác nhau. Thể của đại ngộ và tiểu ngộ chẳng có hai, thể của tiểu ngộ, ngộ rồi với thể của đại ngộ là đồng. Sự thì lại không. Sự của đại ngộ lấy khổ của chúng sinh làm khổ của mình, tà kiến điên đảo của chúng sinh là gốc chiêu khổ, cần phải nhổ bỏ giùm họ; tùy loại tùy hình, đồng trần tiếp vật, đây là sự của đại ngộ. Sự của tiểu ngộ là chán sinh tử, sợ mọi ô nhiễm nên tu đạo ở thâm sơn, xa lìa thế gian sinh tử, xem sinh tử như oan gia, xem thế giới như tù ngục, đó là sự của tiểu ngộ. Đại ngộ, tiểu ngộ thể đã đồng thì sao lại có chỗ khác như vậy? Vì trước khi chưa ngộ, công hạnh trên công phu có chỗ khác nhau, như người học ba mươi năm mới vào đại học với người học ba năm cũng vào đại học, hai người này cũng là tú tài, nhưng đối với việc làm thì đương nhiên trình độ có chỗ khác nhau. Vì sao? Người học nhiều dù ông hỏi thế nào, chỗ nào họ cũng đều biết hết, kẻ học ít thì vấn đáp không được chu đáo như họ, tú tài thì đồng nhưng việc làm thì không. Sự của đại, tiểu ngộ có khác biệt là lý lẽ như thế.

Tại sao nói được tiểu ngộ rồi cần phải ngộ nữa? Vì người sau khi tiểu ngộ việc làm tuy có hơn người chưa ngộ nhiều, người chưa ngộ đi đường một chân cao cũng không biết, một chân thấp cũng không biết, một chân đạp nhằm cút chó, một chân dẫm nhằm cầu tiêu cũng hoàn toàn không biết, đi xuôi, đi ngang như người mù; người khai tiểu ngộ thì khác, dù con mắt đã sáng nhưng chưa thật sáng mà hình ảnh con đường đều thấy được cả, cút chó, hầm cầu sẽ không đạp phải, đi đường so với người chưa ngộ mau hơn mấy lần, nhưng so với người đại ngộ thì khác nhau như người ở đất bằng nhìn sơn hà đại địa, một người trên đỉnh núi Tu Di xem sơn hà đại địa; sự thấy của hai người đương nhiên khác nhau, nên người tiểu ngộ cần phải ngộ nữa.

Người khai ngộ tại sao ví như con chó bò qua đầu tường? Con chó nhốt trong sân, bốn phía là vách cao lắm không bò qua được. Ông đem chó nhốt vào trong, đương nhiên nó cần phải ăn, lâu không có ăn thì có phải sẽ bị chết đói không? Nó đương nhiên phải trèo, trèo không ra cũng phải trèo, trèo ra thì mới sống, trèo không ra thì bỏ mạng, vậy cứ trèo mãi rồi cũng có thể trèo ra được không? Nhưng người đại ngộ trước khi chưa ngộ, hạnh dụng công thì hành như thế nào? Họ đề lên câu thoại đầu cũng có nghi tình mà không đề lên câu thoại đầu cũng có nghi tình. Đương nhiên trên nghi tình mà dụng công; không dụng công, thôi dụng công cũng ở trong nghi tình.

Cái tri thức của họ hiểu được cái đại nghi thuận nhất bất tạp này, từ cái đại nghi này cứ thẳng một đường mà nghi, thời gian lâu thì sẽ đạt đến “trần tận quang sinh!” Đến khi ấy hoặc không ngộ, nhưng hễ ngộ thì quán triệt khắp cùng trời đất. Cái hành này cách dụng như thế nào? Cần phải hiểu câu thoại đầu này họ không dùng lời nói của người ta đâu. Ta cho các ông biết: Câu thoại đầu này là câu ta giảng, cái dụng công của họ không phải theo câu của ta mà dụng đâu, mà là câu phát xuất từ trong tâm

chính họ ra. Trong tâm họ biết câu thoại đầu, cần phải biết trở về với chính mình, muốn từ trong tâm mình phát xuất ra câu thoại đầu, do chỗ này mà phát sinh nghi tình, nghi tức không hiểu niệm Phật là người nào? Chung quy “nghi” này không buông. Lúc đầu hoàn toàn ông không buông nó, dụng lâu rồi các ông tình buông nó cũng không buông được.

Nếu các ông không dụng thì cảm thấy trong mình khó chịu, dụng công thì thân tâm dễ chịu. Từ chỗ này buông xuống cũng là công phu, dụng công lại lại càng có công phu; đi, đứng, ngồi, nằm, mặc áo, ăn cơm, tất cả chỉ là công phu. Dụng công được như thế là họ có tri thức khai được đại ngộ, không dụng như vậy thì không được; công đáo tự nhiên thành “qua thực để lạc, thủy đáo cử thành” (đưa chín cuống rụng, nước chảy thành dòng), không cần mượn sức dững mãi, cho nên công phu của họ là thuần tế vô thô. Họ có cái tri thức này rồi họ cứ một mạch đi thẳng trên đường này thì đương nhiên sẽ có kết quả. Công phu dụng đến chỗ này “chạm nhằm”, “đụng phải” đều được khai đại ngộ. Cũng như con chó muốn trèo qua chỗ ấy, muốn mãi thì bốn chân, mắt, mũi, tai, toàn thân, toàn tâm đều muốn trèo, trèo một lần, hai lần, ba lần thì có thể bò qua được. Đại ngộ cũng vậy, bởi công phu của họ dụng đến lúc này thì tự nhiên sẽ ngộ thôi.

Vậy thì tiểu ngộ như chuột chui sừng trâu, quay đầu trở lại, đường tuy có lớn nhưng vẫn còn là con đường, có đường ấy là có người, cho nên còn người là còn đường đi. Đại ngộ như con chó bò qua vách tường, bò ra được thì xong ngay. Nhưng cái việc bò qua thì từ từ ta sẽ giảng cho các ông nghe. Hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 2 tháng 12 (Thất 7 ngày thứ tư).

“Chính ngay lúc dụng tâm, ngay đó không tâm dụng; không tâm ngay đó dụng, thường dụng ngay đó không”. Bốn câu này là Vĩnh Gia đại sư nói ra. Người dụng công đối với công phu của mấy câu nói này cần phải lĩnh hội. Các ông có hiểu được công phu của mấy câu nói này đến chỗ nào không? Để ở chỗ nào không? Các ông đều là người dụng công chẳng lẽ mấy câu nói về công phu này mà không lĩnh hội được sao? E rằng các ông thật chẳng biết. Nay ta giải thích qua cho các ông: Câu thoại đầu đề lên đứng đắn, ngay khi dụng tâm quay lại xem thì thấy chẳng có tâm để mà dụng, lúc không có nổi tâm dụng thì ngay đó đang được dụng, dụng lâu rồi thì cái đang đó cũng không có. Nói như vậy đại khái các ông có thể hiểu rõ được một chút. Nhưng ta nói thế muốn các ông công phu đến chỗ này thì mới có thể lĩnh hội được, nếu không, ông chỉ nghe ta nói mà lĩnh hội được hoặc từ chỗ học mà lĩnh hội thì đều vô dụng cả. Tại sao vậy? Vì việc người ta có dính dáng gì với ông đâu? Thí dụ ra cửa chùa đi Dương Châu trên đường có miếu Long Vương, đền Thổ Địa, có cầu có cống v.v... người đi qua mà không hiểu được chẳng? Cái mình học được, cái nghe người ta nói lại thì nói chung chẳng thể nào đáp cho trót lọt cả được. Cái chỗ hành của công phu chân chưa chạm đất đó, ta giảng sơ cho các ông nghe: ngay khi có tâm dụng, ngay đó không có tâm biết, đều không ngoài cái hữu tâm dụng, vô tâm dụng.

Thế nào hữu tâm dụng? Thế nào là vô tâm dụng? Trước hết phải biết câu thoại đầu ta tham là của chính ta, nếu là từ người mà đến thì hữu tâm và vô tâm đều dùng không được. Tại sao vậy? Câu “Niệm Phật là ai?” là câu của người ta, không phải thứ công phu này, đối với cái vô tâm hữu tâm thì còn xa lắm! Cho nên mới nói là không dùng được. Vậy làm sao mới được tương ứng? Trước tiên phải từ trong tâm mình phát xuất cái không biết niệm Phật là người nào, nếu không tìm ra người ấy thì khổ hải vô biên rồi (khổ lắm); có tìm được người đó thì mới ra khỏi biển khổ này được. Cái khẩn thiết

này, cái niệm không lo không được, câu thoại đầu ở chỗ này đương nhiên sẽ đắc dụng; cái không rõ ràng (nghi tình) này, niệm niệm có đắc dụng, tâm tâm có đắc dụng thì đều xuất phát từ trong tâm của chính mình ra cả. Đó là cái công phu do chính mình hành đến thì sẽ có công phu thâm nhập.

Nếu muốn nghe ta hoặc sư Ban thủ giảng “người niệm Phật là ai” thì phải tham, tham cho thông, tìm đến được người này thì được ra khỏi biển khổ, nếu tham không thông, người này không tìm được thì biển không ra được. Các ông tưởng tham như thế là đúng, chúng ta tham như vậy thì chỉ là bề ngoài thôi, cái tham như thế không là hôn trầm thì là vọng tưởng. Vì ông là người dụng công ngoài mặt, chính mình thì chẳng làm việc gì, đương nhiên muốn nổi vọng tưởng; trong tâm không có dụng công khẩn thiết, dụng công ngoài mặt thì làm sao kéo dài được? Cho nên không từ tâm của phát xuất ra thì là của người ta thôi. Giả sử là do tâm của các ông phát xuất ra thì đương nhiên sẽ đắc dụng, còn dùng không hết nữa.

Giống như mượn tiền tiêu vậy; mình không có tiền thì muốn mượn tiền của người ta, mình có tiền rồi khỏi đi mượn. Tự mình có tiền tiêu là trường hợp nào? Mượn tiền người ta là trường hợp nào? Có thể nói tóm lại như vậy: Tham câu thoại đầu không có nghi tình thì cũng giống như niệm thoại đầu, đó tức là dùng câu thoại đầu của người ta. Nếu khi tham câu thoại đầu trong tâm cảm thấy thắc mắc nổi lên nghi tình thì đây mới là câu thoại đầu của chính mình. Tham câu thoại đầu của chính mình tức là tiêu tiền của chính, tham câu thoại đầu của người ta tức là mượn tiền của người ta tiêu vậy. Vì vậy nói: Sai một ly thì cách xa như trời với đất.

Vậy công phu của mình đắc dụng rồi thì các ông còn chịu buông tay ư? Đương nhiên cứ thẳng một đường hướng về phía trước mà dụng đi, thời gian dụng công lâu đi rồi, lúc đó các ông muốn nghỉ một chút cũng không được. Việc nghỉ ấy không phải do ông nữa, vẫn còn câu thoại đầu, muốn buông mà buông không được; không cần các ông tìm nó niệm niệm đều hồi không dứt; buông cũng không được mà đề cũng không cần đề, công phu không bị gián đoạn chút nào; hữu tâm cũng là dụng mà vô tâm cũng là dụng, hoàn toàn không cần ông có tâm. Có được công phu như vậy thì mới kể là ông đến được lúc vô tâm dụng, cũng gọi là đến thoại đầu.

Cái vô tâm này lấy gì mà nghiệm được? Ví dụ như đi cầu lúc vào cầu tiêu, hay khi bước đi vẫn còn có công phu, chưa mở nắp hầm cầu cũng còn có công phu, kéo quần thì công phu bị mơ hồ rồi, đến khi ngồi xuống thì luôn cả cái mơ hồ cũng không còn. Đến đây thì nghi tình không còn nữa, chỉ còn biết mình ngồi trên bàn cầu. “Cái biết” này... còn kể ông là vô tâm sao? Vô tâm thì không có tâm để biết. Tại sao vậy? “Chẳng thể dùng trí biết, chẳng thể dùng thức hiểu”. Nếu cứ có tâm để biết thì ấy là tâm sinh diệt. Việc từ vô tâm về sau, từ từ ta sẽ giảng cho các ông sau. Hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 3 tháng 12 (Thất thứ 7 ngày thứ 5).

“Hữu tâm dụng đến chỗ vô tâm, vô tâm không cho hữu tâm biết”. Hai câu nói về công phu này nếu các ông hành đến được thì đối với giai đoạn công phu này mới là thấy được xác thật. Con đường đi này đã gần đến đích, đã sắp ngộ rồi. Dụng công chưa đến chỗ này thì đương nhiên nói đến tâm. Chữ tâm là tổng danh, nói sơ lược có ba thứ ấy là: tán loạn tâm, hữu tâm và vô tâm; dù ông nói thế nào, người dụng công cũng chẳng thể lia ba thứ tâm này.

Thế nào là tán loạn tâm? Ấy là trước khi chúng ta dụng công, nào là tham, sân, si, nào là nhân ngã, nghiệp thức, phiền não v.v... những tâm này gọi chung là tán loạn tâm. Nhưng khi ông ở trong tán loạn tâm này ông lại không biết đó là tán loạn tâm. Thứ

tâm này vì quá nhiều như cát vãi chẳng thể kết tụ lại. Hạt cát này không dính với hạt cát kia, tâm niệm chúng ta cũng giống như những hạt cát ấy, không dễ gì bóp dính thành một cục đợc. Nếu ông có quyết chí không bóp không đợc thì lâu ngày cũng có thể bóp thành một cục vậy. (Mồ hôi nước mắt ra nhiều thì cũng có thể dính thành một cục đợc). Ví như công phu của chúng ta ban sơ không hiểu dụng công, cứ ở trong tán loạn tâm cho qua ngày giờ. Những tán loạn tâm này tức là nghiệp thức trần lao thiện ác biến hóa, tạo thành những thứ nghiệp thế gian như sanh tử, thiên đờng, địa ngục v.v...

Hôm nay tham câu thoại đầu muốn đem cái tâm tạo nghiệp sanh tử thế gian đều ngưng nghỉ hết, chỉ dùng cái pháp thiền xuất thế gian này để lìa khỏi sanh tử, ban sơ không dễ gì làm đợc cũng như muốn bóp cát thành một cục vậy. Dụng công tham lâu ngày những tạp niệm tán loạn sẽ bớt đi, tham lâu nữa sẽ hết, chỉ còn một câu thoại đầu cũng như cát vãi đã đợc bóp thành một cục vậy. Những tán loạn tâm đó đều thu nhiếp lại vào câu thoại đầu này, câu thoại đầu này tức là hữu tâm. Lúc hữu tâm, chỉ thấy đợc lúc trước đó là tán loạn tâm, chẳng thể thấy đợc cái vô tâm sau này. Tại sao vậy? Nếu ông không dụng công đờng nhiên chẳng biết đợc hữu tâm. Có tán loạn hay không có tán loạn tất cả đều do chữ “hữu” này mới biết.

Hôm nay dụng công đề lên câu thoại đầu, vọng tưởng liền đến, theo đó mà xem thì chỉ khi dụng công mới biết đợc cái tâm niệm trước kia là tán loạn lăng xăng, tức là nhờ câu thoại đầu này mới thấy đợc cái tâm tán loạn kia. Ví như một người xuất thân là kẻ cướp, ở trong hang ổ bọn cướp suốt ngày chỉ nghĩ cách cướp giựt tài sản của người ta, họ đâu có nghĩ mình là kẻ ăn cướp không tốt. Cần phải bảo họ lìa khỏi hang ổ cướp rồi họ mới biết đợc trước kia họ là ăn cướp, về sau đờng nhiên không chịu đi làm việc cướp giựt nữa, cũng như trước kia chưa dụng công không biết tâm mình là tán loạn tâm, tham câu thoại đầu rồi mới biết trước kia là tán loạn tâm không tốt vậy.

Tại sao nói vô tâm chẳng cho hữu tâm biết? Cũng như kẻ ăn cướp này đã biết không tốt, không muốn đi cướp giựt nữa thì phải xa lìa cái hang ổ của bọn cướp mới đợc. Nếu ông không xa lìa họ, ông muốn làm người tốt cũng không đợc. Bởi vì họ thấy ông không đi làm ăn cướp cũng muốn ông đi, ông không đi, họ cũng không cho ông tự do. Nếu ông xa lìa họ, họ không thấy ông đờng nhiên đợc bình an vô sự. Giả sử bị họ thấy đợc ông thì ông muốn làm người tốt cũng không đợc. Ông đã xa lìa hang ổ, bọn cướp không thấy ông, ông mới có thể làm người tốt. Cũng thế, vô tâm ví như người tốt, nếu muốn biết họ là người tốt thì cái năng biết này của ông, tức là hữu tâm, chính là thằng ăn cướp. Cho nên nói là vô tâm chẳng cho hữu tâm biết là vậy. Tóm lại có cái hữu tâm để biết thì không kể ông là vô tâm.

Vậy hiện tại các ông đều là lúc hữu tâm, công phu vô tâm thì chưa đạt đến, nhưng cũng không thể bảo nó là tán loạn tâm đợc, đây là lời nói sát với thực tế. Nếu nói các ông hãy còn là tán loạn tâm thì chèn ép các ông; dù có vài vị tán loạn tâm cũng không cần nói đến họ. Chúng ta chỉ mới nói đến cái hữu tâm hiện tại này thôi; câu thoại đầu vừa đề lên thì vọng tưởng cũng nổi lên, đã vọng tưởng thì đờng nhiên phải có tướng mạo của vọng tưởng cũng như nổi vọng tưởng Thượng Hải thì tướng Thượng Hải hiện ra. Hôm nay bảo các ông tham câu thoại đầu, muốn các ông tự hỏi lại câu thoại đầu trong tâm mình, khởi lên nghi tình, thì không tướng, thực tướng, phi không thực tướng, diệc không diệc thực tướng, tất cả đều không có. Lời nói của Giáo môn hoặc chân như, hoặc nhất chân pháp giới v.v...

Thiền tông thì không nói như vậy, câu thoại đầu thì không có nhất thiết tướng. Ta nói thêm để cho các ông nghe, muốn các ông dễ dàng biết đợc về trình tự của công phu này: trước khi đề lên câu thoại đầu, vọng tưởng cũng có, nghiệp chướng cũng có, lần

lần vọng tưởng cũng không nổi mà nghiệp chướng cũng khởi ra, công phu không ngừng đắc dụng, thuần thực thêm nữa, công phu thành phiền, thì mới có thể gọi là “Lạc đường tự tại” được. Nếu các ông đến được mức này, ta có bảo các ông buông bỏ công phu để nổi vọng tưởng thì dù các ông có muốn nổi vọng tưởng cũng không nổi lên được. Chỉ còn thuần một nghi tình miên miên mật mật (liên lục không gián đoạn), tất cả niệm khác đều bật, có muốn nổi cũng nổi không được. Như thế chân nghi hiện tiền đương nhiên tất cả tướng đều không còn. Chẳng những quỷ thần không thấy ông, Diêm La Vương cũng không thấy ông. Diêm Vương đã không thấy ông thì sanh tử đặt ở chỗ nào? E rằng Phật Thích Ca cũng không thấy, nếu bị Phật Thích Ca thấy đến thì chẳng những có sanh tử lại còn có Niết bàn nữa. Khi chúng ta chân nghi hiện tiền thì sanh tử chẳng trụ, Niết bàn cũng chẳng trụ vậy. Các ông hãy phát tâm, tham đi!

Khai thị: Ngày 4 tháng 12 (Thất 7 ngày thứ 6).

“Chớ nói vô tâm tức là đạo, vô tâm vẫn cách khoảng đường xa”. Mấy lời nói này với các ông thì thật không có gì để giảng, vì các ông cũng hoàn toàn muốn nghe nữa, bởi trên tâm hạnh các ông còn thiếu xa lắm. Nhưng ta không thể không hết thiên chức của mình để giảng thứ tự lớp lang cho các ông nghe.

Người dụng công đối với danh lợi, vinh quang, oán thân, tham ái, sân hận trên đời v.v... gọi chung là việc thế gian sự cần phải cho nó chết, một tí cũng không còn. Người xưa có đại tử đại hoạt, tiểu tử tiểu hoạt tức là lý này. Sao gọi là tiểu tử? Đó là biệt danh của tiểu ngộ. Đại hoạt là biệt danh của đại ngộ. Vậy tiểu tử là thế nào? Thân tử là tiểu tử, tất cả đau ngứa trên thân mình đều không biết, cũng giống như một “hoạt tử nhân”, thân tuy chết nhưng tâm không chết, tâm vẫn còn sống động, ấy tức là tiểu tử. Thế nào là đại tử? Tức thân tâm đều chết; tâm chết, chỉ cho câu thoại đầu tâm tâm dụng, niệm niệm dụng, bện rộn cũng dụng. Tuy dụng như vậy mà không cho biết là ở trong cái dụng như thế; nếu biết được có câu thoại đầu, có cái dụng trong lúc bện rộn thì tâm chưa chết.

Vậy lấy gì chúng có rõ ràng được? Tâm ông đại tử rồi ta sẽ hỏi ông: Ông tên gì? Nếu ông trả lời được thì ông chưa chết, nếu ông trả lời không được, không hiểu mình tên gì mới kể là tâm của ông chết rồi. Ta hỏi các ông: đại tử có không? Nay đã được bảy thất rồi, công phu không dụng đến đại tử thì làm sao đạt đến đại hoạt được? Đứng ngay đây các ông hãy tự hỏi lòng xem, cái chết đến được trình độ nào? Nhưng những lời này không phải ta nói bậy, chính ta từng đi qua trên con đường này rồi.

Lời nói người xưa các ông không tin, ta cũng không tin, tại sao vậy? Vì chưa thấy làm sao mà tin được? Nay ta đem việc chính ta đã đi qua, nói cho các ông nghe, đại khái các ông sẽ tin. Khi ta ở chùa Kim Sơn, bốn người cùng ở một căn phòng, gặp đúng tên bốn người đều chữ “Diệu”, trong đó có sư đệ ta là Diệu Phong. Ta một mình nằm dưới đất, ba người kia ngủ trên giường, họ cảm thấy ngại, thường bảo ta: Này thầy! Thầy lên giường nằm đi.

Ta cũng không để ý đến lời họ kêu ta hay không, ta cứ nằm dưới đất. Sư đệ của ta muốn nói chuyện với ta mãi, ta cũng không để ý đến.

Ông ấy nói: Thầy là người Hồ Bắc phải không?

Ta nói: Niệm Phật là ai?

Ông ta nói: Thầy là Diệu Thọ, pháp hiệu Tịnh Như phải không?

Ta nói: Niệm Phật đạo đế là ai?

Ông ta nói: Ông đại khái là sư huynh tôi!

Ta nói “Niệm Phật cứu kính là ai?” Làm cho ông ta không biết làm thế nào, một mùa Đông hỏi ta mấy lần như vậy, ta đều trả lời như thế, ông ta muốn ta nói một câu khác hơn, nhưng vẫn không được.

Đến kỳ nghỉ tháng giêng ta trở về tiểu miếu (chùa Sư phụ), Sư phụ hỏi đến ông ta: Sư huynh ông ở chùa Kim Sơn ông có biết không?

Ông ta nói: Con biết, khi nói chuyện với Sư huynh thì Sư huynh không trả lời đúng câu hỏi nên con không biết đích xác có phải hay không?

Sư phụ nói: Hãy mau kêu nó về đây!

Ông ta lúc đến Kim Sơn nắm chặt tay ta nói: Tôi nói thầy là Sư huynh của tôi sao thầy không trả lời cho tôi biết? Đúng thầy là Sư huynh của tôi!

Ta nói: Niệm Phật là ai?

Ông ta nói: Không cần biết ai hay không ai, thầy hãy theo tôi về chùa!

Ta nói: Niệm Phật là ai?

Ông ta nói: Sư phụ bảo tôi đến kêu thầy về, thầy không thể không về được.

Ta nói: Niệm Phật là ai?

Làm cho ông ta không biết làm cách nào, chỉ lời cánh ta mà nói: Thầy sao kỳ cục quá! Bảo về thăm Sư phụ đâu có bao xa, ở Câu Dung thôi, sao không chịu về?

Ta nói: Niệm Phật là ai?

Ông ta thả ta ra nói “Thôi! Thôi đi!”, rồi bỏ đi về.

Các ông thử ta lúc ấy những việc cần thiết trong việc giao thiệp nhất đều làm chết tiệt hết, không còn có ta nữa. Các ông được mấy ai hành giống như ta? E rằng các ông không những biết tên người ở quảng đơn phía Đông, phía Tây nữa. Các ông thử nghĩ: Ta làm người như thế này đến nay đã bốn mươi năm vẫn còn là người thường, các ông công phu chưa đạt đến chỗ này thì làm sao khai ngộ được? Thật đáng tiếc! Các ông chưa có một ai bám chặt đến chết câu thoại đầu mà nhận chân ôm chặt tử cú này (thoại đầu) mà cắn mãi; không hỏi khai ngộ hay không, cứ chỉ là dụng công phu, một mạch đi thẳng, chết với câu thoại đầu, chết đến cùng còn sợ không hoạt ư? Nay các ông không những không chịu chết mà còn muốn suy nghĩ này nọ, suy nghĩ một vài câu để sắp đặt, thí dụ như tưởng rằng “Đúng rồi! Đây chính là công phu của ta!” Các ông có khổ không?

Lại nữa, hoặc có thể chết được một lát, sáng chết đi, tối nghĩ lại “Không phải! Chết chẳng được danh giá gì, cũng chẳng thích gì câu thoại đầu, cần phải sửa lại câu thoại đầu!” Ví như sáng gieo mạ, tối muốn gặt lúa ngay, không có lúa gặt, lại cày tiếp rồi lại trồng đậu thì cũng như vậy. Các ông xem! Công phu như vậy mà còn kể được là tham thiền sao? Đại đa số các ông là như vậy. Tự các ông hỏi lại mình xem có đúng hay không đúng.

Theo công phu các ông như vậy, ta còn muốn giảng gì cho các ông nghe nữa không? Tại sao vậy? Ta giảng đến chỗ nào thì muốn các ông hành đến chỗ đó. Cái hành của các ông tức là lời ta giảng, các ông phải hành như vậy mới đúng, mới gọi là “ngôn hành tương ứng”. Ta giảng đến đâu các ông theo không kịp, đó không phải là phí công ta giảng sao? Tuy nói như vậy các ông mấy chục người cũng phải có một vài người công phu thâm nhập; không cần nhiều, chỉ có một người công phu được đến

chỗ ta giảng thì chẳng thể nói là không có người nào, đã có một người như thế, đương nhiên ta phải giảng tới nữa cho người đó nghe.

Các ông phải sống chết với câu thoại đầu này, đến cả tên mình cũng không biết, có công hạnh như vậy thì hành ra sao? Muốn các ông dụng câu thoại đầu cho đến lúc không biết luôn là có câu thoại đầu, người không biết, ta cũng không biết. Nhân ngã tại sao cũng không biết? Nhân tức là thế giới hư không, ngã là cái thân bằng xương, bằng thịt này. Giáo môn nói “Ngoài lục trần, trong lục căn, ở giữa là lục thức”. Thiên tông thì không như vậy, đầu tiên cả thế giới hư không đều quên hết, chết hết. Vậy thì thế giới hư không đã không có thì ta ở chỗ nào? Thân thể này của ta đã chết rồi thì sự đau ngứa trên thân, mặc áo ăn cơm, đói lạnh có còn chăng? Đã không có nhưng cái đó thì nhất định tất cả đều không có. Vậy tên có còn không? Các ông nghĩ xem có đúng không?

Vậy thì trong cũng quên, ngoài cũng quên, chỉ còn câu thoại đầu ở giữa trong chúng ta. Thoại đầu thì cần phải tham, trước thì lịch lịch, minh minh mà tham, sau lại thanh thanh, triệt triệt mà tham, rồi thêm tinh tiến dũng mãnh mà tham.

Các ông tham đến lúc này liên tục không gián đoạn, ta hỏi các ông “Thế giới, nhân ngã, hư không có còn chăng?” Ông nói “Không có”. Tốt lắm! Ta lại hỏi “Ngã có còn không?” Ông nói “Cũng không có!” Ta nói “Tốt lắm!” Ta lại hỏi thêm “Tâm ông có còn không?” Ông trả lời “Không có”. Ta lại hỏi “Tâm đã không có thì lời nói trong miệng từ đâu lại?” Nếu ông nói “có”, thì ta sẽ hỏi ông “Cái chữ ‘có’ này là ở trên câu thoại đầu hay là câu thoại đầu ở trên chữ ‘có’?” Các ông thử nghĩ trả lời ta một câu xem! Ta muốn xem công phu của các ông đạt đến trình độ nào? Hãy phát tâm tham đi!

Khai thị: Ngày 5 tháng 12 (Thất 7 ngày thứ 7).

“Căn trần thức đều bỏ, tâm ý thức đều quên, mười phương hư không đoạn dứt, chẳng còn tên gọi thánh phàm”. Bốn câu này có liên hệ đến việc khai ngộ và tin tức khai ngộ trên đường dụng công phu, chúng ta nghiên cứu thử xem. Nếu người có chút công phu nghe rồi sẽ hiểu ngay. Còn những người không dụng công hoặc không nghe có thâm nhập tí gì, nghe những lời này thì một chút mùi vị cũng không có.

Theo các ông suy nghĩ thì “Căn trần thức, tâm ý thức đều bỏ hết, quên hết rồi thì không làm gì được nữa”. Các ông nghĩ xem đúng hay không? Khi căn trần thức quên rồi thì lúc ấy các ông sợ rằng đâu thể làm gì được nữa? Các ông không những không muốn quên mà không chịu quên. Vậy đối với loại người như các ông không nên nói những lời này.

Cần giải thích cho các ông: Trong Thiên tông căn là thân, trần là ngoại cảnh. Trong Giáo môn căn là lục căn, trần là lục trần, mỗi căn đối với một trần, trong đó lại có một thức. Thiên tông nói tâm ý thức tức là tâm biết khởi niệm, phân biệt tất cả, nói tóm lại là tâm ý thức. Giáo môn lại không nói như vậy mà nói là tiền ngũ thức, rồi lục thức, thất thức, bát thức. Người dụng công tại sao cần phải bỏ, cần phải quên? Vì những thứ này đã làm ta bị bó buộc từ vô thủy kiếp đến nay; nếu ta không chịu bỏ hết, quên hết thì không biết bị bó buộc đến ngày nào nữa! Nên cần phải bỏ cho sạch hết thì mới có thể làm việc trong nhà mình, mới có thể đi con đường về nhà của ta. Những thứ này đối ta rốt cuộc có quan hệ như thế nào? Cần phải biết rõ: Chúng ta sinh tử không dứt, bởi vì cái tâm phàm phu hiện nay, vì có tâm nên có thân, có thân tâm nên mới có thế giới, lại bị thân tâm thế giới bó buộc chúng ta quá chặt chẽ.

Cho nên muốn dứt thân, tâm, thế giới thì cần phải dứt nhãn, tỹ, thiết, thân, ý (đây là căn mà căn ở trên thân mình), dứt sắc, thanh, hương, vị xúc, pháp (là trần mà trần lại ở trên thế giới), và dứt luôn thức (thức do tâm mà có), dứt được căn trần là dứt (liễu) được thân, tâm và thế giới. Trong Giáo môn vậy là rất tốt và rất cao, trong Thiền tông thì là việc chưa đáng kể.

Cái ta giảng hôm nay là của Thiền tông chứ không phải Giáo môn. Tại sao? Thiền tông còn có gì đặc biệt khác hơn? Khác ở chỗ nào? Sự liễu của Giáo môn là cho họ đã dứt được rồi, nay Thiền tông muốn liễu cái liễu của Giáo môn. Thí dụ họ dùng tay để liễu thì ta cần liễu cái tay của họ, họ dùng chân để liễu thì ta cần liễu cái chân của họ. Tại sao? Cần phải biết: Dù lực lượng thân, tâm, thế giới có lớn thế nào cũng không lớn bằng lực lượng “liễu” của thân, tâm, thế giới; chữ “liễu” này của các ông không dễ gì hiểu được. Thí dụ: Tất cả đường đi đều như thân tâm và thế giới, muốn liễu những con đường này thì cứ dùng chân đi đến cùng tột thì liễu được thôi! Những con đường liễu được đó là do chân đi mà liễu, hai chân này tức là chân để liễu con đường, cũng là chân để liễu thân tâm và thế giới. Lực lượng của hai chân này rất lớn, thiên đường địa ngục cũng do nó, thành Phật làm Tổ cũng là nó, luân hồi lục đạo cũng do nó, làm trâu biến ngựa, thành côn trùng cũng không ngoài nó.

Trong Thiền tông muốn liễu thì trước tiên phải liễu hai chân này. Các ông xem: Sự “liễu” này có phải đoạn dứt mười phương hư không? Các ông nghĩ xem công phu như vậy đã đến nhà được chưa? Theo ta thì chưa được. Tại sao? Công phu tuy có nhưng vẫn chưa khai ngộ, gọi là giữa đường. Những lời này vốn chẳng muốn giảng, có giảng cho các ông nghe là vô vị. Nếu như ta nói đến đâu các ông hành được thì ta cũng nói được, mới có thể nói là thuyết đến đâu hành đến đó. Ta thuyết được các ông hành không được thì còn đâu là tốt được? Tuy nói như thế, nhưng các ông tuy chưa hành đến, ta nói như vậy cho các ông nghe, tương lai các ông cũng sẽ y theo lời ta mà nói cho người khác nghe. Khi các ông hành đến chỗ lời ta giảng thì mới biết được tâm can của ta! Nếu không thì ông nói ta là Diệu Thọ, ta nói không phải, ông nói ta là Lai Quả, ta cũng nói không phải, có thể nói là gặp mặt mà không biết người, vậy các ông còn biết chăng? Đối với Thiền tông những việc này cũng không coi là kỳ lạ.

Nay ta theo thứ tự giảng cho các ông nghe. Sự thật thì không có thứ lớp, không cần đôi chân để đi mới đúng, luôn cả chân cũng không cần đi đâu còn thứ lớp gì nữa? Không phải bốn mươi bốn cấp bậc hay năm mươi lăm cấp bậc của Giáo môn, tu đến cấp bậc nào chứng quả cấp bậc đó, từ bước một mà bước, nếu muốn một bước lên hai cấp cũng không được. Thiền tông chẳng những không có cấp bậc mà luôn cả chân cũng không cần, nhưng vẫn ngồi trên cao được, so với họ vẫn cao hơn nhiều. Vậy đoạn dứt mười phương bằng cách nào? Cần phải biết nếu có thế giới thân tâm để liễu thì phải có ta năng liễu. Ấy đều là lời nói của Giáo môn “Có năng có sở, năng sở đều liễu, chính giữa cũng không trụ”, gọi là Tam luân thể không. Thiền tông thì không phải vậy, chỉ cần câu thoại đầu một mạch tiến đến, không rơi vào cấp bậc.

Trong Thiền tông có công phu được như vậy có thể gọi là đoạn dứt mười phương chưa? Chưa đâu! Trong Thiền tông cho đó là chưa vào công, còn ở giữa đường, còn là kẻ đứng ở ngoài cửa. Tại sao Thiền tông lại có chỗ sâu xa kỳ lạ như vậy? Các ông phải biết người sức yếu mà đến chỗ ngân sơn thiết bích (núi bạc vách sắt) thì không có cách nào vượt qua! Cứ cho ngân sơn thiết bích này không có ngày mở ra được! Nhưng những người có sức mạnh thì ngân sơn thiết bích chẳng thể nhốt được, khi họ đến chỗ đó thì một tay đập bỏ ngân sơn, một chân nhảy qua thiết bích mới là việc của họ. Đợi khi các ông đập bể ngân sơn, nhảy qua thiết bích rồi thì ta mới nói chuyện đoạn dứt mười phương cho các ông nghe! Hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 6 tháng 12 (thất 8 ngày đầu).

Người dụng công phải có công phu để dụng mới gọi là đạo nhân. Giả sử nói là người dụng công, nhưng đối với sự thực hành của chính mình thì lại không được công phu, sao gọi là đạo nhân được?

Hành đạo cũng như đi đường, lúc đầu ở ngã tư đường đi qua đi lại thấy đông đảo, tốt quá, người đi lại thì nhiều, cái gì cũng có, lần lần hình như kẻ qua lại ít đi thì bớt náo nhiệt rồi. Đi nữa thì đến chỗ ven vùng sơn dã khó mà thấy được một người, vắng vẻ cả rồi, càng đi nữa thì đến chỗ thâm sơn cùng cốc, một người cũng chẳng có, cảnh vật thanh vắng, đường đi càng nhỏ. Các ông người có dụng công đối với lời nói này ắt thấy rất tương ứng với mình, một điểm, một chữ cũng không sai. Người không dụng công được không biết lời của ta nói là gì, đường phố cũng không biết đường phố ở thị trấn nào, núi cũng không biết núi gì, đường nào cũng chẳng biết đường nào hết, thiệt làm cho người ta mò chẳng ra được! Đại khái các ông có loại tri kiến này.

Ta phải nói rõ cho các ông biết: Đây là lời nói về sự công phu, các ông đừng làm ở bề ngoài. Vậy đường đi đã hết, lần lần đến chỗ thâm sơn cùng cốc, đến chỗ này rồi thì còn đường đi nữa không? Đường thì không có để đi, nhưng trên công phu làm sao lãnh hội được? Lúc mới đầu đề lên câu thoại đầu thì vọng tưởng, phiền não, tham ái, si mê v.v... so với ngã tư thành phố còn náo nhiệt hơn, bởi vì quá nhiều; hôm nay cũng câu thoại đầu ngày mai cũng câu thoại đầu, cũng như đi đường vậy, cứ tham chậm chậm; câu thoại đầu tham lâu ngày rồi thì dần dần vọng tưởng, sân ái, phiền não v.v... đều bớt đi.

Lại nữa nghi tình biết đề lên rồi thì dần dần quen thuộc thôi! Nghi tình khi đã quen thuộc thì giống như đến nơi sơn dã vậy, vọng tưởng phiền não khó mà khởi lên được. Tham nữa, khởi nghi tình nữa thì nghi tình này sẽ thành khối thôi. Con đường trước mặt ban đầu càng đi càng nhỏ lại, thanh vắng im lặng; đến bây giờ khi nghi tình thành khối thì cũng không còn đường để đi nữa mà một chút mùi vị cũng không có, cô đơn thanh vắng, nhưng tri kiến các ông tưởng là “Không đúng! Làm sao người dụng công trên công phu lại tạo thanh vắng làm gì? Náo nhiệt thì tốt biết bao, tại sao lại muốn cô đơn thanh vắng, một chút mùi vị cũng chẳng có làm gì?”

Đúng vậy! Nhưng ta nói: muốn náo nhiệt để làm gì? Đường đi đã không có, náo nhiệt để chỗ nào? Không có mùi vị thì còn có miệng không? Miệng đã không có thì lưỡi ở đâu? Còn mùi vị hay không? Không có lưỡi thì không thể nào biết được, lưỡi đã không thì mùi vị từ đâu đến? Đối với chữ Thiên đương nhiên cần phải tham. Nhưng công phu hành đến nơi còn nói chi là Thiên? Thí dụ có bệnh mới uống thuốc, bệnh hết rồi còn uống làm gì? Nếu bệnh hết mà còn uống thuốc thì không đúng rồi! Bệnh hết, thuốc nhất định phải bỏ. Lời này các ông có hiểu được chăng? Nếu những lời nói về công phu lúc mới đầu này có chút linh hội thì cũng không cô phụ các ông là người đã thiên thất. Như thế đường ta nói đã đi xong chưa, có còn đứng tại chỗ này hay đã lùi về phía sau rồi? Còn đứng tại chỗ này thì không đúng, không thể xong việc, người đứng trên đường đã không đúng, sụt lùi lại càng không đúng nữa.

Đến thì cứ đến! Muốn các ông thôi lui phía sau thì phía sau là lửa cháy mạnh, đương nhiên không lùi được, không lùi nhất định phải tiến về phía trước, không tiến cũng phải tiến, đây không phải là việc dễ gì làm được. Muốn đuổi chân ra thì chân không có chỗ để đuổi, muốn đưa tay ra cũng không có chỗ mà đưa, các ông hãy nghĩ xem: cũng như con dòi trong lu mặc dù bò ra không được cũng ráng sức mà bò, chỉ muốn đi trốn, bò qua bò lại còn có thể lăn lộn vài lần. Các ông công phu nghi tình đã thành

khỏi rồi, trong khối này còn được lẫn lộn không? Sợ không dễ gì? Bởi vì cái khối này lớn quá, muốn duỗi chân ra thì một tí chỗ hở cũng không có. Trong hư không cũng ở trong khối này, ngoài hư không cũng ở trong khối này, thập phương chư Phật cũng ở trong khối này. Các ông thử nghĩ xem: Chân này duỗi ra chỗ nào? Tay đưa ra chỗ nào? Nhô đầu ra đâu? Muốn duỗi chân một chút thì chỗ đưa chân cũng ở trong khối này, và nhô đầu ra cũng vậy. Không những tay chân, chúng ta còn phải nghiên cứu xem xét rốt cuộc khối này là bao lớn? Con người của ta ở trong hay ở ngoài cái khối này? Bên ngoài còn có chỗ nào, mà ở trong thì tướng mạo ra sao? Các ông đều cần phải thấy được một tí mới tốt, cần phải rõ ràng thấy đến mới đúng; chỉ nghe nói thôi thì vẫn còn là của ta.

Cái khối này lớn lắm, không những hư không bị nó lôi cuốn vào trong mà ngay cả Phật Thích Ca, các đại Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền, Quan Âm cho đến thập phương chư Phật đều bị khối này bao gồm vào trong. Thiên đường, địa ngục, sáu bực con kiến cũng đều ở trong khối này, các ông hiểu hay không? Cần nghiên cứu xem, đây không phải là việc nhỏ đâu. Tại sao? Các ông không nghiên cứu nó cho rõ thì nói làm sao đập bẻ khối nghi? Làm sao đập vỡ được khối nghi? Nếu nói khối nghi đập bẻ đích thân nhìn thấy bản lai diện mục là nói bậy! Ông nói ông thấy bản lai diện mục của ông, như vậy còn có bản lai diện mục của ta chăng? Diện mục của người khác có hay không? Cái diện mục này so với nghi tình thì lớn hay nhỏ hơn? Nói câu “Đập bẻ khối nghi, đích thân thấy bản lai diện mục”, đó đều là do các ông học từ bên ngoài mà thôi. Ta hỏi câu thứ nhất thì các ông đều đáp không nổi. Sở dĩ muốn các ông tự mình thấy được, muốn thiết thực thảo luận qua; nếu không thấy được như vậy, thân thiết như vậy, dù cho các ông nói thật đập bẻ khối nghi thì vẫn còn là kẻ mang mặt nạ (bộ mặt giả)! Phải hiểu là “Vạn lý trình đồ thủy chung bất ly sơ bộ” (đường đi vạn dặm thủy chung không rời bước đầu tiên). Nếu không thấy được rõ ràng thì cứ sai mãi, ngàn sai muôn sai đều do cái sai này. Rất cần yếu là tham đi!

Khai thị: Ngày 7 tháng 12 (Thất 8 ngày thờ).

(Giảng sự tích Phật Thích Ca nửa đêm trông thấy sao sáng mà thành đạo và thuyết pháp v.v... Nay lược bỏ).

Khai thị: Ngày 8 tháng 12 (Thất 8 ngày thứ 3).

Người hành đạo như trên đường vạn dặm trở về nhà, mà nay đã đi được chín ngàn dặm rồi, chẳng bao lâu nữa thì về đến nhà. Tỷ như đỉnh núi muôn trượng, chúng ta từ chân núi mà trèo lên ngọn, một chân cút chó, một chân gai góc, muốn tìm một con đường lớn để đi mà không có, chẳng hỏi có đường hay không có đường mà chỉ hướng đi lên; hôm nay cũng trèo, ngày mai cũng trèo thì trèo lên được thôi. Trèo lên thì được rồi, đến đầu ngọn núi chỉ có chỗ để đặt một chân thôi, nhìn xuống là vách núi muôn trượng, động chân thì bước vào hư không, chung quanh đều không còn chỗ. Đến chỗ này rồi đứng lại, dường như là tốt lắm, có thể nói “Đỉnh núi muôn trượng”, “Đầu sào trăm thước”. Đến nơi này rồi tốt thì tốt nhưng còn thiếu một bước đường, một vạn dặm đi được 99.999 dặm rồi, chỉ thiếu một dặm nữa thì đến cái nhà bản lai của chúng ta; đến được nơi này rồi thì hy vọng vô cùng.

Một dặm đường này chỉ cần các ông bước chân là có thể đến nhà, chỉ cần bước chân một chút thôi thì có thể hy vọng thành Phật, hy vọng làm Tổ, cho đến hy vọng siêu Phật việt Tổ cũng ở cái bước này. Tại sao lại phải bước thêm một bước? Chỗ này đương nhiên là không tốt mà người xưa đã nói như thế rồi. Tại sao vậy? Người xưa

nói “Người ngồi trên đầu sào trăm thước tuy là được nhập nhưng mà chưa chân thật”. Ấy là muốn nói: Lúc mà các ông đến đầu sào trăm thước rồi ngồi xuống tại chỗ đó không bước thêm về trước nữa, thì chẳng thể kể là người chân thật về đến nhà. Ta hôm nay muốn hỏi các ông: Công phu có đến được chỗ này chưa? Những lời này là vì các ông cần công phu đến được chỗ này thì mới giảng cho các ông nghe; trong kỳ thất thứ ba giảng mấy lời này là vô dụng vì công phu các ông không dụng đến được nơi này, nếu ở vào lúc bình thường lại càng không xong.

Hôm nay đã được bảy, tám thất rồi, công phu đương nhiên phải đến chỗ này, các ông hãy nhủ lòng tự hỏi: Có hay không có? Nếu công phu đến được chỗ này thì tốt lắm! Ta nói như thế thì các ông nhất định lĩnh hội được; bảo các ông bước thêm bước nữa, các ông cũng có thể tin chắc mà bước tới, ấy chẳng phải là rất tốt sao? Không có được công phu như thế thì ta uổng công nói rồi! Còn chỗ nào là có ích đâu? Nhưng không thể vì các ông như vậy mà không nói ra; công phu các ông không dụng đến, thất đã được bảy, tám kỳ rồi, đương nhiên muốn giảng đến chỗ này cho các ông, công phu các ông không dụng đến, ấy là các ông phụ ta, không phải ta phụ các ông. Nhưng mà “đỉnh núi muôn trượng” chỉ là một ví dụ, về công phu của chúng ta thì lại là như thế nào? Cần các ông lĩnh hội một chút, từ chỗ không biết mà dụng công, một chân cút chó, hôn trầm vọng tưởng, dụng đến thuần thực cho đến thành khối tự tại, cho đến đỉnh núi muôn trượng. Nhưng mức công phu này làm sao đến được? Lúc công phu đến mức thành khối thì quét bỏ cả tâm, ý, thức mới có thể đạt đến mức này.

Nói cho rõ ràng một chút: Tâm là cái năng tri, tất cả thiện ác, thế gian xuất thế gian là sở tri của tâm, cái tâm này phải lia bỏ. Ý, nghĩa là tất cả pháp, chẳng kể là pháp Đại thừa hay Tiểu thừa, nếu dùng bộ nào suy nghĩ một chút thì liền rơi vào ý thức, cho nên cũng cần phải lia bỏ. Đó là chuyện trong Thiên tông, tuyệt không phải là chuyện trong Giáo môn đâu, mọi người cần nhận biết cho rõ ràng. Giáo môn không có chuyện như thế đâu!

Nói đến chữ Thức tức là muốn các ông nhận chân mà tham thiền! Vậy thế nào là chân tham? Chân tham là vô tham. Ý nghĩa câu nói này ta phải phân biệt dùm cho các ông một chút, vì câu nói này người hiểu lầm rất nhiều. Tại sao vậy? Người không biết dụng công nghe câu nói này rồi bèn nghĩ “Tốt lắm! Chân tham là vô tham, ta quả không biết tham tức là vô tham, ấy chẳng phải chân vô tham sao? Vậy không cần dụng công nữa rồi!” Ông cứ cho đấy là rất đúng “Ta là vô tham”. Kỳ thực cái vô tham này của ông là cái vô tham của lục đạo luân hồi, không phải cái vô tham siêu Phật việt Tổ! Cái vô tham đó là công phu dụng được đến thành khối mà chẳng biết có sự tham chứ chẳng phải là không có tham. Ta hôm trước đã giảng về nghi tình thành khối rồi, thập phương chư Phật, hết thầy Bồ Tát, lịch đại Tổ Sư đều ở trong cái khối nghi này, không cho các ông biết công phu của cái nghi tình thành khối này, tham cho đến chỗ này không biết mình đang tham, đó mới là vô tham. Cái vô tham này của các vị ấy có giống cái vô tham của người hiểu lầm không? Nếu mọi người đã tham và chân tham cái vô tham này, như thế thì cái vô tham này do chân thật dụng công tự nhiên đến chỗ không còn tự biết, còn cho các ông phân biệt chằng? Hễ cứ muốn phân biệt thì rơi vào cái thức ngay! Cho nên không cho tâm biết, không cho ý suy nghĩ, không cho thức hiểu thì mới kể là đến được “đỉnh núi muôn trượng” cũng là “đầu sào trăm thước”.

Ta muốn hỏi các ông công phu có đến chỗ này chưa? Các ông cứ cho việc này là khó lắm, ta bảo là không khó. Các ông cứ tự mở mắt ra xem, nơi các ông đứng là nơi nào? Công phu đến nơi này, há có lẽ nào mà không thấy được chằng? Nhưng mà ta muốn hỏi các ông “Công phu có dụng đến chỗ này chằng?” Các ông đáp “Tôi đến rồi!” Ta lại hỏi “Nơi này mở mắt ra xem còn có gì nữa không?” Các ông cần trả lời ta mới

đúng. Còn có người không? Còn có ta không? Còn có Phật không? Còn có Pháp không? Còn có Tăng không? Các ông nếu trả lời ta “có”, đã nói có thì cái có từ đâu mà có? Nếu nói không có thì các ông ở chỗ nào? Đây không phải là việc nhỏ đâu, ta hỏi các ông, các ông phải biết thật rõ ràng mới đúng. Nếu các ông có thể dụng công phu đến chỗ “đầu sào trăm thước” thì nhất định biết thôi.

Phải hiểu được rằng “Công phu đến chỗ này thì rất có hy vọng; hãy tiến thêm một bước thì thợ dụng vô cùng”. Hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 9 tháng 12 (Thất 8 ngày thứ 4).

“Vực thăm buông tay, chết rồi sống lại” (huyền nhai tán thủ, tuyệt hậu tái tô), hai câu nói này người đã ở chôn thiền lâm đại khái đều có nghe qua. Nhưng mà nghe thì cho ông đã nghe qua, mà hành thì không không cho là các ông hành qua. Tại sao vậy? Nếu ông đã từ chỗ này hành qua một chút, thì hôm nay các ông chẳng phải là một người như thế này.

Đối với công phu hai câu là công phu gì? Cần phải giải thích rõ rệt cho các ông một chút: Thiền tông vốn không mượn lời nói nhưng vì dẫn dắt các ông hành đạo, nếu không nhờ lời nói thì lại chẳng có đường để đi, cho nên ở phía trước ta nói, các ông có thể theo lời ta nói mà hành cho đến, cái lời nói phương tiện này thì không thể hiểu được. Cũng như hôm qua ta nói đến đỉnh nhọn ở trên đầu núi, từ chỗ này mà bước thêm một bước nữa thì lọt vào hư không, thế không phải là vực thăm buông tay sao? Nhưng cái bước này rất là quan trọng. Tại sao vậy? Trước mũi chân là hư không, vậy muốn bước chân này phải bước như thế nào? Cái bước này động được thì phỏng có đường đi không? Không thể bước đi trong hư không được, vậy có người nào làm được cái chuyện bước đi trong hư không chẳng? Quả chẳng phải là chuyện chơi! Đối với người công phu đến được chỗ này thì họ tự biết rõ là có con đường này, họ không những buông tay đi mà còn buông chân để chạy nữa, đi qua Đông qua Tây, đi lên đi xuống, tùy họ đi như thế nào cũng có đường đi cả. Người không có được công phu như vậy thì đáng tiếc lắm! Nghe ta nói thì muốn chết đi! Làm sao một người lại một mình đứng được ở chỗ cao như thế, bốn phía đều trống không, nghiêng một chút thì mất mạng liền.

Nếu như ta đem các ông đặt lên chỗ ấy, các ông nhất định sợ chết, đâu còn biết được trong hư không có đường đi hay không? Các ông hãy nghĩ đúng không? Nhưng mà thí dụ ở trên không có đường đi thì phải dùng biện pháp nào để có thể đi được? Há chẳng phải là phép thí dụ không hợp chăng? “Thí dụ” thì có nhiều lắm, nói nữa thì lại quá dài. Nhưng mà từ chỗ này cứ bước một bước thì té xuống ngay! Theo ta nói không những phải bước cho té xuống mà còn phải té cho chết nữa, cho đến cái xác tan nát thành bột, một mảy lông cũng không còn mới đúng. Nếu không té cho chết thì cũng chẳng khác như chưa té! Như vậy thì cái công phu này của các ông còn chưa đúng! Tại sao vậy? Ấy là nửa chết mà chưa chết, chỉ thành một kẻ chết giả! Nếu như vậy lại thành quỉ giữ xác. Cho nên cần phải té cho thật nát! Từ chỗ này mới cho các ông được tuyệt hậu tái tô. Khi sống lại rồi thì khác hẳn, không phải như người trước nữa.

Ngày hôm qua ta nói về tâm, ý, thức cần phải quên đi, nhưng tâm, ý, thức quên rồi thì vẫn còn ở cái ổ tâm, ý, thức, công phu đến chỗ này rồi thì phải lôi cái ổ này đập bể nó đi. Cái ổ là thức thứ bảy và thức thứ tám đó. Có thể bỏ rời thức thứ bảy và thức thứ tám ra thì công phu mới có thể đến chỗ sống lại này được. Nếu không thể lia bỏ cái ổ này, thành Phật cũng là cái ổ này, làm Tổ cũng là cái ổ này, thiên đường, địa ngục, cầm thú... cũng từ cái ổ này ra, do vậy công phu nhất định phải đến chỗ này. Ở một

khi đã phá tan thì mới bật ra một tiếng “ồ” (tả sự ngộ). Đáy thùng rơi ra, chuyên mình triệt để, quay đầu chuyển óc, chết rồi sống lại đều là cái “ồ” này. Nhưng cái chỗ này không phải chỉ có nói như thế, người xưa đã từng có những lời nói ra làm bằng chứng vững chắc.

Như thế nào vậy? Ấy là “Đầu sào trăm thước lại bước tới, thập phương thế giới hiện toàn thân”. Đầu sào trăm thước, vách núi muôn trượng đều như nhau cả, như các ông lên đến ngọn sào cao mười trượng cũng như đứng trên đầu ngọn núi đó vậy; trên đầu ngọn núi này lại bước tới một bước nữa; giống như trên đầu sào trăm thước lại bước tới một bước nữa, chết rồi sống lại cũng như thập phương thế giới hiện toàn thân thôi. Hai câu nói này có thể chứng minh công phu chúng ta đến chỗ này rồi thì về đến nhà vậy. Nhìn trở lại thì có còn con người trước chăng? Còn là cái tâm trước không? Các ông nghĩ xem: có phải là con người trước không? Đại khái người là người trước đi, nhưng tâm thì không vậy đâu. Người ta nói “Ngộ cũng bằng như ngộ”. Nếu nói người cũng như vậy, tâm như vậy là phế bỏ nhân quả rồi! Trước khi chưa ngộ ăn ba chén cơm, ngộ rồi thì vẫn là ba chén cơm, cơm thì vẫn nhự vậy nhưng tâm trước với tâm sau khi ngộ rồi thì khác xa như trời với đất.

Từ nay về sau điều ta nói là hay lắm! E các ông lại tưởng rằng “Có cái gì tốt đâu? Chẳng đả thất thì mới tốt! Còn như muốn chúng tôi đả hai thất nữa thì làm người ta khổ chết đi thôi! Mà lại nói là tốt chứ!”. Đúng đấy! Ta nói: Trở về sau năm là năm tốt, tháng là tháng tốt, ngày là ngày tốt, các ông còn có người biết không? Không kể các ông công phu hành đến chỗ này hay không đến chỗ này nhưng lời ta nói thì có giảng đến. Trở về sau nữa thì ta chẳng nói như vậy nữa mà lại nói khác đi. Người chưa ngộ trong số các ông, công phu chưa đến, nghe ta nói khác đi thì thấy có điềm không tương ứng, bởi vì trở về sau nữa ta sẽ không nói với loại người như các ông đâu, vậy thì làm gì có sự tương ứng được.

Ta giảng với ngộ, ta chiếu cố toàn như vậy, cứ giảng đường đi cho các ông nghe mãi thì thành ra đẹp bỏ người đã ngộ rồi sao? Đối với các ông bất cứ là ta giảng đến nơi nào, mặc dù công phu các ông không dụng đến, nhưng hôm nay ta giảng đến chỗ này thì các ông tất phải hành theo, thế nào cũng phải hành đến chỗ này mới được buông tay. Nếu không hành đến chỗ này, không được cho là cái lời giảng của ta nói và cái sự hành của các ông không giống nhau mà rồi buông bỏ đi, như thế không đúng đâu! Còn cần phải hướng về phía trước mà dụng công. Nếu không lại phụ cái phen công phu khổ tâm này của mình đi thôi. Các ông hãy phát tâm. Tham đi!

Khai thị: Ngày 10 tháng 12 (Thất 8 ngày 5).

“Trước khi chưa ngộ việc còn ít, sau khi đã ngộ việc lại nhiều thêm”. Hai câu này câu nói trong Thiên tông, muốn tìm nát ba Tạng, mười hai bộ Kinh cũng tìm không ra.

Lời nói trong Thiên tông và Giáo môn khác nhau chỗ nào? Giáo môn thì không kê tâm hạnh các ông như thế nào mà chỉ cứ nói thẳng đi thôi. Lời nói trong Thiên tông thì lại theo tâm của ông đi đến chỗ nào thì nói chỗ ấy, cái không giống nhau là ở chỗ này.

Các ông hãy đề một câu thoại đầu mà tham cho đến u u nhả nhả, thanh thanh tịnh tịnh không biết đến có người có ta thì còn nói chi đến chuyện khác? Chỉ có câu thoại đầu chẳng có gì khác, như thế thì suốt ngày tự tự tại tại, tịch tịch tịnh tịnh. Các ông nghĩ xem: Có phải như vậy không? Đã ngộ rồi thì lại không như thế. Tại sao vậy? Các ông mở mắt ra nhìn một cái thì phải than lớn một tiếng, chẳng ngộ thì thôi, một khi ngộ rồi còn có nhiều chuyện như thế: nhiều, nhiều lắm! Thí dụ như thế nào? Cũng như:

một cái nhà cũ mà chúng ta đã ở ba mươi năm trước, là một căn phòng nho nhỏ, bên trong có đặc, hôm nay đã xa nhà ba mươi năm rồi chưa hề trở lại một lần nào. Bỗng nhiên, hôm nay đến nhà cũ, một chân đạp cửa mở ra, nhìn vào một cái, thấy không được rồi: khói bụi trên bàn, rêu xanh dưới đất đầy cộm! Trong nồi chuột làm tổ, cứt mèo, màng nhện v.v... trước bàn thờ Phật không biết là bao nhiêu! Nhìn thấy như thế còn có muốn nói là một căn phòng chẳng? Chỗ nào cũng không ở được, mặc kệ thì không được, cần từ quét dọn từng món một.

Còn may mắn là hai con mắt đã mở ra, nếu không phải là mở mắt thì làm sao biết được nhiều việc không tốt như thế? Đây là ví dụ, còn lãnh hội về cái pháp thì sao? Người chưa ngộ suốt ngày cứ ở trong sinh tử, phiền não, nghiệp chướng, vọng tưởng, chẳng có tri giác gì; dù cho biết thì chỉ là nghe người ta nói hoặc thấy được trong Kinh điển, chứ chưa tự bước chân vào chỗ thực tế; thấy được từ bên ngoài, tuy thấy mà cũng như thấy, cho nên khi họ dụng công thì có công phu thôi. Hôm nay bỗng nhiên khai ngộ thì cũng như xa căn phòng trong ngôi nhà cũ đã ba mươi năm rồi, hôm nay mới có một bước mà về nhà vậy; mở mắt ra nhìn một cái thì mới biết ra là còn có nhiều việc như thế! Mà có việc thì đương nhiên phải giải quyết từng việc một.

Cổ nhân đã có câu nói là để chứng minh cái công phu của chúng ta đến được nơi này, cổ nhân nói “Khi chưa đến ngộ còn mặc ý, khi đến ngộ rồi việc càng nhiều”, ý nghĩa hai câu nói này thì giống như việc ta nói ngày hôm nay thôi. Đối với những ta giảng cùng các ông như thế thì thực không cần phải giảng, chẳng qua trong Thiền tông những lời nói như thế đều là viên nhân, viên chủng cả, các ông tuy công phu chưa đến mà đem cái loại viên chủng này gieo xuống thì việc gặt hái trong tương lai sẽ vô cùng tốt đẹp. Nhưng người trong số các ông nhiều như vậy thì làm sao lại không có người biết đường biết lối? Bất gió, nắm bóng, những cái không thực mà biết được một tí, hiểu một tí thì cũng không phải là không khó. Vậy thì nhốt gió lại được, nắm bóng lại được cũng kể là việc hiếm có.

Thí dụ như khi ta nói chuyện ở trong nhà, các ông tuy chưa vào nhưng nếu đứng ngay ở ngoài cổng cũng có thể nghe được vậy, giả sử có động một bước chân thì đương nhiên sẽ vào được nhà. Sợ các ông cách xa ba ngàn dặm, còn chưa đủ tư cách làm người đứng ở ngoài cổng, ngay cả đến loại này không đủ tư cách thì ông biết còn dụng được gì chẳng? Người đến được chỗ này thì có cái thọ dụng này, ông đến được chỗ này rồi, tuy có lắm việc như thế, còn không được cho là nhiều; ông đến được chỗ này rồi không những không sợ nhiều mà muốn càng nhiều càng tốt nữa. Nếu sợ nhiều việc thì lại trở thành một người vác băng thôi! Đâu còn kể được là người mắt sáng? Người mắt sáng làm việc toàn thể là sự lý viên dung. Người có sức lực xuất chúng nhất khi ngộ như thế thì sự lý không còn trụ, tâm cảnh không còn trụ, Phật cũng không trụ, Tổ lại càng không trụ. Cổ nhân có câu nói “Đi trên đầu Phật”, trên cái ngộ này thì mới có thần thông, tuy có thần thông nhưng cũng chưa phải là toàn thông, hãy xem các ông căn nào bồi đắp được nhiều thì thông cái căn đó trước.

Nói sơ lược thì có ba loại cửa ải là Sơ Quan, Trùng Quan và Mạt Hậu Lao Quan:

(1) **Giai đoạn phá Sơ Quan**: Cũng gọi là phá Bản tham tức là kiến tánh. Chưa kiến tánh là mắt mù, nay kiến tánh là người mắt sáng. Đến cửa này lý thì ngộ rồi, sự thì chưa liễu. Sự tức là tập khí.

(2) **Giai đoạn phá Trùng Quan**: Tập khí là cấu bẩn. Ví như một thùng phẫn lâu ngày, mức từng gáo đổ ra ngoài hết rồi rửa sạch cái thùng nhưng hôi thúi vẫn còn, nên phải cạo cho sạch, cạo sạch rồi vẫn còn hôi thúi vì hôi thúi thấm sâu vào gỗ thùng lâu

ngày rồi. Nên phải bỏ luôn cả cái thùng. Tất cả phần và hôi thúi đều là bệnh của tâm, bệnh tâm cao sạch rồi còn phải bỏ luôn cái tâm (vọng tâm) mới được gọi là liễu sự.

Vậy khi tâm sạch rồi, sự liễu rồi, lý cũng thông, sự cũng dung, nên nói “Sự lý song dung, tâm cảnh vô ngại”. Đây tức là phá Trùng Quan.

(3) **Giai đoạn phá Mạt Hậu Lao Quan:** Phật, Tổ chẳng trụ, Niết Bàn chẳng trụ, không còn gì để trụ nữa, đến đây thì “Trên đầu có mắt, sau nã đập chùy”, tác dụng của bộ não sạch hết, dụng của Tự tánh hiện tiền, gọi là phá Mạt Hậu Lao Quan tức là cửa ải kiên cố cuối cùng. Đây là sự giải thích đứng đắn về tam quan của tổ Hoàng Long trong Thiên tông vậy.

Nếu thật người có con mắt sáng thì đương nhiên việc càng nhiều càng càng tốt. Tại sao vậy? Vì cái chỗ của người mắt sáng thấy, người khác không thấy được cho nên mới gọi là mắt sáng. Vậy thì, mắt sáng thì mũi có thể sáng được không? Tai cũng có thể sáng được không? Sáng thì tất cả đều sáng mới đúng! Lỗ tai cũng có thể thấy được vật, mắt cũng biết được thơm thối. Năng sở hỗ dung (dung thông với nhau), sự là lý, lý là sự, dụng là thể, thể là dụng, dụng cũng lại là tâm, tâm cũng lại là sự. Cầm hương bằng vào tay là tâm, tâm là hương bằng, tiêu tiện là tâm, tâm cũng là tiêu tiện. Các ông nghĩ xem: Có được cái hỗ dụng này thì còn sợ nhiều việc gì nữa?

Nhưng hôm nay các ông là người dụng công phu chưa đến được chỗ này thì cần phải nhận chân tham cứu. Nói chung cần phải dụng công cho đến sau khi đại ngộ rồi thì mới kể là mục đích của các ông. Nếu chưa đến chỗ đó thì không thể buông bỏ công phu đi được. Hiện tại các ông đứng ở nơi đây, ta hỏi các ông “Đứng ở chỗ nào?” Các ông nhất định sẽ đáp “Đứng ở trên gạch”. Đợi các ông đến lúc đó ta lại hỏi các ông “Đứng ở chỗ nào?” Các ông nhất định sẽ đáp “Chẳng phải đứng trên gạch”. Không đứng ở trên gạch thì đứng ở chỗ nào? Hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 11 tháng 12 (Thất 8 ngày thứ 6).

“Ngộ lý nhất thời, liễu sự xa xôi”, ngộ lý thì trong sát na có thể ngộ được, ngộ rồi thì thời gian liễu sự rất dài, không phải là một ngày, hai ngày mà liễu được. Nhưng ba cái cửa ải của chỗ ngộ trong Thiên tông từ thời Đường, Tống trở về trước không có chuyện Tam quan gì cả, đến thời Tống mới có Thiên sư Hoàng Long lập ra cửa ải Tam quan; Thiên tông thật không có ba cửa này: thứ nhất là Sơ Quan, thứ nhì là Trùng Quan, thứ ba là Lao Quan. Danh từ (tên) của ba cửa ải này tuy trên phương diện dụng công thì có trước sau, nhưng không phải là có thứ công phu nào đặc biệt dùng để phá Sơ Quan, phá Sơ Quan rồi cũng chẳng phải có thứ công phu đặc biệt nào để phá Trùng Quan, cũng chẳng phải phá Trùng Quan xong rồi lại có công phu đặc biệt nào để phá Lao Quan sau chót được, tất cả không phải như vậy. Cần biết là quan thì có ba lớp, sâu cạn chẳng đồng, mà công phu thì chỉ có một câu thoại đầu, sâu cạn là do lực lượng câu thoại đầu lớn hay nhỏ.

Tỷ như bắn tên, người lực lượng nhỏ bắn phát tên qua được một mặt trống, người lực lượng mạnh hơn chút ít, một phát tên bắn qua hai mặt trống, người có lực lượng đặc biệt, lực lượng siêu quần xuất chúng thì một phát tên bắn qua được ba mặt trống, tức là lý lẽ này. Phật Thích Ca lực lượng to lớn nhất, một phát tên bắn qua được chín mặt trống. Ba cái mặt trống này cũng giống như ba cái quan ải, dụng công thì tựa như bắn tên vậy. Đối với cái công phu Tam quan này của Thiên tông thì cách thức dụng công như thế nào? Cửa ải làm sao phá? Phá đến cửa nào thì có cảnh giới gì? Tất cần phải nói rõ ràng cho các ông nghe. Nhưng thân tâm ta thật tiếc cho các ông trong thời kỳ

đả thất chẳng có người nào công phu được chút tiến bộ sâu xa nào, chẳng từng có được người nào công phu khai được tiểu ngộ, đó là điều ta thật tiếc vô cùng!

Ví như nếu trên công phu giống như trên song cửa sổ có một lớp giấy, như mặt trời chiếu qua giấy, tuy cách một lớp giấy nhưng ánh sáng còn có thể chiếu qua được, có được một người như thế thì cũng tốt. Tuy tiếc lắm nhưng ta không thể không vì các ông mà giảng đến. Các ông chỉ cần tham một câu thoại đầu đến khi công phu cùng cực, cái hôm trước ta đã nói qua, cái “chết rồi sống lại” đó, người tương đối có lực lượng hể ngộ thì phá được bản tham. Nhưng cái ngộ cho là kiến tánh; sinh tử thì cũng cho họ biết sinh từ đâu đến, chết đi về đâu. Tuy tánh thì kiến rồi, nhưng cấu bản thì chưa trừ, sinh tử thì cho các ông biết nhưng sự thì chưa liễu. Người có lực lượng lớn một chút thì từ cái ngộ này tánh cũng kiến rồi, tâm cũng minh rồi, lý cũng liễu rồi, sự cũng liễu rồi, tâm cảnh đều quên, cứ như thế mà lần lượt phá ba cửa ải. Chúng ta người hành giả tham thiền thứ nhất cần phải có chánh tri kiến, sinh lòng tin chân chính, một câu thoại đầu lấy ngộ tâm làm kỳ hạn. Các ông hãy phát tâm tham đi!

Khai thị: Ngày 12 tháng 12 (Thất 8 ngày thứ 7).

Người chưa khai ngộ cử tâm động niệm đều là vọng tưởng, khai ngộ rồi cử tâm động niệm đều là chân như. Người phá Bản tham rồi đương nhiên là rõ ràng thối; muốn vì những người các ông công phu chưa đến mà phân biệt rõ rệt một chút, nếu không thì sợ các ông đều lẫn lộn: chúng tôi khi chưa ngộ, cứ vọng tưởng động là một tướng, nổi vọng tưởng Nam Kinh thì tướng Nam Kinh hiện ra ngay, lại nổi vọng tưởng Thượng Hải thì tướng Nam Kinh diệt liền và rồi tướng Thượng Hải theo đó mà hiện ra. Theo đấy suy ra, tướng này sinh tướng kia diệt, tướng này diệt tướng kia sinh, cái kia sinh cái này diệt không bao giờ tạm dừng, ấy là vọng tưởng.

Nếu các ông trong lúc vọng tưởng không dừng mà đề lên câu thoại đầu, khi đã đề lên, nghi tình hiện tiền thì tất vọng tưởng tự nhiên bị quét sạch. Vì nghi tình vốn vô tướng và tâm của con người chỉ có một cái, cho nên hể khởi lên cái vô tướng của nghi tình thì cái hữu tướng của vọng tưởng liền tiêu diệt. Dụng công dần dần sẽ đến cái vô tướng thuần nhất, cái công phu thuần nhất này sẽ tự phá Bản tham. Phá Bản tham rồi tức là vô tướng thuần nhất vậy, sẽ không còn có tí hình bóng vọng tưởng nào cả. Phá Bản tham rồi muốn tìm một chút vọng tưởng cũng không có! Công phu đến bước này thì cử tâm động niệm đều ở trên cái công phu vô tướng này, ăn cơm cũng không rời, mặc áo cũng không bớt một chút, dù cho có nhiều việc khác nữa thì công phu này cũng không bớt giảm; ở nơi này mà lập nên một danh từ gọi là “Chân như”. Hai chữ Chân như mà đối với vọng tưởng mà nói, vì rời vọng tưởng rồi mới nói đến Chân như; không đặt cái danh từ này thì làm sao nói? Tuy miễn cưỡng gọi nó là Chân như, Bản lai diện mục của Chân như đâu phải như vậy? Cứu kính ra sao? Muốn các ông phải tự mình dụng công phu đến chỗ này thì tự mình sẽ biết được; cứ nghe lời ta nói thối là vô dụng, không những vô dụng, mà dù cho ta nói ra, các ông cũng không tin nữa. Tại sao vậy?

Trước kia có một học giả muốn ta đem Chân như ra giảng cho ông ta nghe, ta nói “Giảng cho ông nghe, ông có tin chăng?” ông ta nói “Tôi tin”. Ông đã tin rồi ta nói cho ông nghe “Trên đầu Chân như có bốn sừng, trước hai sau hai, có hai cái đuôi, một cái trên mông một cái trên bụng, ông tin chăng?”. Ông ta nói “Không đúng, đâu có lý như thế? Chân như đâu lại có sừng có đuôi? Dù cho có sừng thì đâu có đến bốn cái, phía trước có mà phía sau lại có nữa? Ở mông có đuôi mà trước bụng lại có đuôi nữa. Há có lý này sao? Tôi không tin”. Ta nói “Cái này là Chân như thiệt; cái Chân như

này ông không tin thì ta nói một cái giả cho ông nghe: Chân như dựng khắp tam tế, ngang khắp mười phương, ở chư Phật không tăng, ở chúng sinh không giảm, vô tịnh, vô nhiễm”. Ông ta nghe rồi nói “Cái này đại khái là đúng, bảo tôi thì còn được!”

Các ông nghĩ xem: Ta nói chân thật, ông ta không tin, ta nói giả, ông ta lại tin. Hôm nay ta giảng cho các ông nghe, các ông có người nào tin chẳng? Các ông không tin rồi! Chung quy phá Bản tham rồi là không còn vọng tưởng. Không có vọng tưởng tức là không có tất cả niệm sinh diệt, niệm có sinh diệt thì có tướng, có tướng thì Diêm Vương có thể bắt được, bắt biến thành trâu thành ngựa thì cũng nghe theo lệnh của ông ta thôi. Chúng ta không có vọng tưởng thì không có tướng, vậy thì Diêm Vương bắt cái gì? Cho nên người phá Bản tham thì nhất định dứt sinh tử; người phá Trùng Quan nhất định không có mộng tưởng, ngủ nghỉ thì vẫn là ngủ nghỉ, chiêm bao thì không có. Tướng có người nói “Người khai ngộ của Thiên tông còn có hôn trầm”. Kỳ thực họ chẳng biết Thiên tông cần phải đạt đến một mức nào đó thì mới không có hôn trầm.

Vậy cần phải biết người phá Trùng Quan không có mộng tưởng thì còn có cái gì? Phải biết mộng tưởng từ đâu mà ra? Dù cho các ông mộng như thế nào thì cũng không ra khỏi sự tướng thế gian. Người phá Trùng Quan thì lý sự đều liễu, tâm cảnh song dung thì chỗ nào còn thế gian sự? Cho nên người phá Trùng Quan quyết định không có mộng tưởng, có tướng để Diêm Vương thấy được là có sinh tử. Có Chân như thì Diêm Vương không thấy được, mặc dù Diêm Vương không thấy được nhưng Phật Thích Ca thấy được, Phật Thích Ca còn thấy thì có Niết bàn; liễu sinh tử còn phải liễu được Niết bàn. Người phá Lao Quan sau chót thì hôn vọng đều trừ, mộng tưởng diệt sạch; đến chỗ này rồi người ấy không còn hôn trầm, họ đến chỗ này thì sinh tử không còn, Niết bàn cũng không trụ. Nói nhất chân pháp giới thì ngay cái nhất chân pháp giới cũng phải vượt qua.

Lại nữa, phá Bản tham là kiến Pháp thân, phá Trùng Quan là chứng Pháp thân. Tại sao nói kiến? Tại sao nói chứng vậy? Thí dụ như thiền đường: người kiến Pháp thân như đứng ở cửa thiền đường, việc trong thiền đường đều thấy được rõ ràng cả nhưng chưa bước vào. Chứng Pháp thân là bước vào thiền đường. Thấu Pháp thân là đi thẳng vào trong khám Duy Ma Cật mà ngồi. Cho nên nói phá bản tham kiến Pháp thân, phá Trùng Quan chứng Pháp thân, phá Lao Quan thấu Pháp thân. Tất cả pháp môn khác công phu cùng tốt chỉ có thể đến chỗ chứng Pháp thân thôi, duy có Thiên tông cần phải tiến thêm một bước thấu qua Pháp thân thì mới đúng việc của Thiên tông.

Những lời nói của ta đối với các ông lúc này dù chẳng có ý nghĩa gì cả, bất quá ta giảng như thế các ông dùng tai nghe qua nhưng cũng có thể nói là “Một khi đã vào tai thì vĩnh viễn là hạt giống đạo”. Có được cái hạt giống này thì tương lai nhất định sẽ được nảy mầm, nảy mầm thì sẽ có kết quả.

Phật dạy “Nhân nào quả nấy”. Hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 15 tháng 12 (Thất 9 ngày thứ 3).

“Ta thấy người khác chết, lòng ta nóng như lửa; không phải nóng người khác, nóng sẽ đến phiên ta!” Đây là lời nói người xưa. Hôm nay sư Đô Giám trong chùa bệnh chưa đầy một ngày mà chết làm mọi người rất thương tiếc! Ông ấy đã làm việc trong chùa mười mấy năm, trước mắt ta không hề sai phạm tí gì. Người khác tuy cũng có được hành trì như thế nhưng cũng có khi không đúng pháp; duy có ông ấy mới được kể hoàn toàn! Ở đây người ta gán cho ta cái biệt hiệu là “Đối với thanh chúng như Bồ Tát, đối với chức sự như La Sát”. Hai câu này ta cũng thừa nhận là không sai. Nhưng

cái khổ tâm của ta sợ mọi người khó biết được! Thật sự cái lập trường của ta đối với thanh chúng và chức sự trong chùa chẳng phải là ý riêng của ta mà là cách đối xử của người xưa.

Tỷ như một cái thùng nước bị chảy, chỗ hở thật to thì đương nhiên không đựng nước được lại chẳng bao lâu rồi sẽ vỡ luôn. Ta hỏi các ông: có cách nào làm cho thùng nước khỏi vỡ chẳng? Mà còn đựng nước được? Các ông nghĩ xem có cách nào không? Nếu không vượt qua hoặc bằng với cách đối xử của ta thì không được nói cách của ta là không phải. Cách của ta là “Niêm vòng cho chặt lại”. Cách của các ông có hơn được cách nêm vòng cho chặt lại của ta không? Đừng nói là bọc ván vào thùng, bọc đáy thùng hay lấy bùn trét lại phỏng có được không? Có hơn cách nêm vòng cho chặt của ta không? Nếu thùng lại chảy nữa thì nêm vòng thêm một lần thì tự nhiên sẽ thành một cái thùng tốt lại còn đựng nước được! Phải biết là: búa đập lên đục, đục đập lên vòng nêm thì đương nhiên vòng bị thiệt thòi, nhưng thùng thì được thành tựu hoàn hảo.

Đây là lý lẽ nhất định: ta ác, ta độc thì cứ mặc kệ cho ta ác ta độc đi! Nếu mà các ông ác thì không được đâu! Tại sao vậy? Cái ác của các ông không phải như cái ác của ta. Các ông là tạo ác nhân, hoặc phá giới, hoặc phá nhà chùa; cái ác nhân các ông tạo ra về sau phải đọa địa ngục. Cái ác của ta là không cho các ông tạo ác nhân, tương lai sẽ không thọ lấy ác quả địa ngục, cho nên hãy cầu cho ta ác, ta ác là việc tốt, các ông ác là việc không tốt. Tại sao hôm nay ta lại nói cái chỗ tốt của vị sư Đô Giám này? Vị sư ấy đã làm việc với ta hơn mười năm, việc cần thiết gì của nhà chùa sư không hề có tí lầm lỗi nào; vẽ một cái vòng, bảo sư đứng vào trong, sư cũng chẳng sai phạm lấy một tí một ly nào, việc thu tô đất ruộng của nhà chùa không được tốt, hề sư cứ đi là xong, cho có xa nữa thì cũng lo xong tốt đẹp như thế. Ta có ngầm điều tra sư, thấy sư chẳng có tí thói xấu nào, sư không hề hút thuốc, đánh bạc.

Có nhiều người rời nhà chùa cứ cho là trong nhà không biết, thuốc cũng hút, bài cũng đánh, như thế thì lúc xuống địa ngục có hối thì cũng đã muộn rồi! Cứ cho là ta không biết, thế còn lẽ nào ta lại không biết chẳng? Dù ta không biết được đi thì cái nhân quả còn trốn lánh được không? Cho nên vị sư Đô Giám này ta phải ca tụng là một người tốt. Người tốt là người làm trọn vẹn lúc bình thường. Muốn ta gọi các ông là người tốt thì không dễ đâu! Hôm nay sư bệnh được nửa ngày thì chết, trong lòng ta rất thương tiếc! Loại người này, ta hôm nay tán thán, người đã vì các ông làm việc, ta hy vọng đời sau sẽ còn cộng tác với ta mới tốt! Nhưng thọ mệnh vô thường! Các sư phải biết là người nào phạm nấy. Các ông hãy phát tâm tham đi!

Khai thị: Ngày 16 tháng 12 (Thất 9 ngày thứ tư).

Trong chúng ta thật rất nhiều người chẳng biết xuất gia vì việc gì, cần phải làm việc gì. Phải hiểu được là: việc của chúng ta thì nhiều lắm, một là phải bố thí, hai phải trì giới, ba phải nhẫn nhục, bốn phải tinh tấn, năm phải thiển định, sáu phải trí tuệ. Lại còn từ bi, hỷ xả v.v... (giảng ý nghĩa lục độ lược bỏ).

Khai thị: Ngày 17 tháng 12 (Thất 9 ngày thứ năm).

“Tâm thường chiếu soi đạo lý, niệm niệm đều khế hợp chân thường”. Người ngộ rồi thì tất cả động tác đều hợp lý. Người chưa ngộ nhất định làm không đến được, bởi vì họ chưa ngộ tức là tâm địa chưa minh, lý đương nhiên không thể đạt đến được hoàn toàn. Người chưa ngộ cho mình là mình, lấy người là người. Người ngộ rồi thì không

thế, lấy mình làm người, lấy người thiên hạ làm mình, vì thế không giống nhau. Các ông hãy nghĩ xem: Lấy ta làm ta thì đương nhiên trước hết chỗ nào cũng đến ta, mặc áo ăn cơm trước hết phải có ta; đương cũng muốn có được mặc áo tốt, ăn uống được ngon; cái gì trước hết cũng phải có ta rồi sau mới đến người.

Người ngộ rồi không như vậy, họ tương phản triệt để, mặc áo thì trước hết muốn người mặc, ông không có quần thì họ có thể không lo cho họ mà cởi của họ cho ông mặc; không có áo, họ cũng cởi cho ông; ăn thì cũng muốn người ăn trước cho no, còn mình thì đói, chẳng gấp gấp tí nào. Vì sao vậy? Vì họ ngộ rồi, tâm của họ không giống như tâm ông, tâm của họ là tâm Bồ Tát, người chưa ngộ là tâm phàm phu. Cho nên kẻ phàm phu, người Bồ Tát, trên trời dưới đất sai khác nhau, ấy là do ngộ với chưa ngộ. Nhưng Bồ Tát và phàm phu không giống nhau chỗ nào? Ta nói một thí dụ thì các ông sẽ dễ hiểu. Thí dụ như người nấu cơm là Bồ Tát, người đun bếp là phàm phu; Bồ Tát và phàm phu cùng lo chung một việc, cùng ở một liều, chỗ hành của họ đương nhiên không giống nhau, phàm phu thì muốn sướng một chút, làm việc thì muốn làm bớt đi một ít, chỗ nào thì cũng muốn chiếm lấy tiện nghi, họ chẳng cần để ý đến người khác có động phiền não hay không, động niệm hay không động niệm, tổn phúc hay không tổn phúc, họ chẳng hỏi đến.

Bồ Tát không như thế, việc chịu khổ thì tự mình đi làm, nhường cho người phần tiện nghi, ông sung sướng thì họ mới có khổ để chịu, rất sợ người khác động niệm, động phiền não, thà để tự mình tổn phúc. Cũng như người nấu cơm đến lúc nấu muốn người đun bếp nhóm lửa, khi ấy người đun bếp lại đi nói chuyện với người khác, người nấu cơm tính muốn tự mình nhóm lửa thì không kịp mà không dám kêu người đun bếp về, chẳng thà chấp tay lạy người khác nhóm hộ, chứ không chịu để người đun bếp bị động niệm, sợ người ấy không vui. Người đun bếp về thấy đã có người nhóm lửa hộ rồi mà không nói cảm ơn, người nấu cơm còn phải an ủi người đun bếp, nói những lời dễ nghe cho người ấy vui. Các ông nghĩ xem: Bồ Tát làm như thế đó, không dám như kẻ phàm phu đâu! Hiện nay chúng ta đều là phàm phu, chưa có vị nào là Bồ Tát, muốn học làm Bồ Tát cũng có thể học cái hạnh của người nấu cơm này.

Năm Tuyên Thống thứ 2 (1910), chúng tôi ba người đều là người bị thỉnh làm Ban thủ nhưng không làm, mà phát tâm làm việc khổ trong bếp để đền ơn nhà chùa cho nên xin làm chức hành đơn (lo việc bếp núc). Tôi là Tây đơn ba (lo cơm nước), hai vị kia là Tây đơn nhất (lo thức ăn) và Tây đơn nhì (lo việc củi lửa). Chúng tôi khi mới phát tâm làm khổ hạnh, ba người có hẹn với nhau rằng “Chúng ta đều là người không nhận chức Ban thủ, nay làm trong nhà bếp không để xảy ra sự rầy ra than vãn gì. Đừng nói đến việc phải sang khách đường (tư pháp của nhà chùa) để cho người ta xử, nói một câu lớn tiếng để khách đường biết đã là không phải rồi”. Hai người kia đều tán thành. Vào kỳ truyền giới, năm trước có ba người nấu cơm, năm ấy thì chỉ có một mình ta. Năm trước ở đại liêu (nhà bếp lớn) có bốn cái lu lớn để đựng cơm thừa cháo thừa, đến ta thì chẳng còn cái lu nào.

Một hôm Tăng lên đến hai trăm người đều là những người đến thọ giới Tỳ Kheo. Một hôm nọ, thúng của ta không đủ dùng bèn đi đến người làm rau mướp, anh ta không chịu, ta mướp đi mướp lại đến ba lần mà anh ta cũng không cho. Vừa khi anh ta có việc đi ra ngoài, ta nhân lúc cần phải nấu cơm bắt đặc dĩ mới lấy thúng của anh ta vo gạo, còn chưa vo được thì anh ta trở lại nắm vạt áo của ta giật mà nói “Chúng ta xuống khách đường đi!” Ta không chịu đi, anh ta cứ lòi mà không nhúc nhích, ta hướng về anh ta rập đầu nói “Đồng tham! Đồng tham! Đừng xuống khách đường. Chúng ta khi ra khỏi thiền đường đã có hẹn là không bao giờ xuống khách đường để người ta cười chúng ta”, lại rập đầu thêm ba cái nữa, anh ta mới thả ta ra. Một ngày

sau anh ta đáp y mang tọa cụ đến liêu phòng ta cầu sám hối. Các ông nghĩ xem: muốn thành Bồ Tát đạo có phải hành cái nhẫn nhục chăng? Các ông hãy phát tâm! Tham đi!

Khai thị: Ngày 18 tháng 12 (thất 9 ngày thứ sáu).

Người chưa ngộ so với người đã đại ngộ thì tiền đồ khác nhau. Nay nói sơ qua cho các ông nghe, nếu không thì mơ hồ không để gì phân biệt. Người chưa ngộ thì mắt chưa mở, như người mù vậy. Các ông thử nghĩ: người có tốt gì đâu? Một chân đạp cút chó, lấy tay mò lấy còn cho là đồ tốt hay đồ ăn ngon. Trái lại đem một chén com lại cho anh ta, anh ta lại sợ các ông trêu chọc, nghi ngờ trong com có đồ không sạch. Đưa anh ta vào nhà tiêu, anh ta lại cho là rất tốt, ngồi cũng tiện, đứng lên đưa tay ra thì đều có chỗ tựa, đại tiện tiện đều tiện lợi, thật là tốt. Đưa anh ta lên chánh điện, anh ta lại nói “Không đúng!” Bốn bề không chỗ dựa, không biết là nơi nào cả. Lại còn cho đó là chỗ đồng trống, chẳng có chỗ để nương tựa vào. “Không tốt! Không tốt! Hãy tìm cho tôi một chỗ tốt để thân đi!” Các ông nghĩ xem có đáng tiếc không! Có khổ não không? Đem đồ ngon cho anh ta lại sợ là không sạch, để ở chỗ tốt anh ta lại chê là đồng trống. Vì sao? Vì là người không biết được tốt xấu; ấy là điều khổ não thứ nhất của người chưa khai ngộ.

Lại nữa, đến không biết từ đâu đến, đi không biết đi về đâu, việc này là cho nó là không quan trọng, không nói đến nó. Nhưng hiện tiền cái sắc thân này hôm nay chẳng biết việc ngày mai, muốn lo việc yên ổn trong tương lai thì không làm được. Xác thân này sẽ đến nơi nào cũng không làm chủ được. Sau khi chết lại mịt mù không biết chỗ về. Các ông thử nghĩ: Chết rồi đi về đâu, các ông còn biết chăng? Lên thiên đường cũng không biết, xuống địa ngục cũng chẳng hay, biển trâu biển ngựa cho đến biển cái gì cũng không biết, đó là cái khổ não thứ nhì của người chưa khai ngộ. Nói sơ hai loại này, nói thêm nhiều thì không đủ thì giờ. Các ông nghĩ xem: hai cái khổ não này cũng đủ cho các ông chịu khổ rồi! Nếu không tự ngộ thì ai sẽ giúp mình mở mắt ra đây!

Không khai ngộ thì giống như kẻ mù sau trước đều chẳng có chỗ đi. Người đã khai ngộ thì khác, lúc ngộ mới biết “Trước kia ta là người mù mà chẳng biết mình là người mù, hôm nay mới hiểu ra được. Ta đã biết rồi, mở mắt ra nhìn mọi người đều là người mù tối thì ôi quả đáng sợ!” Các ông nghĩ xem: Người ấy một khi đã mở mắt rồi thì đâu còn chịu ở trong cầu tiêu nữa? Cứt trâu phân chó đâu còn không biết sao? Đến lúc này thì về có đường, đi có chân chẳng phải như lúc mịt mù không biết chỗ về. Nay thấy chúng sinh vẫn là kẻ mù trong biển khổ, bản thân mình đã từng như thế, cho nên mới phát đại tâm cứu độ cho họ. Đến lúc này mới biết thương tiếc và quý cái sắc thân này.

Đối với các ông nay đang dụng công phu mà chưa ngộ thì cho cái thân này là đồ gì? Là “đồ hôi thúi! Đau thì cứ cho nó đau, đói nó lạnh ấm không có gì quan trọng, hư hoại thì cho nó hư hoại, cùng lắm là đổi một thân khác cũng được. Muốn ta buông bỏ công phu để săn sóc cái thân này thì không thể được!” Vậy mà tại sao ở trên nói đến lúc ngộ còn muốn thương tiếc thân thể, quý trọng thân thể? Vì muốn thân thể này vun trồng cái vạn đức trang nghiêm của chúng ta, cần phải thực hành cái lục độ vạn hạnh của chúng ta. Vì chúng sinh khổ, ông muốn cứu họ, ông không hành cái hạnh Bồ Tát thì làm sao cứu được họ? Không kết duyên với họ thì đâu tin ông hành động Bồ Tát? Kết duyên với chúng sinh có dễ được chăng?

Tỷ như: Người đã ngộ rồi hành đạo Bồ Tát, đi đến một nơi kia thấy một người nữ bèn nói “Chị hai, chị niệm Phật không”. Người nữ ấy quày đầu trở lại nhìn và nói “Cái

ông thầy chùa xấu này, ai là chị hai của ông? Ông còn gọi tôi nữa tôi sẽ cho một trận!” Người hành đạo Bồ Tát nói “Tốt! Mời chị đánh cho, mà xin đánh cho mạnh một tí, đánh mỗi tay thì xin nghỉ một rồi hãy đánh nữa!” Bị cô ta đánh cho một trận rồi mừng rỡ mà đi, lại đến một nơi khác hành đạo Bồ Tát. Tóm lại suốt ngày bị ba người đánh, năm người mắng đó là việc tốt, là có lời. Giả sử suốt ngày không ai đánh, không ai mắng là không tốt rồi, là lỗ vốn rồi! Hành đạo Bồ Tát phải như thế, nếu không như thế làm sao kết duyên với chúng sinh? Nếu không có duyên với chúng sinh thì muốn độ họ cũng không được.

Điều này chẳng phải ta đặt ra, lúc đức Phật còn tại thế, chúng sinh vô duyên, Ngài cũng chẳng độ được nữa huống là Bồ Tát? Lúc Phật còn tại thế có chúng sinh ở quốc độ nọ, Phật ở nhân địa lâu nay chưa kết duyên với họ, Phật ở trên trời, họ ở dưới đất, Phật xuống đất họ lại xuống nước, chung qui chẳng có lúc nào họ gặp được Phật. Phật ra đời độ chúng sinh cũng chẳng độ được họ, Phật đi đến quốc độ họ, họ cũng chẳng chịu biết đến Phật. Nhưng mà Tôn giả Ca Diếp trong kiếp xưa lúc làm tiểu phu thì họ làm ông. Tôn giả đã từng đứng trước ồ ông niệm Phật một tiếng, nên với họ có chút duyên ấy, cho nên Phật bảo Tôn giả Ca Diếp đi độ họ, bấy giờ họ mới được thọ pháp. Mọi người các ông hãy nghĩ: Kết duyên với chúng sinh có phải là việc rất cần chăng? Hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 20 tháng 12 (Thất 10 ngày đầu).

Chánh pháp của Phật rất khó gặp. Chúng ta là chúng sinh khổ não, nay có thiện căn được thọ làm thân người, lại phát chút đạo tâm tin tưởng đạo pháp chăm lo tu đạo, như thế ắt có sự vun trồng, bồi đắp từ nhiều kiếp rồi, nếu không thì quyết chẳng thể nào đến được nơi này. Nhưng thiện căn tuy có mà cảm không được chánh pháp, lại nhầm lẫn nhận lấy những pháp ngoại đạo, ta thấy khổ lắm! Thật chẳng bằng một người không tu tâm. Tại sao vậy? Người không tu tâm, hiện tại tuy không tu, tương lai một khi gặp cơ duyên cảm thọ chánh pháp, lại có thể phát tâm tu hành thì nhanh chóng có thể chứng quả. Một số ngoại đạo kia tuy cũng có dụng công, cái dụng của họ là tinh, khí, thần; tu là tu tiên đạo như: Địa hành tiên, Phi hành tiên, Không hành tiên, Thiên hành tiên, Tuyệt hành tiên v.v... có mười loại tiên.

Trong đó hai thứ Cừu công đạo, Tiên thiên đạo là có thể gần với Thiên đạo, cảm quả tuy được Thiên đạo, nhưng họ cầu thọ chứ không cầu lạc; ấy là ở trời mà bỏ trời, không giống tám thứ tiên kia. Cho đến khi tu thành rồi, nơi ở là trong động Thất Kim Sơn là vùng núi non không người đến, thọ được mười vạn năm. Tại sao lại ở nơi này vậy? Bởi vì, cái tu được họ không cho mọi người biết, sợ ở chung một chỗ với người, truyền đạo thì lại cứ một thầy một trò, không có người thứ ba, ấy là tại không truyền đạo, họ dụng công chỉ là một mình họ mà không cùng tu với người khác, vì vậy tu thành công rồi mà vẫn còn người sống một mình trong Thất Kim Sơn.

Hai thứ đạo này tại sao lại tu thành công gần với trời vậy? Khi họ tu nhân thì có tâm lợi người, có tâm làm công đức nhưng chỉ cầu được trường thọ mà dứt dục, vì vậy tu thành công so với cõi trời dục giới cùng thọ mà không cùng vui. Kết quả của họ trong Thất Kim Sơn trên trời lục đạo, thọ mệnh nếu hết vẫn phải đọa lạc và cũng có thể xuống địa ngục. Tại sao vậy? Vì họ chỉ tin đạo họ tốt mà không tin đạo khác. Bảo họ tin Tam bảo họ không những không tin mà lại còn muốn hủy báng, vì nếu họ không báng Tam bảo thì họ không đứng vững được, cho nên họ gieo cái nhân hủy báng này tương lai nhất định chịu lấy quả báo. Những người như thế kiếp xưa gieo nhân tốt,

kiếp này không gặp chánh pháp, lại làm nhận đủ thứ tà kiến thì tương lai sẽ cảm quả không tốt.

Ta thật thương tiếc cho họ đến chảy nước mắt. Tu tâm như thế không bằng chẳng tu. Quý thầy hôm nay ở đây tham Tối thượng thừa thiền, tu chánh pháp của thập phương chư Phật, hành tâm hạnh của thập phương chư Phật. Chẳng cầu khai ngộ cứ hành như thế này, cái chánh phạm chánh nhân này rất quý, dùng miệng ta tán thán cũng không hết được! (Tiếp theo là giảng một công án về giáo hóa ngoại đạo đã có ghi trong Tự Hành Lục của Ngài nên lược bỏ).

Khai thị: Ngày 21 tháng 12 (Thất 10 ngày thứ nhì).

Thất đã đã được chín kỳ rồi. Việc này trong Thiền tông nói ra rất khó, lại không có tướng dễ thấy được, không hình dễ biểu lộ được; việc thế gian thì có tướng dễ thấy, có hình dễ khảo sát thì tự nhiên dễ làm.

Nhưng nói việc thế gian dễ cũng chẳng phải dễ, các ông xem: người học làm thợ mộc phải học ba năm, năm năm mới thành, lại học thành rồi có khi còn không ai mướn. Lại nữa học làm thợ mộc nhất định phải cầm búa không được cầm kéo, học thợ may thì nhất định phải cầm kéo không được cầm búa. Lại học thợ may cũng phải học đến ba năm, nếu không cũng học không tốt, ấy cũng là việc khó vậy!

Các ông xem việc của Thiền tông mới thực là dễ dàng! Thấy là thiền, không thấy cũng là thiền, nắm được là thiền, không nắm được cũng là thiền, chân bước tới là thiền, bước lui cũng là thiền. Bất cứ dụng công hay chẳng dụng công đều là thiền, thiện niệm ác niệm đều không rời thiền.

Như nói ăn cơm mặc áo là việc rất dễ, nhưng tham thiền so với mặc áo ăn cơm còn dễ hơn nhiều. Hễ cứ tiếp xúc chỗ nào thì chỗ đó là thiền! Chỉ trong khoảng một khảy móng tay là đã dư thời gian để ngộ rồi! Từ nghi đến ngộ không cách đến bề dày của một tờ giấy thì làm sao nói xa?

Các ông nghĩ xem: Cái việc dễ như vậy mà các ông lại xem nó là việc khó. Việc này các ông chỉ cần ngay đó thừa đương là được!

Cũng như cầm búa cũng có thể làm thợ may, cầm kéo cũng có thể làm thợ mộc được, thế thì dễ biết bao! Giản tiện biết bao! Nhưng các ông trái lại cứ cho nó là việc khó quá sức, rồi lại lấy việc khó của thế gian mà cho là việc dễ.

Thường thường có người cống cao chẳng chịu việc thực hành của họ, cứ cho người nào cũng chẳng bằng mình, ta so với người đều giỏi hơn; loại người như thế không thể được xem là người trong Thiền tông đâu! Nếu muốn là người chân thật trong Thiền tông thì họ tuyệt không được lấy việc đánh chuông bồng cho hay, đánh hương bồng cho giỏi mà cho là người trong Thiền tông đâu! Như thế là làm sai lạc rồi! Thế lấy gì làm việc trong Thiền tông?

Đối với người căn cơ trung đẳng mà nói, thì trước tiên từ chỗ không biết dụng câu thoại đầu mà nói, thí dụ như: Câu thoại đầu chẳng biết dụng thì cách dụng như thế nào? Đến khi biết dụng rồi thì cách dụng như thế nào? Dụng quen rồi thì cách dụng như thế nào? Cho đến công phu đặc lực, bắt đầu chuyển vào giai đoạn thâm sâu thì cách dụng như thế nào? Tóm lại tất cả các giai đoạn dụng công kể trên đều phải minh bạch rõ ràng.

Đối với người căn cơ thượng đẳng thì từ địa vị phàm phu phải làm việc gì, đến địa vị bậc Thánh phải làm việc gì, chưa ngộ phải làm việc gì, ngộ rồi phải làm việc gì, cũng đều phải thật rõ ràng thì mới kể là người trong Thiên tông được.

Thuở trước ta làm thanh chúng thấy có nhiều người “làm đầu bỏ đuôi”, nói chuyện với nhau phê bình: Ban thủ này quy củ không thuộc, Ban thủ kia giảng khai thị không hay, lại còn dây dưa lè mề, Duy na là người sơ tham, khinh khi người ta đủ thứ, họ tự cho mình hơn hẳn người khác. Đến khi nhà mời họ nhận chức sự thì họ làm rồi bời lộn xộn, suốt ngày làm người ta phải phì cười. Ta thấy nhiều lắm! Cái loại người này có còn được xem là nhân tài của Thiên tông không? Đại khái các ông cũng còn khá nhiều người có cái tâm lý này. Loại người này ta xin hỏi: các ông khinh rẻ người ta, các ông biết hai chữ “cảnh sách” của hương bãng lớn như thế nào chẳng? Cái bình trà phải cầm như thế nào chẳng? Các ông còn biết chẳng? Những việc này mặc dù chẳng phải chánh hạnh của Thiên tông cũng là pháp trợ đạo của Thiên tông. Tại sao vậy? Đánh hương bãng được hay, người bị đánh ngay đó liền khai ngộ. Cái cách cầm bình trà người ta nhìn thấy cũng được ngộ. Mắt thấy, tai nghe, thân xúc chạm đều là nhân duyên ngộ đạo.

Xưa kia Linh Vân thấy hoa đào nở mà ngộ đạo, Hương Nghiêm nghe tiếng trúc mà ngộ đạo. Những phép tắc lớn nhỏ trong Thiên tông còn có thể điểm nào qua quýt chẳng? Ngày trước ta ở chùa Thiên Đồng là Duy na, trong Thiên đường có một hai người “làm đầu bỏ đuôi”, sớm đã nghe họ nói “Ồ thiên đường có gì hay đâu? Lời Ban thủ giảng không hay, quy củ Duy na lại không thuộc, thực là làm hỏng việc của người ta! Vậy những phép tắc này có cần phải học nữa không? Chỉ là việc không đáng kể!” Ta biết họ có lòng dạ này. Ta hỏi họ “Còn thích ở thiên đường không?” Họ nói “Tôi thích ở”. Ta nói “Quy củ ông còn giữ được không?” Họ nói “Giữ được”. Ta nói “Tốt lắm!”

Hôm ấy lúc đánh hương bãng vào giờ ngộ để khai tịnh uống trà, chén trà đưa vào tay họ, họ nhìn qua hai bên, ta bèn đến đánh cho một trận hương bãng mà chẳng nói một lời với họ. Ấm trà đến rồi họ cũng không biết làm sao nhận trà, ta lại đập thêm một trận hương bãng nữa; uống trà thì gục đầu xuống uống, ta lại cho thêm một trận hương bãng; uống xong một tuần trà đánh được năm, sáu chục hương bãng. Ta quay đầu lại hỏi “Ông còn thích ăn thêm hương bãng nữa không?” Họ vô cùng hổ thẹn nói “Xin Duy na từ bi cho, nhờ trận hương bãng này của thầy, tôi mới thấy được chỗ thâm sâu của Thiên đường, tôi mới thấy được về lúc trước là không đúng; từ nay về sau phép tắc lớn nhỏ gì tôi cũng phải thành thực mà học lấy”.

Các ông nghĩ: Loại người này có đáng thương hay không? Họ đã chịu lấy một phen thống khổ này của ta thì mới biết được chỗ đáng quý của thiên đường, mới từ bỏ cái bụng trống rỗng mà kiêu căng ấy của họ đi: quả là một kẻ đại khổ nào! Vì sao họ như thế? Phải biết là: Người mới phát tâm ở thiên đường nếu không bỏ cái “ngã kiến” đi thì đều có tâm này; cũng không có gì lạ họ cả, hoàn toàn không phải chỉ có người đó mới là như vậy, tôi xưa kia mới vào thiên đường cũng thấy nhiều người như thế.

Ta thọ giới rồi vào thiên đường, tự mình cứ cho là ở thiên đường nhất định phải liễu sinh thoát tử mới ra khỏi công thiên đường. Không ngờ tới chốn thiên đường thấy người ta chỗ này cũng sai chỗ kia cũng sai, ngồi hương buồn ngủ, khai tịnh rồi hoặc là nghỉ hoặc là như học trò gặp lúc thầy đi vắng, không ba hoa thì cũng lên mặt làm thầy, hôm nay thấy như thế, ngày mai cũng thấy như thế, ngày thứ ba lại chẳng thích thấy nữa, không muốn thấy lại, bấy giờ trong tâm phiền toái thật là khó chịu. Cách làm người này của ta không giống cách làm người của người khác. Lúc ở ngoài đời thấy người ta còn nhiều điều không tốt nên ta mới xuất gia; sau đến Phổ Đà Sơn thấy

một số người xuất gia mặc quần áo trắng, vợ trắng, dù tây, ta lại thấy không tốt bèn đến Phạm Âm động xả thân (tự tử), ở trên đời ta thấy không tốt nên ta mới không ở đời, ta là loại người như thế.

Đến chốn thiền đường lại thấy những điều không tốt như vậy mới tự mình nghĩ lại “Ta vì sao mà xuất gia? Có phải vì xem lỗi của người ta mà xuất gia, hay là kiếm ăn không được mà xuất gia?” Tự mình hỏi mình, rồi tự mình nói “Tất cả đều không phải, vì đạo mà xuất gia”. Ta lại tự mình khảo cứu “Đã vì đạo mà xuất gia thì phải lo việc đạo! Tại sao phải đi nhìn lỗi của người khác?” Tự hỏi như thế mới tự mình trách cứ mình, cái này không đúng, cái kia không đúng, tất cả đều tự mình không đúng, tự mình làm quấy làm chướng ngại chính mình. Cho nên người mới phát tâm đều có cái không đúng này; mặc dù là có nhưng cần phải tự mình giác ngộ, nếu không giác ngộ thì suốt đời không thể làm người được. Nếu quả các ông cố giữ lấy cái “ngã kiến” mà không bỏ đi, ta nói: các ông không phải nhân tài của Thiên tông mà là kẻ “làm đầu bỏ đuôi”, sợ nhất định chẳng sai đâu. Mọi người hãy phát tâm tham đi!

Khai thị: Ngày 22 tháng 12 (Thất 10 ngày thứ 3).

Chúng ta đều là người đã thọ qua ba đại giới (gồm Sa Di giới, Tỳ Kheo giới, Bồ Tát giới) thì phải gánh vác trách nhiệm đối với sự nghiệp của Bồ Tát mới đúng. Bồ Tát thì hành việc gì? Bồ Tát lấy lục độ vạn hạnh làm sự nghiệp của mình. Hạnh Bồ Tát có lục độ gồm: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiên định, Trí tuệ.

Bố thí độ là độ cái tham vì thân, khẩu, ý đều tham. Tỷ như: thấy một cái áo của người quá đẹp, trong lòng muốn có cái áo ấy là ý tham; miệng nói “anh bán cho tôi cái áo này đi!” đây là khẩu tham; lấy tay sờ một cái, ấy là thân tham; cái loại thân, khẩu, ý tham này không có bố thí độ thì không độ được. Tại sao vậy? Khi thấy cái tốt của người ta, người hành hạnh bố thí không những không nài hỏi người ta mà tự mình xem có cái gì tốt, hoặc áo hay quần, mà có người muốn thì họ còn mang đến bố thí nữa, họ có tâm bố thí nên cái thân, khẩu, ý tham lúc đó tiêu diệt ngay, bố thí có cái công hiệu như vậy.

Nhưng tham và yêu không giống nhau. Tại sao không giống? Yêu vì tham không được nên thành yêu, cái yêu ở trong lòng như keo như sơn, bố thí không thể trừ được, không có giới thì không có cái gì trừ được nó.

Nói đến chữ giới này thì lại càng tiếc cho người đời nay! Chỉ biết tham lam lấy một lúc sung sướng, mà không biết phải chịu khổ bao nhiêu đại kiếp. Phải hiểu được: chúng ta không thể phạm Thánh giới. Tất cả sát, đạo, dâm, vọng đều là Thánh giới. Tại sao gọi là Thánh giới? Phải biết thân thể của ta là Phật thể. Tại sao vậy? Phật dạy “Hết thầy địa, thủy, hỏa, phong là thân của ta”. Hết thầy địa, thủy, hỏa, phong đã là Phật thể thì cái thân thể của ta cũng do địa, thủy, hỏa, phong mà thành, nên cũng là Phật thể vậy. Giới của Phật chế ra chính là giới của ta. Cho nên gọi là Thánh giới vậy. Thí dụ như phạm dâm giới là phải dùng thân phạm, thân ta là thân Phật, ta phạm giới là phạm Phật giới.

Các ông nên biết: Cái Thánh giới này một khi đã phạm rồi thì quả báo của nó thật đáng sợ! Không phải nói để dọa các ông, phạm giới sát, đạo, dâm, vọng thì ít nhất cũng một đại kiếp ở địa ngục A tỳ, nặng một tí thì ba đại kiếp. Các ông nghĩ xem: Thời phạm giới không quá nữa khắc mà thọ báo cả ba đại kiếp, vậy là có ít không? Tỷ như phạm giới sát, một dao thôi thì có bao lâu đâu? Ăn trộm đồ của người ta thường không quá một tiếng đồng hồ? Phạm giới dâm thì có sung sướng được bao lâu đâu? Giới vọng thì một câu nói có được bao nhiêu thì giờ? Mà chiêu lấy quả báo từ một đại

kiếp, cho đến ba đại kiếp ở địa ngục A tỳ; một ngày một đêm ở ngục này bằng tám vạn đại kiếp ở cõi trời Phi phi tưởng, một ngày một đêm ở cõi trời Phi phi tưởng bằng tám vạn kiếp ở nhân gian, tính như thế thì có đáng sợ chăng? Như phạm giới một tiếng đồng hồ mà chịu tội một tiếng đồng hồ thì còn được, nhưng sung sướng một tiếng đồng hồ mà chịu quả báo lâu dài như thế, người có chút tri thức nghe ta nói thế rồi còn có người chảy nước mắt không? Ta thật thương hại các ông! Chảy nước mắt vì các ông! Vì các ông chỉ biết sung sướng mà không biết tương lai phải chịu quả báo đau khổ, đáng thương cũng là ở chỗ ấy.

Giới tại sao có thể độ được cái khổ của bao đại kiếp này? Tỷ như có một người nữ trước mặt ông, tâm ông động rồi thì nhanh chóng phạm tội; nhưng ở chính hai người lại lấy một miếng ván ngăn cách ra thì có muốn phạm cũng chẳng được. Miếng ván này cũng giống như giới vậy, cho nên trì giới được thì có thể tách rời mọi tội lỗi và lúc ấy tội lỗi liền tiêu diệt. Cho nên dù cái yêu đắm đuối nhất, đừng sợ như keo như sơn, có giới rồi thì có thể độ nó được. Cho nên các ông có thể trì giới thì chẳng phạm giới và rồi chẳng phải chịu lấy cái quả khổ. Lại còn có nhân nhục độ sự sân hận, tinh tiến độ biến nhác, thiền định độ tán loạn, trí tuệ độ ngu si. Lục độ này là hạnh nên làm của Bồ Tát. Các ông là người đã thụ đại giới Bồ Tát rồi, tuy không hoàn toàn là Bồ Tát thì cũng nên học làm Bồ Tát. Đây là điều rất cần thiết! Nếu các ông phát tâm thực hành thì phải tham thiền, hễ công phu thành khối tức là trì hết tất cả Thánh giới vậy. Trong giới luật gọi là Thiên giới. Hãy tham đi!

Khai thị: Ngày 23 tháng 12 (thất 10 ngày thứ 4).

(Giảng công án Phật Thích Ca xuống biển lấy ngọc Như ý. Lược bỏ).

Khai thị: Ngày 24 tháng 12 (thất 10 ngày thứ 5).

(Giảng công án tự mình phát nguyện. Đã ghi trong Tự Hành Lục. Lược bỏ).

Khai thị: Ngày 25 tháng 12 (Thất 10 ngày thứ 6).

(Giảng những truyện tích ở chốn Tùng Lâm và Kỳ Viên. Lược bỏ).

Khai thị: Ngày 26 tháng 12 (Thất 10 ngày thứ 7).

(Giảng nguồn gốc chính pháp. Tổ 24 Tây Trúc gặp nạn, Sơ Tổ, Nhị Tổ và Lục Tổ Đông Độ gặp nạn. Lược bỏ).

Khai thị: Ngày 27 tháng 12.

KHẢO CÔNG PHU VÀ GIẢI THẮT:

Sư cầm roi trúc nói “Mười thất đã xong, triệt ngộ chuẩn đích, nhốt lại thả đi, tuyệt gốc tuyệt tích. Thử hỏi: Trong kỳ thất còn có người nào chiêm bao chăng? Nếu không, ấy là kẻ chết; nếu có, ấy là người tục, mọi người kiểm điểm xem!” (Độc giả chớ nên đuổi theo lời nói, cần phải tự ngộ mới được).

Một lúc sau Sư hét lên rằng:

Đại sự chưa minh tâm đã nhác!

Lúc nào tu lại thuyết vô sinh?

Nếu được chẳng bị thường tình chuyển,

Uyên nguyên biến đạo càng thấy sâu.

Nếu mà không ngộ thì hãy thượng điện (tụng niệm 2 khóa sớm chiều), quả đường đi!”
(Ý nói là cứ tiếp tục làm việc sống thường ngày đi!) GIẢI THẮT!
